**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TRƯỜNGĐHKTQD**

**---------□□□□---------**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ   
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KTPT**

**(Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo**   
**của Bộ Giáo dục và Đào tạo)**

**Hà Nội, tháng 10 - năm 2021**

**DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT**

|  |  |
| --- | --- |
| BGD&ĐT  BCN | Bộ Giáo dục và Đào tạo  Ban chủ nhiệm |
| CĐR  CLO  CMCN | Chuẩn đầu ra  Chuẩn đầu ra của học phần  Cách mạng công nghiệp |
| CTDH | Chương trình dạy học |
| CTĐT | Chương trình đào tạo |
| CTCT&QLSV | Công tác Chính trị và Quản lý sinh viên |
| ĐBCLGD | Đảm bảo chất lượng giáo dục |
| ĐCHP | Đề cương học phần |
| ĐHKTQD | Đại học Kinh tế Quốc dân |
| GD&ĐT  GDĐH  GS | Giáo dục và Đào tạo  Giáo dục đại học  Giáo sư |
| GV | Giảng viên |
| Khoa Kế hoạch và Phát triển | KH&PT |
| KQHT | Kết quả học tập |
| KTPT | KTPT |
| KĐCLGD | Kiểm định chất lượng giáo dục |
| NCKH | Nghiên cứu khoa học |
| NEU  PGS | National Economics University  Phó giáo sư |
| QLKH | Quản lý khoa học |
| NH  TC  ThS  TS | Người học  Tín chỉ  Thạc sĩ  Tiến sĩ |
| TT UDCNTT  TĐG | Trung tâm ứng dụng công nghệ thông tin  Tự đánh giá |
| SV | Sinh viên |

# 

# MỤC LỤC

[PHẦN I. KHÁI QUÁT 1](#_Toc84848177)

[1.1. Đặt vấn đề 1](#_Toc84848178)

[1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT 1](#_Toc84848179)

[1.1.2. Mục đích, phạm vi, phương pháp và công cụ tự đánh giá CTĐT 3](#_Toc84848180)

[1.2. Tổng quan chung 6](#_Toc84848181)

[1.2.1. Giới thiệu về TrườngĐHKTQD 6](#_Toc84848182)

[1.2.2. Giới thiệu về Khoa KH&PT 9](#_Toc84848183)

[PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ 13](#_Toc84848184)

[TIÊU CHUẨN 1. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 13](#_Toc84848185)

[TIÊU CHUẨN 2: BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 31](#_Toc84848189)

[TIÊU CHUẨN 3: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC 45](#_Toc84848190)

[TIÊU CHUẨN 4: PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC 63](#_Toc84848191)

[TIÊU CHUẨN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC 83](#_Toc84848192)

[TIÊU CHUẨN 6: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN 103](#_Toc84848193)

[TIÊU CHUẨN 7: ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN 127](#_Toc84848194)

[TIÊU CHUẨN 8. NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC 146](#_Toc84848195)

[TIÊU CHUẨN 9: CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ 164](#_Toc84848196)

[TIÊU CHUẨN 10: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG 183](#_Toc84848197)

TIÊU CHUẨN 11. KẾT QUẢ ĐẦU RA 211

[PHẦN III: KẾT LUẬN 228](#_Toc84848224)

# PHẦN I. KHÁI QUÁT

## 1.1. Đặt vấn đề

### 1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT

Hệ thống giáo dục đại học (GDĐH) của Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển và hoàn thiện về chất và lượng theo xu thế phát triển chung của giáo dục đại học trên thế giới. Các hoạt động đánh giá, đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng đã bước đầu có những tác động tích cực trong công tác quản lý và đào tạo trong các trường đại học. Chất lượng giáo dục luôn là vấn đề quan tâm hàng đầu của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (ĐHKTQD) nói chung và Khoa Kế hoạch và Phát triển (KH&PT) nói riêng. TrườngĐHKTQD trong suốt 65 năm phát triển luôn lấy chất lượng giáo dục là kim chỉ nam cho mọi chiến lược và hoạt động của Nhà trường. Đảm bảo chất lượng giáo dục chính là vấn đề sống còn không chỉ đối với Trường và các đơn vị trong trường như Khoa KH&PT mà vì mục tiêu xã hội rộng lớn hơn: chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực kinh tế và quản lý kinh tế, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế và CMCN 4.0.

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành KTPT (KTPT) trình độ Đại học hệ Chính quy của Trường ĐHKTQD suốt 30 năm qua đã trở thành thương hiệu uy tín trong lĩnh vực đào tạo cử nhân KTPT ở Việt nam. Đơn vị thực hiện CTĐT - Khoa KH&PT với lịch sử 65 năm giảng dạy và nghiên cứu, luôn chủ động đổi mới, phát triển, đảm bảo chất lượng; hợp tác sâu rộng với công giới, các bộ ban ngành và doanh nghiệp trong nước; liên kết và hợp tác chặt chẽ với các tổ chức GDĐH quốc tế. Khoa KH&PT luôn có những đóng góp tích cực cho sự nghiệp đổi mới của đất nước và đổi mới GD&ĐT của đất nước, của Nhà trường; đóng góp nhân lực cho thị trường lao động trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là Kinh tế và quản lý kinh tế - với các thế hệ sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh chất lượng hàng đầu, đảm nhiệm trọng trách trong các doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan quản lý Nhà nước. Có được những thành quả đó, Khoa KH&PT luôn xác định là chất lượng GD&ĐT và việc đảm bảo chất lượng giáo dục làm vấn đề sống còn. Chính vì vậy, Khoa KH&PT đã đăng ký được đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành KTPT theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDÐT quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của GD&ĐT và Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH hướng dẫn chung về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH, công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH hướng dẫn tự đánh giá (TĐG) CTĐT, Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD, đặc biệt là công văn số 2085/QLCL ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn TĐG và đánh giá ngoài CTĐT và Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 v ề việc điều chỉnh một số lỗi kỹ thuật tại các Phụ lục 5, 10, 12, 13 và 15 của Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

TĐG là một bước công việc quan trọng trong quá trình phát triển và đảm bảo chất lượng giáo dục. Thông qua quá trình TĐG, Khoa KH&PT đã nhìn nhận được những điểm mạnh và đặc biệt là những tồn tại cần được cải thiện để có kế hoạch khắc phục nhằm cải tiến chất lượng giáo dục. Có thể khẳng định, quá trình xây dựng Báo cáo T ĐG này đã giúp cho từng giảng viên, nhân viên của Khoa KH&PT nhìn nhận lại chính mình, đánh giá lại CTĐT, nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm với CTĐT mà các thế hệ giảng viên và cán bộ của Khoa đã, đang rất tâm huyết xây dựng và phát triển. Đồng thời chúng tôi tin rằng đây sẽ là đòn bẩy cho việc nâng cao chất lượng giáo dục của ngành đào tạo KH&PT trình độ đại học và cao học trong tương lai. Chúng tôi hy vọng rằng, báo cáo TĐG sẽ là cơ sở cho công tác đánh giá ngoài của đơn vị Kiểm định đánh giá được thực trạng CTĐT và hoạt động đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn kiểm định.

Cấu trúc của Báo cáo TĐG CTĐT ngành KTPT hệ chính quy của Trường ĐHKTQD gồm 3 phần chính:

* Phần I. Khái quát: Mô tả tóm tắt Báo cáo TĐG CTĐT về các tiêu chuẩn được đánh giá theo những tiêu chí cụ thể; mục đích, quy trình, phương pháp và công cụ đánh giá; tổng quan chung về Trường ĐHKTQD và Khoa KH&PT;
* Phần II. Báo cáo TĐG theo các tiêu chuẩn cụ thể ở từng tiêu chí với những tiểu mục: 1/Mô tả: phân tích chung về tiêu chí và chỉ ra các minh chứng cụ thể; 2/Nêu những điểm mạnh của CTĐT trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí; 3/Những tồn tại; 4/Kế hoạch hành động để khắc phục tồn tại và phát huy điểm mạnh và 5/Tự đánh giá;
* Phần III. Kết luận về những điểm mạnh, điểm cần phát huy của Khoa KH&PT, tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những tồn tại, các vấn đề cần cải tiến chất lượng, kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả TĐG.

Bên cạnh đó, đi kèm với Báo cáo, được đính kèm ở phần cuối cùng là Phụ lục, bao gồm (1) Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, cung cấp các thông tin tổng quát về đơn vị thực hiện CTĐT; (2). Các tư liệu, tài liệu liên quan: Các quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Ban Thư ký; Kế hoạch TĐG; Các bảng biểu tổng hợp, thống kê… (3) Danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình TĐG và viết báo cáo TĐG.

Quá trình thực hiện Báo cáo TĐG từ tháng 6 năm 2021 đến tháng 10 năm 2021, trình bày trong **247** trang. Nội dung chính của Báo cáo TĐG CTĐT ngành KTPT là phần TĐG theo 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1-2-3-4 tập trung vào mục tiêu, CĐR, bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học (CTDH) và phương pháp tiếp cận trong dạy-học; tiêu chuẩn 5 đánh giá về kết quả học tập của người học; tiêu chuẩn 6-7 hướng đến việc TĐG về đội ngũ cán bộ giảng viên, nghiên cứu viên và đội ngũ nhân viên; tiêu chuẩn 8 tập trung đánh giá các yếu tố liên quan đến người học và hoạt động hỗ trợ người học; tiêu chuẩn 9 gắn với các vấn đề về cơ sở vật chất và trang thiết bị; tiêu chuẩn 10 giúp có những nhận định chính xác trong nâng cao chất lượng CTĐT; tiêu chuẩn 11 đánh giá về kết quả đầu ra của toàn bộ Chương trình.

Cách mã hóa các minh chứng trong Báo cáo TĐG: Mỗi tiêu chí sẽ có một hệ thống thông tin, minh chứng đi kèm. Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức: Hn.ab.cd.ef. Trong đó:

* H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp đánh dấu Hn)
* n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp n ≥ 10 thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).
* ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
* cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
* ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

***Ví dụ: H1.01.02.03 là MC thứ ba của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1.***

### 1.1.2. Mục đích, phạm vi, phương pháp và công cụ TĐG CTĐT

**Mục đích của việc** TĐG**.** TĐG CTĐT đại học Ngành KTPT thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Khoa KH&PT về toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và các hoạt động khác theo chức năng nhiệm vụ của Khoa và phù hợp với sứ mạng của Nhà trường. Trên cơ sở kết quả đánh giá, Khoa KH&PT nhận dạng những điểm mạnh cần phát huy, điểm yếu cần khắc phục, từ đó đề ra các biện pháp và lập kế hoạch điều chỉnh nhằm cải thiện hơn nữa chất lượng đào tạo ngành KTPT; thực hiện mục tiêu đào tạo nhân lực KTPT chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động trong bối cảnh toàn cầu hóa, Cách mạng công nghiệp (CMCN) 4.0.

Dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành, Báo cáo TĐG CTĐT ngành KH&PT sẽ trình bày hiện trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất… cũng như các vấn đề liên quan khác. Từ đó Khoa KH&PT có kế hoạch điều chỉnh nguồn lực và và triển khai thực hiện các hoạt động cải tiến nhằm từng bước nâng cao chất lượng CTĐT, tổ chức giảng dạy và học tập cho giảng viên và sinh viên ngành KTPT cùng các mặt hoạt động khác của Khoa, của Trường.

**Phạm vi TĐG** bao gồm toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động hỗ trợ khác cho CTĐT Ngành KTPT thuộc Khoa KH&PT Trường ĐHKTQD.

**Công cụ đánh giá** được thực hiện theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT gồm 11 tiêu chuẩn (50 tiêu chí) theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDÐT ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT với những hướng dẫn mới nhất từ Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019, Công văn số 2085/ QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2021 của Cục Quản lý chất lượng về đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH và Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số lỗi kỹ thuật tại các Phụ lục 5, 10, 12, 13 và 15 của Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

**Hội đồng TĐG** được thành lập theo Quyết định số 392/QĐ-ĐHKTQD ngày 10 tháng 09 năm 2021, với 25 thành viên. Hội đồng có Ban thư ký gồm 10 thành viên và 6 nhóm công tác chuyên trách gồm 25 thành viên (như Trang bìa 2).

**Phương pháp đánh giá:** Với mỗi tiêu chí, nội dung đánh giá bao gồm: phần *mô tả thực trạng* có nội dung *phân tích, giải thích, so sánh* nêu ra những nhận định đánh giá, chỉ ra điểm mạnh, điểm yếu hoặc thiếu sót; từ đó, *lên kế hoạch hành động* nhằm phát huy điểm mạnh, khắc phục hạn chế, thiếu sót để cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo; cuối cùng là phần TĐG CTĐT theo từng tiêu chí.

**Quy trình TĐG:**

Bước 1: Xác định mục đích, phạm vi TĐG;

Bước 2: Thành lập Hội đồng TĐG, ban thư ký, các nhóm công tác;

Bước 3: Lập kế hoạch TĐG, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;

Bước 4: Thu thập thông tin và minh chứng;

Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;

Bước 6: Viết báo cáo TĐG; xin ý kiến chuyên gia phản biện, góp ý;

Bước 7: Hoàn thiện báo cáo TĐG tổng thể;

Bước 8: Công bố báo cáo TĐGđể lấy ý kiến;

Bước 9: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành TĐG.

**Sự tham gia của các thành viên**: Sau khi tham gia tập huấn viết báo cáo TĐG chất lượng CTĐT cử nhân theo tiêu chuẩn của BGD&ĐT do Nhà trường tổ chức, Khoa KH&PT đã lên kế hoạch chi tiết để thực hiện đánh giá CTĐT ngành KTPT, tiến hành họp toàn Khoa để phổ biến kế hoạch và phân công trách nhiệm theo những phần việc như: Thu thập thông tin liên lạc, xác định cỡ mẫu khảo sát từ tổng số SV năm cuối, cựu SV, nhà tuyển dụng, giảng viên, chuyên gia; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ minh chứng… Nhân sự chia thành các nhóm và hoàn thành công việc trên cơ sở giao việc của nhóm trưởng. Ban Chủ nhiệm Khoa là đầu mối chỉ đạo, điều hành thông qua lãnh đạo các Bộ môn và Trợ lý Đào tạo tập hợp thông tin phục vụ cập nhật báo cáo.

Báo cáo TĐG được tất cả cán bộ giảng viên Khoa KH&PT triển khai thực hiện với sự hỗ trợ cung cấp minh chứng từ các Phòng chức năng của Nhà trường. Theo 392/QĐ-ĐHKTQD ngày 10 tháng 09 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHKTQD về việc thành lập Hội đồng TĐG CTĐT Ngành KTPT, phụ trách viết từng tiêu chuẩn cụ thể là Trưởng/Phó các Bộ môn, các giáo sư (GS), phó giáo sư (PGS), trực tiếp giảng dạy và quản lý những học phần trong CTĐT ngành KTPT. Từng nhóm tiến hành họp và phân công nhiệm vụ nghiên cứu các tiêu chuẩn, tiêu chí, văn bản hướng dẫn; xác định minh chứng cần có; phân tích minh chứng để từ đó xác định cách viết Báo cáo và tiến hành viết báo cáo.

Có thể khẳng định, với tinh thần quyết tâm, đồng lòng hướng tới mục tiêu đảm bảo chất lượng đào tạo và minh chứng thông qua giấy chứng nhận kiểm định sẽ nhận được, sau 2 tháng vừa nghiên cứu, vừa triển khai, cán bộ và giảng viên Khoa KH&PT đã hoàn thành Báo cáo TĐG phản ánh hiện thực khách quan CTĐT ngành KTPT với sự tham gia đánh giá, đóng góp ý kiến của các phòng ban chức năng, các nhóm sinh viên và cựu sinh viên, các doanh nghiệp và tổ chức sử dụng lao động. Báo cáo cũng đề xuất kế hoạch, biện pháp khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh; định hướng trọng tâm phát triển và cải tiến chất lượng CTĐT ngành KTPT trong giai đoạn tiếp theo.

Kết quả TĐG cho thấy, mặc dù vẫn còn một số việc cần phải làm để nâng cao chất lượng đào tạo, song những kết quả đạt được trong thời gian qua và nỗ lực sáng tạo, đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo của Khoa, của Nhà trường đối với CTĐT ngành KTPT đã thực sự được khẳng định và trân trọng ghi nhận. Khoa KH&PT tin tưởng rằng, Báo cáo này sẽ là cơ sở để Khoa nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, nhằm cung ứng ra thị trường lao động nguồn nhân sự KTPT có khả năng nhanh nhạy nắm bắt cơ hội kinh doanh với nhiều ý tưởng sản phẩm độc đáo, giá trị; đặc biệt, sáng tạo và thích ứng tốt trong bối cảnh CMCN 4.0 và toàn cầu hóa.

## 1.2. Tổng quan chung

### 1.2.1. Giới thiệu về TrườngĐHKTQD

Trường ĐHKTQD được thành lập theo Nghị định số 678-TTg ngày 25 tháng 1 năm 1956 với tên gọi ban đầu là Trường Kinh tế Tài chính. Lúc đó, Trường được đặt trong hệ thống Đại học nhân dân Việt Nam trực thuộc Thủ tướng Chính phủ. Ngày 22 tháng 5 năm 1958, Thủ tướng Chính Phủ ra Nghị định số 252-TTg đổi tên trường thành Trường Đại học Kinh tế Tài chính trực thuộc Bộ Giáo dục. Tháng 1 năm 1965 Trường lại một lần nữa được đổi tên thành trường Đại học Kinh tế Kế hoạch. Ngày 22 tháng 10 năm 1985, Bộ trưởng Bộ đại học và Trung học chuyên nghiệp (nay là Bộ Giáo dục và Đào tạo) ra Quyết định số 1443/QĐ-KH đó đổi tên Trường thành trường ĐHKTQD.

Năm 1989, trường ĐHKTQD được Chính phủ giao thực hiện 3 nhiệm vụ chính là: (1) Tư vấn về chính sách kinh tế vĩ mô; (2) Đào tạo về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh ở bậc đại học và sau đại học; và (3) Đào tạo cán bộ quản lý cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

Trải qua gần 65 năm xây dựng và phát triển, Trường ĐHKTQD luôn luôn giữ vững vị trí là: Một trong những trung tâm đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh lớn nhất ở Việt Nam. Bên cạnh các CTĐT cấp bằng cử nhân (CN), thạc sĩ (ThS) và tiến sĩ (TS), Trường cũng thường xuyên tổ chức các khoá bồi dưỡng chuyên môn ngắn hạn về quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh cho các nhà quản lý các doanh nghiệp và các cán bộ kinh tế trên phạm vi toàn quốc.

Cho đến năm 2021, Trường ĐHKTQD đã đào tạo được nhiều thế hệ cán bộ quản lý chính quy, năng động, dễ thích nghi với nền kinh tế thị trường và có khả năng tiếp thu các công nghệ mới. Trong số những sinh viên tốt nghiệp của Trường, nhiều người hiện đang giữ những chức vụ quan trọng trong các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và các doanh nghiệp. Trung tâm nghiên cứu khoa học kinh tế phục vụ đào tạo, hoạch định chính sách kinh tế - xã hội của Đảng, Nhà nước, các ngành, các địa phương và chiến lược kinh doanh của các doanh nghiệp. Trường đã triển khai nhiều công trình nghiên cứu lớn về kinh tế và kinh doanh ở Việt Nam, được Chính phủ trực tiếp giao nhiều đề tài nghiên cứu lớn và quan trọng. Ngoài ra, Trường cũng hợp tác về nghiên cứu với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu và các tổ chức quốc tế. Là trung tâm tư vấn và chuyển giao công nghệ quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh, Trường đã có nhiều đóng góp to lớn trong việc tư vấn cho các tổ chức ở trung ương, địa phương và các doanh nghiệp. Ảnh hưởng sâu rộng của Trường ĐHKTQD đến toàn bộ công cuộc đổi mới được tăng cường bởi các mối liên kết chặt chẽ của Trường với các cơ quan thực tiễn.

Trường ĐHKTQD có quan hệ trao đổi, hợp tác nghiên cứu - đào tạo với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu nổi tiếng và nhiều tổ chức quốc tế của các nước như Liên Bang Nga, Trung Quốc, Bungari, Ba Lan, Sec và Slovakia, Anh, Pháp, Mỹ, Úc, Nhật, Thuỵ Điển, Hà Lan, Đức, Canada, Hàn Quốc, Thái Lan... Đặc biệt, trường cũng nhận được tài trợ của các nước và các tổ chức quốc tế như tổ chức SIDA (Thuỵ Điển), UNFPA, CIDA (Canada), JICA (Nhật Bản), Chính phủ Hà Lan, ODA (Vương quốc Anh), UNDP, Ngân hàng Thế giới, Quỹ Ford (Mỹ), Quỹ Hanns Seidel (Đức)... để tổ chức nghiên cứu, xây dựng CTĐT và mở các khoá đào tạo thạc sĩ tại Trường về kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh và các lớp bồi dưỡng về kinh tế thị trường... Đồng thời, Trường cũng có quan hệ với nhiều công ty nước ngoài trong việc đào tạo, nghiên cứu và cấp học bổng cho sinh viên.

Để đạt được những thành tựu to lớn trong suốt thời gian qua, các thế hệ cán bộ và sinh viên Nhà trường đã không ngừng chủ động, sáng tạo học tập và nghiên cứu, vượt qua khó khăn, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ và mục tiêu đã đặt ra. Để đảm bảo chất lượng giảng dạy và học tập đạt tiêu chuẩn quốc tế, Trường đang nâng cấp hệ thống phòng học, trang bị các thiết bị hiện đại, soạn và xuất bản giáo trình và các tài liệu tham khảo, hệ thống thông tin phục vụ đào tạo và nghiên cứu, đổi mới và nâng cấp cơ sở vật chất hiện có với những trang thiết bị hiện đại.

Về tổ chức, hiện tại Trường có 01 Hiệu trưởng và 03 Phó Hiệu trưởng, 13 phòng/đơn vị chức năng, 19 Khoa, 10 Viện, 8 trung tâm nghiên cứu và đào tạo.

Về nhân lực: Tổng số cán bộ viên chức hiện đang làm việc tại trường là 1140 người, trong đó có 747 giảng viên với 17 GS, 117 PGS, 212 TS, 390 ThS, 11 CN.

Về đào tạo: Nhà trường có 38 CTĐT chuẩn, với 17 CTĐT tiên tiến, chất lượng cao và Pohe, 16 CTĐT bằng tiếng Anh, 38 CTĐT thạc sĩ, 26 CTĐT tiến sĩ, 5 CTĐT liên kết với nước ngoài.

Về cơ sở vật chất : Tổng diện tích đất sử dụng khoảng 157.695,80 m2, trong đó, diện tích nơi làm việc là : 71.130,16 m2, nơi học tập : 70.153,30 m2, nơi vui chơi giải trí : 5.972,34 m2, tỷ số diện tích phòng học trên SV chính qui là : 2,9 m2/ 1 SV. Tổng số đầu sách trong thư viện hiện nay là : 79.175 cuốn.

Về tài chính: Trường đã thực hiện cơ chế tài chính tự chủ toàn phần, quản lý tài chính của đơn vị hành chính sự nghiệp, thực hiện quản lý và chi tiêu theo đúng quy định của Nhà nước và Bộ Tài chính, Bộ GD&ĐT.

Về NCKH: Là trường đại học định hướng nghiên cứu nên trong nhiều năm qua, các nhà khoa học đã không ngừng tập trung thực hiện hàng nghìn bài báo khoa học trong nước và quốc tế, đề tài khoa học các cấp, hàng năm tổ chức hàng chục hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế có chất lượng với sự phối hợp của nhiều nhà khoa học trong nước và quốc tế.

Về hợp tác quốc tế: Nhà trường tập trung phát triển các mạng lưới hợp tác quốc tế sâu rộng, hoạt động với mục tiêu chiến lược là phát triển toàn diện các hoạt động hợp tác quốc tế. Nhà trường đẩy mạnh những hoạt động nhằm nâng cao năng lực đào tạo và NCKH và tăng cường quan hệ, nâng cao uy tín của trường trong khu vực và quốc tế. Các hoạt động mà Trường đã và đang triển khai gồm: liên kết đào tạo, trao đổi sinh viên, các dự án hợp tác quốc tế về khoa học và đào tạo,....

***Nhằm thực hiện theo định hướng chiến lược là trường đại học định hướng nghiên cứu,*** trường đã triển khai từng hoạt động theo mục tiêu chung với các quan điểm chỉ đạo, các nhiệm vụ ưu tiên thể hiện rõ sứ mệnh và tầm nhìn đến năm 2030, cụ thể:

***Sứ mệnh***: Trường ĐHTKQD tham gia phát triển và lan tỏa tri thức, thu hút và bồi dưỡng nhân tài, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của đất nước. Phát huy vai trò là trường đại học đào tạo các nhà lãnh đạo cấp cao và những doanh nhân hàng đầu của Việt Nam. Giữ vững vị thế của một trung tâm nghiên cứu xuất sắc, nơi đề xuất đường lối, chính sách phát triển kinh tế xã hội của đất nước và tư vấn các giải pháp cho các tổ chức, doanh nghiệp.

***Tầm nhìn***: Trường ĐHKTQD trở thành đại học theo định hướng nghiên cứu, đa ngành, đa lĩnh vực, thuộc nhóm 5 trường đại học hàng đầu của Việt Nam. Trở thành một trong 100 trường đại học tốt nhất châu Á trong lĩnh vực kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh theo chuẩn mực xếp hạng quốc tế.

***Triết lý giáo dục:*** Kiến tạo con đường thông minh để mỗi người trở thành phiên bản tốt nhất của chính mình, mang lại giá trị cho cộng đồng.

***Mục tiêu phát triển Trường đến năm 2030:*** Trở thành trường đại học quốc tế, tự chủ, có hệ thống quản trị hiện đại, thông minh và chuyên nghiệp. Nhà trường chủ động thu hút và bồi dưỡng nhân tài, trở thành địa điểm làm việc của những chuyên gia hàng đầu trong đào tạo và nghiên cứu về kinh tế, quản lý và kinh doanh. Trường ĐHKTQD là lựa chọn ưu tiên cao nhất của các học sinh xuất sắc có hoài bão và tâm huyết để đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng và xã hội.

### 1.2.2. Giới thiệu về Khoa KH&PT

Cách đây 65 năm, cùng với sự ra đời của trường Kinh tế – Tài chính trung ương (tiền thân của trường ĐHKTQD ngày nay), Bộ môn Kế hoạch Kinh tế quốc dân đã được thành lập. Trải qua 9 năm với nhiều vất vả, những người Thầy thuộc thế hệ đầu tiên đã tạo dựng nên nền móng cho sự ra đời Khoa Kế hoạch kinh tế quốc dân vào mùa Xuân năm 1965. Từ đó đến nay, cùng với lịch sử phát triển của nhà trường và đất nước, khoa đã 2 lần được đổi tên: KTPT (năm 1993), KH&PT (năm 2001).

Ngày đầu mới thành lập, bộ môn chỉ có 8 giáo viên nguyên là cán bộ chính trị, luật pháp và quân sự chuyển sang. Bộ môn đối diện với nhiều khó khăn do nhiều giáo viên còn bỡ ngỡ với công tác giảng dạy, tài liệu thiếu thốn, công tác kế hoạch hoá lúc đó hết sức mới mẻ đối với nhà nước ta. Được sự quan tâm của Chính phủ, đội ngũ giáo viên qua đào tạo nhanh chóng được bổ sung, các chuyên gia nước ngoài được mời về với mục đích đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên. Đó là những tháng ngày các giáo viên vừa phải lên lớp nghe chuyên gia Trung quốc, Liên xô giảng bài, vừa tự nghiên cứu, tìm hiểu thực tế, đồng thời tham gia giảng dạy. Bằng sự nỗ lực không mệt mỏi, chỉ sau vài năm, lớp giáo viên đầu tiên đã có thể sẵn sàng bắt tay vào công việc đào tạo và bộ giáo trình Kế hoạch đầu tiên cũng đã được xuất bản. Có “Sư” và có “Sách”, lớp chuyên tu khoá Ingành kế hoạch KTQD đã được nhà trường tuyển sinh vào cuối năm 1958, và có thể coi đó là thời điểm đánh dấu sự ra đời một chuyên ngành đào tạo truyền thống của trường ĐHKTQD ngày nay: chuyên ngành Kế hoạch KTQD.

Quá trình xây dựng và phát triển khoa và chuyên ngành luôn gắn liền với công tác phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy. Qua 60 năm, khoa đã gửi đi đào tạo trong nước và nước ngoài 21 ThS., 38 TS. Trong đó có 15 người đã được phong PGS, 3 người là GS và Tiến sỹ khoa học. Hiện tại, đội ngũ giảng viên và viên chức là 21 người (trong đó có1 trợ lý và 1 văn thư), trong khoa có 1 GS, 7 PGS, 8 TS, 3 ThS đang học NCS. Ngoài ra, khoa có 3 giảng viên kiêm giảng và 2 giảng viên thỉnh giảng. Số giáo viên có thể tham gia giảng dạy trực tiếp bằng Anh, tiếng Nga và tiếng Pháp là 15 người. Đội ngũ giáo viên của khoa hiện nay có đủ trình độ để giảng dạy ở tất cả các cấp bậc đào tạo, tham gia bồi dưỡng, tư vấn và hợp tác với các đơn vị ngoài trường, cả trong nước và quốc tế. Đây là nguồn lực quan trọng bậc nhất, là tài sản quý giá đảm bảo cho sự thành công trong mọi hoạt động của Khoa.

**Bảng 1. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Khoa KH&PT**

| **Bộ phận** | **Họ và tên** | **Học vị, chức vụ** |
| --- | --- | --- |
| 1. ***Ban Chủ nhiệm Khoa*** | | |
| Trưởng khoa | Nguyễn Ngọc Sơn | PGS.TS |
| Phó trưởng khoa | Đặng Thị Lệ Xuân | PGS.TS |
| 1. ***Các tổ chức Đảng, Đoàn, Công đoàn*** | | |
| Chi ủy | Nguyễn Ngọc Sơn  Đặng Thị Lệ Xuân  Lê Huỳnh Mai | PGS.TS – Bí thư  PGS.TS – Phó Bí thư  TS - Chi ủy viên |
| Chi đoàn | Lê Hoàng Hiếu  Nguyễn Văn Đại | ThS – Bí thư  ThS – Phó Bí thư |
| Công đoàn | Nguyễn Quỳnh Hoa  Trần Thúy Hằng | TS – Chủ tịch CN – Phó Chủ tịch |
| 1. ***Các Bộ môn*** | | |
| Bộ môn KTPT | Nguyễn Quỳnh Hoa  Phí Thị Hồng Linh | TS – Trưởng Bộ môn  TS – Phó Trưởng Bộ môn |
| Bộ môn Kinh tế công cộng | Vũ Cương  Vũ Thị Tuyết Mai | PGS.TS - Trưởng Bộ môn  PGS.TS – Phó Trưởng Bộ môn |

Từ năm 1991 đến nay Khoa KH&PT đã đào tạo hơn 5.000 cử nhân, hàng trăm thạc sỹ và hàng chục tiến sỹ đã tốt nghiệp, thích nghi, hoà nhập nhanh vào thực tiễn đời sống kinh tế xã hội, làm việc trên khắp các lĩnh vực, các cơ quan, tổ chức quốc tế ở trong và ngoài nước, trở thành những nhà kinh doanh, nhà quản lý, chuyên gia thị trường giỏi. Đã có nhiều cựu sinh viên của Khoa KH&PT trở thành các nhà chính trị nắm giữ các vị trí trọng yếu như Bộ trưởng, Thứ trưởng, Bí thư, chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, chủ doanh nghiệp, nhà quản lý và cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội. Bên cạnh hoạt động đào tạo, Khoa KH&PT đã và đang thực hiện nhiều đề án, đề tài, chương trình NCKH, tư vấn xây dựng chính sách, chiến lược, hoạt động phát triển kinh doanh cho các doanh nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội; các tổ chức trong nước và quốc tế… với hàng loạt đề tài nghiên cứu khoa học-công nghệ cấp Nhà nước, cấp Bộ/ngành hoặc tương đương và cấp cơ sở.

Ngoài ra, để thực hiện các chức năng nhiệm vụ của mình, đặc biệt là nhiệm vụ đổi mới phương thức đào tạo, lấy người học làm trung tâm, sử dụng phương pháp đào tạo hiện đại, tiến bộ; Khoa KH&PT đã xuất bản và tái bản nhiều giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo có chất lượng tốt, được đánh giá cao và sử dụng trong giảng dạy tại nhiều trường đại học trong cả nước. Những giáo trình học liệu tiêu biểu là: KTPT, Kinh tế công cộng, Chương trình và dự án phát triển kinh tế xã hội, Kế hoạch hóa phát triển, Dự báo phát triển kinh tế xã hội, Kế hoạch kinh doanh... Bên cạnh đó, các học phần trong CTĐT của Khoa KH&PT còn sử dụng nhiều tài liệu, giáo trình, sách chuyên khảo có chất lượng từ các trường đại học, nhà xuất bản có uy tín trong nước và trên thế giới.

Với bề dày truyền thống 65 năm xây dựng và phát triển, gắn liền với những đóng góp to lớn cho sự nghiệp đào tạo và NCKH, tập thể thầy cô giáo của Khoa đã hai lần được Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng 3 (năm 2001, 2016), Bằng khen của Thủ tướng chính phủ (1998, 2014), Bằng khen của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam (2015), Bằng khen Tập thể tiên tiến xuất sắc trong phong trào thi đua giai đoạn 2010-2015 (2015), nhiều Bằng khen của Bộ trưởng bộ GD&ĐT, cùng nhiều bằng khen và giấy khen khác. Liên tục trong nhiều năm, Tập thể khoa được Nhà trường công nhận là tập thể lao động xuất sắc. Hai giáo viên của khoa được tặng Huân chương lao động hạng 3 và 4 nhà giáo được tôn vinh là Nhà giáo ưu tú, 01 giảng viên giảng viên tôn vinh Trí thức trẻ thủ đô và 01 giảng viên được tôn vinh phòng trào người người tốt việc tốt của thủ đô Hà Nội.

Trong giai đoạn tới, trên nền tảng truyền thống vẻ vang của 65 năm xây dựng và trưởng thành, tập thể giáo viên, CBNV khoa KH&PT phấn đấu nỗ lực hơn nữa, nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học hơn nữa, góp phần xây dựng Nhà trường ĐHKTQD xứng đáng là trường trọng điểm, đầu ngành với chất lượng đào tạo ngang tầm với các nước trong khu vực và trên thế giới./.

# PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

## TIÊU CHUẨN 1. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### Mở đầu

Chương trình đào tạo (CTĐT) cử nhân đại học ngành KTPT (KTPT) là sự kế thừa từ CTĐT chuyên ngành KTPT đã được đưa vào hệ thống đào tạo của nhà trường từ năm 1990.Trải qua nhiều lần sắp xếp lại CTĐT của trường, từ năm 2012-2016 (tương ứng với khoá 54-58), theo chủ trương toàn trường thống nhất thực hiện CTĐT mới với hệ thống giáo trình, học liệu mới từ khoá 54 (tuyển sinh tháng 7/2012) [H1.01.02], chuyên ngành KTPT được bố trí thuộc ngành Kinh tế theo Quyết định số 455/QĐ-ĐHKTQD ngày 16 tháng 5 năm 2013/QĐ- ĐHKTQD. [H1.01.03].

Việc xác định mục tiêu CTĐT trong giai đoạn này chủ yếu dựa trên những căn cứ sau: (i) tuân thủ các quy định, hướng dẫn của trường (ví dụ, Quy định về xây dựng CTĐT bậc Đại học; (ii) kinh nghiệm giảng dạy lâu năm của đội ngũ sư phạm trong Khoa; (iii) trao đổi không chính thức với các cựu sinh viên của chuyên ngành tại những sự kiện gặp gỡ, giao lưu; và (iv) tham khảo, kế thừa nhiều tài liệu và CTĐT của nước ngoài (nhưng chưa phân tích kỹ một CTĐT cụ thể nào). Mục tiêu này được phát biểu như sau: “*Đào tạo cử nhân đại học chuyên ngành KTPT có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên sâu về KTPT; có tư duy nghiên cứu độc lập, có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu công việc*.” [H1.01.03].

Năm 2017, trên cơ sở Khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ GD&ĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDĐH, trường ĐHKTQD đã có Quyết định số 01/QĐ-ĐHKTQD ngày 03/01/2017 về việc công bố mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR) của các CTĐT [H1.01.06], và Kế hoạch 214/KH-KTQD ngày 24/02/2017 về việc rà soát, cập nhật CTĐT trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy [H1.01.07]. Theo đó, CTĐT chuyên ngành KTPT đã được hoàn thiện theo hướng bổ sung những kiến thức cập nhật mới và có đối sánh với các CTĐT tương ứng của các cơ sở đào tạo có uy tín ở nước ngoài, đồng thời có tổ chức lấy ý kiến của đội ngũ giảng viên về những điều chỉnh trong CTĐT [Biên bản họp HĐ Khoa]. Về cơ bản, mục tiêu CTĐT vẫn giữ nguyên như giai đoạn trước, trọng tâm chính lúc này là đổi mới nội dung CTDH.

Năm 2018, căn cứ theo Thông tư 24/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Danh mục GDĐT cấp 4 trình độ đại học và Thông tư 22/2017/TT-BGDDT về mở ngành đào tạo trình độ đại học, trường ĐHKTQD đã xây dựng và phê duyệt Đề án mở ngành cấp 4 của 11 ngành, trong đó có ngành KTPT [H1.01.11]. Tại thời điểm này, ngành KTPT đã được thành lập với hai chuyên ngành đào tạo là KTPT và Kế hoạch. Bên cạnh việc đáp ứng các yêu cầu chung của Khung trình độ quốc gia và quy định của nhà trường, mục tiêu đào tạo cử nhân ngành KTPT đã được điều chỉnh để thể hiện rõ hơn đặc trưng đào tạo của ngành và vị trí công tác dự kiến sau khi tốt nghiệp của sinh viên [H1.01.12]. Cụ thể, mục tiêu chung lúc này là: “*Đào tạo cử nhân KTPT có kiến thức rộng, đồng bộ về lĩnh vực kinh tế; đặc biệt, nắm chắc các nguyên lý phát triển kinh tế, bao gồm: nội hàm của phát triển và phát triển bền vững kinh tế, xu hướng phát triển nền kinh tế, các yếu tố chi phối, vận động chủ yếu trong các nền kinh tế đang phát triển và giải pháp chính sách thực hiện quá trình phát triển kinh tế ở các cấp: quốc gia, ngành, lĩnh vực, các vùng, các địa phương (tỉnh, huyện, xã), các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, các đơn vị kinh tế thuộc mọi thành phần kinh tế*”. Như vậy, đến thời điểm này, việc đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của thị trường lao động đã được đề cập rõ ràng như một yêu cầu của CTĐT.

Tiếp tục nỗ lực không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường, trường ĐHKTQD đã ban hành công văn 1614/ĐHKTQD-QLĐT ngày 8/11/2018 hướng dẫn xây dựng ma trận CĐR học phần với các hoạt động dạy – học, kiểm tra đánh giá; CĐR CTĐT với các học phần [H1.01.13] và Quyết định 52/QĐ-ĐHKTQD ngày 14/1/2019 về Đề án tổ chức đào tạo theo danh mục GDĐT cấp 4 [H1.01.14]. Thực hiện kế hoạch của nhà trường, Khoa KH&PT đã tổ chức rà soát, cập nhật, điều chỉnh CTĐT cử nhân ngành KTPT để áp dụng từ kỳ tuyển sinh tháng 7/2019 cho K61. CTĐT năm 2019 của ngành KTPT đã được nhà trường phê duyệt tại Quyết định 1246/QĐ-ĐHKTQD ngày 18/06/2019 [H1.01.15].

Ngay sau thời điểm đó, Bộ GD&ĐT tiếp tục ban hành Công văn số 3056 ngày 19/07/2019 hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn Lý luận Chính trị bắt đầu áp dụng từ năm học 2019-2020 [H1.01.16]. Thực hiện công văn này, trường ĐHKTQD có Quyết đinh số 1590/QĐ\_ĐHKTQD ngày 01/08/2019 về việc sửa đổi, bổ sung CTĐT trình độ đại học đối với các học phần lý luận chính trị [H1.01.17]. Theo đó, CTĐT 2019 tiếp tục được hoàn thiện nhằm tích hợp tất cả các yêu cầu cập nhật, thay đổi của Bộ GD&ĐT và trường ĐHKTQD. Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần tương ứng được hoàn thiện, bổ sung lần cuối và công bố theo Quyết định 2953/QĐ-ĐHKTQD ngày 31/12/2019 [H1.01.18]. CTĐT này đã thể hiện được các CĐR mà sinh viên tốt nghiệp phải đạt được theo yêu cầu của thị trường nhân lực ngành KTPT trình độ cử nhân và bao trùm được các CĐR liên quan tới kiến thức đại cương và kiến thức chuyên sâu của ngành, các kỹ năng chung và kỹ năng chuyên biệt, kỹ năng ngoại ngữ, tin học và các năng lực hành vi để tự chủ tự chịu trách nhiệm trong công việc và trách nhiệm của một cử nhân ngành KTPT trong bối cảnh toàn cầu hoá và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, bao trùm. Báo cáo đánh giá này tập trung phân tích CTĐT 2019, có so sánh với các CTĐT trước đó (sau đây gọi là CTĐT 2012, CTĐT 2017 và CTĐT 2018) trong các tình huống có đề cập tới.

### TC 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở GDĐH, phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật GDĐH.

***1. Mô tả hiện trạng***

Mục tiêu CTĐT 2019 được xác định trong CTĐT cử nhân KTPT K61 [H1.01.15]:

Đánh giá về mục tiêu CTĐT, chúng tôi xét thấy:

***Mục tiêu Chương trình được xác định rõ ràng, cụ thể*** như sau: Thứ nhất, nội dung của Mục tiêu Chương trình đã thể hiện rõ ràng 6 thành tố của năng lực người học mà CTĐT cam kết với xã hội. Thành tố 1 là mục tiêu về phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt (*có khả năng thích ứng linh hoạt với môi trường làm việc, chuyên nghiệp, hiệu suất, trách nhiệm)*, có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm với bản thân/tổ chức và trách nhiệm với xã hội *(hướng tới trở thành công dân toàn cầu, làm việc chuyên nghiệp, có hiệu suất và trách nhiệm)*. Thành tố 2 là thể hiện được những khối kiến thức cơ bản mà sinh viên được trang bị *(có kiến thức rộng, đồng bộ và hệ thống về (i) nội hàm của sự phát triển và phát triển bền vững; (ii) xu hướng phát triển nền kinh tế; (iii) các yếu tố chi phối, vận động chủ yếu trong các nền kinh tế đang phát triển)*. Thành tố 3 là kiến thức chuyên sâu về quản lý hoạt động phát triển ở các cấp và tổ chức, đơn vị (*có kiến thức rộng, đồng bộ và hệ thống về (iv) tổ chức, thực hiện và quản lý các hoạt động phát triển ở các cấp: quốc gia, ngành/lĩnh vực, vùng/ địa phương, các tổ chức quốc tế và các tổ chức, đơn vị thuộc mọi thành phần kinh tế)*. Thành tố 4 là thực hành tốt kỹ năng nghề nghiệp cần thiết theo nhu cầu thị trường lao động trong lĩnh vực phát triển (*khả năng tư duy độc lập, dẫn dắt, phối hợp nhằm giải quyết vấn đề phát triển dựa trên bằng chứng và linh hoạt)*. Thành tố 5 là khả năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ và các kỹ năng mềm cần thiết để phát triển nghề nghiệp tương lai (*mặc dù không trực tiếp đề cập đến những loại kỹ năng mềm cụ thể như tiếng Anh, tin học… nhưng với yêu cầu CĐR phải trở thành công dân toàn cầu đã hàm ý sinh viên cần thành thạo những kỹ năng mềm cần có của một công dân toàn cầu)*. Thành tố 6 là hướng đến mục tiêu quốc tế hoá và hội nhập sâu vào nền kinh tế toàn cầu (*mục tiêu đã đề cập đến phương pháp làm việc phải dựa trên bằng chứng, sinh viên phải đáp ứng được yêu cầu của môi trường linh hoạt trong nước và quốc tế, và coi đó là yêu cầu cho việc rèn luyện kiến thức, đạo đức và phẩm chất chính trị của người sinh viên).*

Thứ hai, mục tiêu CTĐT đã được xác định rõ ràng trong CTĐT ngành KTPT áp dụng từ khóa 61, mục tiêu này cũng được đăng tải công khai trên các trang điện tử của Khoa (Đường link web khoa – Qđ 1246) và nhà trường (đường link web phòng đào tạo). Nhờ đó, sinh viên và các bên quan tâm có thể truy cập được dễ dàng để tìm hiểu thông tin. Ngoài ra, trong các buổi tư vấn tuyển sinh, giao lưu trực tuyến giới thiệu về CTĐT hoặc đón tiếp tân sinh viên vào trường hàng năm, Khoa đều chủ động giới thiệu về mục tiêu CTĐT hoặc tư vấn cho sinh viên, phụ huynh và những người quan tâm về mục tiêu này, như có thể thấy qua các tờ rơi giới thiệu về CTĐT của Khoa [Tờ rơi giới thiệu khoa].

***Mục tiêu của Chương trình phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và triết lý giáo dục của nhà trường.***Sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHKTQD đã được thay đổi nhiều lần và được công bố trong Chiến lược phát triển trung hạn ĐH KTQD (tháng 3/2003), Quy hoạch phát triển Trường ĐHKTQD đến 2020 (dự thảo lần III, năm 2009), Chiến lược Phát triển Trường ĐH KTQD giai đoạn 2016-2020 (năm 2016), Báo cáo tại Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ 25 (2005-2008) và Kỷ yếu Trường ĐH KTQD 60 năm xây dựng và phát triển [H1.01.20]. Tiếp theo Hội nghị Cán bộ chủ chốt năm 2019 tại Hạ Long, Quảng Ninh vào ngày 5, 6/08/2019 nhằm lấy ý kiến góp ý các bên liên quan, sứ mạng và tầm nhìn của Trường đã được điều chỉnh [H1.01.21], và mới đây nhất là được công bố chính thức trong chiến lược phát triển của trường giai đoạn 2020 – 2030 [Chiến lược phát triển trường 2020 – 2030].

Mặc dù sứ mạng, tầm nhìn của trường ĐH KTQD có nhiều lần thay đổi, song vẫn giữ nguyên những triết lý cốt lõi và theo đó mục tiêu CTĐT ngành KTPT cũng thống nhất và luôn đảm bảo hướng đến đạt được Sứ mạng và Tầm nhìn của Trường, cụ thể: (1) Mục tiêu Chương trình là “…*nhằm đào tạo cử nhân KTPT có kiến thức rộng, đồng bộ, hệ thống về lĩnh vực phát triển… hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và bao trùm”.* Mục tiêu này thống nhất với sứ mạng của Trường là “…*tham gia phát triển và lan tỏa tri thức, thu hút và bồi dưỡng nhân tài, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của đất nước*”; (2) Mục tiêu Chương trình thống nhất với tầm nhìn của Trường “…*trở thành đại học theo định hướng nghiên cứu, đa ngành, đa lĩnh vực, thuộc nhóm 5 trường đại học hàng đầu của Việt Nam*”, theo đó Chương trình đào tạo ngành KTPT hướng tới việc đào tạo sinh viên “*có khả năng tư duy độc lập, dẫn dắt, phối hợp nhằm giải quyết vấn đề phát triển dựa trên bằng chứng và linh hoạt với sự thay đổi của môi trường quốc tế và trong nước*”. Với những năng lực này, sinh viên ngành KTPT sẽ góp phần trực tiếp đạt được tầm nhìn của trường; (3) Mục tiêu Chương trình là *“… chủ động thích ứng với điều kiện làm việc của công dân toàn cầu: chuyên nghiệp, hiệu suất, trách nhiệm*”. Mục tiêu này thống nhất với Tầm nhìn của Trường là “…*Trở thành một trong 100 trường đại học tốt nhất châu Á trong lĩnh vực kinh tế,* ***quản lý*** *và quản trị kinh doanh theo chuẩn mực xếp hạng quốc tế”*. [H1.01.15], [H1.01.21].

***Triết lý giáo dục*** của trường ĐHKTQDhướng đến việc tạo môi trường cho mỗi sinh viên tự tu dưỡng, rèn luyện bản thân, trở thành những công dân thành đạt và đóng góp tích cực cho cộng đồng. Mục tiêu của CTĐT hoàn toàn phù hợp với triết lý này, khi Chương trình hướng đến trang bị cho sinh viên cách tư duy và giải quyết vấn đề sáng tạo, hợp lý và đề cao giá trị cống hiến cho cộng đồng.

***Mục tiêu của Chương trình phù hợp với Luật Giáo dục, Luật GDĐH và các văn bản hướng dẫn của nhà nước.*** Mục tiêu chung của GDĐH được nêu trong điều 5 của Luật Giáo dục 2019 và điều 5 Luật GDĐH sửa đổi số 08/2018/QH13.

Luật Giáo dục và Luật GDĐH đều yêu cầu sinh viên tốt nghiệp trình độ đại học phải có những năng lực nhất định như: Phẩm chất chính trị, đạo đức, phục vụ xã hội và nhân dân; Có kiến thức chuyên môn toàn diện và khả năng nghiên cứu và kỹ năng nghề nghiệp thành thạo; Có sức khoẻ và khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và Thích ứng môi trường làm việc. Đối sánh cho thấy, mục tiêu CTĐT hoàn toàn phù hợp với các yêu cầu nói trên của Luật.

***Mục tiêu của Chương trình phù hợp với Khung trình độ quốc gia.*** Khung trình độ quốc gia Việt Nam được ban hành theo Quyết định1982/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18/10/2016 [H1.01.24] gồm 8 bậc trình độ, trong đó sinh viên tốt nghiệp đại học phải đáp ứng trình độ ở bậc 6. Mục tiêu của CTĐT đã được đối sánh với các yêu cầu chi tiết của bậc 6 trong Khung trình độ quốc gia. Kết quả đã khẳng định mục tiêu của CTĐT hoàn toàn phù hợp với những yêu cầu đó.

**Bảng 1.2. Đối sánh năng lực theo Khung trình độ quốc gia và mục tiêu CTĐT ngành KTPT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Khung trình độ quốc gia | Mục tiêu CTĐT |
| 1 | Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lí thuyết toàn diện, | Có kiến thức rộng, đồng bộ và hệ thống về 4 mảng vấn đề đặc thù của KTPT |
| 2 | Chuyên sâu về một ngành đào tạo, | Có khả năng tổ chức, thực hiện và quản lý các hoạt động phát triển ở các cấp |
| 3 | Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật; | Kiến thức rộng, đồng bộ, hệ thống về lĩnh vực phát triển |
| 4 | Có kĩ năng nhận thức liên quan đến phản biện, phân tích, tổng hợp; | Khả năng tư duy độc lập, dẫn dắt, phối hợp |
| 5 | Kĩ năng thực hành nghề nghiệp; | Giải quyết vấn đề phát triển dựa trên bằng chứng |
| 6 | Kĩ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp; | Linh hoạt với sự thay đổi của môi trường quốc tế và trong nước |
| 7 | Làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, | chủ động thích ứng với điều kiện làm việc của công dân toàn cầu |
| 8 | Chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức, thuộc ngành đào tạo, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ | Chuyên nghiệp, hiệu suất, trách nhiệm |

***Mục tiêu của Chương trình không ngừng được hoàn thiện.*** Như đã phân tích ở trên, mục tiêu CTĐT ngành KTPT đã trải qua nhiều lần điều chỉnh, điển hình nhất là từ CTĐT giai đoạn 2012-2016, 2017-2018 và 2019- nay. Theo đó, mục tiêu giai đoạn 2012-2016 đã đề cập được đến một số phẩm chất quan trọng của sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành KTPT [H1.01.03]. Tuy nhiên, vào thời điểm này, Khoa KH&PT duy trì hai chuyên ngành đào tạo là KTPT và Kế hoạch, theo đó mỗi chuyên ngành cần thể hiện những điểm khác biệt rõ rệt. Vì vậy, chuyên ngành KTPT sẽ tập trung trang bị kiến thức mang tính hàn lâm, lý thuyết để hướng sinh viên vào làm việc tại các cơ quan hoạch định chính sách, viện nghiên cứu hoặc tiếp tục học lên các bậc học cao hơn. Trong khi đó, chuyên ngành Kế hoạch sẽ tập trung trang bị các kiến thức thực hành và kỹ năng để có thể làm việc trong các bộ phận về hoạch định chiến lược, kế hoạch cho các tổ chức, đơn vị. Do đó, mục tiêu của CTĐT chuyên ngành KTPT không đặt nặng vấn đề trang bị kỹ năng thực hành nghề nghiệp, giao tiếp.

Qua phản hồi từ phía giáo viên, sinh viên, cựu sinh viên và người quản lý chương trình đào tạo tại các buổi toạ đàm [H1.01.25], tại thời điểm mở ngành đào tạo KTPT (năm 2018), mục tiêu CTĐT đã được điều chỉnh [H1.01.12] nhằm tích hợp cả kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành nghề nghiệp của hai chuyên ngành, đồng thời chỉ rõ những vị trí việc làm phù hợp với sinh viên tốt nghiệp của ngành.

Gần đây nhất, trong kế hoạch chung của nhà trường nhằm điều chỉnh, bổ sung tổng thể các CTĐT đáp ứng yêu cầu kiểm định, Khoa đã tổ chức toạ đàm lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT, trong đó có nội dung xin ý kiến về mục tiêu Chương trình [H1.01.26]. Kết quả, nhiều ý kiến cho rằng mục tiêu CTĐT cần thể hiện được tính hiện đại, phù hợp xu hướng toàn cầu và cần nhấn mạnh đến những năng lực vượt trội của sinh viên chuyên ngành, đó là năng lực tư duy, giải quyết vấn đề tổng thể nhưng linh hoạt với hoàn cảnh. Đó cũng là điểm hấp dẫn của ngành, trong bối cảnh thế giới ngày càng biến động khó lường và việc tư duy phải định dạng cứng một “nghề cụ thể” cho sinh viên tốt nghiệp không còn phù hợp với ngành KTPT. Căn cứ vào nhu cầu đó của thị trường lao động, mục tiêu CTĐT đã được điều chỉnh triệt để và toàn diện như đã thấy hiện nay [H1.01.15].

***2. Điểm mạnh***

Mục tiêu Chương trình đã thể hiện rõ ràng các thành tố then chốt trong năng lực của người học mà chương trình mong muốn cung cấp cho xã hội. Mục tiêu này cũng được trình bày ngay trang đầu tiên của CTĐT một cách ngắn gọn, dễ hiểu và dễ truyền đạt với các bên liên quan.

Mục tiêu đào tạo của Chương trình đã đáp ứng được yêu cầu của Luật Giáo dục, Luật GDĐH, Khung trình độ quốc gia bậc đại học, tầm nhìn, sứ mạng và triết lý giáo dục/ của trường ĐHKTQD, cũng như được nâng cấp, hoàn thiện liên tục để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.

***3. Điểm tồn tại***

Mục tiêu của CTĐT chưa thể hiện mạnh xu hướng hội nhập theo tinh thần của chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2050.

***4. Kế hoạch hành động***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Tiếp tục điều chỉnh mục tiêu CTĐT thể hiện rõ hơn tính hội nhập quốc tế theo tinh thần của chiến lược phát triển quốc gia | Tham vấn các bên liên quan, đối chiếu với yêu cầu của chiến lược | Khoa KH&PT | Kì rà soát năm 2021 theo kế hoạch rà soát CTĐT của nhà trường | Đã thực hiện khi rà soát CTĐT năm 2021(MC CTDDTK63) |

***5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt 6/7***

### Tiêu chí 1.2: CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT

***1. Mô tả hiện trạng***

CĐR CTĐT cử nhân đại học ngành KTPT được trình bày rõ ràng trong bản mô tả CTĐT [minh chứng bản mô tả CTĐT] với ba thành phần chính là: (i) kiến thức (kiến thức đại cương và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp); (ii) kỹ năng (kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, trong đó bao gồm cả năng lực ngoại ngữ và tin học); và (iii) năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm, [H1.01.15], đảm bảo những yêu cầu cơ bản của Luật Giáo dục 2019 (Điều 39. Mục tiêu của GDĐH) và Luật GDĐH năm 2018 (điểm 1a, Điều 36. CTĐT) cũng như yêu cầu Bậc 6 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam

CĐR đang áp dụng hiện nay bao gồm 15 tiêu chí: 07 tiêu chí kiến thức; 05 tiêu chí kỹ năng và 03 tiêu chí về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm. Việc xây dựng và điều chỉnh chuẩn đầu ra đã dựa trên ý kiến các bên liên quan.

***CĐR CTĐT được xác định rõ ràng, thể hiện trên những khía cạnh sau:***

*Thứ nhất,* CĐR Chương trình được thiết kế rõ ràng về các nhóm kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo đúng quy định trong Thông tư 07/2015/TT-BGDDT ngày 16/04/2015] và Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016. CĐR đã đảm bảo rõ ràng về các tiêu chí đánh giá trong các nhóm kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm. CĐR rõ ràng về mức độ cần đạt được ở mỗi tiêu chí.

*Thứ hai*, CĐR CTĐT được thiết kế rõ ràng theo hướng tích hợp CĐR của các học phần/môn học nhằm tránh không để các tiêu chí của CĐR bị liệt kê và mô tả một cách cơ học. Đơn cử: CĐR 1 của CTĐT: “*Sinh viên có nhận thức, hiểu biết kiến thức cơ bản về lý luận chính trị Chủ nghĩa Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học, tư tưởng HCM và Đường lối cách mạng của Đảng CSVN, hiểu biết về pháp luật Việt Nam để từ đó ứng dụng vào học tập, nghiên cứu các môn học khác, vận dụng vào phân tích và giải quyết các vấn đề kinh tế -xã hội trong thực tiễn*”: được thực hiện thông qua việc tích hợp CĐR của một số học phần Triết Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Pháp luật đại cương, trong đó sinh viên được yêu cầu phải có hiểu biết, đồng thời có thể vận dụng vào giải quyết các vấn đề kinh tế- xã hội đặt ra; CĐR7 của CTĐT: “*Sinh viên có khả năng lựa chọn và sử dụng các mô hình, công cụ phân tích đánh giá và hoạch định phát triển trong xây dựng bằng chứng và lựa chọn phương án tối ưu để quản lý các vấn đề phát triển*” được thực hiện thông qua việc tích hợp CĐR của một số học phần như Toán cho các nhà kinh tế; Dự báo kinh tế - xã hội; Chiến lược phát triển, Kế hoạch hoá phát triển, Quy hoạch phát triển, Chương trình dự án phát triển, Theo dõi và Đánh giá phát triển, Quản lý phát triển v.v... để sinh viên có thể vững vàng tham gia vào quá trình hoạch định và quản lý các vấn đề phát triển đặt ra trong thực tiễn.

*Thứ ba,* CĐR của Chương trình có sự khớp nối rõ ràng với mục tiêu CTĐT. Điều đó cho phép khi các CĐR được đáp ứng thì mục tiêu của CTĐT cũng sẽ đạt được (xem phần đối sánh trong Bảng 1.4). Ngoài ra, như đã phân tích trong Tiêu chí 1.1, do mục tiêu CTĐT đã có sự phù hợp chặt chẽ với Khung trình độ quốc gia bậc 6 (dành cho sinh viên tốt nghiệp đại học) nên sự khớp nối này đã đảm bảo CĐR của Chương trình cũng phù hợp với Khung trình độ quốc gia, trình độ đại học.

**Bảng 1.4: Đối sánh về sự phù hợp giữa mục tiêu CTĐT và CĐR**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu CTĐT** | **CĐR** |
| Sinh viên có kiến thức rộng, đồng bộ và hệ thống về các lĩnh vực phát triển | 1, 2, 3 |
| Bao gồm: (i) nội hàm của sự phát triển và phát triển bền vững; | 4, 5, 8 |
| (ii) xu hướng phát triển nền kinh tế; | 4, 5, 8 |
| (iii) các yếu tố chi phối, vận động chủ yếu trong các nền kinh tế đang phát triển; và | 5, 6, 8 |
| (iv) tổ chức, thực hiện và quản lý các hoạt động phát triển ở các cấp: quốc gia, ngành/lĩnh vực, vùng/ địa phương, các tổ chức quốc tế và các tổ chức, đơn vị thuộc mọi thành phần kinh tế. | 6, 9, 10 |
| người học khả năng tư duy độc lập, dẫn dắt, phối hợp nhằm giải quyết vấn đề phát triển dựa trên bằng chứng và linh hoạt với sự thay đổi của môi trường quốc tế và trong nước | 8, 9, 10, 11, 13, 14, 15 |
| sinh viên có thể chủ động thích ứng với điều kiện làm việc của công dân toàn cầu: chuyên nghiệp, hiệu suất, trách nhiệm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và bao trùm. | 1, 2, 3, 10, 11, 12, 13, 14, 15 |

*Nguồn:* [H1.01.15]

*Thứ tư*, CĐR CTĐT rõ ràng về khả năng đo lường và đánh giá được. Khi điều chỉnh CĐR của Chương trình vào tháng 12/2019, Khoa KH&PT đã tham chiếu 6 mức độ trong thang đo kiến thức của Bloom Benjaming (1956); 5 mức độ trong thang đo kỹ năng của Dave (Dave, 1975) và 5 mức độ trong thang đo Thái độ của Krathwohl (Krathwohl D.R, Bloom B.S., Masia B.B (1973)). Mỗi CĐR đã được sử dụng các thuật ngữ có khả năng đo lường và đánh giá được quy định tương ứng với các thang đo: (1) *Về kiến thức*: Ví dụ CĐR 1-3 được xác định đạt mức độ 3/6, phù hợp với yêu cầu chung về CĐR của các học phần đại cương, đảm bảo sự thống nhất trong toàn trường. Các động từ như “vận dụng”, “phân tích được”… cũng đã được chú trọng để đảm bảo tính quan sát và đo lường được. Nhờ đó giúp định hướng được các phương thức đánh giá học phần và các thành tố, nội dung sẽ được đánh giá; giúp sinh viên chuẩn bị tốt, cảm thấy được tham gia vào quá trình đánh giá; (2) *Về kỹ năng*: Ví dụ, CĐR 9 về “*Có kỹ năng lập, tổ chức thực hiện, theo dõi đánh giá chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chương trình - dự án phát triển*” được xác định đạt được mức độ 3/5, và những kỹ năng cụ thể đã được xác định theo các bước của chu trình quản lý phát triển (lập – tổ chức thực hiện – theo dõi – đánh giá) và các công cụ của hệ thống quản lý phát triển (chính sách – chiến lược – quy hoạch – kế hoạch – chương trình và dự án). Như vậy, xuyên suốt quá trình đào tạo, sinh viên có thể kiểm đếm và đánh giá được những kiến thức, kỹ năng mình đã có từ từng học phần trong CTĐT; (3) *Về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm*: các tiêu chí CĐR được xác định ở mức 3/5 và 2/5, phù hợp với năng lực mà sinh viên có thể đạt được trong điều kiện chưa trực tiếp tham gia chính thức vào môi trường việc làm.

***CĐR của CTĐT đã bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà sinh viên cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT****.*

*Yêu cầu chung* được trình bày trong các CĐR về kiến thức đại cương (CĐR 1-3), những kỹ năng giao tiếp chính mà một công dân toàn cầu trong thời đại CMCN 4.0 cần có (CĐR 10-12), và những năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của một công dân trưởng thành, tận tuỵ với công việc để phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước, phục vụ nhân dân và tự tin trong hội nhập quốc tế (CĐR 13-15).

*Các yêu cầu chuyên biệt* của sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành làm việc trong lĩnh vực phát triển được thể hiện trong các CĐR về kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (CĐR 5-7), các CĐR về kỹ năng nghề nghiệp (CĐR 8-9). Ngoài ra, trong các CĐR về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bên cạnh các yêu cầu chung mà một công dân của nước Việt Nam thịnh vượng, phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, CTĐT cũng đã lựa chọn đưa vào những yêu cầu mang nét đặc thù của ngành. Cụ thể, lĩnh vực KTPT là lĩnh vực rộng, đòi hỏi cách tiếp cận đa ngành nên năng lực quan trọng nhất của sinh viên là khả năng phát hiện vấn đề, xác định đúng nguyên nhân cốt lõi, dự báo được bối cảnh phát triển trong tương lai để từ đó đề xuất chiến lược, chính sách hay chương trình, dự án nhằm giải quyết những trở ngại và tận dụng cơ hội tương lai để phát triển theo hướng bền vững và bao trùm. Phù hợp với định hướng đó, các CĐR thể hiện yêu cầu chuyên biệt đã cố gắng cụ thể hoá thành các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm mang đậm màu sắc KTPT. Chẳng hạn, các CĐR 5 và 6 về kiến thức giáo dục chuyên nghiệp yêu cầu sinh viên tốt nghiệp phải “*hiểu biết và phân tích được quá trình phát triển của nền kinh tế; nắm bắt và phân tích được… ở cả góc độ vĩ mô và vi mô tới …các quốc gia nói chung và Việt Nam*”. Một phông kiến thức rộng và bao quát như vậy mới có thể cho phép sinh viên nắm được “*quy luật vận động* *chi phối sự phát triển”* để tự xây dựng được *“khung phân tích tổng thể”* về các vấn đề phát triển (CĐR6), từ đó “*lựa chọn và sử dụng chính xác các mô hình, công cụ phân tích, đánh giá…”* (CĐR7). Kết quả của những phân tích khách quan, có bằng chứng thuyết phục (CĐR 7, 8) sẽ là đề xuất, tham mưu những chính sách, hoạch định phát triển hoặc thiết kế các chương trình dự án can thiệp có chất lượng. Kỹ năng tổ chức thực hiện và theo dõi đánh giá thành thạo (CĐR9) sẽ là yếu tố đảm bảo sự thành công của những chính sách, kế hoạch và chương trình, dự án phát triển đó. Như vậy, có thể thấy các CĐR chuyên biệt sẽ giúp sinh viên có được kiến thức, kỹ năng đầy đủ để thực hiện tốt nhiệm vụ tham mưu hoặc trực tiếp điều hành, quản lý các hoạt động phát triển trong tương lai.

CĐR CTĐT *thể hiện rõ triển vọng việc làm trong tương lai của người học sau khi tốt nghiệp.* Tuy không trực tiếp chỉ ra địa bàn làm việc tiềm năng của sinh viên tốt nghiệp, nhưng với những kiến thức và kỹ năng liên quan đến hoạch định và quản lý phát triển*,* sinh viên ngành KTPT sẽ có vị trí làm việc phù hợp nhất ở các tổ chức phát triển (cơ quan hoạch định chính sách của nhà nước các cấp, bộ phận tham mưu chiến lược của các doanh nghiệp và các tổ chức phi chính phủ) trong và ngoài nước. Ngoài ra, với năng lực tư duy tổng hợp, độc lập, giải quyết vấn đề có tính tổng thể, người học sau khi hoàn thành CTĐT hoàn toàn có thể tự đứng ra khởi nghiệp kinh doanh (ví dụ, thành lập một doanh nghiệp xã hội) hoặc tự tổ chức, điều hành một tổ chức phát triển (ví dụ, một tổ chức phi chính phủ trong nước về phát triển cộng đồng).

CĐR của CTĐT ngành KTPT đã được điều chỉnh dựa trên kết quả các buổi toạ đàm với XXX cựu sinh viên tốt nghiệp (được thực hiện 03/2019) về sự phù hợp của CĐR với yêu cầu công việc [H1.01.27], cuộc họp với các bên sử dụng lao động (công giới) [H1.01.27], đóng góp của các giảng viên tham gia giảng dạy [H1.01.27], và kết quả của cuộc họp Hội đồng Khoa KTPT [H1.01.28], được nhà trường phê duyệt theo QĐ số 2953/QĐ-ĐHKTQD ngày 31 tháng 12 năm 2019 [H1.01.18].

***2. Điểm mạnh***

CĐR của CTĐT ngành KTPT được xác định rõ ràng, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu phát triển toàn diện người học, giúp người học thích nghi tốt với các môi trường làm việc đa dạng, đa văn hoá, có áp lực cao và hướng đến hội nhập quốc tế sau khi hoàn thành chương trình học.

CĐR của CTĐT ngành KTPT thể hiện được tính tiên phong của đơn vị đào tạo, tầm nhìn, vị thế của cơ sở đào tạo. CĐR của CTĐT ngành KTPT đã đề cập đến bối cảnh phát triển bền vững và bao trùm, đến những kiến thức, kỹ năng mới cần có của một công dân toàn cầu (tư duy tổng hợp trong phát hiện vấn đề, xác định nguyên nhân và đề ra giải pháp xử lý phù hợp trong các hoạt động phát triển) và đáp ứng những yêu cầu của thực tế phát triển của đất nước. Đây là những vấn đề mà nhiều CTĐT của các cơ sở đào tạo khác hiện nay chưa đề cập đến.

***3. Điểm tồn tại***

CĐR của CTĐT ngành KTPT chưa sử dụng thống nhất thang đo về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm mà hiện vẫn đang sử dụng các thang đo với các mức độ khác nhau (thang đo kiến thức của Bloom có 6 mức độ, trong khi thang đo kỹ năng của Dave và thang đo thái độ của Krathwwohl lại chỉ có 5 mức độ). Sự phân tán này đã dẫn đến những khó khăn nhất định trong việc xác định mức độ đạt được và đo lường các CĐR. Ngoài ra, từ CĐR của CTĐT khi chuyển tải vào ma trận liên kết các học phần với CĐR để phân nhiệm cho các học phần đào tạo cũng gây khó khăn cho việc thống nhất cách hiểu, cách đo lường giữa những người xây dựng đề cương học phần (ĐCHP) về sau.

CĐR của CTĐT ngành KTPT cũng chưa nhấn mạnh rõ những năng lực chuyên biệt dành cho người học mong muốn tự khởi nghiệp hoặc điều hành các tổ chức phát triển của riêng mình.

***4. Kế hoạch hành động***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Thống nhất thang đo và mức độ đạt được giữa các nhóm kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm | Áp dụng thang đo MIT thống nhất cho cả 3 nhóm kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm | Khoa KH&PT | Kì rà soát năm 2021 theo kế hoạch rà soát CTĐT của nhà trường áp dụng từ K63 | Đã thực hiện khi thực hiện rà soát CTĐT 2021 (bản mô tả CTĐT) |
| 2 | Nhấn mạnh rõ những năng lực chuyên biệt dành cho người học mong muốn tự khởi nghiệp hoặc điều hành các tổ chức phát triển của riêng mình | Tham vấn sâu các cựu SV đang trực tiếp điều hành và các nhà lãnh đạo doanh nghiệp khởi nghiệp và các tổ chức phát triển | Khoa KH&PT | Kì rà soát năm 2021 theo kế hoạch rà soát CTĐT của nhà trường áp dụng từ K63 | Đã thực hiện khi thực hiện rà soát CTĐT 2021 (bản mô tả CTĐT) |

***5. Tự đánh giá mức độ*** ***(mức độ đạt được): đạt 6/7***

**Tiêu chí 1.3: CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai**

***1. Mô tả hiện trạng***

***CĐR của CTĐT được định kì rà soát trong 5 năm trở lại đây***.

Trong 5 năm trở lại đây, CTĐT đã được điều chỉnh ít nhất 3 lần: Năm 2017 điều chỉnh từ CTĐT cho chuyên ngành KTPT nằm trong ngành Kinh tế cho K58 lên CTĐT chuyên ngành KTPT mới cho K59 (CTĐT 2017) [H1.01.08], năm 2018 điều chỉnh thành CTĐT ngành KTPT áp dụng từ K60 (CTĐT 2018) và năm 2019 cho K61 (CTĐT 2019) [H1.01.15]. Tuy nhiên, trong các lần điều chỉnh CTĐT trước đó, CĐR của CTĐT chưa được xây dựng cụ thể mà vẫn bị hoà lẫn trong mục tiêu cụ thể của CTĐT. Điều này là do ngành KTPT trải qua nhiều lần điều chỉnh về tổ chức, từ chỗ là một chuyên ngành riêng biệt trở thành một chuyên ngành nằm trong ngành Kinh tế, rồi tách ra thành ngành KTPT. Chính sự không ổn định trong cơ cấu tổ chức đã khiến CTĐT bị thay đổi liên tục và theo đó, Khoa KH&PT chưa có đủ thời gian để tập trung xây dựng một cách hệ thống và tổng thể CĐR của CTĐT. Chỉ đến lần điều chỉnh để xây dựng CTĐT 2019, theo sự hướng dẫn cụ thể của trường ĐHKTQD [H1.01.14], mục tiêu CTĐT, CĐR và ma trận phân nhiệm CĐR đã được thiết kế tổng thể, đồng bộ, theo đúng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng đào tạo của Cục Quản lý chất lượng. Theo đó, CĐR của CTĐT đã được xác định một cách chính thức và bài bản, tách bạch rõ ràng khỏi mục tiêu của thể của CTĐT.

***CĐR của CTĐT đã phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan; có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng***

CĐR của ngành KTPT theo QĐ 2953/QĐ-ĐHKTQD [H1.01.15] được xây dựng dựa trên sự tham gia của các giảng viên tham gia xây dựng CTĐT và giảng dạy [H1.01.27]; cùng với sự đóng góp của Hội đồng Khoa KH&PT [H1.01.27], của Bộ môn KTPT [H1.01.27]; và kết quả tham vấn ý kiến của người sử dụng [H1.01.27]; và cựu sinh viên [H1.01.27]. CĐR này đã phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan đặc biệt là nhà sử dụng lao động về kiến thức, kỹ năng, và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

*Đối với người sử dụng lao động ngành KTPT*, sinh viên tốt nghiệp ngành KTPT cần có tư duy tổng hợp, biết quan sát, phân tích các hiện tượng, vấn đề đang nổi lên trong quá trình phát triển của nền kinh tế (các cấp) và các tổ chức, doanh nghiệp; từ đó phát hiện ra những vướng mắc, khó khăn và tham mưu được cho lãnh đạo về chiến lược, chính sách hoặc các giải pháp cụ thể để vượt qua những trở ngại đó. Ngoài ra, sinh viên tốt nghiệp phải có khả năng trực tiếp tổ chức thực hiện và theo dõi, đánh giá việc thực hiện các chiến lược, chính sách nếu được các cấp lãnh đạo thông qua [Biên bản tham vấn đơn vị sử dụng lao động ngành KTPT]; [công văn đề nghị giới thiệu sinh viên ứng tuyển của các tổ chức kinh tế]

Trên cơ sở tham vấn bên sử dụng, *Hội đồng Khoa* trong cuộc họp về xác định CĐR của CTĐT đã thống nhất:, ngoài các kiến thức chuyên môn sâu và chắc cộng với những kỹ năng nghề nghiệp chuyên biệt, sinh viên ngành KTPT đặc biệt cần khả năng phán đoán, tư duy độc lập, bản lĩnh vững vàng để đề xuất và bảo vệ đề xuất của mình trước các cấp lãnh đạo, dám nghĩ, dám làm để biến các ý tưởng, kế hoạch của mình trở thành những hành động cụ thể để giúp tổ chức, doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, vượt qua thách thức và tranh thủ tận dụng cơ hội vì mục tiêu phát triển dài hạn và trung hạn. Trong bối cảnh hội nhập, sinh viên tốt nghiệp KTPT còn cần thể hiện được những năng lực nói trên trong một môi trường quốc tế hoá. Do đó, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học, các phương tiện thuyết trình hiện đại, một tác phong làm việc chuyên nghiệp, năng động, tự tin cũng sẽ là những điểm cộng quan trọng. Cuối cùng, với trọng tâm hướng vào các hoạt động phát triển phi lợi nhuận nên ý thức phục vụ nhân dân, trách nhiệm xã hội theo định hướng phát triển bền vững và bao trùm cũng là những yêu cầu bắt buộc trong thị trường lao động ngày càng quốc tế hoá cao [H1.01.27]. Khoa KH&PT

*Kết quả trao đổi với cựu sinh viên cho thấy sinh viên* cần được trang bị và nắm vững kiến thức chung và kiến chuyên sâu về KTPT, được trang bị và sử dụng thành thạo các kĩ năng, hoàn thiện năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm và hướng tới tiêu chuẩn công dân toàn cầu. Đối với xã hội, sinh viên có ý thức rèn luyện, phục vụ cộng đồng, có trách nhiệm xã hội và được khơi dậy nguồn cảm hứng sáng tạo [H1.01.27].

Tuy nhiên việc lấy ý kiến của các đối tượng trên vẫn đang dừng ở hình thức duy nhất là tọa đàm, chưa khai thác các hình thức lấy ý kiến khác cho phép có thể lấy được nhiều ý kiến hơn và mang tính đại diện hơn như khảo sát bằng bảng hỏi.

***CĐR được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau để đảm bảo khả năng tiếp cận của các bên liên quan***

CĐR của CTĐT ngành KTPT được nêu rõ trong Bản mô tả CTĐT Ngành KTPT được ban hành tại Quyết định số 2953/QĐ-ĐHKTQD ngày 31 tháng 12 năm 2019 [H1.01.15]. CĐR cùng với Bản mô tả CTĐT này được công bố công khai dưới hình thức bản cứng tại Văn phòng Khoa KH&PT, phòng Quản lý Đào tạo [H1.01.30], phổ biến cho sinh viên ngay từ năm thứ nhất và được các cố vấn học tập nhắc lại trong mỗi lần họp lớp đầu năm. Bản mềm đăng tải công khai trên website của Trường ĐHKTQD [đường dẫn], trang web cấp 2 của phòng Quản lý Đào tạo [đường dẫn] và của Khoa KH&PT [đường dẫn], được sử dụng và công bố rộng rãi đến các đối tượng như giảng viên, sinh viên và công giới. Ngoài ra, CĐR còn được mô tả tóm tắt trong các tài liệu truyền thông giới thiệu về CTĐT của ngành tại các sự kiện như hội chợ đại học, tư vấn tuyển sinh, giao lưu với sinh viên mới tựu trường v.v… Tuy nhiên đường dẫn tới các trang web của trường, khoa vẫn chưa được chỉ dẫn cụ thể trong các tài liệu truyền thông. Thêm vào đó, một số kênh truyền thông thuận tiện và phổ biến như fanpage của Khoa, group của cựu sinh viên vẫn chưa được khai thác

***2. Điểm mạnh***

CĐR của CTĐT được cập nhật thường xuyên để đảm bảo tương thích và khớp nối với mục tiêu thay đổi của CTĐT.

Việc xây dựng CĐR không chỉ dựa trên đóng góp chuyên môn của Hội đồng khoa học các cấp [H1.01.27], của giảng viên trực tiếp giảng dạy [H1.01.27] mà còn được tham vấn rộng rãi ý kiến đóng góp từ thực tế của các nhà tuyển dụng [H1.01.27]. Theo đó, CĐR đảm bảo yếu tố chuyên môn và cập nhật với yêu cầu của nhà tuyển dụng.

Hình thức và phương tiện công khai đa dạng và phong phú.

***3. Điểm tồn tại***

Hình thức lấy ý kiến các bên liên quan còn chưa phong phú

Hình thức công khai CĐR qua mạng xã hội chưa được khai thác

***4. Kế hoạch hành động***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TTT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan về CĐR của CTĐT | * Tổ chức lấy ý kiến các bên bằng các hình thức quy mô hơn (như hội thảo quy mô lớn), khảo sát bằng phiếu điều tra… với các đối tượng liên quan * Khuyến khích sinh viên triển khai các đề tài NCKH về đánh giá CTĐT và CĐR | Khoa KH&PT, giáo viên và sinh viên tham gia NCKH | Kì rà soát năm 2021 theo kế hoạch rà soát CTĐT của nhà trường áp dụng từ K63 | Đã thực hiện khi thực hiện rà soát CTĐT 2021 (Đề tài NC KH sinh viên năm 2021 nhóm a Cương) |
| 2 | Khai thác kênh thông tin phổ biến và dễ dàng tiếp cận | * Biên soạn tài liệu tờ rơi, tờ hướng dẫn với ngôn ngữ đơn giản, mộc mạc hơn để dễ dàng tiếp cận đến phụ huynh hoặc bản thân người học; * Kênh thông tin của Mạng lưới cựu học viên, sinh viên của Khoa, Liên chi Đoàn; * Tổ chức các buổi toạ đàm giao lưu giữa Khoa, giáo viên và sinh viên các khoá với chủ đề thảo luận về CĐR của ngành | Khoa KH&PT | Kì rà soát năm 2021 theo kế hoạch rà soát CTĐT của nhà trường áp dụng từ K63 | Đã thực hiện khi thực hiện rà soát CTĐT 2021 (kênh thông tin của mạng lưới cựu SV, LCĐoàn) |

***5. Tự đánh giá mức độ: Đạt 5/7***

### Kết luận về tiêu chuẩn 1

Mục tiêu CTĐT cử nhân KTPT được xây dựng đã đảm bảo tính rõ ràng, phù hợp với các Luật có liên quan, khung trình độ quốc gia, tầm nhìn, sứ mạng của trường ĐHKTQD, gắn với nhu cầu của thị trường lao động. Mục tiêu của CTĐT đã được cập nhật thường xuyên theo hướng hiện đại, toàn diện và hội nhập quốc tế. Mục tiêu đã khẳng định tính ưu việt của Chương trình là tư duy tổng hợp, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, cũng như các kỹ năng mềm khác để tự tin phục vụ trong môi trường nhiều biến động trong nước và quốc tế. CĐR của Chương trình thể hiện được tính rõ ràng, quan sát và đo lường được. Nội dung của các CĐR thể hiện được cả những yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt đối với người học sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR đã được công bố công khai theo nhiều hình thức phong phú và đã tham khảo được ý kiến của các bên liên quan, đặc biệt là nhà tuyển dụng lao động. CĐR đã tính đến việc thực hiện các cam kết phát triển bền vững, bao trùm của Chính phủ Việt Nam với cộng đồng quốc tế.

Tuy nhiên, mục tiêu CTĐT chưa thể hiện rõ tính hội nhập trong bối cảnh mới đòi hỏi Khoa tiếp tục điều chỉnh và hoàn thiện.

CĐR mới được xây dựng bài bản và tổng thể lần đầu tiên nên chưa đáp ứng được yêu cầu phải rà soát và điều chỉnh thường xuyên. Việc tham khảo ý kiến của chính các đơn vị sử dụng còn chưa rộng rãi, với hình thức tham vấn đơn điệu. Việc chia sẻ CĐR theo những cách diễn đạt đơn giản, có hướng dẫn cụ thể và có trao đổi thường xuyên với sinh viên chuyên ngành đang theo học tại trường còn chưa được chú trọng tương xứng như với các bên liên quan khác.

Để khắc phục những điểm tồn tại, trong giai đoạn rà soát CTĐT ngành KTPT năm 2021 theo kế hoạch của TrườngĐHKTQD, khoa KH&PT đã cập nhật mục tiêu của CTĐT dành cho K63 gắn với định hướng về hội nhập quốc tế trong chiến lược phát triển Việt Nam tới năm 2045. Những điểm tồn tại liên quan tới CĐR, hình thức lấy ý kiến các bên cũng đã được điều chỉnh trong kì rà soát này. Khoa KH&PT sẽ tiếp tục duy trì mục tiêu trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cần thiết để có thể chủ động thích ứng với yêu cầu của công dân toàn cầu trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động và hội nhập sâu rộng, toàn diện, góp phần thực hiện mục tiêu, sứ mệnh và triết lý giáo dục của Nhà trường.

**Đánh giá tiêu chuẩn 1: Đạt (mức 5/7)**

## TIÊU CHUẨN 2: BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**Mở đầu**

Bản mô tả CTĐT 2019 của ngành KTPT dành cho K61, tuyển sinh vào tháng 7 năm 2019, được xây dựng trên cơ sở hướng dẫn số 1614/ĐHKTQD-QLĐT ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Trường ĐHKTQD, phù hợp với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia đối với bậc đào tạo đại học, các quy định của Bộ GD&ĐT hiện hành và được điều chỉnh định kỳ hai năm một lần theo các quy định và hướng dẫn của ĐHKTQD, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của Khoa, gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu của xã hội, được công bố công khai, dễ tiếp cận. Bản mô tả CTĐT ngành KTPT cung cấp các thông tin về mục tiêu đào tạo, cấu trúc của CTĐT, CĐR của toàn bộ chương trình, ma trận liên kết các học phần và CĐR, bản tổng hợp các đề cương học phần (ĐCHP) cũng như các thông tin chi tiết về ma trận kiến thức kỹ năng, nội dung dạy và học, phương pháp đánh giá ở từng học phần.

**Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật**

1. ***Mô tả hiện trạng***

***Bản mô tả CTĐT có đầy đủ nội dung theo yêu cầu***

Bản mô tả CTĐT cử nhân Kinh tế (chuyên ngành KTPT) năm 2017 và bản mô tả CTĐT ngành KTPT năm 2018 [H2.02.01] [H2.02.02] ] mặc dù có đầy đủ thông tin về tên CTĐT, thời gian, mục tiêu, CĐR, tiêu chí tuyển sinh và cấu trúc, nội dung, kế hoạch giảng dạy chương trình cùng toàn bộ đề cương chi tiết của các học phần trong CTĐT, nhưng nội dung còn khá đơn giản, chủ yếu chỉ công cấp các thông tin cơ bản theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Bản mô tả CTĐT ngành KTPT năm 2019 đã được cập nhật, chỉnh sửa theo hướng dẫn tại Công văn số 1614/ĐHKTQD-QLĐT ngày 8/11/2018 [H1.01.13]; Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019] và Công văn số 2085/2020/ CV-QLCL của Cục Quản lý chất lượng, theo đó đã cung cấp thông tin đầy đủ và rõ ràng cho người học và các đối tượng quan tâm, làm cơ sở cho sự lựa chọn về ngành học. Sự khác biệt giữa hai phiên bản năm 2017 và 2019, bên cạnh việc bổ sung ma trận CĐR thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được CĐR của chương trình; nội dung đào tạo; phương pháp và hoạt động đào tạo, mô tả các học phần, còn bao gồm những thay đổi nội hàm trong từng nội dung trong khi cấu trúc vẫn được đảm bảo. Các thông tin này được trình bày theo một tuần tự logic và rõ ràng, giúp cho người đọc hiểu được những vấn đề cốt lõi của một quá trình đào tạo từ mục tiêu tổng quát đến chi tiết, từ CĐR mong muốn đến nội dung chương trình và cấu trúc chương trình đáp ứng CĐR [H2.02.05]. Ngoài ra, bản mô tả của CTĐT cử nhân ngành KTPT được trình bày một phần bằng song ngữ Việt - Anh ở mục kế hoạch giảng dạy đối với tên các học phần trong CTĐT, đây là các thông tin quan trọng để nhằm giúp các sinh viên nước ngoài cũng có thể nắm được nội dung chính của CTĐT cử nhân KTPT, và tạo thuận lợi cho sinh viên khi nộp hồ sơ xét tuyển vào các chương trình liên kết hoặc đi du học.

Bản mô tả CTĐT ngành KTPT năm 2019 có các nội dung cụ thể như sau:

*Thứ nhất về mục tiêu đào tạo:* Bản mô tả thể hiện các mục tiêu mà CTĐT hướng tới, từ mục tiêu về kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, tới mục tiêu về kỹ năng, cũng bao gồm kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng chung; năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của cử nhân ngành KTPT của Trường ĐH KTQD [H2.02.05] theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam]. Từ mục tiêu đó, Bản mô tả CTĐT cũng thể hiện được vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp.

*Thứ hai về CĐR của CTĐT:* CĐR đã được cụ thể hóa trên các mặt kiến thức, kỹ năng (trong đó bao gồm cả CĐR về tin học và ngoại ngữ) và năng lực tự chủ & tự chịu trách nhiệm của người học mà người học cần đạt theo yêu cầu của Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ GD&ĐT [theo Quyết định số 777/QĐ-ĐHKTQD ngày 05/6/2017 [H2.02.06] và Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 [H2.02.07] của Hiệu trưởng Trường ĐHKTQD. Trên cơ sở CĐR này, cấu trúc khóa học, nội dung đào tạo, các học phần được thiết kế để đáp ứng CĐR.

*Thứ ba về cấu trúc CTĐT:* CTĐT được thiết kế với 128 tín chỉ (TC), chia thành (i) Khối kiến thức giáo dục đại cương với 44 TC; và (ii) Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp với 84 TC. Trong đó, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được kết cấu thành (a) Kiến thức cơ sở ngành 12 TC, (b) Kiến thức ngành 44 TC, (c) Kiến thức chuyên sâu 18TC; và (d) Chuyên đề thực tập 10 TC. [H1.01.05]

*Thứ tư, CĐR được chuyển tải vào CTĐT* và các học phần thông qua ma trận kỹ năng, thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được CĐR của chương trình [H1.01.05].

*Thứ năm*, CTĐT phân định rõ các nội dung học phần của các phần kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, kiến thức chuyên sâu và đi kèm là phần mô tả các học phần thuộc CTĐT.

*Cuối cùng*, Bản Mô tả CTĐT được đính kèm theo đầy đủ đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT, trong đó ghi rõ phương pháp và hoạt động đào tạo cụ thể ở từng ĐCHP [H2.02.08].

***Bản mô tả CTĐT được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan***.

Trước hết, bản mô tả CTĐT cử nhân KTPT được rà soát thường xuyên theo quy định của Nhà trường (định kỳ hai năm một lần) [H1.01.07], [H1.01.08], [H1.01.13]. Theo đó, Quyết định số 455/QĐ-ĐHKTQD ngày 16/5/2013 về việc ban hành bộ CTĐT trình độ đại học hệ chính quy của 47 chuyên ngành đào tạo, trong đó có chuyên ngành KTPT [H1.01.03], CTĐT ngành KTPT đã được điều chỉnh cập nhật CĐR và hệ thống đề cương vào các năm 2015, 2017 [các bản CTĐT và đề cương K54-58; 59]. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian hai năm đó, khi có những thay đổi trong các quy định của Bộ GD&ĐT, CTĐT được rà soát và cập nhật ngay. Như đã mô tả trong phần tiêu chí 1, trong giai đoạn 2017 – 2019, CTĐT ngành KTPT đã được thay đổi liên tục 1 năm 1 lần [H1.01.09]; [H1.01.12]; [H1.01.13]; [H1.01.14]; [H1.01.15]; [H1.01.16]; và bản mô tả CTĐT ngành KTPT cũng được rà soát, cập nhật theo đó. Thêm vào đó, với riêng bản mô tả CTĐT ngành KTPT năm 2019 còn có sự cập nhật trong vòng 2 tháng (từ tháng 6 đến tháng 8 năm 2019) theo sự điều chỉnh chương trình của các môn khoa học Mác Lênin theo quy định mới của Bộ GD&ĐT [H1.01.17]; [H1.01.18] [H1.01.19]. So sánh với bản mô tả CTĐT 2017, bản mô tả CTĐT 2018 và 2019 cho thấy những thay đổi đáng kể. Trong khi tại CTĐT 2017, những thông tin về mục tiêu, CĐR đã chi tiết nhưng chưa cụ thể [H2.02.01], thì đến phiên bản 2018, mục tiêu và CĐR đã thể hiện được rõ nét của ngành KTPT nhưng chưa được thiết kế dựa theo các khung năng lực tiêu chuẩn [H2.02.02]. Đến phiên bản 2019, CTĐT đã được thiết kế dựa theo thang năng lực Bloom cho kiến thức, thang năng lực Dave cho kỹ năng và thang năng lực Krathwohl cho đạo đức và trách nhiệm để cung cấp thông tin ở mức chi tiết theo chuẩn mực tới người học. CTĐT 2019 còn thể hiện một bước tiến đáng kể khi cung cấp ma trận liên kết học phần với CĐR nhằm mô tả mối quan hệ giữa CĐR của CTĐT với CĐR yêu cầu đối với các học phần [H2.02.05].

Trong quá trình cập nhật, điều chỉnh, bản CTĐT ngành KTPT 2019 được cập nhật dựa trên ý kiến của công giới [H2.02.09] và người học [H2.02.10] về việc gia tăng tính ứng dụng và mở rộng cơ hội việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp cho CTĐT, đảm bảo CTĐT dễ hiểu và đầy đủ thông tin. Ngoài ra, Bản Mô tả CTĐT 2019 cũng có sự cập nhật dựa trên đối sánh với CTĐT của các CTĐT trong nước và quốc tế. Ví dụ, sau khi đối sánh với chương trình của SOAS university và Richmond uniniversity [khung CTĐT của ĐH SOAS Richmond University], CTĐT đã khẳng định vai trò của các môn đại cương, cơ sở ngành và ngành đảm bảo yếu tố tương thích về chất lượng với chương trình quốc tế như KTPT; Kinh tế học Thể chế; Dự báo phát triển kinh tế xã hội …; và tăng cường khả năng phân tích định lượng với việc bổ sung học phần Định lượng phát triển [Biên bản họp HĐ Khoa].

***2. Điểm mạnh***

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành KTPT là đầy đủ và rõ ràng theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT.

Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT và Kế hoạch của nhà trường, dựa trên việc tham khảo các CTĐT của các trường Đại học trong và ngoài nước về nội dung đào tạo, về khối lượng và nội dung kiến thức cho các khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức ngành và chuyên sâu, và đính kèm các ĐCHP chi tiết.

***3. Điểm tồn tại***

Bản mô tả CTĐT hiện tại còn thiếu một số thông tin khác cần thiết cho các đối tượng liên quan như sinh viên hay nhà tuyển dụng, cộng đồng quan tâm như thiếu thang đánh giá và quy đổi kết quả học tập dự kiến từ thang điểm 10 sang thang điểm 4.

***4. Kế hoạch hành động***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,  người thực hiện** | **Thời gian  thực hiện/ hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Bổ sung các thông tin chi tiết còn thiếu | Bổ sung thang đánh giá và quy đổi kết quả học tập dự kiến từ thang điểm 10 sang thang điểm 4 vào bản mô tả CTĐT | Khoa KH&PT | Kì rà soát năm 2021 theo kế hoạch rà soát CTĐT của nhà trường áp dụng từ K63 | Đã thực hiện khi thực hiện rà soát CTĐT 2021 (bản mô tả CTĐT) |
| 2 | Duy trì cập nhật bản mô tả CTĐT theo kế hoạch của nhà trường và đảm bảo đầy đủ các nội dung | - Thường xuyên cập nhật các khung CTĐT của các trường đại học trong nước và quốc tế có uy tín để đối sánh, điều chỉnh nếu có  - Cập nhật các xu hướng mới nổi trong lĩnh vực phát triển trên thế giới để hoàn thiện khung CTĐT | Khoa KH&PT | Kì rà soát năm 2021 theo kế hoạch rà soát CTĐT của nhà trường áp dụng từ K63 |  |

***5. Tự đánh giá: 6/7***

**Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật**

1. ***Mô tả hiện trạng***

***Tất cả ĐCHP đều đảm bảo đầy đủ thông tin***

Trong 5 năm trở lại đây, trên cơ sở bản mô tả CTĐT, khoa KH&PT đã tổ chức xây dựng các ĐCHP, chỉnh sửa, bổ sung nội dung ĐCHP theo quy trình được hướng dẫn tại các văn bản của Trường ĐHKTQD ban hành. Việc xây dựng ĐCHP theo CĐR được rà soát, cập nhật. Sau nhiều lần cập nhật, bổ sung, đến năm 2019, đi kèm với Bản mô tả CTĐT, 100% ĐCHP trong CTĐT đã đảm bảo có đầy đủ thông tin theo quy định, bao gồm: tên đơn vị phụ trách giảng dạy; tên học phần (gồm tên tiếng Việt và tên tiếng Anh); mã học phần; số tín chỉ; mục tiêu học phần, CĐR của học phần (CLOs – Course Learning Outcomes), cấu trúc học phần, ma trận liên kết nội dung chương mục với các CLOs; các yêu cầu của học phần; phương pháp dạy-học; phương thức kiểm tra/đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo. Từng mục tiêu trong ĐCHP đã chỉ rõ mục tiêu đó tương ứng với CĐR nào của CTĐT và ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR của học phần. Phương pháp kiểm tra, đánh giá bao gồm: điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần; trọng số của mỗi điểm thành phần, cấu trúc đề thi của các học phần được thể hiện rõ trong đề cương, qua đó, người học biết được chính xác các yêu cầu, nắm được cụ thể hình thức, tính chất, mục đích kiểm tra, thời lượng kiểm tra và các trọng số của từng hình thức kiểm tra [H2.02.08]. So với bộ ĐCHP 2017, bộ ĐCHP 2019 đã được bổ sung nội dung để đảm bảo tính đầy đủ thông tin

**Bảng 2.1 Sự thay đổi đề cương chi tiết các học phần**

| **Thời gian** | **Nội dung đề cương** |
| --- | --- |
| 2017 | ĐCHP được xây dựng theo mẫu đề cương môn học năm 2015 gồm 9 mục: (1) tên học phần, (2) bộ môn phụ trách giảng dậy, (3) điều kiện học trước, (4) mô tả học phần, (5) mục tiêu học phần, (6) nội dung học phần, (7) giáo trình/bài giảng, (8) tài liệu tham khảo, (9) phương pháp đánh giá. Đến năm 2017, bổ sung thêm thông tin về giảng viên phụ trách môn học và giảng viên tham gia giảng dạy môn học. Nội dung giảng dạy và giáo trình dành cho môn học cũng được cập nhật và bổ sung. |
| 2019 | ĐCHP năm 2019 được thay đổi dựa trên đề cương năm 2017. Tuy nhiên, các nội dung đều được chuẩn hóa theo thang đo năng lực Bloom/ *Dave/ Krathwohl* như sau:   * + Mục tiêu học phần được cụ thể hóa với ba nội dung bao gồm kiến thức, kỹ năng, tự chủ tự chịu trách nhiệm gắn với CĐR và mức độ năng lực theo chuẩn *Bloom/Dave/Krathwohl*.   + Bổ sung thông tin chi tiết về CĐR và mức độ năng lực theo thang đo năng lực *Bloom/Dave/ Krathwohl* của học phần về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm.   + Bổ sung về phương pháp dạy và học và phương pháp học cho sinh viên.   + Học phần được chi tiết hóa các nội dung và tương ứng các CĐR của học phần.   + Bổ sung thông tin về phương pháp đánh giá học phần và đánh giá việc đáp ứng CĐR của học phần.   + Cập nhật nội dung giảng dạy, giáo trình và tài liệu tham khảo. |

***100% ĐCHP trong CTĐT được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật theo kế hoạch của nhà trường***.

*Về nội dung*, việc cập nhật các ĐCHP của CTĐT ngành KTPT được tiến hành thường xuyên, nhất là các thông tin về nội dung học phần, danh mục tài liệu học tập. Việc cập nhật các ĐCHP đều được tham chiếu, tiếp thu và cập nhật từ các CTĐT so sánh, tiếp thu và cập nhật với quá trình thay đổi cách thức tiếp cận và triển khai hoạt động phát triển của các tổ chức quốc tế có uy tín như Ngân hàng thế giới hay các tổ chức của Liên Hợp Quốc và CTĐT của các trường đại học tiên tiến trên thế giới có sự chọn lọc phù hợp với điều kiện Việt Nam [minh chứng CTĐT của SOAS và Richmond University].

Hệ thống học liệu được đề cập trong các ĐCHP chưa hoàn thiện. Một số học phần mặc dù sử dụng tài liệu, giáo trình tương đối cập nhật với các xu hướng mới trong nghiên cứu về lĩnh vực phát triển, song hệ thống học liệu, giáo trình đó hiện chủ yếu dưới dạng các tài liệu bằng tiếng Anh. Thêm vào đó, một số tài liệu mới ở dạng tư liệu cá nhân của giảng viên mà chưa có trong danh mục học liệu của thư viện trường. Ngoài ra những học phần sử dụng giáo trình, tài liệu của các cơ sở đào tạo khác thì học liệu đó chưa được đưa vào hệ thống thư viện điện tử của nhà trường (NEU reader). Trong mỗi đề cương chưa đề cập đến số giờ tự học quy định bắt buộc, đồng thời chưa nhấn mạnh vào cấp độ kỹ năng cần đạt được của người học.*Về quy trình*, Định kỳ 2 năm/1 lần, Nhà trường đều có Công văn hướng dẫn rà soát, bổ sung/cập nhật và điều chỉnh ĐCHP [Công văn V/v hướng dẫn xây dựng ma trận CĐR học phần với các hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá; CĐR CTĐT với các học phần], [Kế hoạch về việc đánh giá và cập nhật CTĐT trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐHKTQD], [Công văn hướng dẫn rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo], [Rà soát bổ sung các điều kiện đảm bảo chất lượng 33 ngành đào tạo theo quy định tại TT 24/2017/TT-BGDĐT và hoàn thiện hệ thống ĐCCT học phần.Trên cơ sở bản mô tả CTĐT, Khoa KH&PT đã tổ chức họp Hội đồng khoa về việc xây dựng đề cương các học phần thuộc khối kiến thức chuyên sâu do Khoa quản lý theo quy trình được hướng dẫn tại các văn bản của Nhà trường, cuộc họp có sự thảo luận và đánh giá về tính liên kết giữa nội dung các môn học và CĐR của CTĐT cũng như hoạt động dạy và học cũng như hoạt động đánh giá tương ứng, từ các giảng viên tham gia giảng dạy các môn học đặc biệt là các giáo viên có kinh nghiệm [Biên bản họp hội đồng Khoa]. Bên cạnh đó, Khoa KH&PT cũng tiến hành tổ chức tọa đàm công khai với các bên liên quan để lấy ý kiến đánh giá phục vụ cho quá trình cập nhật cho ĐCCT. Kết quả khảo sát và phỏng vấn sâu người học, người tuyển dụng cho thấy hệ thống ĐCHP trong CTĐT ngành KTPT được đánh giá cao theo các tiêu chí: (1) Mức độ đầy đủ các thông tin và dễ hiểu của ĐCHP; (2) Mức độ lượng hóa và rõ ràng của mục tiêu, CĐR các học phần; (3) Mức độ hợp lý của nội dung cấu trúc học phần; (4) Khả năng đóng góp của các học phần đối với CĐR của CTĐT; (5) CĐR của học phần có sự tương thích và có đóng góp cụ thể để đạt được CĐR của CTĐT; (6) Mức độ dễ tiếp cận và dễ hiểu của ĐCHP. [Biên bản tọa đàm với các bên liên quan để lấy ý kiến đánh giá về nội dung ĐCCT].

Bộ ĐCHP sau khi thẩm định, nghiệm thu đã được chuẩn hóa trong toàn bộ CTĐT ngành KTPT [QĐ 2953].

1. ***Điểm mạnh***
   * Các ĐCHP được chuẩn hóa theo quy định của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHKTQD về hình thức và nội dung của học phần;
   * Mục tiêu của ĐCHP hướng tới đáp ứng CĐR của CTĐT ngành KTPT và phù hợp với CĐR đã được phân nhiệm cho mỗi học phần;
   * ĐCHP được xây dựng dựa trên nhu cầu của người học, công giới và xã hội.
   * Các ĐCHP liên tục được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển hiện nay trên thế giới và trong nước về KTPT.
   * Thông tin trong hệ thống ĐCHP đảm bảo đầy đủ, dễ hiểu và dễ tiếp cận.
2. ***Điểm tồn tại***

Hệ thống ĐCHP đã cơ bản đảm bảo CĐR của CTĐT. Tuy nhiên, hiện tại trong nội dung một số ĐCHP (phần lịch trình giảng dạy) chưa thể hiện rõ hoạt động tương tác trong quá trình dạy và học, cũng như chưa quy định rõ ràng số giờ tự học của sinh viên để có thể đáp ứng được chuẩn đầu ra của học phần.

Hệ thống học liệu được đề cập trong các ĐCHP chưa cập nhật

1. ***Kế hoạch hành động***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,  người thực hiện** | **Thời gian  thực hiện/ hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Tăng cường sự tương tác trong nội dung dạy và học | Các Bộ môn tổ chức sinh hoạt chuyên môn, trao đổi với giáo viên phụ trách học phần để bổ sung thêm các hình thức dạy và học có sự tương tác phù hợp với tính chất của từng học phần do Bộ môn phụ trách | Khoa KH&PT | Kì rà soát năm 2021 theo kế hoạch rà soát CTĐT của nhà trường áp dụng từ K63 | Đã thực hiện khi thực hiện rà soát CTĐT 2021 (đề cương chi tiết các học phần K63) |
| 2 | Có quy định giờ tự học trong DCHP | Bổ sung số giờ tự học của sinh viên trong các đề cương học phần | Trường, Phòng QLĐT, các bộ môn |  | Đã thực hiện khi thực hiện rà soát CTĐT 2021 (đề cương chi tiết các học phần K63) |
| 2 | Hoàn thiện và cập nhật hệ thống học liệu | - Triển khai đăng kí và viết giáo trình cho các học phần hiện đang sử dụng các tài liệu bằng tiếng Anh, cập nhật các tài liệu tham khảo về kiến thức ngành, chuyên ngành mới với các học phần đã có giáo trình tương đối cập nhật | Trường, phòng QLĐT và Khoa KH&PT | Kì rà soát năm 2021 theo kế hoạch rà soát CTĐT của nhà trường áp dụng từ K63 | Đã thực hiện khi thực hiện rà soát CTĐT 2021 (QQĐ đăng ký giáo trình năm 2021, 2022) |

Một số kiến nghị:

Việc yêu cầu giảng dạy các học phần bằng tiếng Việt phải có giáo trình bằng tiếng Việt hiện đang gây ra một số khó khăn do đặc thù đào tạo của ngành KTPT. *Thứ nhất*, để đảm bảo tính hiện đại, cập nhật, nhiều học phần (nhất là những học phần hướng đến trang bị kỹ năng) sẽ phải sử dụng tài liệu nước ngoài, trong đó rất nhiều tài liệu có tính chất sách hướng dẫn hoặc cẩm nang (chứ không phải giáo trình). Nếu các chương trình hướng đến việc liên thông với chương trình nước ngoài thì việc cùng sử dụng chung các tài liệu gốc bằng tiếng Anh nên được khuyến khích. *Thứ hai*, việc biên soạn và thường xuyên cập nhật giáo trình tiếng Việt sẽ tạo ra gánh nặng rất lớn về khối lượng công việc cho giảng viên giảng dạy học phần (mà thông thường với các học phần chuyên ngành thì chỉ có từ 2-3 giáo viên giảng dạy). *Thứ ba*, với yêu cầu về CĐR ngoại ngữ đối với sinh viên tốt nghiệp hiện nay và sự trợ giúp của các phần mềm chuyển ngữ thông dụng, sinh viên có thể tiếp cận và hiểu được những nội dung cơ bản của học liệu bằng tiếng Anh. Vì thế, Khoa kiến nghị với nhà trường và Bộ GD&ĐT cần có những quy định linh hoạt hơn và phù hợp hơn với xu hướng hội nhập về các quy định về giáo trình bằng tiếng Việt trong học phần đào tạo bằng tiếng Việt

1. ***Tự đánh giá:* 6/7**

**Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và**  **ĐCHP được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận**

1. ***Mô tả hiện trạng***

***Bản mô tả CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau***

*Ở cấp trường*, theo quy định, bản mô tả CTĐT được công bố công khai cho giảng viên và sinh viên trên website của trường [địa chỉ đường link 3 công khai] và Phòng Quản lý đào tạo [đường link website phòng đào tạo]. *Ở cấp Khoa*, Khoa KH&PTKH&PT đã công bố công khai trên trang web cấp 2 của Khoa [đường link web cấp 2 của khoa]. Tất các các trang web này đều là trang mở và minh bạch phục vụ cho tất cả các bên liên quan có nhu cầu tiếp cận.

Bản mô tả CTĐT được in và lưu trữ tại Văn phòng Khoa KH&PT và tại các Bộ môn trực thuộc Khoa. Khoa KH&PT sẵn sàng cung cấp, tư vấn cho giảng viên, sinh viên, phụ huynh, người sử dụng lao động và các bên liên quan cần để tham khảo.

Bên cạnh các kênh thông tin trên, trước kỳ tuyển sinh hàng năm, Ban Chủ nhiệm Khoa KH&PT luôn thực hiện các cuộc tập huấn về CTĐT cho đối tượng giảng viên cũng như giao Liên Chi đoàn Khoa phối hợp truyền thông về CTĐT theo Chương trình tư vấn tuyển sinh do nhà trường tổ chức vào tháng 3 và tháng 7 hàng năm tại trường theo các kênh đã thống nhất (trên trang web của khoa, tại văn phòng khoa, tại hội chợ tư vấn tuyển sinh...) [địa chỉ web khoa] [tờ rơi giới thiệu chương trình]. Các thông tin của bản mô tả CTĐT cũng được công bố trong các thông báo của Nhà trường cho cán bộ và sinh viên và trong Đề án tuyển sinh của trường ĐHKTQD [đề án tuyển sinh]. Trước các kỳ tuyển sinh và trong quá trình quản lý đào tạo, ngoài các nhiệm vụ chuyên môn khác, Trợ lý đào tạo Khoa còn được giao nhiệm vụ trực tiếp trao đổi, giải thích về CTĐT và các học phần với phụ huynh hoặc sinh viên có nhu cầu tìm hiểu tại Văn phòng Khoa [sổ tay nhân viên].

Đối với sinh viên khi tham gia CTĐT ngành KTPT, trong buổi gặp mặt đầu khóa các sinh viên được hướng dẫn cách tiếp cận và tìm kiếm thông tin và được cung cấp Sổ tay sinh viên, trong đó được giới thiệu cụ thể về ngành [Sổ tay sinh viên]. Bản mô tả CTĐT cũng được cố vấn học tập công bố qua chương trình họp lớp định kỳ của các lớp sinh viên [sổ tay CVHT] và thông qua tài khoản của sinh viên, các thông tin theo kênh này chủ yếu là danh mục các học phần trong CTĐT, kế hoạch bố trí các học phần trong CTĐT tương ứng với các kỳ để sinh viên dễ dàng tiếp cận và lên kế hoạch học tập và đăng ký tín chỉ [Giao diện tài khoản của sv]. Do vậy, có thể khẳng định Bản mô tả CTĐT đã được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

***Đề cương các học phần trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau***

Bộ ĐCHP được đăng tải kèm theo bản mô tả CTĐT tại trang web của trường, khoa và lưu giữ tại Văn phòng Khoa và các bộ môn như đã phân tích ở trên

Ngoài ra, trước khi bắt đầu từng học phần, theo yêu cầu của Nhà trường, giáo viên phụ trách học phần phải cung cấp ĐCHP qua hệ thống LMS [giao diện trang LMS]. Trong buổi học đầu tiên, giáo viên sẽ giới thiệu ĐCHP của học phần phụ trách, cũng như mối quan hệ giữa CĐR của học phần với CĐR của CTĐT [Sổ tay giáo viên]. Bản ĐCHP của các học phần do các bộ môn trong Khoa phụ trách đã được chuyển ngữ sang tiếng Anh vào năm 2017 theo chủ trương của nhà trường [công văn về xây dựng đề cương bằng tiếng Anh] [hệ thống đề cương bằng tiếng Anh của khoa KHPT] và được công bố rộng rãi trên website của Phòng Quản lý đào tạo [trang web phòng QLĐT]. Việc công bố c ác ĐCHP bằng nhiều hình thức đã giúp sinh viên nắm được nội dung các học phần để có thể đăng ký học theo kế hoạch lộ trình học tập cũng như theo định hướng nghề nghiệp ngành theo học.

***Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, sinh viên và cựu sinh viên… đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng và thuận tiện.***

Trước hết, *với đối tượng là giảng viên, cán bộ của Khoa KH&PT:* Việc xây dựng hoặc điều chỉnh CTĐT do khoa khởi xướng và được sự tham gia góp ý trực tiếp của các giảng viên qua các buổi họp khoa. Như vậy, ngay từ khâu rà soát, chỉnh sửa, toàn thể giáo viên của khoa đã được tiếp cận với những nội dung cập nhật nhất của bản mô tả CTĐT.

Sau khi CTĐT và hệ thống ĐCHP được phê duyệt và trước mỗi kỳ tuyển sinh, Khoa KH&PT lại tổ chức một đợt tập huấn cho các giảng viên về nội dung mô tả CTĐT để các thày cô có thể phổ biến và tư vấn giải thích cho sinh viên, phụ huynh và các bên liên quan [Sổ tay giáo viên, Sổ tay Trợ lý đào tạo, Sổ tay cố vấn học tập].

*Với đối tượng là các bên liên quan như sinh viên, cựu học viên, nhà tuyển dụng và những người liên quan khác (như giáo viên và quản lý đào tạo của các ngành có liên quan)* đều dễ dàng tiếp cận và tham khảo về bản mô tả CTĐT. Người học có thể tiếp cận qua trang web của trường, phòng QLĐT và Khoa KH&PT [địa chỉ web trường] [web QLĐT] [Web Khoa], qua các buổi tư vấn tuyển sinh và tuần định hướng học tập [tờ rơi] [sổ tay sinh viên]; qua các buổi họp lớp định kỳ với cố vấn học tập [sổ tay CVHT], tại Văn phòng Khoa KH&PT. Cơ quan quản lý và người sử dụng lao động có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng và thuận tiện thông qua trang web của trường, phòng QLĐT và Khoa KH&PT [địa chỉ web trường] [web QLĐT] [Web Khoa]. . Đối với các đơn vị đào tạo khác ở trong và ngoài trường, bên cạnh các hình thức công khai chung ở trên, Khoa, Bộ môn thông qua các hoạt động như họp giao ban trường, sinh hoạt chuyên môn mở rộng hoặc các buổi trao đổi trực tiếp (chính thức hoặc không chính thức) để trao đổi về CTĐT. [Biên bản trao đổi với Văn phòng Đổi mới sáng tạo, Bộ KHĐT)

Kết quả lấy ý kiến các bên liên quan cho thấy bản mô tả CTĐT đã được đánh giá tương đối cao về tính công khai dễ hiểu và dễ tiếp cận để tham khảo [**Biên bản tọa đàm với các bên liên quan để lấy ý kiến phản hồi về CTĐT và ĐCCT**].

1. ***Điểm mạnh***

Bản mô tả CTĐT và ĐCHP ngành KTPT với đầy đủ thông tin được công bố công khai dưới nhiều hình thức khác nhau, phù hợp với khả năng tiếp cận của các bên liên quan.

1. ***Tồn tại***

Tài liệu phổ biến trong các kì tư vấn tuyển sinh còn thiếu các hướng dẫn tìm kiếm thông tin, điều này làm giảm hiệu quả của công tác thông tin và quan hệ công chúng.

Chưa có sự chắt lọc nội dung truyền thông về CTĐT phù hợp với nhu cầu tìm hiểu thông tin của các đối tượng khác nhau. Do đó, nhiều thông tin mang tính chỉ dẫn chi tiết không thực sự cần thiết đối với nhiều đối tượng chỉ cần nắm được thông tin tổng quát.

***4.. Kế hoạch hành động***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,  người thực hiện** | **Thời gian  thực hiện/ hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Tăng hiệu quả truyền thông với đối tượng đang tìm hiểu về ngành đào tạo | Bổ sung thông tin về đường dẫn đến các trang web có liên quan trong tài liệu tư vấn tuyển sinh | Nhóm truyền thông Khoa KH&PT, phối hợp với Phòng Truyền thông của trường. | Kì tuyển sinh năm 2021 | Đã thực hiện khi thực hiện rà soát CTĐT 2021 (tờ rơi tuyển sinh năm 2021 có đường dẫn) |
| 2 | Điều chỉnh nội dung truyền thông về CTĐT phù hợp với nhu cầu tìm hiểu thông tin của các đối tượng | * + Sơ đồ hoá mối quan hệ giữa CĐR, các học phần và lịch trình giảng dạy của CTĐT trong các tài liệu hướng dẫn người học.   + Đơn giản hoá ĐCHP chi tiết thành các ĐCHP tổng quát để đăng tải trên các kênh truyền thông. | Khoa KH&PT | Kì rà soát năm 2021 theo kế hoạch rà soát CTĐT của nhà trường áp dụng từ K63 | Đã thực hiện khi thực hiện rà soát CTĐT 2021 (đề cương tổng quát các HP) |

***5. Tự đánh giá:* Đạt 5/7**

**Kết luận về Tiêu chuẩn 2**

Các thông tin trong Bản mô tả CTĐT ngành KTPT được công bố rõ ràng, đầy đủ và dễ tiếp cận để các bên liên quan có thông tin để đánh giá được phần nào chất lượng đào tạo ngành KTPT của Trường ĐH KTQD; giúp học sinh hiểu được sự phù hợp của ngành đào tạo với sở thích và nguyện vọng của bản thân, và đối sánh được chương trình của Trường và các cơ sở đào tạo khác, từ đó có lựa chọn chính xác về cơ sở đào tạo mà sinh viên muốn theo học; giúp sinh viên đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học.

Bản mô tả CTĐT ngành KTPT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo, nghiên cứu trong nước và trên thế giới về lĩnh vực phát triển. Quá trình bổ sung, điều chỉnh của Khoa dựa trên nhiều nguồn ý kiến đóng góp, xây dựng của hội đồng khoa, cựu sinh viên, giảng viên, các đơn vị tuyển dụng, các nhà khoa học. Việc lấy ý kiến của nhà tuyển dụng, của cựu sinh viên để bổ sung, điều chỉnh và cập nhật bản mô tả CTĐT đã được thực hiện theo đúng quy định về thời gian và các thông tin cần thiết phục vụ chỉnh sửa, bổ sung CTĐT và ĐCHP.

ĐCHP được chuẩn hóa theo quy định của Bộ GD&ĐT và Trường ĐH KTQD. ĐCHP phần bám sát CĐR của CTĐT và ma trận phân nhiệm. Theo CTĐT, hầu hết các ĐCHP đều có hệ thống học liệu bằng tiếng Việt để sinh viên có thể khảo cứu dễ dàng, bên cạnh đó có tham khảo các sách chuyên ngành bằng tiếng Anh để đảm bảo tính cập nhật.

Tuy nhiên, bản mô tả CTĐT và ĐCHP vẫn còn một số tồn tại như sau: (1) Bản mô tả CTĐT còn thiếu một số thông tin về thang đánh giá/quy đổi kết quả học tập (2) Bản mô tả CTĐT 2019 mới có ma trận học phần – CĐR và chưa thể hiện các mức độ giảng dạy kỹ năng tại các học phần trong CTĐT do đó các nội dung của đề cương chưa nhấn mạnh vào cấp độ kỹ năng cần đạt được của người học(3) Một số ĐCHP hiện còn sử dụng tài liệu, giáo trình bằng tiếng Anh hoặc của các cơ sở đào tạo khác và các tài liệu này hoặc chỉ có tư liệu cá nhân của thầy/cô giảng dạy, tủ sách của Bộ môn mà chưa có dữ liệu trên Thư viện; (4) Một số thông tin chỉ được đăng tải trên trang web cấp 2 (Phòng QLĐT và Khoa KH&PT) và đề cương đăng tải là ĐCHP chi tiết thay vì là đề cương tổng quát.

Những điểm tồn tại này đã được hoàn thiện trong CTĐT 2021 như đã chỉ ra trong kế hoạch hành động và Khoa KH&PT sẽ tiếp tục hoàn thiện Bản Mô tả CTĐT trong các năm tiếp theo. Hy vọng rằng, sau đợt kiểm định này và trong thời gian tới, các bên liên quan sẽ tiếp cận Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần dễ dàng, đầy đủ và chất lượng nhất.

## TIÊU CHUẨN 3: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Mở đầu

Chương trình dạy học (CTDH) dành cho cử nhân ngành KTPT (hệ chính quy) được cấu trúc hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTDH của Trường ĐH Kinh tế quốc dân, đảm bảo các yêu cầu về hình thức và nội dung, xác định rõ mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, chuẩn kỹ năng, chuẩn năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học sau khi tốt nghiệp, đáp ứng được nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động. Trên cơ sở của CĐR, cấu trúc và nội dung CTDH được thiết kế theo các khối kiến thức và trình tự, thời gian thực hiện. Các học phần, phương pháp giảng dạy, học tập và cách thức kiểm tra/đánh giá các học phần được cấu trúc logic, theo trình tự và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTDH. CTDH được thiết kế theo xu hướng đa dạng hóa số học phần tự chọn, giúp cho người học có sự chủ động và linh hoạt trong việc lĩnh hội kiến thức, kỹ năng mong muốn. Đồng thời, CTDH cử nhân ngành KTPT có cấu trúc hợp lý, sắp xếp các học phần theo trình tự logic, đảm bảo cho người học tiếp thu kiến thức liên tục và vững chắc. Chương trình đã định kỳ rà soát và bổ sung mỗi năm 1 lần nhằm đảm bảo tính cập nhật kiến thức về lý thuyết và thực tiễn.

**Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra**

***1. Mô tả hiện trạng***

***Chương trình dạy học (CTDH) của ngành KTPT được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm*** của người học sau khi tốt nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động **[Mô tả CTDH năm 2019]**. Điều này thể hiện rõ trong nội dung của từng học phần trong toàn bộ CTDH **[Mô tả CTDH năm 2019]**. Sự gắn kết của các học phần trong CTDH với các CĐR được thể hiện ở bảng Ma trận kỹ năng, trong đó các CĐR về kiến thức, CĐR về kỹ năng và CĐR về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của mỗi học phần đều được xác định rõ ràng **[Ma trận kỹ năng ]**. Cấu trúc của CTDH bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (gồm có khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức ngành và khối kiến thức chuyên sâu). Tất cả CĐR của CTĐT được đáp ứng 100% bởi các học phần thuộc các khối kiến thức của CTDH **[Mô tả CTDH năm 2019]**. Bảng 3.1 thể hiện số lượng học phần trong các khối kiến thức đáp ứng các CĐR của CTĐT năm 2019.

**Bảng 3.1. Số lượng HP trong các khối kiến thức đáp ứng các CĐR**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối kiến thức** | **Chuẩn đầu ra (CĐR)** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Kiến thức** | | | | | | | **Kỹ năng** | | | | | **Tự chủ, tự chịu trách nhiệm** | | | | | |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | | **8** | **9** | **10** | **11** | | **12** | **13** | **14** | **15** |
| **1. Kiến thức giáo dục đại cương** | **6** | **6** |  | **2** | **3** |  |  | | **3** |  | **6** | **1** | |  | **6** |  | **6** |
| 1.1. Các học phần chung | 5 |  |  |  |  |  |  | |  |  | 5 | 1 | |  | 1 |  | 5 |
| 1.2. Các học phần của Trường | 1 | 3 |  |  | 2 |  |  | | 1 |  | 1 |  | |  | 2 |  | 1 |
| 1.3. Các học phần của ngành |  | 3 |  | 2 | 1 |  |  | | 2 |  |  |  | |  | 3 |  |  |
| **2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp** |  | **2** |  | **9** | **17** | **19** | **17** | | **32** | **14** | **27** | **2** | | **4** | **36** | **17** | **26** |
| 2.1. Kiến thức cơ sở ngành |  | 2 |  | 1 | 2 | 2 |  | | 8 |  | 1 |  | |  | 4 |  | 2 |
| 2.2. Kiến thức ngành |  |  |  | 6 | 8 | 11 | 6 | | 15 | 6 | 13 | 1 | | 1 | 19 | 7 | 11 |
| 2.3. Kiến thức chuyên sâu |  |  |  | 1 | 6 | 6 | 10 | | 8 | 7 | 12 |  | | 2 | 12 | 9 | 12 |
| 2.4. Chuyên đề thực tập |  |  |  | 1 | 1 | 1 | 1 | | 1 | 1 | 1 | 1 | | 1 | 1 | 1 | 1 |

*Nguồn: CTDH năm 2019*

***Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập và phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đối với 100% các học phần trong CTDH cử nhân ngành KTPT được thiết kế phù hợp, góp phần đạt được CĐR***. Trong CTDH, phương pháp giảng dạy, học tập được thiết kế nhằm đảm bảo cho người học phát triển toàn diện cả về kiến thức, kỹ năng và thái độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm **[Mô tả CTDH năm 2019]**.

**Bảng 3.2. Phương pháp, hình thức tổ chức giảng dạy, học tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phương pháp,**  **hình thức TCDH** | **Mục đích** |
| Thuyết giảng | Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của các môn học một cách khoa học, logic. |
| Thảo luận trên lớp | Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học. |
| Thuyết trình | Giúp sinh viên nâng cao kỹ năng trình bày vấn đề trước đám đông, rèn luyện kiến thức và kỹ năng môn học. |
| Bài tập cá nhân | Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào vấn đề thực tế. |
| Bài tập nhóm | Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, hợp tác. Giúp sinh viên hiểu rõ, biết vận dụng các nội dung môn học vào vấn đề thực tế. |
| Nghiên cứu bài học và tài liệu | Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự phát triển năng lực bản thân. |
| Nghiên cứu tình huống | Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu; hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung chương trình học vào giải quyết vấn đề thực tế. |
| Học theo dự án | Được áp dụng trong một số học phần chuyên sâu, đề án, chuyên đề tốt nghiệp. Giúp sinh viên vận dụng các nội dung chương trình học vào vấn đề thực tế, phát triển kiến thức và kỹ năng chuyên sâu. |
| Thực tập | Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung chương trình học để giải quyết vấn đề thực tế. |

*Nguồn: Mô tả CTDH năm 2019*

CTDH xác định rõ các phương pháp giảng dạy bao gồm: thuyết giảng, thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, học theo dự án thông qua nhiều hoạt động khác nhau. Để đảm bảo lĩnh hội được kiến thức và đạt được mục tiêu học phần, góp phần đạt được CĐR, sinh viên cần sử dụng các phương pháp học trên lớp, học ở nhà, học theo hình thức blended learning, học cá nhân, học nhóm, học lý thuyết, học theo dự án, kiến tập, đi thực tập, thực tế, thực hành. Các phương pháp học tập được chỉ rõ trong đề cương học phần phù hợp với phương pháp giảng dạy của giảng viên. Ví dụ: đối với phương pháp giảng dạy thuyết giảng, sinh viên cần phải học trên lớp, giúp tiếp thu kiến thức và trực tiếp thảo luận với giảng viên/nhóm. Ngoài ra, với các học phần đặc thù như Chương trình và dự án phát triển hay Kế hoạch kinh doanh, sinh viên được khuyến khích học theo dự án trong hoạt động nghiên cứu tình huống tại một dự án cụ thể **[Đề cương HP năm 2019]**.

Trong thiết kế học phần, các phương pháp kiểm tra/đánh giá cũng được xác định rõ ràng, phù hợp với phương pháp giảng dạy, học tập. Các phương pháp kiểm tra/đánh giá được vận dụng đa dạng, bao gồm các bài tập cá nhân, bài tập nhóm có thuyết trình kết quả và có phản biện trên lớp, tự luận, trắc nghiệm, đề án chuyên ngành... nhằm vận dụng kiến thức vào phân tích các tình huống thực tế của doanh nghiệp hay xử lý các tình huống phát triển thực tiễn **[Đề cương HP năm 2019]**. Nội dung và phương pháp kiểm tra/đánh giá gắn với CĐR của học phần về kiến thức, kỹ năng tương ứng, trong đó có kỹ năng phân tích vấn đề, kỹ năng phản biện, làm việc nhóm, giao tiếp, giải quyết xung đột, kỹ năng trình bày, thuyết trình vấn đề, kỹ năng tổng hợp, kỹ năng lập kế hoạch công việc, kỹ năng quản lý thời gian... **[Mô tả CTDH năm 2019]**. Theo đó, người học sẽ được đánh giá về thái độ học tập cũng như các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần trong suốt quá trình học tập, thông qua các đầu điểm, bao gồm: điểm chuyên cần và thái độ học tập (10%); điểm kiểm tra giữa kỳ tùy thuộc vào đặc thù của mỗi học phần được thiết kế (40% hoặc 30%) có thể là điểm bài kiểm tra cá nhân, điểm thảo luận/thuyết trình/trình bày nhóm, điểm bài tập lớn; điểm thi hết học phần (50% hoặc 60%) có thể thi trên online theo ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm hoặc thi viết luận tùy thuộc vào từng học phần **[Đề cương HP năm 2019]**.

Sinh viên có nhiều cơ hội được cọ sát thực tế thông qua viết đề án chuyên ngành và chuyên đề thực tập tốt nghiệp. Việc triển khai đề án chuyên ngành giúp sinh viên hệ thống hóa và củng cố những kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, kiến thức chuyên ngành đã được trang bị trong quá trình đào tạo, là bước chuẩn bị tốt cho giai đoạn thực tập tốt nghiệp. Thực tập tốt nghiệp được chia thành 2 giai đoạn: Thực tập tổng hợp và thực tập chuyên đề. Khi kết thúc thời gian thực tập tổng hợp và đạt yêu cầu, sinh viên phải lựa chọn một chủ đề có tính thực tiễn cao và phù hợp với định hướng chuyên sâu của ngành KTPT để thực hiện nghiên cứu tại đơn vị thực tập và viết báo cáo chuyên đề tốt nghiệp. Để đảm bảo tính liêm chính trong học thuật, theo quy định của Nhà trường, tất cả các chuyên đề tốt nghiệp phải được kiểm tra thông qua phần mềm Turnitin để xác định tỷ lệ trùng lắp với các tài liệu, các công trình khoa học trước đó. Chuyên đề tốt nghiệp đạt yêu cầu khi tỷ lệ trùng lắp phải đảm bảo dưới 20% **[Quy định về thực tập]**.

***2. Điểm mạnh***

- CTDH được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT ngành KTPT; có mục tiêu cụ thể, rõ ràng, logic, có tính hệ thống, có cấu trúc hợp lý, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và tự trách nhiệm.

- Đề cương chi tiết từng học phần đều thể hiện sự gắn kết giữa phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học với CĐR.

***3. Điểm tồn tại***

- Trong CTDH, các học phần được giảng dạy theo phương pháp phân tích tình huống và áp dụng hình thức đánh giá sinh viên dựa vào bài thuyết trình cá nhân/nhóm còn chưa nhiều.

***4. Kế hoạch hành động***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Duy trì việc rà soát, cập nhật CTĐT theo kế hoạch của nhà trường, xây dựng CTDH gắn với CĐR | Thường xuyên cập nhật khung CTDH theo khung CTĐT và CĐR | Khoa KH&PT | Kì rà soát năm 2021 theo kế hoạch rà soát CTĐT của nhà trường áp dụng từ K63 |  |
| 2 | Khuyến khích các học phần giảng dạy theo phương pháp phân tích tình huống và đánh giá người học dựa vào bài thuyết trình cá nhân/nhóm. | Rà soát tất cả các ĐCHP chi tiết và điều chỉnh nội dung, phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học. | Khoa KH&PT | Kì rà soát năm 2021 theo kế hoạch rà soát CTĐT của nhà trường áp dụng từ K63 |  |

***5. Tự đánh giá: Đạt 5/7***

**Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng**

***1. Mô tả hiện trạng***

***Toàn bộ các học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR.***

CTDH ngành KTPT được thiết kế theo cấu trúc từ cơ bản đến chuyên sâu, bao gồm các khối kiến thức Giáo dục đại cương, khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp. Khối kiến thức Giáo dục đại cương được thiết kế giảng dạy từ kỳ 1 đến kỳ 5, khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp được giảng dạy từ kỳ 2 đến 7, kỳ 8 dành cho thực tập tốt nghiệp và viết chuyên đề tốt nghiệp **[Mô tả CTDH năm 2019]**. Điều này đảm bảo tính tương thích, kế thừa và phát triển của các học phần trong tổng thể CTDH. Trình tự các học phần mô tả rõ sự phát triển kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức qua nghiên cứu, học tập ở một hoặc nhiều học phần trong một giai đoạn nhất định hoặc trong toàn bộ quá trình đào tạo **[Mô tả CTDH năm 2019]**. Sự gắn kết giữa CĐR của mỗi học phần với CĐR của CTDH được thể hiện rõ thông qua Ma trận kỹ năng và chi tiết hóa trong ĐCHP **[Ma trận kỹ năng ]**, **[Đề cương HP năm 2019]**. Đồng thời các CĐR có sự phát triển xuyên suốt quá trình học tập của sinh viên với mức độ đáp ứng tăng dần theo thời gian học, cũng như tăng theo mức độ chuyên sâu của học phần.

Thông qua Ma trận liên kết CĐR của học phần với CĐR của CTĐT có thể thấy 100% các học phần trong CTDH thể hiện được những đóng góp cụ thể (kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm) nhằm đạt được CĐR, trong đó mỗi CĐR đều có ít nhất 2 học phần đóng góp vào **[Ma trận kỹ năng ]**. Cụ thể, các học phần thuộc khối Giáo dục đại cương cung cấp kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, các kiến thức toán, thống kê và các nguyên lý cơ bản của kinh tế thị trường, thuộc CĐR 1.1.1 và 1.1.2. Các học phần giáo dục thể chất, an ninh quốc phòng cũng được phân nhiệm nhằm đáp ứng CĐR 1.1.3. Đồng thời các học phần này trang bị kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và khả năng phân tích, tổng hợp và các công cụ nền tảng cho việc phân tích định tính, định lượng các vấn đề thực tiễn phát triển thuộc CĐR về kỹ năng chung và kỹ năng chuyên môn (CĐR 2.1.1, 2.2.1), cũng như kỹ năng sử dụng ngoại ngữ phục vụ cho công việc chuyên môn (CĐR 2.2.2). Ngoài ra, các học phần thuộc khối giáo dục đại cương cũng bước đầu giúp người học hình thành năng lực tự học tập, tự nghiên cứu và ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật cũng như các quy định, quy tắc của tổ chức (CĐR 3.1.1, CĐR 3.2.1) **[Mô tả CTDH năm 2019]**. Những kiến thức, kỹ năng và thái độ này giúp người học có thể tích cực nắm bắt các học phần thuộc Khối Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp cũng như phát triển năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Các học phần thuộc khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp tập trung hướng tới các CĐR về kiến thức và kỹ năng chuyên môn. Trong đó, 4 học phần cơ sở ngành trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quát về quan niệm và nội hàm phát triển kinh tế, các mô hình lý thuyết và thực tiễn phát triển kinh tế trên thế giới, cơ sở của sự can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế thị trường, lý thuyết về tài chính tiền tệ và phương pháp phân tích định lượng trong kinh tế. Các kiến thức thu nhận được từ các học phần này giúp sinh viên có khả năng tích hợp kiến thức và kỹ năng để nhận biết bản chất của quá trình phát triển kinh tế, liên hệ với các cơ hội và thách thức đang đặt ra cho quá trình phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển như Việt Nam (CĐR 1.1.2; 1.2.1; 1.2.2; 1.2.3; 2.1.1). Các học phần ngành (gồm 10 bắt buộc và 5 tự chọn) giúp sinh viên nắm vững các các căn cứ, nội dung, quy trình hoạch định chính sách, chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quản lý các quá trình phát triển ở cấp độ vĩ mô cũng như vi mô (CĐR 1.2.3; 1.2.4). Qua các học phần này, người học cũng được tiếp cận và thực hành các kỹ năng phân tích định tính và định lượng, mô hình hóa quá trình phát triển để hiểu rõ bản chất, xu hướng vận động của các quá trình phát triển kinh tế, từ đó cho phép lựa chọn phương án phát triển tối ưu trong điều kiện nguồn lực cho phép và giải pháp chính sách để thực hiện (CĐR 2.1.1; 2.1.2, 2.2.1). Ngoài ra các học phần này giúp sinh viên được mở rộng hiểu biết về môi trường phát triển trong nước và quốc tế; mối quan hệ giữa các ngành và lĩnh vực trong quá trình phát triển; những cơ hội và rủi ro trong phát triển nhằm định hướng phát triển một cách bền vững, đảm bảo sự phát triển hài hòa giữa kinh tế, xã hội và môi trường trong thời đại toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0 (CĐR 1.2.1; 1.2.2) **[Mô tả CTDH năm 2019]**.

Các học phần thuộc khối chuyên sâu của ngành trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cụ thể nhằm xây dựng các phương án phát triển, các chiến lược và chương trình dự án phát triển kinh tế - xã hội theo hướng tích cực, khả thi, hiệu quả và bền vững trên cơ sở môi trường và điều kiện phát triển cụ thể. Để có căn cứ hoạch định phát triển, các học phần cũng trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng phân tích, định lượng các quá trình kinh tế trên các lĩnh vực, các ngành, phương hướng huy động các nguồn lực cho phát triển. Các kỹ năng hoạch định chính sách cũng như phương pháp theo dõi, đánh giá quá trình phát triển cũng được đi sâu trong các học phần chuyên sâu. Từ đó, các học phần chuyên sâu giúp hình thành ở người học các kỹ năng chuyên môn phù hợp với hoạt động thực tế, đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn quản lý các quá trình phát triển (CĐR 1.1.3; 1.2.4; 2.1.2). Bên cạnh đó, các nội dung này hướng tới rèn luyện các kỹ năng giao tiếp bằng văn bản; viết báo cáo và thuyết trình chuyên môn liên quan tới kế hoạch, chiến lược và và các chương trình, dự án phát triển (CĐR 2.2.1, 2.1.2). Các học phần của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tiếp tục củng cố và mở rộng năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học (CĐR 3.1.1; 3.1.2; 3.2.1) **[Mô tả CTDH năm 2019]**.

***Toàn bộ các học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR.***

Mỗi học phần của CTDH ngành KTPT đều có ĐCHP chi tiết, trong đó có trình bày rõ mục tiêu, phương pháp dạy và học cũng như các hình thức kiểm tra, thi cụ thể và được giảng viên công bố trực tiếp ở buổi đầu tiên của lớp học. Hơn nữa, các ĐCHP chi tiết đều xác định từ 3 tới 5 mục tiêu lớn, đồng thời chỉ rõ mỗi mục tiêu tương ứng với CĐR nào của CTDH, cùng trình độ năng lực cần đạt được xếp theo thang 6 cấp độ nhận thức của Bloom, 5 cấp độ kĩ năng và thái độ của Dave và Krathwohl được thể hiện trong ma trận liên kết CĐR **[Ma trận kỹ năng ]**, **[ĐCHP chi tiết năm 2019]**. Các mục tiêu lớn lại được cụ thể hóa thành nhiều mục tiêu chi tiết của học phần (CLOs) **[ĐCHP chi tiết năm 2019]**, và sau đó được liên kết rõ ràng với các nội dung mô tả trong kế hoạch giảng dạy và phương pháp đánh giá học phần. Như vậy có thể thấy từng mục tiêu của mỗi học phần đều hướng tới các CĐR khác nhau được triển khai cụ thể qua mỗi buổi học và được đánh giá trong suốt quá trình giảng dạy.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ, năm học, khóa học. Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thực hiện bằng nhiều phương pháp nhằm mục đích đạt được CĐR của CTDH. Cụ thể, ở mỗi học phần kết quả học tập của sinh viên được đánh giá qua 2 cấu phần: (1) Sự tham gia của từng sinh viên xuyên suốt quá trình học tập thông qua các bài tập, bài kiểm tra, dự án nhóm (chiếm 40-50% kết quả cuối cùng), và (2) thi kết thúc học phần (chiếm 50-60% kết quả cuối cùng). Trong quá trình học, các học phần thuộc khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp đều yêu cầu sinh viên phân tích, đưa ra đề xuất dựa trên các tình huống thực tiễn trong và ngoài nước, với sản phẩm giao nộp dưới các hình thức thuyết trình theo nhóm và/hoặc viết báo cáo. Phương pháp này hướng tới phát triển và củng cố các kỹ năng giao tiếp bằng văn bản; viết báo cáo và thuyết trình chuyên môn và sử dụng được các phần mềm chuyên dụng liên quan tới kế hoạch, chiến lược và thực hiện các mảng công việc được giao (CĐR 2.2.1; 2.2.3). Bên cạnh đó, việc thực hiện các bài tập nhóm rèn luyện cho sinh viên có kỹ năng làm việc độc lập kết hợp với kỹ năng làm việc nhóm năng động và đa dạng (CĐR2.2.1). Đó đều là những yêu cầu quan trọng hướng đến các CĐR về kỹ năng chung. Những học phần hướng tới các CĐR về kỹ năng chuyên môn, cụ thể là khả năng ứng dụng kiến thức được học để giải quyết vấn đề phát triển trong những tình huống cụ thể (CĐR 2.1.1, 2.1.2), thường yêu cầu sinh viên triển khai các dự án với những tình huống thực tế. Bài thi kết thúc học phần đánh giá năng lực cá nhân về mức độ đạt được các CĐR về kiến thức chuyên môn và kiến thức chung, trong đó kết hợp đa dạng các hình thức câu hỏi trắc nghiệm, câu hỏi tự luận, bài tập tình huống.

***Nội dung các học phần trong CTDH thể hiện đạt được CĐR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan.***

CTDH được rà soát, điều chỉnh cấu trúc và nội dung định kỳ theo kế hoạch chung của Nhà trường, trong đó có các văn bản hướng dẫn hình thức và nội dung của ĐCHP chi tiết **[Kế hoạch số 207/KH-ĐHKTQD ngày 06/3/2019]**. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đều được lấy ý kiến đánh giá về nội dung, phương pháp giảng dạy, tác phong, thái độ của giảng viên và mức độ hài lòng đối với học phần đó **[Ý kiến phản hồi của người học]**. Kết quả này được phản hồi tới lãnh đạo bộ môn và giảng viên trực tiếp giảng dạy để có cơ sở điều chỉnh, cập nhật cần thiết cho học phần. Bên cạnh đó, giảng viên và bộ môn phụ trách các học phần cũng chủ động tham khảo các chương trình đại học tiên tiến từ các trường đại học có uy tín trên thế giới, cập nhật các kiến thức hiện đại, hội nhập **[CTĐT của các trường nước ngoài]**. Khoa KH&PT cũng đã chủ động đối chiếu với kết quả khảo sát nhu cầu nhân lực trong lĩnh vực phát triển trên thị trường lao động [**Kết quả khảo sát nhu cầu lao động**], tập hợp các ý kiến của các bên liên quan như giảng viên, cán bộ quản lý, sinh viên, cựu sinh viên, công giới [**Lấy ý kiến của các bên liên quan**]. Nhìn chung các ý kiến đều cho rằng cần gia tăng khối lượng thực hành/thảo luận, tăng cường học phần kỹ năng nghề nghiệp trong CTDH, góp phần giúp cho sinh viên sớm tiếp cận và làm quen với công việc thực tế ngay sau khi tốt nghiệp. Trên cơ sở đó, Khoa thường xuyên cập nhật, cải tiến nội dung, phương pháp giảng dạy, đánh giá học phần nhằm đảm bảo nhằm đảm bảo đạt được CĐR của người học [**biên bản rà soát ĐCHP**], [**biên bản họp HĐ khoa về điều chỉnh CTĐT**]. Sau những lần điều chỉnh, các ĐCHP chi tiết được nhà trường nghiệm thu và thông qua trước khi đưa vào giảng dạy chính thức [**Quyết định 2953**].

***2. Điểm mạnh***

- Hệ thống ĐCHP chi tiết của từng học phần mô tả cụ thể các mục tiêu hướng tới mỗi CĐR và từ đó xây dựng các CĐR cho các học phần (CLOs) và mức độ năng lực người học cần đạt, trong đó có sự liên kết chặt chẽ với phương pháp đánh giá và kế hoạch giảng dạy theo mỗi tuần/mỗi buổi học. Như vậy, các lãnh đạo Khoa và Bộ môn, cùng với giảng viên phụ trách học phần có thể theo dõi và đảm bảo tính liên thông giữa các học phần trong CTDH với CĐR của CTĐT.

- Các phương pháp giảng dạy và đánh giá các học phần thuộc khối kiến thức Giáo dục Chuyên nghiệp tập trung nhiều vào khả năng vận dụng kiến thức của sinh viên. Đồng thời Khoa KH&PT rất chủ động trong việc lắng nghe ý kiến các bên liên quan (sinh viên, cựu sinh viên, công giới), cũng như tham khảo các CTĐT ngành KTPT từ các trường tiên tiến trên thế giới. Do đó, CTDH có tính thực tiễn và cập nhật về nội dung và phương pháp giảng dạy, đánh giá, hướng tới sinh viên tốt nghiệp có khả năng thích ứng sự thay đổi của môi trường quốc tế và trong nước.

***3. Điểm tồn tại***

- Các học phần mặc dù xác định được tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp, đảm bảo các học phần đáp ứng CĐR được phân nhiệm, nhưng các phương pháp dạy và học hiện còn chưa phong phú, các phương pháp đánh giá vẫn chưa đảm bảo hỗ trợ nhau tốt nhất để đạt được CĐR.

- Việc xác định mức độ năng lực người học cần đạt ở các mục tiêu chi tiết học phần (CĐR của học phần – CLOs) chưa thật sự gắn chặt với tiến trình đào tạo để đảm bảo trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng từ nông đến sâu.

***4. Kế hoạch hành động***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Điều chỉnh, cập nhật nội dung, phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá của ĐCCT các học phần sao cho logic với tiến trình đào tạo, đảm bảo trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng từ nông đến sâu, hướng đến đạt được CĐR của CTĐT ở mức tốt hơn. | Rà soát lại toàn bộ hệ thống đề cương, đối chiếu CĐR của học phần (CLOs) theo các nhóm CĐR của CTĐT và mã hóa thống nhất, để dễ kiểm soát sự tương thích với PLOs, đảm bảo các CLOs phân bổ hợp lý theo các mục tiêu của CTĐT, cũng như các kết quả người học đạt được phù hợp với trình độ năng lực cần thiết theo CĐR của CTĐT. | Khoa KH&PT phối hợp với các Khoa /Viện khác có liên quan | Kì rà soát năm 2021 theo kế hoạch rà soát CTĐT của nhà trường áp dụng từ K63 |  |
| 2 | Cập nhật nội dung, phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá đối với các học phần thuộc Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp để đảm bảo hỗ trợ nhau tốt nhất trong việc đạt được CĐR | Đẩy mạnh việc tham khảo các chương trình đào tạo tiên tiến trên thế giới và huy động sự tham gia của các bên liên quan, nhất là cựu sinh viên và tổ chức và doanh nghiệp. | Khoa KH&PT | Kì rà soát năm 2021 theo kế hoạch rà soát CTĐT của nhà trường áp dụng từ K63 |  |

***5. Tự đánh giá: Đạt 5/7***

**Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.**

***1. Mô tả* *hiện trạng***

***Các học phần trong CTDH ngành KTPT được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất.***

CTDH được thiết kế gồm có 40 học phần với tổng số 128 tín chỉ (không kể Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất), bao gồm khối kiến thức Giáo dục đại cương có 14 học phần với tổng số 44 tín chỉ (chiếm 34,4%) và khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp có 26 học phần với tổng số 84 tín chỉ (chiếm 65,6%). Trong khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp, kiến thức cơ sở ngành gồm có 4 học phần với tổng số 12 tín chỉ, kiến thức ngành gồm có 15 học phần với tổng số 44 tín chỉ, kiến thức chuyên sâu gồm có 6 học phần với tổng số 18 tín chỉ, chuyên đề thực tập với 10 tín chỉ. Cơ cấu các khối kiến thức trong CTDH cho thấy sự cân đối và hợp lý (bảng 3.3), đáp ứng yêu cầu của Bộ GD&ĐT **[Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015]** và của Trường ĐHKTQD trong đào tạo cử nhân ngành KTPT **[Quyết định số 389/QĐ-ĐHKTQD ngày 8/3/2019]**. Các học phần bắt buộc thuộc kiến thức ngành và các học phần thuộc kiến thức chuyên sâu do Khoa KH&PT giảng dạy và nội dung của các học phần đó đã được thảo luận cấp Bộ môn và Hội đồng Khoa nhằm đảm bảo tính tích hợp liên môn, với trình tự logic, rõ ràng về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và tự trách nhiệm cần trang bị cho người học trong suốt quá trình đào tạo.

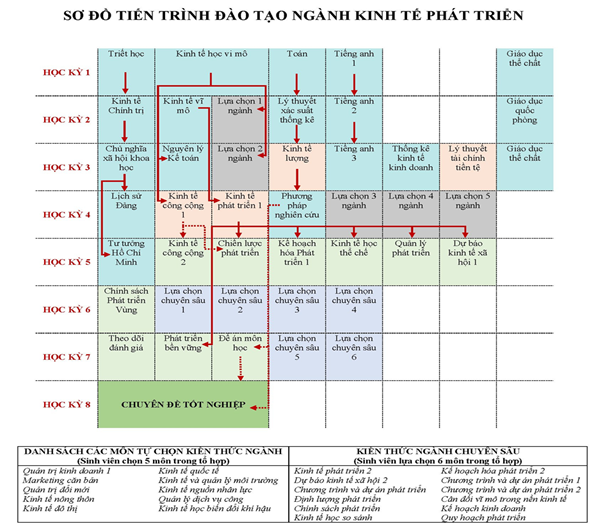
**Bảng 3.3. Các học phần trong CTDH ngành KTPT năm 2019**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khối kiến thức** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** |
| **1** | **Giáo dục đại cương** | * Triết học Mác - Lênin * Kinh tế chính trị Mác - Lênin * Chủ nghĩa xã hội khoa học * Lịch sử ĐCS Việt Nam * Tư tưởng Hồ Chí Minh * Ngoại ngữ * Toán cho các nhà kinh tế * Pháp luật đại cương * Kinh tế vi mô 1 * Kinh tế vĩ mô 1 * Thống kê trong KT&KD * Lý thuyết xác suất và thống kê toán * Nguyên lý kế toán * Phương pháp nghiên cứu KT-XH | **44** |
| **2** | **Giáo dục chuyên nghiệp** |  | **84** |
| 2.1 | ***Kiến thức cơ sở ngành*** | * Lý thuyết tài chính tiền tệ * Kinh tế lượng 1 * KTPT 1 * Kinh tế công cộng 1 | 12 |
| 2.2 | ***Kiến thức chuyên ngành*** |  | 44 |
| 2.2.1 | Các học phần bắt buộc | * Dự báo kinh tế xã hội 1 * Kinh tế công cộng 2 * Kế hoạch hóa phát triển 1 * Chiến lược phát triển * Theo dõi và đánh giá phát triển * Quản lý phát triển * Kinh tế và chính sách PT vùng * Phát triển bền vững * Kinh tế học thể chế * Đề án Ngành KTPT | 29 |
| 2.2.2 | Các học phần tự chọn (chọn 5 học phần) | * Quản trị kinh doanh 1 * Marketing căn bản * Quản trị đổi mới * Kinh tế nông thôn * Kinh tế đô thị * Kinh tế quốc tế * Kinh tế và quản lý môi trường * Kinh tế nguồn nhân lực * Quản lý dịch vụ công * Kinh tế học biến đổi khí hậu | 15 |
| 2.3 | ***Kiến thức chuyên sâu***  (chọn 6 học phần) | * **KTPT** * KTPT 2 * Dự báo kinh tế xã hội 2 * Chương trình và dự án phát triển * Định lượng phát triển * Chính sách phát triển * Kinh tế học so sánh * **Kế hoạch** * Kế hoạch hóa phát triển 2 * Chương trình và dự án phát triển 1 * Chương trình và dự án phát triển 2 * Cân đối vĩ mô trong nền kinh tế * Kế hoạch kinh doanh * Quy hoạch phát triển | 18 |
| 2.4 | ***Chuyên đề thực tập*** |  | 10 |

*Nguồn: Mô tả CTDH năm 2019*

***Tất cả các học phần trong CTDH được bố trí khoa học và hợp lý*** theo trình tự học phần, xác định rõ học phần tiên quyết, học kỳ giảng dạy của học phần, thời lượng cho mỗi học phần ở từng học kỳ qua 4 năm học. Các học phần được sắp xếp theo thứ tự từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên sâu. Các kiến thức giáo dục đại cương được tập trung chủ yếu trong 5 học kỳ đầu. Ngay từ học kỳ 2 sinh viên đã sớm được tiếp cận với các học phần thuộc kiến thức ngành và các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành từ học kỳ 3. Các học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên sâu được thiết kế giảng dạy chủ yếu từ học kỳ 5, 6, 7. Nhìn chung, các học phần kết thúc ở kỳ trước sẽ làm nền tảng cho các học phần ở các kỳ tiếp theo. Các học phần tự chọn và bắt buộc thuộc kiến thức chuyên ngành đều có các học phần cơ sở ngành tiên quyết. Ví dụ: để có thể đăng ký và học được học phần Kinh tế công cộng 2 được giảng dạy vào học kỳ 5 thì sinh viên bắt buộc phải học trước học phần Kinh tế công cộng 1. Đặc biệt, ngành KTPT có hai hướng chuyên sâu là KTPT và Kế hoạch được thiết kế vào học kỳ 6,7, sinh viên được lựa chọn 6 học phần chuyên sâu trong tổ hợp lựa chọn (hình 3.1). Điều đó đã giúp cho sinh viên được lựa chọn học các học phần phù hợp với định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp. Thực tập tốt nghiệp và chuyên đề tốt nghiệp thường được bố trí ở học kỳ 8 (đối với sinh viên học vượt thì được thiết kế ở kỳ 7). Các học phần trong CTDH được sắp xếp theo một trình tự khoa học, hợp lý và mang màu sắc riêng của ngành KTPT.**[Mô tả CTDH 2019]**

**Hình 3.1. Trình tự các học phần ngành KTPT năm 2019**



*Nguồn: Mô tả CTDH năm 2019*

Các học phần trong CTDH của Ngành KTPT được bố trí hợp lý từ học kì 1 đến học kì 8 như hình 3.1, mỗi học kì có tổng số tín chỉ giao động từ 14-20 tín chỉ (trừ học kì 8 có 10 tín chỉ thực tập cuối khóa) nhằm đảm bảo tính phù hợp với thời gian học tối đa hoặc tối thiểu của sinh viên. Học kỳ 1,2 sinh viên được học chủ yếu các học phần thuộc khối kiến thức chung, sang học kỳ 3,4,5 sinh viên được học chủ yếu các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành nhằm trang bị các kiến thức và các kỹ năng để học tốt các học phần chuyên sâu ở học kỳ 6,7. Việc bố trí qua 8 học kỳ trên bảng Ma trận liên kết học phần thể hiện rõ các học phần điều kiện tiên quyết, học phần nào học trước, học phần nào được học ở học kỳ tiếp theo, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên sắp xếp lịch học và đăng ký các học phần trong từng học kỳ một cách linh động, giúp sinh viên có thể chủ động tốt nghiệp trước thời hạn trong quy định cho phép. Các học phần giữa các khối kiến thức của CTDH có tính tích hợp và kế thừa, đảm bảo cả về kiến thức và kỹ năng cho người học **[Ma trận kỹ năng ]**.

***CTDH ngành KTPT đã được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật thường xuyên*** theo kế hoạch chung của Nhà trường, trong đó có quy định về hình thức và nội dung của ĐCHP chi tiết phải đạt được để đảm bảo tính thống nhất và yêu cầu chung **[Kế hoạch số 207/KH-ĐHKTQD ngày 06/3/2019]**. Tất cả các ĐCHP chi tiết trong CTDH đều thể hiện rõ mã học phần; số tín chỉ; mục tiêu học phần, CĐR của học phần, cấu trúc học phần, ma trận liên kết nội dung chương mục với các CĐR; điều kiện tiên quyết của học phần; thời lượng học phần chia ra thời lượng dành cho lý thuyết, thực hành, tự học; phương pháp giảng dạy, học tập; phương thức kiểm tra/đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo **[Đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT ngành KTPT năm 2019]**. Trong giai đoạn 2017-2019, các ĐCHP chi tiết phần đã được rà soát, điều chỉnh cấu trúc và cập nhật nội dung liên tục 1 năm 1 lần, phù hợp với mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành KTPT **[CTĐT ngành KTPT năm 2017,2018,2019]**. Nếu năm 2017, những thông tin về mục tiêu, CĐR đã chi tiết nhưng còn chưa cụ thể trong ĐCHP chi tiết **[Mô tả CTĐT năm 2017]** thì đến năm 2018, mục tiêu và CĐR đã thể hiện được rõ nét của ngành KTPT nhưng chưa được thiết kế dựa theo các khung năng lực tiêu chuẩn **[Mô tả CTĐT năm 2018]**. Đến năm 2019, ĐCHP chi tiết đã được thiết kế dựa theo thang năng lực Bloom, Dave và Krathwolh. Bên cạnh đó, CTDH năm 2019 đã thể hiện được mối quan hệ giữa CĐR của CTĐT với CĐR yêu cầu đối với từng học phần thông qua bảng Ma trận liên kết các học phần và CĐR **[Mô tả CTDH năm 2019]**.

***CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước hoặc quốc tế đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.***

Việc rà soát, điều chỉnh CTDH ngành KTPT được tiến hành định kỳ bởi Bộ môn và được Hội đồng Khoa học của Khoa và Nhà trường thông qua dựa trên phản hồi của các bên liên quan **[Kết quả tọa đàm lấy ý kiến của các bên liên quan].** Bên cạnh đó, CTDH khi được điều chỉnh đã có tham khảo các CTĐT của các trường Đại học uy tín trong nước và quốc tế nhằm cập nhật những kiến thức mới nhất trong chuyên ngành và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các đơn vị sử dụng lao động. Cụ thể, khi đối sánh với CTĐT của SOAS university và Richmond uniniversity **[CTĐT của ĐH SOAS và Richmond University]**, CTDH đảm bảo tính tương thích với chương trình quốc tế thể hiện ở các học phần như KTPT; Kinh tế học Thể chế; Dự báo phát triển kinh tế xã hội …; và tăng cường khả năng phân tích định lượng với việc bổ sung học phần Định lượng phát triển **[Biên bản họp HĐ Khoa]**. Trên cơ sở đó, các ĐCHP chi tiết cũng được điều chỉnh và cập nhật trong CTDH **[Đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT ngành KTPT]**. Điều này giúp cho CTDH cử nhân ngành KTPT có được tính tích hợp và liên thông quốc tế, tạo điều kiện tốt để sinh viên có thể học chuyển tiếp sau đại học tại các trường Đại học uy tín quốc tế.

***2. Điểm mạnh***

- CTDH ngành KTPT được thiết kế logic; theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao, giúp sinh viên vận dụng tốt hơn những kiến thức lý thuyết vào thực tiễn.

- CTDH không chỉ trang bị các kiến thức và kỹ năng cần thiết mà còn giúp cho sinh viên có tư duy logic, tổng hợp khi tiếp cận và giải quyết các vấn đề, có khả năng thích ứng nhanh, đáp ứng được yêu cầu của công việc ngay sau khi tốt nghiệp.

***3. Điểm tồn tại***

- Việc lấy ý kiến phản hồi của sinh viên, cựu sinh viên và các đơn vị sử dụng lao động được thực hiện chưa liên tục và đều đặn. Do đó, tính cập nhật của CTDH ngành KTPT còn một số hạn chế trong việc đáp ứng nhu cầu thực tế về nguồn nhân lực.

***4. Kế hoạch hành động***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Liên tục lấy ý kiến của các bên liên quan về CTDH để làm căn cứ cho việc rà soát và cập nhật CTĐT trong lần rà soát định kỳ tiếp theo. | Phối hợp chặt chẽ với Phòng công tác chính trị và quản lý sinh viên triển khai việc lấy ý kiến của sinh viên, cựu sinh viên và các đơn vị sử dụng lao động về CTDH của ngành KTPT. | Khoa KH&PT và phòng CTCT&QLSV | Định kỳ theo KH của nhà trường và Khoa |  |

***5. Tự đánh giá: đạt mức 5/7***

**Kết luận về Tiêu chuẩn 3:**

CTDH ngành KTPT được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT ngành KTPT; có mục tiêu cụ thể, rõ ràng logic, có tính hệ thống, có cấu trúc hợp lý, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm. Đề cương chi tiết từng học phần đều thể hiện sự gắn kết nội dung, phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá của học phần với CĐR của CTĐT.

Hệ thống ĐCHP chi tiết mô tả cụ thể các mục tiêu (CLOs) hướng tới mỗi CĐR và mức độ năng lực người học cần đạt, trong đó có sự liên kết chặt chẽ với phương pháp đánh giá và kế hoạch giảng dạy theo mỗi tuần/mỗi buổi học. Các phương pháp giảng dạy và đánh giá các học phần thuộc khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp tập trung nhiều vào khả năng vận dụng kiến thức của sinh viên. Đồng thời Khoa KH&PT rất chủ động trong việc lắng nghe ý kiến các bên liên quan (sinh viên, cựu sinh viên, công giới) cũng như tham khảo các CTĐT ngành KTPT từ các trường tiên tiến trên thế giới.

CTDH của ngành KTPT được thiết kế logic, theo trật tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao, phản ánh được mục tiêu đào tạo và yêu cầu CĐR của CTĐT, đáp ứng xu hướng phát triển của ngành KTPT trên thế giới và trong khu vực. CTDH cung cấp các năng lực cần thiết cho sinh viên, đáp ứng yêu cầu thực tế về nhân lực của xã hội. Cấu trúc CTDH chú trọng cả bề rộng lẫn chiều sâu; các học phần luôn được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung theo hướng tích hợp, cập nhật xu hướng đào tạo của các trường đại học uy tín trên thế giới, do đó trợ giúp sinh viên tốt hơn trong việc đạt được CĐR.

Tuy nhiên, một số học phần của CTDH chưa thực sự hấp dẫn sinh viên, dẫn tới tình trạng một số sinh viên chưa tập trung cho việc học tập. Hiện nay, các học phần tương đối độc lập trong việc xác định mục tiêu của môn học bám theo CĐR, dẫn tới tình trạng một số học phần chỉ tập trung hướng tới một số CĐR. Việc xác định mức độ năng lực người học cần đạt ở các mục tiêu chi tiết học phần (CĐR của học phần – CLOs) chưa thật gắn chặt với tiến trình đào tạo để đảm bảo trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng từ nông đến sâu.

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp và các đơn vị sử dụng lao động giúp cho việc điều chỉnh CTDH ngành KTPT được thực hiện chưa liên tục và đều đặn. Do đó, tính cập nhật của CTDH ngành KTPT còn một số hạn chế trong việc đáp ứng nhu cầu thực tế về nguồn nhân lực.

Với tình trạng đó, Khoa KH&PT sẽ tiếp tục hoàn thiện CTDH như đã đề cập trong Kế hoạch hành động.

## TIÊU CHUẨN 4: PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC

**Mở đầu**

Hoạt động dạy và học luôn là hoạt động quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Do đó, việc tổ chức các hoạt động dạy và học nhằm đạt được các yêu cầu của CĐR thông qua phương pháp giảng dạy đa dạng của GV và phương pháp truyền đạt, hướng dẫn phù hợp với NH luôn được Nhà trường và Khoa coi là nhiệm vụ hàng đầu. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học CTĐT ngành KTPT được thiết kế nhằm đảm bảo truyền tải được mục tiêu giáo dục, phù hợp và nhất quán với triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường. Khoa luôn khuyến khích GV và NH cập nhật, đổi mới hoạt động dạy và học của từng học phần trong CTĐT ngành KTPT đồng thời thúc đẩy người học rèn luyện được các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời. Phần dưới đây sẽ trình bày những đánh giá các tiêu chí thuộc tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.

Tiêu chí 4.1: Triết lí giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. **Mô tả hiện trạng**

Trường ĐH KTQD là trường đầu ngành đào tạo về lĩnh vực kinh tế, quản lý và kinh doanh ở Việt Nam. Từ năm 2015, Nhà trường được Thủ tướng Chính phủ cho phép thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động theo cơ chế tự chủ tại quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/3/2015. Trong quyết định đã xác định mục tiêu giáo chung của Nhà trường là: “ĐH KTQD chủ động khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn lực để đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động, phấn đấu trở thành một trường đại học định hướng nghiên cứu theo các chuẩn mực khu vực và quốc tế; đồng thời bảo đảm sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, sinh viên là đối tượng chính sách có cơ hội tiếp cận các chương trình đào tạo của Trường.” [QĐ 368- Đề án thí điểm tự chủ - 17.3.2015.pdf].

Triết lý giáo dục của Nhà trường được văn bản hóa và được tuyên bố chính thức trong Chiến lược trườngĐHKTQD 2021-2030 , đó là:“Kiến tạo con đường thông minh để mỗi người trở thành phiên bản tốt nhất của chính mình, mang lại giá trị cho cộng đồng”. Triết lý giáo dục của Nhà trường là định hướng căn bản, là những nguyên lý nền tảng chỉ đạo việc xác lập mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy và học, hệ giá trị cần vươn tới, cách tổ chức và con đường xây dựng, cải thiện chất lượng giáo dục của Nhà trường. Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được cụ thể bằng văn bản, được tuyên bố và phổ biến tới các bên liên quan trong Chiến lược phát triển Trường ĐH KTQD giai đoạn 2021- 2030, đó là: “Đến năm 2030, ĐH KTQD trở thành đại học tự chủ, đi tiên phong trong chuyển đổi số, có hệ thống quản trị hiện đại, thông minh và chuyên nghiệp đạt chuẩn kiểm định quốc tế. Trường là trung tâm thu hút đào tạo và bồi dưỡng nhân tài, địa điểm làm việc của những chuyên gia hàng đầu trong đào tạo và nghiên cứu về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, là lựa chọn ưu tiên cao nhất của các học sinh xuất sắc có hoài bão và tâm huyết để đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng và xã hội.” [ Quyết định số 314/QĐ-ĐHKTQD, ngày 20/7/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành chiến lược phát triển TrườngĐHKTQD giai đoạn 2021-2030, chưa có link (trong bản này mới có triết lý giáo dục)[ Chiến lược phát triển Trường ĐHKTQD 2021-2030 trên trang thông tin điện tử (Website) của Trường ĐHKTQD (trong bản này không có triết lý giáo dục]

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường đã được chuyển thể thành các hướng dẫn về Chương trình đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy áp dụng từ khóa 59 và bản mô tả chương trình đào tạo; Ma trận ma trận chuẩn đầu ra với các học phần của các chương trình đào tạo trình độ Đại học hệ Chính quy của Trường ĐHKTQD [Quyết định 1487/QĐ-ĐHKTQD ngày 25/9/2017 về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy áp dụng từ khóa 59], [ Quyết định số 2953/QĐ-ĐHKTQD ngày 31/12/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành bản mô tả chương trình đào tạo; Ma trận ma trận chuẩn đầu ra với các học phần của các chương trình đào tạo trình độ Đại học hệ Chính quy của Trường ĐHKTQD]. Khoa KH&PT tiếp thu, cụ thể hóa trong CTĐT của Khoa và được công bố rộng rãi thông qua các quyết định ban hành CTĐT, bản mô tả CTĐT ngành KTPT. Cụ thể, CTĐT cử nhân ngành KTPT hướng tới mục tiêu đào tạo cử nhân KTPT có kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh hiện đại; có hiểu biết về KTPT và các vấn đề thời sự trong phát triển; có khả năng phân tích, hoạch định, tổ chức thực hiện và theo dõi đánh giá được quá trình phát triển của nền kinh tế ở các cấp độ hoạt động. Cử nhân KTPT có khả năng phân tích định tính và định lượng các vấn đề phát triển; Hoạch định và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực kinh tế - xã hội; Cử nhân KTPT có thể giao tiếp chuyên môn bằng cả văn bản và giao tiếp thông thường, có thể đọc hiểu các tài liệu chuyên môn bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh, có thể sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng thông dụng và sử dụng được một vài phần mềm chuyên dụng như SPSS, Stata hay Eview… Ngoài ra, cử nhân KTPT có khả năng cập nhật kiến thức, độc lập nghiên cứu và tự học để đáp ứng yêu cầu của công việc. Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành nghiêm pháp luật Nhà nước. Cử nhân KTPT là những người biết tuân thủ quy tắc, quy định của cơ quan, tổ chức, địa phương, có thái độ chuyên nghiệp, tự tin, là những người chịu được áp lực công việc; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có chính kiến, là những người biết lắng nghe và tư duy phản biện. Cử nhân KTPT có sức khỏe và có đủ năng lực tự học tập, nghiên cứu bồi dưỡng để nâng cao trình độ và có khả năng trở thành công dân toàn cầu, có khả năng phối hợp, thích ứng nhanh trong bối cảnh toàn cầu hóa. [ Quyết định số 1246/QĐ-ĐHKTQD ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Hiệu trưởng về chương trình đào tạo ngành KTPT.]; [ Quyết định số 1345/QĐ-ĐHKTQD ngày 26 tháng 7 năm 2021 về bản mô tả CTĐT ngành KTPT]; [ Quyết định về Bản mô tả Chuẩn đầu ra, Ma trận kỹ năng ngành KTPT**]**

Triết lý giáo dục và các mục tiêu giáo dục của Nhà trường được thảo luận, lấy ý kiến của tất cả các cán bộ chủ chốt của Nhà trường trước khi được thông qua và tuyên bố chính thức trong Chiến lược phát triển của trường 2021-2030 cũng như phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan trên Website của trường, thông qua các Hội nghị Đại hội viên chức, người lao động của Nhà trường, các buổi lễ kỷ niệm, qua các nội dung in trong Sổ công tác của trường. [ Hội nghị cán bộ chủ chốt về Chiến lược phát triển Trường tại Hạ Long, năm 2019]; [ Thông báo chương trình hội nghị cán bộ chủ chốt hè 2019 và hội thảo chiến lược NEU] [ Sổ công tác năm học 2015-2020] Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Nhà trường và mục tiêu của CTĐT đã được Khoa truyền tải đến các bên liên quan bằng hình thức công bố công khai trên Website của Khoa, gửi email hoặc gửi bản cứng đến tất cả CB-GV-NV của Khoa để SV, GV, nhà tuyển dụng và các bên liên quan được biết và góp ý. [ Quyết định số 314/QĐ-ĐHKTQD, ngày 20/7/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành chiến lược phát triển TrườngĐHKTQD giai đoạn 2021-2030. chưa có link, chưa đưa lên web Khoa] [ Chiến lược NEU 2021-2030 trên trang thông tin điện tử (Website) của TrườngĐHKTQD]Đối với NH, Nhà trường đã truyền tải các triết lý giáo dục, mục tiêu đào tạo trong tuần sinh hoạt Công dân đầu khóa ở cả cấp trường do Phòng CTCT&QLSV chủ trì. Qua tuần sinh hoạt này sẽ giúp NH hiểu rõ hơn về vai trò chủ động tích cực của chính mình trong quá trình học tập cũng như giúp NH nhận thức được về triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục nhằm đáp ứng được mục tiêu đào tạo chung của Nhà trường. [ KH 1163 - Tổ chức Tuần Sinh hoạt công dân đầu khóa K61-8.8.2019] [ [Tài liệu sinh hoạt SV đầu khoá 61-2019] [ Kết quả tổng kết 01 bài kiểm tra sau khoa học sinh hoạt chính trị đầu khóa đánh giá về nhận thức của sinh viên đối với chiến lược phát triển và mục tiêu giáo dục] Trong buổi gặp gỡ tân SV của Khoa, BCN Khoa, Cố vấn học tập đã cung cấp đầy đủ các thông tin về CTĐT, mục tiêu, nội dung, phương pháp học tập, CĐR, vị trí việc làm cũng như chia sẻ của các thầy cô, các anh chị khóa trước về triết lý giáo dục, về kinh nghiệm học tập. [Ảnh gặp gỡ sinh viên đầu khóa của Khoa].

Theo quy định của Nhà trường, các GV là cố vấn học tập sinh hoạt với NH theo kỳ, khoảng 2-3 lần trong đó lần 1 thường là đầu kỳ để trao đổi về kết quả học tập trong kỳ trước và phát động phong trào SV nghiên cứu khoa học, lần 2 khi Nhà trường triển khai các hoạt động thường niên, các dịp đặc biệt hoặc lấy ý kiến người học về chương trình đào tạo, về cơ sở vật chất, về văn hóa giao tiếp của các bộ phận trong trường với SV…. và lần 3 vào cuối học kỳ để đánh giá kết quả rèn luyện của SV trong học kỳ vừa qua và lên kế hoạch đăng ký, lựa chọn các môn học phù hợp cho học kỳ tiếp theo. Qua những trao đổi giữa CVHT và SV trong các buổi sinh hoạt lớp, các SV có thể hiểu rõ hơn về mục tiêu đào tạo của Khoa được công bố trong CTĐT ngành KTPT, bản mô tả Chuẩn đầu ra, Ma trận kỹ năng ngành KTPT K61. **[** Quy định về công tác CVHT 2014.pdf**][**[..\](http://../Minh%20chứng%20TC%204.1/H4.04.01.19%20QĐ%201195-01.8.2018.%20Quy%20định%20công%20tác%20Cố-vấn-học-tập.pdf)QĐ 1195-01.8.2018. Quy định công tác Cố-vấn-học-tập.pdf;[..](http://../Minh%20chứng%20TC%204.1/H4.04.01.19%20QĐ%20911-03.9.2019.%20Bổ%20nhiệm%20cố%20vấn%20học%20tập.pdf)QĐ 911-03.9.2019. Bổ nhiệm cố vấn học tập.pdf**] [**[.](http://../Minh%20chứng%20TC%204.1/H4.04.01.20%20QĐ1246-QĐ%20ban%20hành%20CTĐT%20K61-18.6.2019.pdf)QĐ1246-QĐ ban hành CTĐT K61-18.6.2019.pdf (chưa có link web)] [QĐ1246-ĐHKTQD Chương trình đào tạo KTPT 61.doc**] [** CĐR K61 KTPT - Trường.docx (chưa có link web)**]** Sau khi thu thập thông tin từ biên bản các buổi sinh hoạt lớp, các buổi tọa đàm cấp Khoa, Nhà trường cũng tổ chức các buổi tọa đàm, đối thoại giúp NH hiểu rõ hơn về vai trò chủ động tích cực của NH trong quá trình học tập cũng như triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Nhà trường. [ Biên bản họp lấy ý kiến 2019 2 tọa đàm giữa Khoa KH&PT với các bên liên quan]

Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa cũng truyền tải các triết lý giáo dục trong chương trình văn nghệ chào mừng tân SV của Trường và đặc biệt của Khoa KH&PT. Trong chương trình này, các anh chị SV trong đội văn nghệ của Khoa sẽ giúp các em tân SV chuẩn bị nhiều tiết mục văn nghệ, tiết mục kịch để giới thiệu về lớp mình, nhiều hoạt cảnh các em tự biên tập trong nội dung có lồng ghép mục tiêu giáo dục, mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra của ngành KTPT và vị trí việc làm của cử nhân ngành KTPT. Chẳng hạn, khi biểu diễn hoạt cảnh các em đưa slogan của Khoa là “kế hoạch tối ưu, phát triển bền vững” vào phần thoại trong những tình huống hài hước. [ Hình ảnh buổi văn nghệ chào Tân sinh viên K61] Hình thức truyền tải nhẹ nhàng và sâu lắng này đã giúp tất cả các SV cũng như GV trong Khoa ghi nhớ mục tiêu của CTĐT ngành KTPT một cách dễ dàng. Do vậy, trong quá trình chuẩn bị bài giảng, các GV trong Khoa đã lựa chọn phương pháp dạy và học phù hợp với CTDH nhằm đạt được CĐR và mục tiêu đào tạo. Các GV trong Khoa thường giành một phần hoặc toàn bộ buổi học đầu tiên để chia sẻ về vai trò, vị trí của môn học trong ma trận kỹ năng ngành KTPT cũng như giới thiệu về mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá học phần mình phụ trách [ [Ban hanh ban mo ta CTDT, CĐR, MTKN - Khoa.pdf](http://../Minh%20chứng%20TC%204.1/H4.04.01.24%20QĐ%202953-31.12.2019%20Ban%20hanh%20ban%20mo%20ta%20CTDT,%20CĐR,%20MTKN%20-%20Khoa.pdf) ] [ [CĐR K61 KTPT - Khoa.docx](http://../Minh%20chứng%20TC%204.1/H4.04.01.25%20Chuẩn%20bị.%20CĐR%20K61%20KTPT%20-%20Khoa.docx)] [ Bộ đề cương các môn học trong CTĐT ngành KTPT].

Đối với các bên liên quan như các phụ huynh và sinh viên tiềm năng, Nhà trường và Khoa thường cung cấp thông tin về mục tiêu giáo dục của Nhà trường và Khoa qua các Ngày hội tư vấn tuyển sinh được tổ chức hàng năm. Trong đợt một, đại diện Nhà trường và các Khoa thường đến các trường chuyên tại các tỉnh thành phố gần Hà Nội như Bắc Ninh, Bắc Giang, Phú Thọ, Quảng Ninh, Hải Phòng … để tư vấn tuyển sinh, giải đáp thắc mắc của các em học sinh lớp 12 của các trường chuyên liên quan đến điều kiện tuyển sinh của Nhà trường và CTĐT của các Khoa. Ngày hội tư vấn tuyển sinh đợt hai của Nhà trường và Khoa thường được tổ chức khi các em học sinh lớp 12 đã có điểm thi tốt nghiệp, và thường tổ chức tại trường trong không gian mở ở khuôn viên trường ĐH KTQD. Các em SV đang học trong Khoa sẽ phát tờ rơi thông tin tuyển sinh và các GV trong Khoa sẽ trực tiếp chia sẻ về mục tiêu giáo dục và CTĐT của Nhà trường và của Khoa cho các phụ huynh, học sinh có quan tâm. [[trang thông tin điện tử của Trường về tuyển sinh.docx](http://../Minh%20chứng%20TC%204.1/H4.04.01.27%20Trang%20thông%20tin%20điện%20tử%20của%20Trường%20về%20tuyển%20sinh.docx)] [[Trang thông tin điện tử của Khoa về tuyển sinh.docx](http://../Minh%20chứng%20TC%204.1/H4.04.01.28%20Trang%20thông%20tin%20điện%20tử%20của%20Khoa%20về%20tuyển%20sinh.docx)] [[Tờ rơi tư vấn Tuyển sinh KH&PT 2020.pdf](http://../Minh%20chứng%20TC%204.1/H4.04.01.29%20Tờ%20rơi%20tư%20vấn%20Tuyển%20sinh%20KHPT%202020.pdf)]

Đối với các bên liên quan như các cựu sinh viên của Khoa, các doanh nghiệp tuyển dụng, các tổ chức tuyển dụng… Nhà trường và Khoa thường thực hiện phương thức chia sẻ mục tiêu giáo dục thông qua các buổi tọa đàm, các buổi giao lưu gặp gỡ cựu sinh viên nhằm dễ dàng trao đổi, tiếp thu các ý kiến đóng góp đồng thời thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa các bên liên quan với Khoa và Nhà trường. [Biên bản họp lấy ý kiến 2019 2 tọa đàm giữa Khoa KH&PT với các bên liên quan]

**2. Điểm mạnh**

Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Trường và mục tiêu giáo dục của Khoa được văn bản hóa [Chiến lược phát triển của trường 2021-2030]; [Quyết định số 1246/QĐ-ĐHKTQD ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Hiệu trưởng về chương trình đào tạo ngành KTPT], được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến rộng rãi tới tất cả các bên liên quan như GV/NH/ Phụ huynh và các SV tiềm năng/ cựu SV/các nhà tuyển dụng… bằng nhiều hình thức khác nhau.

**3. Điểm tồn tại**

Mặc dù Nhà trường và Khoa đã thực hiện các buổi tọa đàm và lấy ý kiến cựu sinh viên về nhiều nội dung trong đó có nội dung về CTĐT. Tuy nhiên, trước năm 2018 thông tin nhà trường thu được chủ yếu là thông tin chung của các CTĐT trong khối ngành Kinh tế. Với cấp khoa, hàng năm khoa đều có các hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan thông qua các buổi tọa đàm, các buổi giao lưu của sinh viên khoa với cựu sinh viên và các nhà quản lý, các nhà lãnh đạo doanh nghiệp nhưng quy mô còn hạn chế nên các nội dung góp ý cho CTĐT của ngành KTPT chưa được như mong muốn.

Ngoài ra, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động truyền thông, tư vấn tuyển sinh của Khoa còn thụ động, phụ thuộc nhiều vào Nhà trường mà chưa tận dụng tiềm năng truyền thông từ mạng lưới cựu SV - những người phần lớn đang làm việc đúng trong ngành KTPT và đang sinh sống ở khắp mọi miền đất nước, đang làm việc ở khắp các Bộ, ban ngành, các công ty, doanh nghiệp, các tổ chức, các đơn vị có liên quan nên hiệu quả phổ biến mục tiêu giáo dục của Khoa chưa cao.

**4. Kế hoạch hành động**

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 2 | Phổ biến mục tiêu giáo dục của Khoa trong CTĐT ngành KTPT tới các bên liên quan đặc biệt là cựu sinh viên | Xây dựng kế hoạch khảo sát từ các bên liên quan, đặc biệt là các cựu SV khoa KHPT về mục tiêu giáo dục Khoa trong CTĐT ngành KTPT theo nhiều hình thức, phù hợp với bối cảnh dịch bệnh Covid 19 còn diễn biến phức tạp.  Thực hiện điều tra, khảo sát các cựu SV của Khoa với quy mô rộng thông qua các thông tin từ các cựu cán bộ lớp, các CVHT là các giáo viên đang giảng dạy tại Khoa và gửi trực tiếp cho cựu SV qua trang mạng xã hội. | Khoa KH&PT | Từ tháng 02-04/2022 |  |
| 1 | Tuyên bố rõ ràng mục tiêu giáo dục của Khoa trong CTĐT ngành KTPT theo diện rộng | Khi tham gia các hoạt động truyền thông của Nhà trường, Khoa sẽ chủ động, kết hợp để thu thập thông tin, ý kiến góp ý trên diện rộng của về mục tiêu giáo dục và CTĐT của ngành KTPT.  Tổ chức 02-03 buổi tọa đàm trực tuyến về đổi mới CTĐT để qua đó lấy ý kiến về nội dung phần thực hành để cập nhật tính thực tiễn. | Khoa KH&PT | Từ tháng 04-05/2022 |  |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7**

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

**1. Mô tả hiện trạng**

Nội dung Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu năng lực của người học sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDĐH và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đã được Trường ĐH KTQD triển khai thực hiện trong Công văn 1614 ngày 8/11/2018 về hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Quyết định số 1246/QĐ-KTQD ngày 18/6/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy, áp dụng cho K61 của các ngành đào tạo của trường, kèm theo đó là bản mô tả CTĐT ngành KTPT. **[** Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu năng lực của người học sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDĐH và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ**]**; **[** Công văn 1614 ngày 8/11/2018 về hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**]**; **[** Quyết định 1246/QĐ-KTQD về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy, áp dụng cho K61 ngành KTPT**]**

Thực hiện cụ thể hóa các hướng dẫn của Bộ Giáo dục và của Trường ĐH KTQD, Khoa KHPT đã xây dựng bản mô tả Chuẩn đầu ra, Ma trận kỹ năng ngành KTPT. Tiếp tục thực hiện chỉ đạo của các cấp, các GV trong Khoa tiếp tục thiết kế đề cương chi tiết các môn học do mình phụ trách thuộc CTĐT ngành KTPT theo hướng phù hợp với mục tiêu giáo dục trong CTĐT cũng như CĐR trong bản mô tả CĐR và ma trận kỹ năng ngành KTPT. **[** Bản mô tả Chuẩn đầu ra, Ma trận kỹ năng Khóa 61 ngành KTPT**]**; **[** Bộ đề cương các môn học trong CTĐT ngành KTPT**].**

Các GV giảng dạy trong CTĐT ngành KTPT đã thiết kế các phương pháp giảng dạy đa dạng, các nội dung giảng dạy theo sát đề cương học phần chi tiết nhằm giúp NH đạt được CĐR. Các GV có nhiều thay đổi trong phương pháp giảng dạy và lồng ghép nhiều phương pháp vào trong một bài giảng nhằm tạo hứng thú cho người học. Chẳng hạn, GV có thể lồng ghép phương pháp học dựa trên vấn đề, phương pháp nghiên cứu tình huống với phương pháp hoạt động nhóm trong đó các vấn đề được thảo luận thường là những vấn đề đang được tranh luận và được liên hệ mật thiết với tình hình thực tiễn. Phương pháp giảng dạy tổng hợp này được thực hiện với những môn học thuộc nhóm kiến thức đại cương giúp NH dễ hấp thu được những kiến thức nền tảng cơ bản, không chỉ về kinh tế mà còn cả về lý luận và tư tưởng và đạt được các CĐR 1.11 đến CĐR 1.1.3. **[** Quyết định 1246/QĐ-KTQD về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy, áp dụng cho Khóa 61 ngành KTPT (chưa có link web)**]**; **[** Bản mô tả Chuẩn đầu ra, Ma trận kỹ năng Khóa 61 ngành KTPT**]**

Các GV giảng dạy khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp cũng sử dụng các phương pháp giảng dạy tổng hợp và đa dạng, chẳng hạn như phương pháp động não, đóng vai và mô phỏng, bên cạnh các phương pháp giảng dạy phổ biến như học dựa trên vấn đề, hoạt động nhóm, nghiên cứu tình huống, động não nhằm giúp NH có thể hiểu, nắm vững, phân tích, đánh giá được quá trình phát triển. Trong quá trình giảng dạy, GV tham gia CTĐT tích cực liên hệ thực tế sinh động, giao bài tập, chủ đề nghiên cứu để rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu của người học. **[** Bản mô tả Chuẩn đầu ra, Ma trận kỹ năng Khóa 61 ngành KTPT**]** [Biên bản họp lấy ý kiến 2019 2 tọa đàm giữa Khoa KH&PT với các bên liên quan]

Ngoài ra, bên cạnh việc cung cấp kiến thức lý thuyết, NH còn có cơ hội vận dụng vào thực tế thông qua hoạt động thực tập thực tế vào kỳ học cuối cùng. Nhà trường đã có hướng dẫn triển khai đi thực tế cho các SV từ năm thứ 2 đến năm cuối. **[** Hướng dẫn triển khai đi thực tế cho SV đại học chính quy năm học 2019-2020**]**. Thực hiện hướng dẫn của Nhà trường, Khoa KH&PT đã triển khai lấy ý kiến SV lớp KTPT khóa 59, 60 hệ chất lượng cao và khóa 59 hệ chính quy về nhu cầu đi thực tế về địa điểm, hoạt động, mức kinh phí… **[** Khảo sát nhu cầu đi thực tế của SV khóa 59 hệ chính quy**]** Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh Covid 19 bùng phát, diễn biến căng thẳng nên hoạt động này chỉ kịp tổ chức cho lớp KTPT khóa 59, 60 hệ chất lượng cao và không kịp tổ chức cho toàn khóa 59 hệ chính quy. Do đó, hoạt động thực tập thực tế không được tổ chức tập trung mà do các SV thực hiện riêng lẻ. Các SV mặc dù thực tập tại các tổ chức, các doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước … riêng lẻ nhưng được sự hướng dẫn nhiệt tình, tận tâm và phương pháp hướng dẫn, giảng dạy phù hợp với NH của các GV trong Khoa - phần lớn là giàu kinh nghiệm với tỷ lệ GV giữ chức danh GS, PGS và học vị TS đạt gần 90% tổng số GV. Do vậy, kết quả minh chứng cho khả năng áp dụng kiến thức lý thuyết vào xử lý các vấn đề phát triển trong thực tiễn là bản chuyên đề thực tập tốt nghiệp của SV ngành KTPT đều đạt kết quả cao.

Nhà trường rất chú trọng đến việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV, đặc biệt là các GV trẻ để tiếp thu được nhiều phương pháp giảng dạy hiện đại từ các quốc gia tiên tiến trên thế giới. Nhà trường luôn tạo điều kiện cho nhiều giảng viên đi học nghiên cứu sinh ở nước ngoài cũng như Nhà trường đã có kế hoạch đưa các giảng viên đi tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên môn chuyên sâu ngắn hạn. **[** Thông báo số 1815 /TB-ĐHKTQD về việc đăng ký tham gia chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài**]** Hàng năm,Nhà trường đều thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV hệ chính quy. Kết quả, NH đánh giá tiêu chí phương pháp giảng dạy dễ hiểu phù hợp với người học của GV Khoa KH&PT đạt 4,22/5 điểm, bằng đúng mức điểm trung bình của toàn trường; tiêu chí sử dụng công cụ hỗ trợ giảng dạy phù hợp đạt 4,26/5 điểm, cao hơn mức điểm trung bình của toàn trường. **[** Kết quả khảo sát về phương pháp giảng dạy của GV]. Như vậy, có thể phần lớn các GV có với phương pháp hiện đại, chủ động, linh hoạt; khả năng truyền đạt dễ hiểu và phù hợp với NH nhằm giúp NH đạt kết quả tốt trong học tập và đạt được các chuẩn đầu ra 1.2.1 đến 1.2.4. **[** Bản mô tả Chuẩn đầu ra, Ma trận kỹ năng ngành KTPT**]**;

Hoạt động giảng dạy chủ động của GV thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập đa dạng và phong phú đã thúc đẩy SV tích cực học tập chủ động với đa dạng các hoạt động học tập. Học tập chủ động giúp sinh viên có được cách tiếp cận sâu trong quá trình học, chủ tâm để tìm hiểu bản chất của các vấn đề trong bài học, thay vì đơn thuần chỉ tái thể hiện thông tin được ghi nhớ thụ động trong các bài thi. Một số môn học trong CTĐT ngành KTPT sử dụng các giáo trình mới được biên soạn, cập nhật, một số môn học sử dụng các giáo trình bằng tiếng Anh kết hợp cùng các bài đọc bằng tiếng Việt dễ hiểu và liên hệ chặt chẽ với nội dung bài giảng. Việc sử dụng các giáo trình bằng tiếng Anh trong giảng dạy giúp sinh viên rèn luyện được kỹ năng giao tiếp và nâng cao năng lực ngoại ngữ nhằm hoàn thiện kỹ năng giáo tiếp và đáp ứng chuẩn đầu ra 2.2.1 và 2.2.2. **[** Bản mô tả Chuẩn đầu ra, Ma trận kỹ năng ngành KTPT**]**

Khi bắt bầu buổi học đầu tiên, các GV thường dành thời gian hướng dẫn NH cách chủ động học tập, cách tìm, khai thác và sử dụng tài liệu từ đó giúp người học chủ động tìm đọc trước giáo trình, tài liệu trước và dễ dàng tiếp thu được kiến thức cũng như tích cực tham gia vào các hoạt động ở trên lớp. Ngoài ra, các tài liệu như đề cương học phần chi tiết, slides bài giảng học phần được đăng tài của cập nhật trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường cũng như được các GV đưa lên hệ thống LMS giúp NH có thể tiếp cận và sử dụng tài liệu học tập mọi lúc mọi nơi. **[** Slide bài giảng môn KTPT trên cổng thông tin điện tử Nhà trường**]** Đội ngũ CVHT ngành KTPT là các GV trẻ trong Khoa, rất hiểu tâm lý NH, hiểu rõ về CTĐT, luôn có tư tưởng cởi mở, sẵn sàng nhận các thông tin góp ý từ đó hiểu được tâm tư nguyện vọng cũng như những khó khăn của NH để có những hướng dẫn hoạt động học tập kịp thời nhằm giúp NH đạt được các CĐR 3.1.1 đến CĐR 3.1.3. **[** Bản mô tả Chuẩn đầu ra, Ma trận kỹ năng ngành KTPT**]**

Hoạt động học của SV ngành KTPT trong năm vừa qua dưới tác động của dịch bệnh Covid 19 cũng có nhiều thay đổi. NH thay vì học theo hình thức trực tiếp ở trường thì phải làm quen và thành thạo hình thức học trực tuyến. Ngay từ những ngày đầu của đại dịch, Trường ĐHKTQD là một trong những trường đại học đầu tiên trên cả nước có phương án chuyển đổi số, ứng phó linh hoạt với đại dịch. **[** Xây dựng đề án phát triển hệ thống quản lý học tập (LMS) trên nền tảng phần mềm Moodle**]**, **[** Kế hoạch tập huấn sử dụng phòng học thông minh**]** Đến nay,các học phần thuộc CTĐT của ngành KTPT đã ứng dụng hình thức Blended Learning trên nền tảng phần mềm LMS và Microsoft Team vào hoạt động giảng dạy trực tuyến **[** Kế hoạch số 153//KH-ĐHKTQD-QLĐT về việc hướng dẫn triển khai kế hoạch giảng dạy và học tập theo phương pháp Blended Learning**] [** Công văn số 361/ĐHKTQD-QLĐT ngày 11.3.2020 về việc nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập theo phương pháp Blended Learning**]**. Việc ứng dụng này giúp cho GV và NH dễ dàng áp dụng đa dạng hình thức dạy và học, góp phần tăng hiệu quả các hình thức dạy và học cũng như nâng cao kỹ năng tin học và công nghệ thông tin cho người học.

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng ban hành các quy định về chuẩn đầu ra ngoại ngữ và tin học nhằm giúp NH cải thiện được kỹ năng giao tiếp như nghe, nói, đọc, viết bằng ngôn ngữ quốc tế cũng như có khả năng xử lý được số liệu thông qua các phần mềm chuyên dụng phục vụ cho công việc chuyên môn trong dài hạn, có thể thích ứng với bối cảnh toàn cầu hóa. Việc tích lũy được các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế như IELTS ở mức 5.5 đối với sinh viên đại học chính quy, TOEFL IBT, TOEFL ITP, TOEIC và chứng chỉ IC3, MOS, ICDL trong tin học giúp người học đạt được CĐR 2.2.1 đến CĐR 2.2.3 **[** Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/05/2013 Quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ áp dụng từ khóa 59**] [** Quyết định số 777/QĐ-ĐHKTQD ngày 05/6/2017 Về việc ban hành chuẩn đầu ra về Tin học trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của trườngĐHKTQD áp dụng từ khóa 59**] [** Quyết định số 632/QĐ-ĐHKTQD ngày 04/05/2018 Về việc ban hành chuẩn đầu ra về Tin học trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của trườngĐHKTQD**]**

Song song với việc đạt các CĐR về ngoại ngữ và tin học, NH còn được khuyến khích tham gia các cuộc thi khoa học sinh viên cấp trường và cấp quốc gia **[** Kế hoạch 1549/KH-ĐHKTQD ngày 27/9/2019 KH tổ chức cuộc thi Olympic Tin học sinh viên năm 2019**][**Kế hoạch 1899/ KH-ĐHKTQD ngày 03/11/2020 KH tổ chức cuộc thi Olympic Tin học sinh viên năm 2020], tham gia các cuộc thi được các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, ngân hàng tài trợ **[** Kế hoạch 1676/KH-ĐHKTQD ngày 14/10/2019 KH tổ chức Giải thưởng SV NCKH Vietcombank**]**, tham gia phong trào NCKH sinh viên cấp khoa, cấp trường **[** Kế hoạch Tổ chức triển khai hoạt động "nghiên cứu khoa học sinh viên**], [** Báo cáo kế hoạch triển khai hoạt động NCKH SV các năm], các hội thảo khoa học quốc gia do Khoa chủ trì **[** Thư mời viết bài hội thảo quốc gia: "Phát triển kinh tế địa phương: Định hướng phát triển kinh tế - xã hội Vùng trung du miền núi phía Bắc đến 2030 và tầm nhìn đến 2045"**]** và tham gia NCKH tại các câu lạc bộ của SV. **[** Hoạt động của câu lạc bộ sinh viên nghiên cứu khoa học**]** Việc tích lũy được các chứng chỉ ngoại ngữ và tin học tạo điều kiện tiền đề thuận lợi cho hoạt động NCKH sinh viên, giúp SV có thể tìm kiếm các tài liệu tiên tiến nhất trong lĩnh vực nghiên cứu trên phạm vi quốc tế, sử dụng được các phần mềm định lượng trong các nghiên cứu của mình. SV có thể rèn luyện được kỹ năng phân tích định tính và định lượng các vấn đề thực tiễn phát triển và hoạch định, theo dõi đánh giá các hoạt động phát triển nhằm đạt được các CĐR 2.1.1 và CĐR 2.1.2. **[** Thông báo triển khai hoạt động NCKH SV Khoa KHPT năm 2021 và Danh sách tên đề tài và tên nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học ngành KTPT**] [** Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên các năm**] [** Báo cáo/Hồ sơ tổng kết công tác nghiên cứu khoa học sinh viên của Khoa các năm].

NH ngành KTPT cũng như các ngành khác của Trường đều cần trải qua một kỳ thực tập tốt nghiệp nhằm giúp NH có bước đệm nhằm gắn kết lý thuyết và thực tiễn. Chương trình thực tập của NH đều nhằm rèn luyện cho NH khả năng tư duy, khả năng tự học tập, tự nghiên cứu nhằm tiếp cận được với những kiến thức mới nhất, giúp NH nâng cao trình độ chuyên môn và ứng dụng kiến thức vào thực tiễn. Bên cạnh đó, việc tiếp xúc với môi trường làm việc ở địa điểm thực tập giúp NH có khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau đồng thời áp lực thời gian của các giai đoạn thực tập giúp NH có khả năng chịu được áp lực công việc, biết cách sắp xếp công việc và cân bằng với cuộc sống. **[** Biên bản Hội nghị phổ biến Kế hoạch thực tập các khóa 58, 59], **[** Kế hoạch thực tập và phân công GVHD K60 kỳ mùa thu năm học 2021-2022**]** Các chuyên đề thực tập tốt nghiệp được quy định phải chạy trên phần mềm Turnitin và NH phải nộp báo cáo về tính độ lập, sáng tạo qua đó giúp NH nâng cao được tinh thần trách nhiệm, có hiểu quyết và tuân thủ các quy định của các cơ quan, tổ chức và đạt được CĐR 3.21. **[** Quyết định số: 2247/QĐ-ĐHKTQD ngày 27/11/2018 Quy định về thực tập và chuyên đề thực tập đối với SV đại học hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của trườngĐHKTQD**] [** Triển khai Quy trình Turnitin**]**

Phòng KT&ĐBCLGD tổ chức lấy ý kiến của NH về sự hài lòng đối với sự đa dạng về các hình thức giảng dạy cũng như sự phù hợp của PPDH và phương pháp kiểm tra đánh giá của GV. Phòng KT&ĐBCLGD đã thực hiện đánh giá 5 tiêu chí theo thang đo Likert 5 điểm trong đó có tiêu chí về phương pháp giảng dạy dễ hiểu, phù hợp người học; về công tác sư phạm, người học được quan tâm, khuyến khích nâng cao năng lực học tập, nghiên cứu và mức độ hài lòng chung với học phần. Kết quả lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên của Khoa KHPT trong những năm qua đều đạt điểm ở mức trung bình khá 4,26/5 điểm, là mức điểm cao hơn mức trung bình chung của Nhà trường. [Ý kiến phản hồi từ người học các năm].

**2. Điểm mạnh**

Các GV và NH ngành KTPT có trình độ chuyên môn tốt, đã tổ chức thực hiện hoạt động dạy và học bằng cách kết hợp tổng hòa nhiều phương pháp dạy và học. Các hoạt động dạy học có sự kết hợp giữa mô hình giảng dạy truyền thống và mô hình giảng dạy trực tuyến với sự hỗ trợ của phần mềm LMS và Microsoft Teams. Việc thực hiện các phương pháp đa dạng và linh hoạt giúp NH đạt được các CĐR của học phần và CTĐT, thích ứng với điều kiện giảng dạy và học tập trong thời gian chịu tác động của dịch bệnh Covid 19.

Hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ NH về tổng thể các hoạt động giảng dạy của các GV đã được Nhà trường thực hiện hàng năm,

**3. Điểm tồn tại**

Các GV giảng dạy CTĐT ngành KTPT mặc dù có trình độ chuyên môn tốt nhưng trình độ ứng dụng CNTT vào công tác giảng dạy trực tuyến còn chưa đồng đều. Nhà trường đã tổ chức thực hiện nhiều lớp hướng dẫn giảng viên sử dụng phần mềm MS Teams trong giảng dạy, tuy nhiên do lớp học được tổ chức trong thời gian giãn cách nên việc hướng dẫn thực hành còn nhiều hạn chế.

Nhiều hoạt động dạy và học các GV đang sử dụng như đóng vai, thảo luận theo từng cặp phù hợp với mô hình lớp học trực tiếp nên khi chuyển sang mô hình lớp học trực tuyến khó triển khai thực hiện nên các hoạt động dạy và học trực tuyến. Bên cạnh đó, nhiều SV đang nghỉ dịch ở quê nhà với chất lượng đường truyền internet không cao, nhiều bạn không bật được mic, không bật được camera nên các động dạy và học khó đạt hiệu quả tốt.

Phiếu lấy ý kiến phản hồi từ người học còn khá chung chung, ít tiêu chí và kết quả tổng hợp chỉ ở cấp bộ môn chứ chưa tổng hợp kết quả đến từng môn học.

**4. Kế hoạch hành động**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khoa  đảm bảo hoạt động dạy học được thiết kế phù hợp chuẩn đầu ra | Tổ chức 02-03 buổi sinh hoạt khoa học trực tuyến, mời giảng viên của Trung tâm ứng dụng công nghệ thông tin hoặc các giảng viên được SV đánh giá cao trong giảng dạy trực tuyến chia sẻ các phương pháp, cách thức tổ chức lớp học phù hợp với điều kiện học tập trực tuyến.  Từ đó, các GV linh hoạt vận dụng vào tổ chức lớp học trực tuyến do mình đảm nhiệm nhằm giúp NH thu nhận được nhiều kiến thức, cải thiện được các kỹ năng và nâng cao được năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo CĐR của CTĐT. | BCN khoa và Trưởng các bộ môn trong Khoa | Từ tháng 12/2021 - tháng 02/2022 |  |
| 2 | Trường đảm bảo hoạt động dạy học được thiết kế phù hợp chuẩn đầu ra | Xây dựng kế hoạch đầy đủ và chi tiết thực hiện hằng kỳ về khảo sát, đánh giá các hoạt động dạy và học phù hợp để đạt CĐR, bao gồm các tiêu chí về khảo sát đánh giá, thời gian thực hiện, đối tượng được khảo sát đánh giá, cách thức tổng hợp dữ liệu khảo sát, các khuyến nghị. | Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục kết hợp với lãnh đạo các Khoa, Bộ môn | Tháng 01/2022 và cần được điều chỉnh hằng năm. |  |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7**

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

**1. Mô tả hiện trạng**

Chương trình đào tạo ngành KTPT K61 với 53 học phần thuộc các nhóm kiến thức như sau: (1) Kiến thức giáo dục đại cương với 15 học phần – trong đó có 05 học phần thuộc nhóm “các học phần chung”, 04 học phần thuộc nhóm “các học phần của Trường”, 06 học phần thuộc “các nhóm học phần của ngành”; (2) Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp với 34 học phần và chuyên đề thực tập – trong đó có 04 học phần thuộc nhóm “kiến thức cơ sở ngành”, 10 học phần thuộc nhóm kiến thức ngành học phần bắt buộc và 10 học phần tự chọn, 10 học phần thuộc nhóm “kiến thức chuyên sâu” **[**Quyết định 1246/QĐ-KTQD về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy, áp dụng cho K61 ngành KTPT].

Cấu trúc như trên giúp NH của CTĐT ngành KTPT có thể đạt được mục tiêu giáo dục và các chuẩn đầu ra do được trang bị đầy đủ cả kiến thức chung, kiến thức giáo dục chuyên nghiệp do Nhà trường và Khoa chọn lựa nhưng cũng tạo điều kiện cho NH được tự do chọn lựa những môn học theo nhu cầu riêng. Đồng thời trang bị được cho NH các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp cũng như năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm. Tuy cấu trúc các học phần có kết cấu hợp lý nhưng để đánh giá được hoạt động dạy và học có thể thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao năng lực học tập suốt đời của NH hay không thì cần tìm hiểu sâu hơn trong nội dung của bộ đề cương học phần chi tiết của CTĐT ngành KHPT. **[** Công bố Bản mô tả Chuẩn đầu ra, Ma trận kỹ năng ngành KTPT K61 trên trang web của Trường**]**

Đề cương chi tiết môn học không chỉ là bảng liệt kê các nội dung kiến thức cần được dạy và học mà nên hiểu đó là kế hoạch các hoạt động giúp người học đạt được các mục tiêu. Do vậy, phương pháp dạy và học tập đã được các GV tham gia đào tạo chuyên ngành KTPT thể hiện rõ trong đề cương. **[** Bộ đề cương học phần chi tiết của ngành KTPT K61 (đang cập nhật)**]** 100% các học phần mô tả rõ việc sử dụng các phương giảng dạy/học tập phù hợp và đã được các GV triển khai nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các khả năng và kỹ năng mềm cho NH. Trong đó, 100% sử dụng hình thức bài tập nhóm và 92,8% sử dụng phương pháp nghiên cứu tình huống trong giảng dạy; 85,7% sử dụng phương pháp tư duy giải quyết vấn đề; 28,5% sử dụng phương pháp đóng vai; 21,4% sử dụng phương pháp mô phỏng trong giảng dạy. Các phương pháp dạy và học đa dạng này được triển khai trong nhiều các môn học, giúp NH được rèn luyện một cách thường xuyên các kỹ năng mềm như kỹ năng thuyết trình, khả năng tự nghiên cứu, khả năng liên hệ thực tiễn, phân tích tổng hợp ..., góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH **[** Bộ đề cương học phần chi tiết của ngành KTPT K61**]**, **[**Biên bản họp lấy ý kiến 2019 2 tọa đàm giữa Khoa KH&PT với các bên liên quan**]**

Các giảng viên đã tạo ra được các cơ hội học tập, thông qua các hoạt động đa dạng, kích thích sinh viên khám phá, áp dụng, phân tích và đánh giá các hoạt động phát triển hơn là truyền đạt thông tin một chiều như các phương pháp giảng dạy truyền thống. Sinh viên có cơ hội được thắc mắc, nêu lên các vấn đề để xoay quanh quá trình phát triển, các hoạt động phát triển của nền kinh tế, từ đó tiến tới giải quyết các vấn đề. Điều này giúp NH luôn ý thức được quá trình học, hiểu được những gì cần học và phải học như thế nào. Đây cũng chính là cách nâng cao cho người học cách xây dựng động cơ học tập và hình thành thói quen học tập suốt đời. CTĐT ngành KTPT có 100% các ĐCCT môn học/học phần nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu/tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH. Trong từng ĐCCT học phần, các GV đều yêu cầu hoạt động dạy và học cho từng nội dung bài học/chương cũng các yêu cầu bài tập cá nhân/bài tập nhóm. Các bài tập nhóm thường là những bài luận vận dụng nội dung lý thuyết vào một vấn đề thực tiễn, đòi hỏi NH phải tự tìm tài liệu, số liệu thực tiễn và phân tích, đánh giá một tình huống trong thực tiễn. Các hoạt động này nhằm hướng đến nâng cao khả năng tự học và học tập suốt đời của NH. **[** Bộ đề cương học phần chi tiết của ngành KTPT K61**]**

Việc tổ chức hoạt động thực tập cho NH là một hoạt động bắt buộc nằm trong CTĐT ngành KTPT. Hoạt động này đòi hỏi NH phải rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề cụ thể giúp khả năng tự nghiên cứu của NH tốt hơn. Hoạt động này đã tạo động lực và khích lệ tinh thần tự học, tự nghiên cứu của các SV ngành KTPT. Các phương pháp dạy và học trong hướng dẫn SV thực hiện chuyên đề tốt nghiệp đã hỗ trợ tích cực cho SV rèn luyện và nâng cao khả năng học tập suốt đời. **[** Quyết định số: 2247/QĐ-ĐHKTQD ngày 27/11/2018 Quy định về thực tập và chuyên đề thực tập đối với SV đại học hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của trườngĐHKTQD**]**

Bên cạnh đó, thực hiện chỉ đạo của Nhà trường, Khoa KH&PT đã triển khai đều đặn, phát động phong trào SV nghiên cứu khoa học và được sự tham gia tích cực của SV với trung bình mỗi lớp có 02 nhóm tham gia. **[**Tên đề tài và danh sách sinh viên NCKH khoa KHPT**]** Mỗi chương trình phát động, Khoa đều cử các GV, các SV đạt thành tích cao trong NCKH năm trước chia sẻ cho SV các khóa ngành KTPT về những lợi ích của NCKH, đồng thời cuối mỗi buổi đều có tiết mục vinh danh các SV có thành tích NCKH cấp Khoa và cấp trường. **[**Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên các năm**]**, **[**Biên bản/hồ sơ công tác nghiên cứu khoa học sinh viên của Khoa các**].** Nhiều SV đạt giải NCKH cao đã chia sẻ rằng chính họ đã từng đi dự lễ phát động phong trào SV NCKH từ những năm trước và mơ ước một ngày được đứng trên bục vinh danh. Đồng thời, các GV tham gia hướng dẫn NCKH từ các GV trẻ cho đến các GV có chức danh, có học hàm học vị cao đều hết sức tâm huyết và nhiệt tình trong việc hướng dẫn phương pháp tự đọc tài liệu, tự nghiên cứu, chia sẻ kỹ năng chọn chủ đề nghiên cứu, tìm tài liệu nghiên cứu, áp dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp với chủ đề nghiên cứu … cũng như truyền đạt kinh nghiệm NCKH cho các SV. **[ H4.04.03.14** Quyết định về việc khen thưởng các GV hướng dẫn NCKH SV các năm**]** Ngoài ra, trường còn có cơ chế khuyến khích các SV đạt giải cao NCKH được đổi điểm một môn chuyên ngành nếu được giải Nhất cấp trường và cấp Bộ, được cộng điểm một môn chuyên ngành tương ứng với giải cấp trường các SV đạt được. **[ H4.04.03.15** Quyết định 1767-QĐ-ĐHKTQD ngày 23/10/2017 về việc công điểm khuyến khích cho sinh viên có công trình nghiên cứu khoa học đạt giải thưởng các cấp**].** Được sự chỉ đạo và những biện pháp khuyến khích của Nhà trường, hoạt động NCKH SV của Khoa trong những năm gần đây luôn giữ vững phong độ, và đạt những kết quả đáng khích lệ, năm nào cũng có những nhóm SV đạt giải nhất, nhì cấp Trường. Do vậy, Khoa thường xuyên có mặt trong danh sách Tập thể đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động NCKH SV được nhận khen thưởng từ Nhà trường. **[ H4.04.03.16** Quyết định về việc khen thưởng các Tập thể đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động NCKH sinh viên các năm**].**

Hàng năm, các SV được tham gia vào các đề tài NCKH cấp cơ sở tài trợ từ ngân sách của trường do các GV của Khoa đăng ký chủ trì. Theo quy định của Nhà trường, mỗi đề tài NCKH cấp cơ sở bắt buộc có 03 SV tham gia. Các SV thường hỗ trợ các GV trong khâu tìm tài liệu trong nước và nước ngoài có liên quan đến chủ đề nghiên cứu, hỗ trợ thực hiện các hoạt động có liên quan đến khảo sát và nhập dữ liệu vào các phần mềm định lượng đối với các đề tài có thực hiện khảo sát. **[** Hợp đồng NCKH cấp cơ sở và danh sách thành viên**]**

**2. Điểm mạnh**

Tất cả ĐCCT các học phần của CTĐT ngành KTPT đều mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho NH. 100% các ĐCCT các học phần đều nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu/tự học hướng đến nâng cao khả năng và năng lực học tập suốt đời của NH CTĐT ngành KTPT.

Nhiều GV của Khoa đầy nhiệt tình, tâm huyết đã tích cực sử dụng các hoạt động dạy và học phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Nhà Trường, Khoa và các câu lạc bộ sinh viên phát động nhiều phong trào NCKH SV nhằm giúp NH tăng cường các kỹ năng bổ trợ cần thiết cho công việc cuộc sống sau này, bồi dưỡng cho NH niềm say mê NCKH, nâng cao khả năng, năng lực học tập suốt đời.

**3. Điểm tồn tại**

Một số GV chưa có phương pháp giảng dạy, hướng dẫn phù hợp, đồng thời một bộ phận SV chưa tự giác học tập cũng như trong nghiên cứu, đặc biệt là hoạt động NCKH SV dẫn đến tình trạng mặc dù số nhóm SV đăng ký NCKH khá nhiều nhưng một số nhóm đã không nộp được sản phẩm khi đến hạn do bỏ giữa chừng.

**4. Kế hoạch hành động**

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Các hoạt động đối với giáo viên giúp thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học | Tổng hợp danh sách những GV được phân công hướng dẫn NCKH trong những năm gần đây nhưng không thành công, yêu cầu tham gia cùng nhóm với các GV thường có SV đạt giải cao trong NCKH cấp trường để học hỏi thêm các phương pháp giảng dạy và hướng dẫn phù hợp nhằm khuyến khích SV say mê thực hiện NCKH từ đó nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH. Thời gian thực hiện bắt đầu từ tháng 10/2021, tương ứng với giai đoạn đầu của hoạt động NCKH hàng năm. | BCN Khoa và các Trưởng bộ môn | Từ tháng 12/2021 |  |
| 2 | Các hoạt động đối với SV giúp rèn luyện kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học | Bên cạnh việc động viên, khuyến khích các nhóm SV NCKH thì cần bổ sung những cơ chế bắt buộc việc SV tự học, tự nghiên cứu và có trách nhiệm với bản đăng ký NCKH của bản thân.  Tăng cường hỗ trợ SV có thể tiếp cận được với nguồn số liệu thực tế khi thực hiện các hoạt động tự học, tự nghiên cứu hay NCKH nhằm tạo điều kiện tốt nhất để SV không nản chí và bỏ dỡ giữa chừng. | BCN Khoa và các GV nhiệt tình, tâm huyết có tham gia giảng dạy CTĐT ngành KTPT | Từ tháng 12/2021 |  |

***5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7***

***Kết luận về Tiêu chuẩn 4***

***Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn***

Mục tiêu giáo dục của Trường được văn bản hóa, được nhà trường tuyên bố rõ ràng và được phổ biến rộng rãi tới tất cả các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau.

Các hoạt động giảng dạy và học tập của CTĐT được xây dựng đa dạng, linh hoạt để đạt CĐR của học phần và CTĐT. Các hoạt động dạy học có sự kết hợp giữa mô hình giảng dạy trực tiếp và mô hình giảng dạy trực tuyến có sử dụng phần mềm LMS và MS Teams.

Các hoạt động dạy và học trong CTĐT ngành KTPT đã tạo điều kiện cho NH rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

Tất cả 3 tiêu chí của tiêu chuẩn 4 đều đạt ở mức 4 và 5/7. Tuy nhiên,

***Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:***

Các kênh truyền thông của Khoa còn hạn chế, chưa kết hợp tốt với Nhà trường trong các hoạt động truyền thông và chưa khai thác tốt mạng lưới cựu sinh viên trong việc truyền thông triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Trường, của Khoa và góp ý cho CTĐT ngành KTPT.

Các GV giảng dạy CTĐT ngành KTPT mặc dù có trình độ chuyên môn tốt nhưng trình độ ứng dụng CNTT vào hoạt động giảng dạy trực tuyến còn chưa đồng đều.

Việc kết hợp các phương pháp dạy học nhằm khuyến khích SV tự học, tự nghiên cứu cũng như NCKH còn chưa đạt hiệu quả cao nhất có thể, vẫn còn một số nhóm SV NCKH có đăng ký nhưng không thực hiện đến cùng.

## TIÊU CHUẨN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

**Mở đầu**

Đánh giá kết quả học tập của SV là một khâu quan trọng của quá trình giáo dục đại học. Việc đánh giá kết quả thường xuyên cung cấp những thông tin hữu ích giúp giảng viên và người học điều chỉnh và cải tiến phương pháp dạy và học nhằm cải thiện kết quả dạy và học. Đồng thời, kết quả đánh giá cũng giúp cho cán bộ quản lý giáo dục nắm được thực trạng dạy và học trong một đơn vị giáo dục để có những chỉ đạo kịp thời nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, góp phần đạt CĐR của chương trình đào tạo.

Khoa KH&PT thực hiện nghiêm túc các quy chế, quy định của trường ĐHKTQD trong việc đánh giá kết quả học tập của SV một cách toàn diện cả về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm thông qua các phương pháp đánh giá đa dạng, phù hợp với mức độ đạt chuẩn đầu ra về kiến thức cơ bản và chuyên sâu, năng lực và kỹ năng, phẩm chất và thái độ của người học. Phương pháp đánh giá đảm bảo sự đa dạng, độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Người học được thông tin một cách minh bạch về các quy định đánh giá, được phản hồi kịp thời kết quả học tập, tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp. Việc đánh giá này đồng thời cũng cung cấp thông tin có giá trị cho Khoa KH&PT nói riêng và Nhà trường nói chung về hiệu quả giảng dạy và hỗ trợ người học CTĐT Cử nhân ngành KTPT.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

***1. Mô tả***

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học trong chương trình đào tạo (CTĐT) đại học ngành KTPT được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra (CĐR) về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của người học theo quy định chung của trường ĐH KTQD về việc đánh giá kết quả người học và Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học **[H5.05.01.01]** (Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-Bộ GDĐT).

Khoa KH&PT có các *quy trình/kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của người học* trong quá trình đào tạo và thi/chấm chuyên đề thực tập tốt nghiệp.

* Đối với việc đánh giá trong quá trình đào tạo, Khoa đã tuân thủ và tổ chức thực hiện triển khai theo sát Quy định và Hướng dẫn về đào tạo chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường **[H5.05.01.02]** bao gồm quy trình, kế hoạch kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học. Trong đó, mỗi học phần trong CTĐT đều nêu rõ :
  + Quy định về hình thức, nội dung, phương pháp và kế hoạch thực hiện đánh giá kết quả học tập cho học phần đó **[H5.05.01.03].**
  + Qui trình đánh giá được thể hiện theo thời gian, nội dung phù hợp với CĐR trong suốt quá trình học của người học. Người học được đánh giá trong suốt quá trình học ngay từ khi bắt đầu học như tham gia học trên lớp, trao đổi thảo luận và làm bài tập trên lớp và làm bài tập ở nhà. Ngoài ra, với các học phần thuộc khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (bao gồm khối kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và kiến thức chuyên sâu) thì việc kiểm tra đánh giá được thực hiện trong suốt học kỳ qua hình thức bài tập nhóm dưới sự hướng dẫn của GV được thể hiện rõ trong trong đề cương chi tiết học phần **(H5.05.01.03)**.
  + Kế hoạch đánh giá người học được thiết kế theo tiến trình thời gian, nội dung CĐR theo từng tuần như đánh giá chuyên cần của NH, theo định kỳ như giữa kỳ và cuối kỳ. Tuỳ thuộc vào học phần thì NH có thể có 01 hoặc 02 bài kiểm tra giữa kì. Với các học phần chung thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, có 01 bài kiểm tra giữa kì, thường được thực hiện vào tuần giữa của kỳ học (tuần thứ 7 hoặc 8 với kỳ học 15 tuần, tuần thứ 6 hoặc 7 với kỳ học 13 tuần) **(H5.05.01.02).**
  + Tất cả những thông tin này được thông báo rõ ràng và công khai trong đề cương chi tiết của các học phần và được GV thống nhất với SV vào buổi đầu tiên của học kỳ. Bài kiểm tra cuối kỳ được thực hiện sau khi đã kết thúc môn học theo lịch công bố trên trang thông tin đào tạo của nhà trường **(H5.05.01.04)**.
  + Trọng số của các điểm thành phần cũng được xác định rõ ràng tuỳ thuộc học phần, bao gồm (i) chuyên cần 10%, giữa kỳ 20%, cuối kỳ 70%, hoặc (ii) chuyên cần 10%, giữa kỳ 30%, cuối kỳ 60%, hoặc (iii) chuyên cần 10%, giữa kỳ 20%, bài tập nhóm 20% và cuối kỳ 50%. **[H5.05.01.01]** Có sự khác nhau này do thiết kế mục tiêu học tập khác nhau, đáp ứng theo yêu cầu của chuẩn đầu ra của từng học phần. Tiêu chí cụ thể để đánh giá học phần được quy định cụ thể trong đề cương học phần. Đối với kỳ thi kết thúc học phần SV tham dự kỳ thi cuối kỳ theo lịch của trường **[H5.05.01.04]** và được tổ chức thi tập trung theo Quy chế tổ chức thi kết thúc học phần của trường ĐH KTQD **[H5.05.01.05]**.

*- Đối với việc đánh giá chuyên đề thực tập tốt nghiệp,* Khoa KH&PT xây dựng kế hoạch và quy trình cụ thể dựa trên Quy chế về thực tập và chuyên đề thực tập đối với sinh viên đại học hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐH KTQD **[H5.05.01.06]**, **[H5.05.01.07]**.

Theo đó, qui trình và kế hoạch đánh giá chuyên đề thực tập tốt nghiệp SV của khoa được xây dựng rõ ràng và được phổ biến tới sinh viên ngay khi có kế hoạch công bố của nhà trường thông qua hội nghị triển khai thực tập tốt nghiệp **[H5.05.01.08]**. Sinh viên và GV hướng dẫn bám theo qui trình và kế hoạch đó để thực hiện, không có sự khó khăn nào trong quá trình thực tập tốt nghiệp của sinh viên theo kế hoạch và qui trình đó được ghi nhận. GV phân định thời gian và nội dung hướng dẫn sinh viên hoàn thành chuyên đề theo mục tiêu CĐR. Công tác tổ chức chấm chuyên đề thực tập tốt nghiệp như thời gian bảo vệ, nội dung, tiêu chí đánh giá và hội đồng chấm chuyên đề được xây dựng và thông báo tới sinh viên **[H5.05.01.07]**, **[H5.05.01.9]**.

*Các quy trình/tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp/công cụ kiểm tra/đánh giá phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR* của CTĐT. Cụ thể, Khoa KH&PT xây dựng CTĐT và ĐCCT các học phần theo quy định ban hành của nhà trường về Quy định đào tạo chính quy theo hệ thống tín chỉ **[H5.05.01.02]**, Kế hoạch rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy **[H5.05.01.10]**, Xây dựng bộ đề cương các học phần thuộc CTĐT chuyên ngành KTPT (K59) và ngành KTPT (K60,61) **[H5.05.01.11]**.Theo đó, ĐCCT các học phần trong CTĐT đều nêu rõ mục tiêu đào tạo và CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của người học đối với học phần đó **[H5.05.01.02]**, **[H5.05.01.10]**, **[H5.05.01.12]**. Căn cứ vào mục tiêu và CĐR này, mỗi đề cương học phần thiết kế hình thức, nội dung và phương pháp đánh giá cụ thể, phù hợp với môn học, đảm bảo việc đánh giá CĐR theo quy trình chặt chẽ, tuân thủ quy định của Trường **[H5.05.01.13]**.Thời gian thực hiện kiểm tra đánh giá được tiến hành trong suốt quá trình người học tham gia học mỗi học phần và được quy định rõ trong mỗi đề cương học phần đã được thông qua và được GV thông báo và hướng dẫn chi tiết trong buổi đầu tiên khi giảng dạy học phần đó **[H5.05.01.10]**.

Việc tổ chức thi kết thúc học phần cũng được quy trình hóa thành văn bản, trong đó hướng dẫn cụ thể tới các bên liên quan theo các nội dung trong tổ chức thi **[H5.05.01.04]**. Theo đó quy định rõ bài thi/ kiểm tra sẽ được chấm theo đáp án nhằm đánh giá được mức độ đạt CĐR của từng học phần **[H5.05.01.14]**.

*Các hoạt động/phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế đa dạng, phù hợp nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR ngành KTPT.*

Hoạt động, nội dung và phương pháp kiểm tra đánh giá được thiết kế đa dạng để đánh giá mức độ nhận thức, kỹ năng và đáp ứng của người học trong suốt quá trình học thông qua trao đổi thảo luận trên lớp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài tập tình huống, thuyết trình cá nhân, thuyết trình nhóm, kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ. Mỗi học phần được phân định hoạt động và phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với môn học và CĐR của CTĐT.

Đối với các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và kiến thức cơ sở ngành, SV chủ yếu được đánh giá theo hình thức câu hỏi trắc nghiệm hoặc tự luận, nhằm mục đích đánh giá kiến thức chung ở mức độ biết, hiểu và vận dụng. Đối với khối kiến thức ngành và kiến thức chuyên sâu, các câu hỏi kiểm tra/chủ đề thảo luận nhóm/ngân hàng câu hỏi thi hết học phần đều được các giảng viên xây dựng với nội dung nhằm đánh giá kiến thức của SV ở các mức độ hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá (thông qua bài tập tình huống, bài tập nhóm, câu hỏi tự luận) **[H5.05.01.02], [H5.05.01.15]**. Đối với các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, vì các học phần này có đặc thù là hướng tới đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghiên cứu, tư vấn, làm việc với các tình huống sẽ gặp trong thực tế sau này, nên SV sẽ được đánh giá thông qua quá trình làm việc nhóm, viết báo cáo, thuyết trình nhằm đánh giá kỹ năng thực hiện nghiên cứu, phân tích, tổng hợp, khái quát vấn đề, khả năng làm việc độc lập **[H5.05.01.02]**, **[H5.05.01.10]**, **[H5.05.01.11]**. Để đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra về kỹ năng và kiến thức chuyên sâu của ngành KTPTKH&PT, khi đánh giá tốt nghiệp, Hội đồng xét tốt nghiệp sẽ dựa trên sản phẩm là chuyên đề thực tập tốt nghiệp của sinh viên với tiêu chí đánh giá như với một đề tài nghiên cứu khoa học độc lập trong đó khuyến khích sinh viên sử dụng các mô hình kinh tế lượng **[H5.05.01.07]**. Bên cạnh đó, quy trình đánh giá còn hướng tới đánh giá CĐR về kỹ năng của người học thông qua các hình thức thuyết trình, làm bài tập nhóm, bảo vệ chuyên đề tốt nghiệp trước Hội đồng, kỹ năng ngoại ngữ, tin học **[H5.05.01.16]**, **[H5.05.01.17]**, **[H5.05.01.18]**. SV cũng được đánh giá mức độ đạt được CĐR về thái độ và năng lực tự chủ thông qua đánh giá kết quả rèn luyện hằng năm và kết quả rèn luyện của SV là cơ sở để xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội và là căn cứ để xếp loại kết quả rèn luyện của SV toàn khóa **[H5.05.01.19]**, **[H5.05.01.20]**.

***2. Điểm mạnh***

Việc đánh giá kết quả học tập theo các CĐR của CTĐT và của từng học phần có các quy trình rõ ràng, triển khai thực hiện thống nhất trong toàn trường, toàn khoa và các học phần môn học, được công bố công khai và phù hợp trên website chính thức của Nhà trường, của Khoa.

Hệ thống các phương pháp kiểm tra, đánh giá được thiết kế phù hợp, đảm bảo tính khách quan, chính xác và công bằng để có khả năng đo lường mức độ đạt được mục tiêu và CĐR của học phần và CĐR của CTĐT.

***3. Điểm tồn tại***

Việc thiết kế phương pháp kiểm tra, đánh giá được quy định theo thống nhất chung của toàn trường, sự linh hoạt còn hạn chế nên khó khăn cho một số học phần thiết kế thang đánh giá tập trung vào phân tích, vận dụng và áp dụng thực tiễn.

***4. Kế hoạch hành động***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,  người thực hiện** | **Thời gian  thực hiện/ hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Phương pháp kiểm tra đánh giá linh hoạt, phù hợp với người học theo triết lý giảng dạy của trường | Xây dựng Ma trận đề thi các môn cơ sở ngành dựa trên Ma trận CĐR của CTĐT. | Khoa KH&PT | Trong  năm học 2021-2022 |  |
| 2 | Ma trận CĐR thiết kế rõ ràng và phù hợp | Rà soát ma trận CĐR và CTĐT, từ đó cập nhật và điều chỉnh ngân hàng các đề thi cho phù hợp với CĐR của từng học phần. | Khoa KH&PT | Trong  năm học  2021-2022 |  |

***5. Tự đánh giá: 5/7***

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

***1. Mô tả***

Căn cứ vào các quy định chung về việc tổ chức thực hiện đánh giá kết quả người học của trường ĐHKTQD, Khoa KH&PT xây dựng nội dung, kế hoạch cụ thể, rõ ràng cho quy trình đánh giá kết quả người học theo từng học phần và chuyên đề tốt nghiệp. Đối với từng học phần cụ thể, các quy định về đánh giá kết quả học tập của học phần đó bao gồm hình thức đánh giá điểm quá trình, cơ cấu/ trọng số từng thành phần điểm, hình thức kiểm tra/ thi, lịch kiểm tra/ thi luôn được GV công bố đến sinh viên ngay trong buổi đầu học kỳ và được nêu trong ĐCCT từng học phần **[H5.05.02.01]**, **[H5.05.02.02]**, **[H5.05.02.03]**.

Về thời gian, hình thức và phương pháp, tùy thuộc vào học phần thì SV có thể có 01 hoặc 02 bài kiểm tra giữa kỳ. Với các học phần chung thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, có 01 bài kiểm tra giữa kì, thường được thực hiện vào tuần giữa của kỳ học (tuần thứ 7 hoặc 8 với kỳ học 15 tuần, tuần thứ 6 hoặc 7 với kỳ học 13 tuần). Với các học phần thuộc khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (bao gồm khối kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và kiến thức chuyên sâu) thì có thêm bài kiểm tra thứ hai, có thể lựa chọn hình thức khác là bài tập nhóm, được GV giao từ tuần đầu của kỳ và được SV thực hiện trong suốt kỳ học dưới sự hướng dẫn của GV, nhóm sẽ báo cáo bằng cách thuyết trình kết quả để tính điểm cho bài kiểm tra thứ hai. Tất cả những thông tin này được thông báo rõ ràng và công khai trong đề cương chi tiết của các học phần và được GV thống nhất với SV vào buổi đầu tiên của học kỳ. Bài kiểm tra cuối kỳ được thực hiện sau khi đã kết thúc môn học. Về trọng số của các điểm thành phần cũng được xác định rõ ràng tuỳ thuộc học phần, bao gồm (i) chuyên cần 10%, giữa kỳ 20%, cuối kỳ 70%, hoặc (ii) chuyên cần 10%, giữa kỳ 30%, cuối kỳ 60%, hoặc (iii) chuyên cần 10%, giữa kỳ 20%, bài tập nhóm 20% và cuối kỳ 50% **[H5.05.02.02].** Có sự khác nhau này do thiết kế mục tiêu học tập khác nhau, đáp ứng theo yêu cầu của chuẩn đầu ra của từng học phần. Tiêu chí cụ thể để đánh giá học phần được quy định cụ thể trong đề cương học phần.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá quá trình và trọng số của các điểm đánh giá quá trình sẽ do GV đề xuất, thông qua Bộ môn. Tiêu chí cụ thể để đánh giá học phần được nêu cụ thể trong ĐCCT của từng học phần **[H5.05.02.03]**. Đối với thông tin về lịch trình đánh giá, thông thường, vào tuần lễ thứ 7- 8 của mỗi học kỳ, GV tổ chức kiểm tra để lấy điểm giữa kỳ cho SV (đối với học phần có 1 bài kiểm tra), kế hoạch kiểm tra giữa kỳ đã được GV thông tin cho SV từ buổi học đầu. Vào tuần cuối cùng của học phần, GV phải công bố điểm chuyên cần và điểm kiểm tra cho SV và giải đáp các thắc mắc công khai đối với các mục điểm này.

Đối với bài thi cuối kỳ, tất cả các học phần trong học kỳ được tổ chức thi tập trung. Ít nhất 3 tuần trước ngày thi đầu tiên, Phòng QLĐT thông báo lịch thi cho các Khoa và SV trên website của phòng QLĐT. Điều kiện dự thi cuối kỳ phải đạt tối thiểu 5 điểm cho thành phần điểm chuyên cần. Điều kiện hoàn thành môn học, cách thức quy đổi từ thang điểm 10 ra thang điểm 4 đều được thực hiện theo hướng dẫn trong Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường ĐH KTQD **[H5.05.02.04]**, **[H5.05.02.05]**, **[H5.05.02.06]**.Các bài thi được Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục rọc phách và quản lý phách. Mỗi túi bài thi được phân công cho 2 GV chấm độc lập tại văn phòng Bộ môn theo đáp án đã được Bộ môn thảo luận và thống nhất. Phiếu chấm điểm sau đó được Trưởng Bộ môn ký xác nhận và gửi lên Phòng KT&ĐBCLGD theo thời hạn quy định. Tất cả điểm thành phần các học phần sau đó sẽ do Bộ môn phụ trách nhập điểm lên hệ thống và được đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử dành cho sinh viên tối đa là 07 ngày làm việc tính từ ngày thi. Bài thi được lưu trữ tại khoa đến hết khóa học **[H5.05.02.07]**. Khoa KH&PT thực hiện việc xem lại kết quả bài thi theo quy định về phúc khảo bài thi được nêu trong Quy chế tổ chức thi hết học phần **[H5.05.02.07]**.

Đối với Chuyên đề thực tập tốt nghiệp, Khoa KH&PT có các quy định về điều kiện đăng ký tham gia thực tập và viết chuyên đề thực tập của cụ thể **[H5.05.02.06]**, **[H5.05.02.08]**, **[H5.05.02.09]**. Trước mỗi đợt xét tốt nghiệp, trợ lý Khoa và cố vấn học tập của mỗi lớp đều thông báo lại đến những sinh viên có đủ điều kiện đăng ký thực tập để toàn bộ sinh viên nắm chắc được quy trình thực tập và xét tốt nghiệp. SV có thể tự đăng ký chọn đề tài tốt nghiệp, chọn GV hướng dẫn hoặc Khoa/Bộ môn sẽ phân công GV hướng dẫn, SV làm việc theo sự hướng dẫn của GV hướng dẫn để hoàn thiện đề tài tốt nghiệp. Khoa KH&PT gửi thông tin về quy định về bảo vệ chuyên đề thực tập tốt nghiệp, hội đồng chấm, danh sách GV hướng dẫn, GV phản biện, tiêu chí chấm và thời gian bảo vệ chuyên đề thực tập tốt nghiệp đến từng sinh viên thông qua trợ lý Khoa và Cố vấn học tập. Tiêu chuẩn đánh giá Chuyên đề thực tập tốt nghiệp được quy định rõ trong Quy định về thực tập và chuyên đề thực tập đối với sinh viên đại học **[H5.05.02.06]**.Điểm chuyên đề thực tập tốt nghiệp được công khai ngay sau khi Hội đồng thống nhất ý kiến và thông báo đến SV trong ngày SV bảo vệ chuyên đề thực tập tốt nghiệp **[H5.05.02.06]**.

Giáo viên giảng dạy có trách nhiệm nhập các đầu điểm (điểm quá trình và điểm thi cuối kỳ) vào hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến.

*Người học* *được phổ biến các quy định* về kiểm tra/đánh giá kết quả học tập. Ngoài việc được thể hiện và công khai (trong Quy chế đào tạo hệ chính quy và trong đề cương học phần, được đăng tải công khai trên website của Nhà trường, trong Sổ tay sinh viên phát cho sinh viên, cũng như gửi đến từng SV qua tài khoản riêng), các quy định về kiểm tra/ đánh giá kết quả học tập còn được Giảng viên giảng dạy học phần cung cấp cho người học vào buổi giảng dạy đầu tiên của học phần. Điều này cũng được thể hiện trong lịch trình và kế hoạch giảng dạy của Đề cương học phần. **[H5.05.02.01], [H5.05.02.10]**, **[H5.05.02.11]**.

Hằng năm, Khoa có tổ chức đối thoại với sinh viên của CTĐT. Kết quả đối thoại giữa Khoa với SV các năm cho thấy, SV khẳng định được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về đánh giá kết quả học tập của người học **[H5.05.02.12]**.

***2. Điểm mạnh***

Quy trình đánh giá và các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học đã được trình bày tương đối chi tiết và rõ ràng trong đề cương môn học, được giảng viên phổ biến trực tiếp vào đầu kỳ học, được đăng tải trên kênh thông tin của trường (Wesite của phòng Quản lý đào tạo, Phòng khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục, Sổ tay SV), hoặc kênh thông tin của Khoa (Website cấp 2 của Khoa KTPT, trợ lý Khoa, cố vấn học tập, giảng viên phụ trách môn học) để hiểu rõ và được giải đáp về việc đánh giá kết quả học tập.

***3. Điểm tồn tại***

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH đã được công bố trong ĐCCT học phần, được giảng viên phổ biến trực tiếp vào đầu kỳ học, được đăng tải trên trang web của Nhà Trường, tuy nhiên nhiều SV vẫn chưa nắm rõ được các quy định do các học phần khác nhau, có các quy định khác nhau về đánh giá kết quả học tập của NH. Đồng thời, các kênh quảng bá các nội dung này còn hạn chế, số lượng NH truy cập vào website để xem và tìm hiểu các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học còn hạn chế.

***4. Kế hoạch hành động***

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,  người thực hiện** | **Thời gian  thực hiện/ hoàn thành** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Người học nắm rõ và dễ dàng tiếp cận các quy định về đánh giá kết quả học tập | Tăng cường các kênh thông tin về các quy định đánh giá kết quả học tập của NH, cải thiện các nội dụng và hình thức của Website để NH dễ tìm các thông tin liên quan. Thường xuyên cập nhật trên website cấp II của Khoa để đăng tải các nội dung liên quan đến học tập, trong đó có các hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập trong tiến trình học. Thiết kế định dạng/format LMS tiêu chuẩn dùng chung của BM trong đó nội dung về đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế than thiện với người sử dụng để từ đó khuyến khích giảng viên và người học tăng sự tương tác. | Khoa KH&PT | Trong  năm học 2021-2022 |  |
| 2 | Quy trình đánh giá và các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học trình bày chi tiết, rõ ràng và dễ dàng tiếp cận. | Tăng cường sử dụng website cấp 2 của Khoa để đăng tải các nội dung liên quan đến học tập, trong đó có các hoạt động kiểm tra đánh giá KQHT trong tiến trình học. | Khoa KH&PT | Trong  học kỳ II năm học 2021-2022 | Đang thực hiện |

***5. Tự đánh giá: 5/7***

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

***1. Mô tả***

Khoa KH&PT xác định việc xây dựng hệ thống các phương pháp đánh giá kết quả hoc tập của người học đóng một vai trò quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng đào tạo và mức độ đạt các CĐR của CTĐT. Kết quả học tập của người học được đánh giá dựa trên hệ thống các phương pháp khác nhau, phù hợp với yêu cầu về CĐR của CTĐT nói chung và của từng học phần nói riêng. Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV hiện nay được sử dụng trong CTĐT gồm: kiểm tra viết tại lớp (tự luận hoặc trắc nghiệm), làm bài tập (cá nhân, nhóm); thuyết trình; viết đề án môn học; báo cáo thực tập tổng hợp; viết chuyên đề thực tập tốt nghiệp; bảo vệ chuyên đề tốt nghiệp **[H5.05.03.01]**, **[H5.05.03.02]**, **[H5.05.03.03]**. Đối với Chuyên đề thực tập tốt nghiệp sinh viên được yêu cầu phải hoàn thành Báo cáo thực tập tổng hợp và hoàn thành Chuyên đề theo quy định của một nghiên cứu khoa học hoàn chỉnh và kết quả của được đánh giá trước hội đồng của Khoa **[H5.05.03.03]**.

Trước khi đưa môn học vào giảng dạy, Bộ môn, Hội đồng Khoa và Hội đồng Khoa học & Đào tạo của trường ĐHKTQD đã tổ chức họp, xem xét và chấp nhận các phương pháp đánh giá kết quả học tập bao gồm hình thức đánh giá, trọng số của các điểm thành phần, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do bộ môn phụ trách đề xuất. Căn cứ vào mục tiêu đào tạo và CĐR của từng học phần mà các phương pháp đánh giá cụ thể sẽ được áp dụng. Các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và kiến thức cơ sở ngành, bài kiểm tra giữa kỳ/ bài thi hết học phần chủ yếu được đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận hoặc trắc nghiệm trên lớp. Trong khi đó, các môn học thuộc khối kiến thức ngành và kiến thức chuyên sâu của khoa có đặc thù là hướng tới đào tạo bồi dưỡng kỹ năng nghiên cứu, tư vấn, làm việc với các tình huống sẽ gặp trong thực tế sau này, nên các bài kiểm tra giữa kỳ không được thực hiện trên lớp hay yêu cầu sinh viên ghi nhớ máy móc. Thay vào đó, sinh viên sẽ được giao bài tập nhóm, tức là được giao một nhiệm vụ nghiên cứu để có thể thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định. Các bài tập cũng thường được phân theo nhóm, vừa để giảm áp lực tới từng sinh viên, vừa để tạo cơ hội cho NH rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm **[H5.05.03.02]**.

Các phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng *đảm bảo đo lường được các yêu cầu, CĐR cần đo (độ giá trị); đảm bảo độ tin cậy và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng*.

Về độ giá trị, phương pháp đánh giá người học tuân theo CĐR đo lường được kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm theo các mức độ CLO đặt ra trong các môn học. Trong mỗi đề cương môn học/học phần đều thể hiện mức độ đánh giá quá trình người học qua các hình thức đánh giá và được thiết kế độ khó, độ phân biệt, độ tin cậy của của nội dung kiểm tra/thi/thảo luận để đảm bảo độ giá trị **[H5.05.03.02]**.

Về độ tin cậy và công bằng trong phương pháp đánh giá người học được đảm bảo từ thiết kế đề cương học phần đến tổ chức thi và chấm thi. Trong mỗi đề cương học phần thang đo đánh giá được nêu cụ thể, trong đó mỗi đề kiểm tra/thi đều có đáp án tương ứng với số điểm chi tiết, hướng dẫn chấm điểm chi tiết và cụ thể **[H5.05.03.04]**. Đề thi và đáp án thi cuối kỳ được bộ môn phê duyệt để đảm bảo hiệu lực đánh giá trước khi nộp về Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng. Việc tổ chức thi theo đúng quy trình và quy định, rõ ràng, chặt chẽ về số cán bộ coi thi, vai trò của các cán bộ coi thi, trách nhiệm của cán bộ và xử lý khi vi phạm trách nhiệm, trách nhiệm của người thi và xử lý kỷ luật khi vi phạm. Bài thi của SV được chấm chi tiết theo đáp án này dưới quy trình chấm được chuẩn hóa (chấm thi tập trung, dọc phách, hai giảng viên cùng chấm, vào điểm...) để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với người học **[H5.05.03.04]**. Sự tin cậy và công bằng còn được đảm bảo trong khâu chấm điểm bài thi cuối kì. Mỗi bài thi đều yêu cầu có hai giảng viên cùng chấm để hạn chế tính chủ quan khi đánh giá. Sau khi chấm điểm trên biểu phách, giảng viên sẽ chuyển về để phòng Khảo thí hồi phách và sau đó gửi biểu điểm về để Bộ môn ký duyệt và phân công người nhập điểm lên hệ thống. Điểm thành phần các học phần sẽ được đăng tải công khai và người học sẽ được công khai biết trên portal SV. Sau khi biết điểm, người học có thể đề nghị xem xét lại bài thi nếu thấy chưa thoả đáng. Sau mỗi kỳ họp, Phòng Khảo thí đều có báo cáo phân tích về số lượng và tỷ lệ bài phúc tra và kết quả phúc tra, từ đó các Bộ môn sẽ rút kinh nghiệm để tiến tới giảm tỷ lệ bài phúc tra xuống.

Với chuyên đề thực tập tốt nghiệp, Khoa tuân thủ nghiêm quy định và quy trình tổ chức đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp của SV của trường và theo đó có những yêu cầu cụ thể về quy cách làm chuyên đề thực tập tốt nghiệp. Việc chấm chuyên đề thực tập có tiêu chí rõ ràng về thái độ làm việc, khung lý thuyết, công cụ sử dụng, kết quả thực nghiệm,... Các tiêu chí này đảm bảo độ giá trị trong đánh giá chuyên đề thực tập tốt nghiệp. Điểm học phần “Chuyên đề thực tập” bao gồm 3 thành phần: (1) Điểm “Báo cáo thực tập tổng hợp” chiếm 20%, (2) Điểm “Chuyên đề thực tập tốt nghiệp” do giảng viên hướng dẫn chấm chiếm 40%; và kết quả sinh viên bảo vệ trước hội đồng bao gồm 3 thành viên (40%), mỗi thành viên trong hội đồng có phiếu điểm đánh giá độc lập, trong đó quy định rõ tiêu chí về nội dung, thang điểm và hướng dẫn cách thức tổng điểm để đưa ra điểm kết luận cuối cùng của hội đồng. Do vậy luôn đảm bảo sự tin cậy, khách quan và công bằng của phương pháp đánh giá **[H5.05.03.03], [H5.05.03.05]**, **[H5.05.03.06]**.

Hằng năm, Khoa có tổ chức đối thoại với sinh viên của CTĐT. Kết quả đối thoại giữa Khoa với SV các năm cho thấy, SV khẳng định phương pháp đánh giá kết quả học tập của CTĐT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Không có sinh viên phản hồi tiêu cực về phương pháp đánh giá của CTĐT **[H5.05.03.07]** 100% kết quả sau phúc khảo của các môn chuyên ngành trong 5 năm học gần đây đều không thay đổi về điểm số (4/4).

***2. Điểm mạnh***

Các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập NH của Khoa đảm bảo đa dạng, nghiêm túc, theo đúng quy trình, đảm bảo sự khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo của chuyên ngành KTPT; đánh giá được mức độ tích luỹ về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

***3. Điểm tồn tại***

Khoa chưa phân tích đầy đủ tất cả các học phần trong CTĐT, mới chỉ phân tích kết quả thi các học phần do Khoa phụ trách. Ngoài ra, công tác phân tích kết quả thi đánh giá SV còn chậm nên việc điều chỉnh phương pháp dạy-học, kiểm tra đánh giá còn chậm.

***4. Kế hoạch hành động***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,  người thực hiện** | **Thời gian  thực hiện/ hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Tăng tính liêm chính và công bằng đối với bài kiểm tra đánh giá của người học. | Triển khai kiểm tra Turnitin đối với tất cả các bài tập nhóm, bài tập lớn của SV nhằm tăng tính liêm chính trong học tập của SV. Xây dựng rubrics phục vụ đánh giá quá trình, thi kết thúc học phần và tốt nghiệp. | Khoa KH&PT | Trong  năm học  2021-2022 |  |
| 2 | Tăng độ tin cậy, độ đảm bảo của câu hỏi kiểm tra, đánh giá trong mỗi bài kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH. | Tăng cường phân tích kết quả đánh giá SV của mỗi môn học ngay sau khi có điểm các môn để tiến hành điều chỉnh ngân hàng câu hỏi/ đề thi | Khoa KH&PT | Trong  học kỳ II  năm học 2021-2022 |  |

***5. Tự đánh giá : 5/7***

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

***1. Mô tả***

Về việc phản hồi đánh giá kết quả học tập của người học, trườngĐHKTQD đã *có những quy định cụ thể, rõ ràng về phản hồi kết quả đánh giá của người học* trong Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ **[H5.05.04.01],** theo đó Khoa KH&PT tuân thủ, triển khai quy định đó tới bộ môn và tới GV để đảm bảo người học kịp thời biết kết quả học tập và cải thiện việc học tập. Do vậy, việc phản hồi kết quả học tập tới người học được thiết kế trong mỗi đề cương học phần **[H5.05.04.02]**.

Các quy định *về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, đúng thời gian* quy định đến GV và NH để thực hiện và kiểm tra giám sát. Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá của NH được phổ biến ngay từ đầu năm học tới từng SV thông qua sổ tay SV **[H5.05.04.03]**, **[H5.05.04.04]**. Theo đó, điểm thành phần đánh giá về quá trình học tập (gồm cả điểm các bài kiểm tra định kỳ) phải được giáo viên giảng dạy trực tiếp công bố cho người học trước khi thi kết thúc học phần. Điểm thi của người học được thông báo sau tối đa là 07 ngày làm việc tính từ ngày thi, đảm bảo đúng, đủ quy trình giao nhận bài, rọc phách, chấm thi và được cập nhật vào hệ thống Quản lý đào tạo trực tuyến; người học có thể sử dụng tài khoản để tra cứu trong suốt quá trình học **[H5.05.04.03]**. KQHT của SV được nhập chính xác, lưu trữ đầy đủ, đúng quy trình tại Phòng QLĐT bằng bản giấy và trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo ĐT **[H5.05.04.05]**. Những quy định về thi, đánh giá KQHT của NH được Nhà trường công bố công khai đến GV và NH (người học có thể truy cập xem điểm thông qua tài khoản cá nhân) và công khai rộng rãi trên trang thông tin điện tử của nhà trường. Khoa phổ biến cho sinh viên các nguồn thông tin của Trường về hoạt động đánh giá kết quả.

*Người học được phản hồi kết quả đánh giá kịp thời*. Việc phản hồi kết quả đánh giá của người học được nêu trong qui định đào tạo đại học hệ chính quy **[H5.05.04.01]**, trong đề cương chi tiết của mỗi học phần ở phần tiến trình giảng dạy **[H5.05.04.06]**, trong Sổ tay những điều sinh viên cần biết **[H5.05.04.03]** và trong Cẩm nang thông tin sinh viên K61 **[H5.05.04.04].** Trong đó để sinh viên dễ hiểu và biết rõ về qui định, trường còn hướng dẫn chi tiết việc thực hiện, cụ thể hóa bằng cách đưa ra các ví dụ về tích lũy điểm trên trang web của trường và của Đoàn TNCS HCM **[H5.05.04.07]**.Thông tin về phản hồi kết quả đánh giá qui định, đề cương hay sổ tay sinh viên đều được biết trong thời gian đầu của mỗi môn học, kỳ học hay năm học. Thời gian phản hồi kịp thời theo tiến trình giảng và học của mỗi môn học và mỗi kỳ học. Ngoài ra để tốt hơn cho việc phản hổi kết quả đánh giá kịp thời thì người học cũng được khảo sát để có những ý kiến phản hồi về mức độ hài lòng của người học đối với việc công bố, phản hồi kết quả học tập, và mức độ hài lòng của người học đối với cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập cũng như các ý kiến đóng góp **[H5.05.04.08]**.

Thông tin phản hồi về *đánh giá kết quả học tập được sử dụng để cải thiện việc học tập*. Dựa vào KQHT và điểm rèn luyện của từng kỳ; căn cứ vào quyết định cảnh báo học vụ hằng kỳ để SV lập phương án học tập thích hợp, tránh được tình trạng bị buộc thôi học khi bị cảnh báo 3 kỳ liên tiếp **[H5.05.04.01]**, **[H5.05.04.03]**.

Trong buổi đối thoại sinh viên, BCN Khoa cùng lãnh đạo các bộ môn trong khoa rất quan tâm đến các ý kiến phản hồi của SV về các hoạt động giảng dạy, học tập, thi cử, về khóa học, về cơ sở vật chất, chất lượng GV và CBQL Khoa.... trong đó có tiêu chí phản hồi kết quả học tập. Trên cơ sở đó, Khoa và các bộ môn sẽ có biện pháp hoàn thiện công tác tác giảng dạy, đánh giá và thông báo kết quả học tập cho sinh viên **[H5.05.04.09]**, **[H5.05.04.10]**. Cuối mỗi học kỳ, các bộ môn/Khoa đều họp sơ kết học kỳ để rút kinh nghiệm và đề ra phương hướng cho học kỳ mới. Trong các nội dung được thảo luận luôn có việc phân tích kết quả đánh giá, phản hồi của người học để có thể cải thiện việc giảng dạy và học tập trong thời gian tới. Nội dung phân tích và đánh giá được thể hiện thông qua biên bản họp sơ kết học kỳ I và tổng kết năm học của Bộ môn **[H5.05.04.10]**.

***2. Điểm mạnh***

KQHT của người học được thông báo kịp thời, đúng quy định và được lưu trữ đầy đủ dưới nhiều hình thức khác nhau đảm bảo chính xác, an toàn và hạn chế được sai sót trong quá trình cung cấp KQHT.

***3. Điểm tồn tại***

Sinh viên chưa được lấy ý kiến, hoặc có kênh chính thức để phản hồi về việc công bố kết quả học tập, và mức độ hài lòng của người học về cách thức, thời gian công bố kết quả học tập một cách thường xuyên.

***4. Kế hoạch hành động***

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,  người thực hiện** | **Thời gian  thực hiện/ hoàn thành** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tăng mức độ hài lòng về thời gian, cách thức công bố kết quả học tập.  Cập nhật hình thức đánh giá trực tuyến để phù hợp với thực tiễn. | Tiến hành lấy ý kiến người học chi tiết hơn trong đó có phản hồi của sinh viên về việc công bố kết quả có kịp thời và giúp người học cải thiện việc học tập hay không.  Nên có những phản hồi nhanh tới sinh viên về kiến thức thu nhận được sau mỗi buổi học/sau một tuần thông qua việc đánh giá nhanh dưới hình thức quize hoặc bài tập về nhà.  Sử dụng hiệu quả các tính năng của TEAMS và LMS trong việc hỗ trợ thiết lập bài quize, bài tập về nhà để có thể đánh giá và phản hồi về kết quả học tập cho sinh viên. | Phòng KT & ĐBCLGD  TT ứng dụng CNTT và các đơn vị chức năng của Nhà trường | Trong  năm học 2021-2022 |  |
| 2 | Chuẩn hóa các quy định về thông báo kết quả học tập trong đó bao gồm hình thức đánh giá trực tuyến. | Tiếp tục thực hiện một cách nghiêm túc các quy định về thông báo kết quả học tập cho người hoc.  Thể chế hóa việc sử dụng các tính năng của TEAMS và LMS trong việc đánh giá kết quả học tập. | Khoa KẾ HOẠCH VÀ PHÁT TRIỂN | Trong  học kỳ II năm học 2021-2022 |  |

***5. Tự đánh giá: 5/7***

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

***1. Mô tả***

Việc tổ chức đánh giá và quản lý kết quả học tập của người học, đảm bảo độ giá trị, công bằng và khách quan trong công tác đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường, các khiếu nại về kết quả học tập của người học được quy định và hướng dẫn rõ ràng trong Chương VI: Xem lại kết quả bài thi học phần của Quy chế tổ chức thi kết thúc học phần của trường ĐHKTQD (Ban hành kèm theo Quyết định số 1755/QĐ-ĐHKTQD), Điều 20 Khiếu nại điểm và xem lại kết quả bài thi học phần trong Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường ĐHKTQD (Quyết định số 389/QĐ-ĐHKTQD) **[H5.05.05.01]**, **[H5.05.05.02]**.

Người học CTĐT được *phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập* trong Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa. Sinh viên được phổ biến và giải đáp thắc mắc về các quy định của nhà trường trong đào tạo, bao gồm cả nội dung về quy trình khiếu nại về kết quả học tập **[H5.05.05.03]**, **[H5.05.05.04]**. Sinh viên có thể dễ dàng truy cập quy định và thông tin về phúc tra bài thi trên website của Phòng KT&ĐBCLGD **[H5.05.05.05]** và website quản lý đào tạo chung của Nhà trường **[H5.05.05.06]**. Sinh viên có thể dễ nộp đơn xem lại bài thi học phần tại Bộ phận một cửa của trường, tại đó quy trình và biểu mẫu được nhà trường thể chế hóa thành văn bản và sinh viên có thể dễ dàng thực hiện một cách thuận lợi nhất **[H5.05.05.07]**. Trước đây, nếu không hài lòng với kết quả bài thi, sinh viên sẽ làm đơn gửi Phòng quản lý đào tạo kiểm tra việc nhập điểm, hoặc làm đơn phúc tra gửi Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng. Từ ngày 16/5/2019, SV nộp đơn xin phúc khảo bài thi cuối kỳ tại Bộ phận một cửa. Sau đợt nhận đơn xem lại bài thi kết thúc học phần, Bộ phận một cửa cung cấp thông tin tới Bộ môn và phòng KT&ĐBCLGD. Cụ thể quy trình xem lại kết quả bài thi học phần được thực hiện thông qua 5 bước như đã được mô tả trong Hình 5.5.1: (1) bước 1 và 2: Nhận đơn, phân loại dữ liệu và chuyển tới các bộ phận liên quan trong 01 ngày làm việc. Bước 3: Thời gian hồi phách, kiểm tra nhập điểm cơ học là 02 ngày làm việc. Bước 4: Thời gian chấm và gửi kết quả chấm tới phòng KT&ĐBCLGD là 03 ngày làm việc. Bước 5: Thời gian hồi phách, tổng hợp kết quả chấm và thông báo cho người học là 01 ngày làm việc. Tổng thời gian từ sau khi kết thúc thời gian nhận đơn tới khi thông báo điểm là 07 ngày làm việc.

Công tác chấm lại và gửi kết quả chấm lại bài thi kết thúc học phần tới người học trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc. Việc chấm lại được thực hiện một cách nghiêm túc theo yêu cầu của nhà trường, theo đó giáo viên chấm lại được bố trí khác với giáo viên chấm ban đầu. Đối với các môn thi trắc nghiệm trên máy, thời gian xử lý và thông báo kết quả là 02 ngày làm việc tính từ ngày Bộ phận một cửa chuyển thông tin **[H5.05.05.02]**. Kết quả đối thoại giữa Khoa với SV các năm cho thấy, SV khẳng định được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT.

A screenshot of a cell phone

Description automatically generated

Hình 5.5.1 Quy trình xem lại bài thi kết thúc học phần

Số lượng sinh viên khiếu nại về kết quả học tập hằng năm không nhiều, trung bình 0,01%. Các trường hợp khiếu nại đều được giải quyết kịp thời. Sau khi hoàn thành công tác chấm lại, Trưởng các bộ môn sẽ gửi kết quả học phần tới bộ phận một cửa để thông báo tới người dự thi, đồng thời gửi kết quả xem lại bài thi học phần và 1 bản sao bài thi đã chấm lại (nếu có thay đổi về điểm) tới đơn vị quản lý đào tạo để cập nhật điểm cho người học. Đồng thời, Phòng KT&ĐBCLGD cũng có thông báo công khai kết quả xem lại bài thi trên website của Phòng **[H5.05.05.08]**.Công tác chấm lại và gửi kết quả chấm lại bài thi kết thúc học phần tới người học được thực hiện trong thời gian tối đa là 5 ngày làm việc.

Theo thống kê, từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020, có 04 SV của CTĐT nộp đơn xin phúc khảo điểm thi kết thúc học phần các môn chuyên ngành. Trong đó, cả 4/4 bài thi không có sự thay đổi điểm **[H5.05.05.08]**. Từ kết quả phúc khảo cho thấy, đa số SV hài lòng với hoạt động đánh giá KQHT. Tuy nhiên, Khoa chưa có công bố kết quả phúc khảo bài thi trên trang thông tin điện tử của Khoa.

***2. Điểm mạnh***

Các quy định, quy trình giải quyết khiếu nại kết quả học tập đầy đủ rõ ràng và thông tin rộng rãi, công khai cho người học. Người học dễ dàng phản ánh các khiếu nại về kết quả học tập, nhất là khi có bộ phận một cửa, hơn nữa số NH khiếu nại về kết quả học tập ít và các khiếu nại được giải quyết kịp thời, thoả đáng.

***3. Điểm tồn tại***

Khoảng thời gian cho phép sinh viên nộp khiếu nại là khá ngắn nên đôi khi có sinh viên chưa kịp nộp đơn khiếu nại kết quả mặc dù có nhu cầu xem lại bài thi.

***4. Kế hoạch hành động***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,  người thực hiện** | **Thời gian  thực hiện/ hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Phù hợp hơn về thời gian khiếu nại bài kiểm tra đánh giá | Thu thập đánh giá của người học về việc xử lý khiếu nại của nhà trường.  Bổ sung quy định/quy trình về phúc tra bài thi với hình thức thi trực tuyến, cụ thể trong bước 3 để phù hợp với thực tiễn khi phải giảng và thi trực tuyến trong thời gian không giãn cách vì Covid-19. | Phòng KT & ĐBCLGD | Trong  học kỳ mùa thu năm học 2021-2022 |  |
| 2 | Tăng sự hài lòng của người học về việc phúc tra bài thi | Tiếp tục thực hiện một cách nghiêm túc các quy định về phúc tra bài thi. | Khoa KH&PT | Trong  năm học 2021-2022 |  |

***5. Tự đánh giá: 5/7***

***Kết luận về Tiêu chuẩn 5***

***Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn***

Nhà trường có các quy định rõ ràng về hình thức, kế hoạch, tiêu chí đánh giá kết quả học tập theo các CĐR của CTĐT và của từng học phần. Tất cả quy định này đều được phổ biến và công khai đến sinh viên. Quy trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên được xây dựng bám sát theo các yêu cầu về CĐR đối với kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của chương trình đào tạo. Các phương pháp đánh giá được thiết kế phù hợp để có khả năng đo lường được mức độ đạt các CĐR.

Quy trình đánh giá kết quả học tập của người học rõ ràng và được công khai tới tất cả người học. Tất cả người học dễ dàng tiếp cận các thông tin về quy trình đánh giá kết quả học tập thông qua các kênh thông tin của trường (trang thông tin điện tử của phòng Quản lý đào tạo, Phòng khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục), hoặc kênh thông tin của Khoa (trang web cấp 2 của Khoa KH&PT, trợ lý Khoa, cố vấn học tập, giảng viên phụ trách môn học).

Các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập người học của Khoa KH&PT đảm bảo đa dạng, nghiêm túc, theo đúng quy trình, đảm bảo sự khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo của ngành KTPT; đánh giá được mức độ tích luỹ về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

KQHT của người học được thông báo kịp thời, đúng quy định và được lưu trữ đầy đủ dưới nhiều hình thức khác nhau đảm bảo chính xác, an toàn và hạn chế được sai sót trong quá trình cung cấp KQHT.

Các quy định, quy trình giải quyết khiếu nại kết quả học tập đầy đủ rõ ràng và thông tin rộng rãi, công khai cho người học. Người học dễ dàng phản ánh các khiếu nại về kết quả học tập, nhất là khi có bộ phận một cửa, hơn nữa số NH khiếu nại về kết quả học tập ít và các khiếu nại được giải quyết kịp thời, thoả đáng.

***Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn***

Việc thiết kế phương pháp đánh giá cho một số học phần chưa đánh giá được các CĐR một cách toàn diện. Cụ thể, câu hỏi kiểm tra và thi sử dụng trong đánh giá kết quả học tập các môn thuộc khối kiến thức đại cương và kiến thức cơ sở ngành mới chủ yếu dừng lại ở việc đánh giá việc tiếp thu kiến thức ở mức biết, hiểu và vận dụng mà chưa đánh giá được mức độ kiến thức ở những bậc thang cao hơn.

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH đã được công bố trong ĐCCT học phần, được giảng viên phổ biến trực tiếp vào đầu kỳ học, được đăng tải trên trang web của Nhà Trường, tuy nhiên nhiều SV vẫn chưa nắm rõ được các quy định do các học phần khác nhau, có các quy định khác nhau về đánh giá kết quả học tập của NH. Đồng thời, các kênh quảng bá các nội dung này còn hạn chế, Website được thiết kế chưa thân thiện với người dùng, do đó số lượng truy cập vào website của NH để xem và tìm hiểu các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học còn hạn chế.

Khoa chưa phân tích đầy đủ tất cả các học phần trong CTĐT, mới chỉ phân tích kết quả thi các học phần do Khoa phụ trách. Ngoài ra, công tác phân tích kết quả thi đánh giá SV còn chậm nên việc điều chỉnh phương pháp dạy-học, kiểm tra đánh giá còn chậm.Sinh viên chưa được lấy ý kiến, hoặc có kênh chính thức để phản hồi về việc công bố kết quả học tập, và mức độ hài lòng của người học về cách thức, thời gian công bố kết quả học tập một cách thường xuyên.

Khoảng thời gian cho phép sinh viên nộp khiếu nại là khá ngắn nên đôi khi có sinh viên chưa kịp nộp đơn khiếu nại kết quả mặc dù có nhu cầu xem lại bài thi.

## TIÊU CHUẨN 6: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN

**Mở đầu**

Chất lượng đội ngũ giảng viên được coi là một trong những yếu tố then chốt quyết định đến sự thành công và phát triển của một trường đại học. Nhận thức rõ vai trò và tầm quan trong trọng của công tác xây dựng đội ngũ giảng viên trong quá trình xây dựng và phát triển của Trường, trong những năm qua, TrườngĐHKTQD đã thực hiện chủ trương: “Xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên theo hướng chuẩn hoá về mặt chức danh, trình độ; đảm bảo chất lượng, đủ số lượng và đồng bộ về cơ cấu, trẻ hoá đội ngũ cán bộ; chú trọng nâng cao năng lực công tác, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và lương tâm nghề nghiệp cho cán bộ”.

Là một trong những khoa hình thành từ khi mới thành lập Trường, với bề dày kinh nghiệm trong giảng dạy và đào tạo, Khoa KH&PT luôn xác định công tác nhân sự là một nhiệm vụ trọng tâm và là yếu tố đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của Khoa. Giảng viên Khoa KH&PT luôn được tuyển chọn kỹ lưỡng và không ngừng được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, kỹ năng và phẩm chất đạo đức, đảm bảo đủ về số lượng, tốt về chất lượng nhằm phục vụ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

**Tiêu chuẩn 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**

1. ***Mô tả***

Trường ĐH KTQD thực hiện quy trình quy hoạch đội ngũ giảng viên rõ ràng, công khai, minh bạch theo các quy định của Trường đã ban hành. Công tác quy hoạch đội ngũ giảng viên khoa KH&PT cũng được triển khai theo quy trình chặt chẽ và đúng với quy định của Trường. Công tác quy hoạch đội ngũ giảng viên của Khoa đáp ứng được các nhu cầu về đào tạo NCKH và phục vụ cộng đồng. Công tác quy hoạch đội ngũ giảng viên được Trường và Khoa được định hướng đảm bảo phù hợp với các mục tiêu trong Chiến lược phát triển của nhà trường **[Chiến lược phát triển của nhà trường][Quy chế tuyển dụng].**

Số giảng viên cơ hữu của khoa KH&PT hiện tại là 19 người trong đó có 1 giáo sư (chiếm 5,3%), 7 phó giáo sư (chiếm 36,8%), 8 tiến sỹ (chiếm 42,1%) và 3 thạc sỹ (chiếm 15,8%) trong đó cả 3 thạc sỹ đang làm NCS.

Việc quy hoạch, bổ nhiệm, sử dụng và quản lý giảng viên tại khoa KH&PT được thực hiện đúng quy định, quy trình của Nhà nước dưới sự chỉ đạo của trường ĐH KTQD. Việc tuyển dụng giảng viên mới của Khoa được thực hiện trên cơ sở rà soát, đánh giá năng lực giảng dạy và NCKH của đội ngũ giảng viên hiện có so với nhiệm vụ được giao và triển vọng phát triển của Khoa trong tương lai. Tiêu chí tuyển dụng giảng viên luôn được Khoa ưu tiên là tuyển dụng giảng viên có học vị tiến sỹ, được đào tạo từ nước ngoài, trong đó hướng vào những giáo viên có năng lực NCKH tốt được chứng minh qua các đề tài NCKH, các bài báo công bố quốc tế, khả năng tư vấn cho các cơ quan nhà nước, các địa phương và các doanh nghiệp trong các vấn đề về kinh tế. Kế hoạch tuyển dụng của Khoa được đề xuất với Nhà trường thông qua phòng Tổ chức cán bộ **[Tuyển dụng KH&PT]**

Các giảng viên sau khi được tuyển dụng phải thực hiện chế độ tập sự 01 năm theo quy định. Các bộ môn sẽ phân công 01 giảng viên có năng lực, kinh nghiệm, có uy tín trong bộ môn làm người hướng dẫn tập sự giúp cho giảng viên mới hoàn thành việc xây dựng bài giảng cho học phần mình phụ trách. Ngoài ra, trong thời gian này, giảng viên tập sự còn phải tham gia học và thi để có chứng chỉ nghiệp vụ sự phạm, tham gia trợ giảng cho các lớp học phần của bộ môn. Sau khi hết tập sự, bộ môn sẽ họp xét tập sự, đưa ra các nhận xét, đánh giá và quyết định xem có cho giảng viên kết thúc tập sự và ký tiếp hợp đồng lao động hay không **[TB về công nhận hoàn thành tập sự và ký lại hợp đồng làm việc]**

Hàng năm, Khoa cũng chủ động phối hợp với phòng Tổ chức cán bộ rà soát những giảng viên sắp đến tuổi nghỉ hưu để kịp thời có những điều chỉnh về kế hoạch nhân sự của Khoa. Với những giảng viên đến tuổi nghỉ hưu nhưng vẫn có sức khoẻ tốt và có nguyện vọng kéo dài thời gian tham gia công tác và đáp ứng đủ điều kiện về kéo dài thời gian công tác theo quy định của Nhà nước, Khoa sẽ xem xét và tạo điều kiện kéo dài thời gian làm việc vì đây là những giảng viên giàu kinh nghiệm trong giảng dạy, nghiên cứu và có trình độ cao (từ tiến sỹ trở lên). Khoa sẽ lập danh sách và gửi hồ sơ về phòng Tổ chức cán bộ để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét và ra quyết định. Hiện tại Khoa có 3 giảng viên đang được kéo dài thời gian làm việc sau khi đến tuổi nghỉ hưu, trong đó có 1 giáo sư và 2 phó giáo sư **[Quy chế bổ nhiệm, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ].**

Đối với giảng viên thuộc diện ký hợp đồng có thời hạn: Hằng năm, các Bộ môn và Khoa đánh giá kết quả hoàn thành các nhiệm vụ được giao trong thời gian thực hiện hợp đồng. Trên cơ sở đó, Khoa đề xuất Trường ký hoặc không ký tiếp hợp đồng với giảng viên. Nhìn chung, các giảng viên được tuyển dụng làm việc tại khoa KH&PT luôn nỗ lực phấn đấu, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao và được ký tiếp hợp đồng.

Khoa KH&PT cũng luôn quan tâm, tạo điều kiện cho các giảng viên được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp cụ. Trong quá trình công tác, các giảng viên của Khoa luôn được tạo điều kiện đi học tập bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ học vấn và chuyên môn nghiệp vụ thông qua các khoá đào tạo, bồi dưỡng và tập huấn ngắn hạn. Hiện các giảng viên hầu hết đều đã đạt được các bằng cấp, chứng chỉ nghề nghiệp cần thiết, giúp cho chất lượng nguồn nhân lực của Khoa ngày càng được cải thiện, tạo tiền đề nâng cao chất lượng đào tạo. Khoa cũng luôn khuyến khích và tạo điều kiện để các giảng viên được đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài, tăng cường giao lưu, học hỏi với các trường Đại học trên thế giới. Khoa có 3 tiến sỹ và 7 thạc sỹ được đào tạo ở nước ngoài, 1 NCS đang học tập ở nước ngoài. Sau khi trở về nước, các giảng viên đã phát huy tốt năng lực bản thân và có nhiều đóng góp trong công tác giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng của Khoa, đặc biệt đối với các môn học mới, các môn học bằng tiếng Anh **[Hồ sơ giảng viên]**.

Bên cạnh đó, với các giảng viên có năng lực, có nhiều đóng góp cho sự phát triển của Khoa, Khoa KH&PT luôn quan tâm, khuyến khích và tạo điều kiện để họ nâng cao chức danh nghề nghiệp thông qua việc hỗ trợ trong công tác chuẩn bị và nộp hồ sơ bổ nhiệm chức danh. Số lượng giảng viên trong Khoa được bổ nhiệm chức danh Giáo sư và Phó giáo sư liên tục tăng. Hiện Khoa có 1 Giáo sư và 7 Phó giáo sư, đây là đội ngũ giảng viên cao cấp, đóng vai trò then chốt trong các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Khoa.

Việc phân công nhiệm vụ của Giảng viên trong Khoa được căn cứ dựa vào trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm, kỹ năng của mỗi giảng viên trên cơ sở đảm bảo phù hợp với nhu cầu của CTĐT, phát huy tối đa năng lực của mỗi giáo viên phục vụ cho các hoạt động của CTĐT **[Phân công giảng viên phụ trách và giảng dạy các môn học]**

1. ***Điểm mạnh***
2. Đã có các quy định cụ thể, rõ ràng để đánh giá nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng cũng như khả năng đáp ứng hiện tại của Khoa, từ đó hỗ trợ tích cực cho nhiệm vụ quy hoạch đội ngũ giảng viên.
3. Quy trình tuyển dụng, tập sự và ký hợp đồng lao động, kéo dài thời gian làm việc, bổ nhiệm với giảng viên rõ ràng, minh bạch và đảm bảo chất lượng giảng dạy của giảng viên.
4. ***Điểm tồn tại***

Cơ chế tuyển dụng còn thiếu linh hoạt, chưa có các cơ chế đặc biệt nhằm tạo điều kiện thu hút nhân tài cho các trường hợp như giảng viên thỉnh giảng, giảng viên người nước ngoài hay các chuyên gia tham gia hỗ trợ giảng dạy theo các chuyên đề.

1. ***Kế hoạch hành động***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Tạo điều kiện thu hút các nhân tài tham gia làm giảng viên thỉnh giảng, đặc biệt là các giảng viên nước ngoài | Ký kết hợp đồng để thu hút sự tham gia của các giảng viên nước ngoài, giảng viên thỉnh giảng, các chuyên gia là những nhà khoa học hàng đầu trong các lĩnh vực nghiên cứu  Phối hợp với các tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp trong việc chuyển giao kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm | Trường và Khoa KH&PT | 2020-2025 | ……. |
|  |  |  |  |  |  |

1. ***Tự đánh giá:* Đạt (5/7)**

**Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ công đồng.**

1. ***Mô tả***

Ngoài đội ngũ giảng viên cơ hữu là 19 người, Khoa KH&PT còn có một đội ngũ các giảng viên kiêm giảng, thỉnh giảng, công tác viên, báo cáo viên từ các đơn vị bên ngoài tham gia giảng dạy và báo cáo theo quy định của Quy chế thỉnh giảng, kiêm giảng, công tác viên, báo cáo viên của trường ĐH KTQD **[Quy định chế độ thỉnh giảng].** Tổng số giảng viên tham gia giảng dạy của Khoa hiện tại là 25 người gồm 19 giảng viên cơ hữu và 6 giảng viên thỉnh giảng/kiêm giảng (trong đó có 1 giáo sư, 10 phó giáo sư, 10 tiến sĩ và 4 thạc sĩ)

**Bảng 6.2.1 Giảng viên giảng dạy trong Chương trình (tính đến 30/12/2021)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tình độ, học vị, chức danh** | **Số GV** | **GV Cơ hữu** | | | **GV thỉnh giảng/kiêm giảng trong nước** | **GV nước ngoài** |
| **GV trong biên chế** | **GV hợp đồng dài hạn** | **GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý** |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** | **[5]** | **[6]** | **[7]** | **[8]** |
| 1 | Giáo sư | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Phó giáo sư | 10 | 0 | 7 | 3 |  | 0 |
| 3 | Tiến sĩ khoa học | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Tiến sĩ | 10 | 0 | 8 | 0 | 2 | 0 |
| 5 | Thạc sĩ | 4 | 0 | 3 | 1 | 0 | 0 |
| 6 | Đại học | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7 | Cao đẳng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 8 | Trình độ khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | **Tổng** | **25** | **0** | **19** | **4** | **2** | **0** |

*(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)*

Trường ĐH Kinh tế quốc dân đã thực hiện báo cáo 3 công khai đối với toàn xã hội **[Website Trường],** trong đó luôn công khai rõ ràng số lượng giảng viên, sinh viên để các đơn vị liên quan giám sát. Hàng năm, nhà trường đều cập nhật số lượng giảng viên, sinh viên dưới sự giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Số lượng giảng viên tham gia giảng dạy tại Khoa được quy đổi theo trình độ và khối ngành quy định tại Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT.

**Bảng 6.2.2. Số lượng giảng viên quy đổi giảng dạy trong Chương trình**

**(tính đến 30/9/2021)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tình độ, học vị, chức danh** | **Hệ số quy đổi** | **Số GV** | **GV Cơ hữu** | | | **GV thỉnh giảng/kiêm giảng trong nước** | **GV nước ngoài** | **GV quy đổi** |
| GV trong biên chế | GV hợp đồng dài hạn | GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý |
| [1] | [2] | [3] | [4] | [5] | [6] | [7] | [8] | [9] | [10] |
|  | Hệ số quy đổi |  |  | 1,0 | 1,0 | 0,3 | 0,2 | 0,2 |  |
| 1 | Giáo sư | 5,0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 5 |
| 2 | Phó giáo sư | 3,0 | 10 | 0 | 7 | 3 | 0 | 0 | 23,7 |
| 3 | Tiến sĩ khoa học | 3,0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Tiến sĩ | 2,0 | 10 | 0 | 8 | 0 | 2 | 0 | 16,8 |
| 5 | Thạc sĩ | 1 | 4 | 0 | 3 | 1 | 0 | 0 | 3,3 |
| 6 | Đại học | 0,5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Tổng |  | 25 | 0 | 19 | 4 | 2 | 0 | 48,8 |

Số lượng giảng viên quy đổi của CTĐT là 48,8 người. Số lượng sinh viên đang theo học CTĐT là 870 người. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên là 17,8. Tỷ lệ quy định trong Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo là 20. Như vậy, với tỷ lệ sinh viên/giảng viên của Khoa hiện tại (17,9), công tác quản lý, phân công giảng viên của Khoa là phù hợp, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng, đảm bảo giảng viên có thể phân bổ thời gian hợp lý để tham gia nhiều hoạt động khác của Khoa và nhà trường.

Công tác đánh giá khối lượng công việc và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên trong Khoa được thực hiện đầy đủ theo kỳ và năm. Khối lượng công việc và mức độ hoàn thành nhiệm vụ bao gồm: giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác. Việc đánh giá được thực hiện ở 3 cấp độ: giảng viên tự đánh giá, bộ môn, Khoa và là căn cứ để xếp loại thi đua theo kỳ và năm học trên cơ sở định mức giảng dạy của giảng viên tính trong 01 năm học (270 giờ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường) được quy đổi thành giờ giảng chuẩn theo tín chỉ của bậc Đại học **[Báo cáo tổng kết khoa hàng năm].**

Hoạt động đào tạo và NCKH của giảng viên luôn được sự quan tâm và quản lý sát sao của Khoa, Bộ môn thông qua các hoạt động sinh hoạt khoa học định kỳ, nghiên cứu đề tài, toạ đàm khoa học, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, làm đề án, chuyên đề tốt nghiệp… Nhà trường cũng quy định số giờ NCKH tối thiểu mỗi giảng viên cần đảm bảo hàng năm. Theo quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên, khối lượng công việc được tính trên định mức giờ giảng và giờ nghiên cứu của cá nhân theo năm học. Tất cả các kết quả NCKH giảng viên đạt được như viết giáo trình, xuất bản sách, bài báo, bài tạp chí, chủ nhiệm/tham gia các đề tài khoa học, hướng dẫn sinh viên NCKH… đều được tính trong định mức và là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên **[Quy định và hướng dẫn NCKH], [Hướng dẫn triển khai hoạt động NCKH từ năm 2021], [Quy chế đánh giá, phân loại của trường ĐH KTQD],**

Ngoài sự giám sát của Khoa, bộ môn, việc hoàn thành công việc giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên cũng như việc tuân thủ các quy định của Nhà trường còn có sự tham gia giám sát và đánh giá của các đơn vị chức năng Nhà trường như phòng Thanh tra – Pháp chế, Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Quản lý Khoa học, Tổ giảng đường…

Ngoài việc áp dụng các quy định chung trong thực hiện đánh giá giảng viên, Nhà trường còn có các quy định về tiêu chí đánh giá năng lực cán bộ quản lý, giảng viên và chuyên viên **[Đề án vị trí việc làm]**. Bộ tiêu chí này được xây dựng nhằm thống nhất các tiêu chí đánh giá cán bộ quản lý, giảng viên và chuyên viên trong Trường, là cơ sở để chi trả thu nhập tăng thêm theo năng lực các nhân; đồng thời khuyến khích cán bộ quản lý, giảng viên và chuyên viên nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ tốt hơn cho công tác đào tạo, NCKH và hỗ trợ cộng đồng. Nhà trường cũng có quy định về đánh giá công chức, viên chức, lao động hợp đồng là căn cứ để các khoa, viện và các đơn vị trong Trường tiếp tục bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức, người lao động, chi trả phần thu nhập tăng thêm theo kết quả hoàn thành công việc đối với công chức, viên chức, người lao động.

1. ***Điểm mạnh***

(1) Đã có các quy định cụ thể trong giám sát và đo lường tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên.

(2) Đội ngũ giảng viên của Khoa có năng lực cao, đáp ứng tối khối lượng công việc giảng dạy, NCKH và hỗ trợ cộng đồng.

1. ***Điểm tồn tại***

Đề án vị trí việc làm mới chỉ đang được thử nghiệm và chưa đi vào hoạt động chính thức.

1. ***Kế hoạch hành động***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Đưa đề án vị trí việc làm vào triển khai chính thức | Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện đề án vị trí việc làm và đưa đề án vị trí việc làm vào triển khai chính thức | Trường | 2020-2021 | ……. |
|  |  |  |  |  |  |

1. ***Tự đánh giá: Đạt (5/7)***

**Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.**

1. ***Mô tả***

Trường ĐH KTQD thực hiện tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên, bổ nhiệm, điều chuyển giảng viên theo các tiêu chuẩn rõ tràng nêu trong Quy chế về công tác tuyển dụng, công tác bổ nhiệm, điều chuyển đảm bảo giảng viên được tuyển dụng, bổ nhiệm có năng lực và phẩm chất đáp ứng chuyên môn nghiệp vụ **[Quy chế bổ nhiệm, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ], [Quy chế tuyển dụng 2015], [Kế hoạch tuyển dụng, thông báo tuyển dụng của trường giai đoạn 2016-2020].**

Việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đối với giảng viên của Khoa được thực hiện theo các tiêu chí, tiêu chuẩn và quy trình theo quy định của Nhà trường. Theo đó, giảng viên được tuyển dụng dạy chuyên ngành phải có học vị từ Thạc sĩ trở lên; bằng tốt nghiệp từ loại khá trở lên phù hợp với ngành/chuyên ngành dự tuyển; tuổi đời không quá 35 với người có học vị thạc sĩ, không quá 45 với người có học vị tiến sĩ, không quá 50 với người có chức danh Phó giáo sư; tiếng Anh chứng chỉ IELTS quốc tế đạt 5 điểm hoặc tương đương trở lên; có chứng chỉ tin học văn phòng; có năng lực sư phạm và khả năng NCKH.

Với mục tiêu xây dựng đội ngũ giảng viên có kiến thức tốt, có năng lực giảng dạy và đặc biệt là năng lực nghiên cứu mạnh, đồng thời hướng đến việc đào tạo sinh viên có khả năng tư duy tốt, có năng lực nghiên cứu tốt, ngay từ khâu tuyển dụng, Khoa Kế hoạch và Phát triển luôn ưu tiên tuyển dụng những ứng viên có học vị tiến sĩ từ các nước phát triển. Đối với những giảng viên đang là thực sĩ, Khoa và Trường yêu cầu giảng viên phải xây dựng kế hoạch và cam kết lộ trình hoàn thành NCS. Nhà trường cũng có quy định cụ thể về hỗ trợ các thủ tục, kinh phí và thời gian đào tạo. Ngoài các tiêu chuẩn tuyển dụng theo Quy chế Khoa và Trường còn ưu tiên tuyển dụng những ứng viên có năng lực NCKH, thể hiện qua các bài báo đăng trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước, đã tham gia giảng dạy, nghiên cứu tại các trường đại học quốc tế, có khả năng giảng dạy bằng tiếng Anh đối với các môn học chuyên ngành.

Các thông tin về tuyển dụng, lựa chọn giảng viên được đăng công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng. Các tiêu chí tuyển dụng về số lượng, yêu cầu, điều kiện tuyển dụng, hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ… được công bố cụ thể, rõ ràng trên website của Trường, Khoa **[Website Trường, Khoa]**. Các tiêu chí được xác định và điều chỉnh cho phù hợp với từng thời kỳ và nhu cầu phát triển của Nhà trường, của Khoa và CTĐT. Hội đồng tuyển dụng được thành lập và hoạt động theo quy trình, quy chế chặt chẽ. Kết quả tuyển dụng được công bố rõ ràng, khách quan và dân chủ. Ứng viên phải thi giảng, trả lời phỏng vấn trước Hội đồng tuyển sinh. Sau khi trúng tuyển, giảng viên phải thực hiện nghĩa vụ biên soạn đề cương bài giảng, có người hướng dẫn và có thời gian thử việc sau đó mới được lên lớp.

Đối với công tác quy hoạch, bổ nhiệm vào các vị trí quản lý (bộ môn, khoa), Khoa Kế hoạch và Phát triển luôn nghiêm túc tuân thủ các quy chế của Trường về quy hoạch, bổ nhiệm, đặc biệt chú trọng đến năng lực quản lý, năng lực giảng dạy, NCKH của ứng viên khi quy hoạch, bổ nhiệm các chức vụ quản lý **[Quy khoạch Khoa].** Đề án vị trí việc làm đang được Nhà trường xây dựng để làm căn cứ thực hiện, xác định lựa chọn giảng viên để bổ nhiệm, điều chuyển cho phù hợp **[Đề án vị trí việc làm].**

Các quy định, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển… đều được triển khai lấy ý kiến góp ý rộng rãi tới toàn thể cán bộ, giảng viên và nhân viên trước khi được ban hành chính thức. Các băn bản quản lý được công bố công khai trên trang quản lý công văn điện tử E – office của Trường để cán bộ, giảng viên toàn Trường được biết và có cơ sở phấn đấu phát triển.

1. ***Điểm mạnh***

Đã có các quy định cụ thể xác định tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn giảng viên. Các tiêu chí này là phù hợp với mục tiêu đặt ra và được phổ biến công khai.

1. ***Điểm tồn tại***

Đề án vị trí việc làm mới chỉ đang được thử nghiệm và chưa đi vào hoạt động chính thức. Khả năng đưa ra các điều kiện cạnh tranh, hấp dẫn để thu hút các giảng viên, chuyên gia xuất sắc còn nhiều hạn chế.

Các tiêu chuẩn cụ thể chưa được cập nhật đầy đủ cho phù hợp với Chiến lược phát triển và Kế hoạch riêng của Khoa, Bộ môn trong từng vị trí tuyển dụng.

1. ***Kế hoạch hành động***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Đưa đề án vị trí việc làm vào triển khai  Hoàn thiện các tiêu chuẩn tuyển dụng đối với từng vị trí giảng viên ở khoa và bộ môn | Đẩy mạnh đưa đề án vị trí việc làm vào triển khai thực hiện đồng bộ làm cơ sở cho việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển giảng viên phù hợp.  Triển khai đánh giá hoàn thành nhiệm cụ của giảng viên theo đề án vị trí việc làm  Bổ sung kịp thời các tiêu chuẩn cho phù hợp với Chiến lược phát triển và Kế hoạch riêng của Khoa, bộ môn trong từng vị trí tuyển dụng. | Trường và Khoa KH&PT  Khoa, Bộ môn | 2020-2025 | ……. |
|  |  |  |  |  |  |

1. ***Tự đánh giá: Đạt (5/7)***

**Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và đánh giá.**

1. ***Mô tả***

Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên là chìa khoá thành công và phát triển của các khoa, bộ môn nói riêng và của Nhà trường nói chung. Chính vì thế, Trường ĐH KTQD và khoa Kế hoạch và Phát triển luôn coi xây dựng đội ngũ cán bộ giảng viên có đủ năng lực, có chất lượng cao là một vấn đề trọng yếu trong quá trình xây dựng và phát triển. Khoa Kế hoạch và Phát triển luôn được đánh giá là một trong những đơn vị có năng lực giảng dạy, NCKH và hỗ trợ cộng đồng dẫn đầu của Trường. Ngay từ khâu tuyển dụng, Khoa đã chú trọng lựa chọn những ứng viên đáp ứng đủ và tốt các yêu cầu về giảng dạy và NCKH. Cùng với đó, Khoa cũng quan tâm bồi dưỡng và tạo điều kiện cho đội ngũ giảng viên phát triển toàn diện năng lực trong giảng dạy, nghiên cứu thông qua các lớp tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng… Hiện tại, đội ngũ giảng viên của Khoa đều có năng lực tốt, có khả năng giảng dạy và nghiên cứu đáp ứng được yêu cầu của Chương trình đào tạo:

* Trình độ đào tạo: Tính đến 31/12/2021, 100% giảng viên cơ hữu của Khoa KH&PT có trình độ từ thạc sĩ trở lên, trong đó giảng viên có học hàm Giáo sư chiếm 5,3%, giảng viên có học hàm phó giáo sư chiếm 36,8%, giảng viên có trình độ tiến sĩ chiếm 42,1% và giảng viên có trình độ thạc sĩ chiếm 15,8%
* Nghiệp vụ sư phạm: Tính đến 31/12/2021, 100% giảng viên của Khoa KH&PT có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm giảng dạy trình độ đại học, các giảng viên đều có kinh nghiệm giảng dạy từ 5 năm trở lên.
* Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong nghiên cứu và giảng dạy: 40.% giảng viên có khả năng giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh, Pháp, Nga. 100% giảng viên có thể đọc, nghiên cứu bằng tiếng Anh.
* Khả năng NCKH: Các giảng viên trong Khoa đều có khả năng NCKH tốt, tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu của Khoa, của Trường cũng như hợp tác với các tổ chức ngoài Trường; số giờ NCKH của các giảng viên luôn đạt và vượt nhiều so với quy định của Trường; số lượng đề tài nghiên cứu các cấp, số các bài nghiên cứu công bố trên các tạp chí, các hội thảo trong nước và quốc tế tăng qua các năm.

Nhà trường đã chú trọng thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên: tạo điều kiện cho các giảng viên được đi đạo tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài; tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn, dài hạn, tập huấn, hội thảo; bồi dưỡng năng lực giảng dạy, nghiên cứu cho giảng viên và cán bộ nghiên cứu; bồi dưỡng trình độ lý luận chính trị cho lãnh đạo các đơn vị. Nhà trường cũng đã tổ chức một số lớp đại học ngoại ngữ hệ văn bằng 2; bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), giảng viên cao cấp (hạng I), các lớp phương pháp NCKH cơ bản, phương pháp NCKH nâng cao và nhiều lớp nghiệp vụ theo dự án (lớp bồi dưỡng giảng viên Pohe, lớp bồi dưỡng Quản trị rủi ro tài chính và bảo hiểm, lớp bồi dưỡng phân tích dân số…). Mặc dù vậy, giảng viên giảng dạy hiện vẫn chủ yếu là các giáo viên trong nước, số lượng các giảng viên quốc tế tham gia giảng dạy còn rất hạn chế.

Để có thông tin phản hồi nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên cũng như chất lượng phục vụ đào tạo của các phòng ban liên quan, sau mỗi kỳ học, Nhà trường đều định kỳ triển khai công tác lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên và chỉ đạo phòng Khảo thí và ĐBCLGD chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai công tác này. Kết quả lấy ý kiến người đọc thuộc các hệ đào tạo của Trường được tổng hợp và quy đổi ra điểm số, gửi tới từng giảng viên, giúp các giảng viên nắm bắt kịp thời phát huy các ưu điểm và cải thiện những mặt còn hạn chế, tồn tạo. Kết quả này cũng được gửi tới lãnh đạo Bộ môn, Khoa và Trường để có những động viên, khuyến khích kịp thời với những giảng viên được người học đánh giá cao và chấn chỉnh những giảng viên còn những tồn tại, yếu kém. Tuy nhiên, bản khảo sát đã được xây dựng từ nhiều năm trước, một số tiêu chí đánh giá sau một thời gian đã có sự không phù hợp với Chiến lược phát triển của nhà trường, với sự thay đổi của hoạt động dạy và học trong bối cảnh mới khi dịch Covid diễn ra và cần được điều chỉnh kịp thời sao cho cụ thể hơn để việc đánh giá chuẩn xác hơn như cần cụ thể phương pháp giảng dạy hiện đại là như thế nào.

Kết quả khảo sát cho thấy, đội ngũ giảng viên đã đáp ứng nhu cầu đào tạo của chương trình với trên 80% người học đánh giá tốt về hoạt động giảng dạy của Giảng viên khoa Kế hoạch và Phát triển **[Kết quả đánh giá công tác giảng dạy].** Để nâng cao năng lực cho giảng viên trẻ, tăng cường sự gắn kết và hỗ trợ người học, một số giảng viên trẻ còn được phân công là cố vấn học tập, trực tiếp cố vấn, hỗ trợ cho các lớp sinh viên **[Quy định và quyết định bổ nhiệm CVHT].** Cuối mỗi năm học, Trường cũng tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về cố vấn học tập. Kết quả cho thấy, giảng viên không những có năng lực giảng dạy tốt mà còn có kỹ năng hỗ trợ sinh viên trong hoạt động giảng dạy và đào tạo **[Kết quả khảo sát SV về công tác CVHT (Chưa có)].**

Trường quy định định mức giờ chuẩn và định mức NCKH đối với giảng viên **[Hướng dẫn nhiệm vụ và giờ NCKH].** Cuối mỗi học kỳ và mỗi năm học, Trường thực hiện rà soát và đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và NCKH của các giảng viên. Sau khi các giảng viên tự đánh giá, bộ môn và Khoa sẽ tiến hành đánh giá, bình xét để Hội đồng thi đua khen thưởng xếp loại thi đua theo 4 mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ **[Báo cáo tổng kết khoa hàng năm].** Các tiêu chuẩn đánh giá này được quy định cụ thể trong Quy chế đánh giá, phân loại đơn vị trực thuộc Trường, viên chức, người lao động của Trường **[Quy chế đánh giá phân loại viên chức của trường.** Kết quả đánh giá là cơ sở để giảng viên có định hướng tự bồi dưỡng nâng cao năng lực và đăng ký tham gia các nhiệm vụ của Trường theo đúng khả năng. Trong giai đoạn 2016 -2021, 100% giảng viên trong Khoa đều hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

1. ***Điểm mạnh***

Đã có các quy định cụ thể để xác định năng lực đội ngũ giảng viên, thuận lợi cho việc đánh giá rõ ràng và chính xác. Giảng viên Khoa cũng luôn hoàn thành rất tốt nhiệm vụ theo các tiêu chí này.

1. ***Điểm tồn tại***

Đề án vị trí việc làm mới chỉ đang được thử nghiệm và chưa đi vào hoạt động chính thức. Một số hạng mục công việc cũng thể hiện năng lực của giảng viên nhưng chưa được xác định cụ thể và đưa vào đánh giá xếp loại lao động.

Bản khảo sát người học về công tác giảng dạy đã được xây dựng từ lâu, nhiều nội dung cần được điều chỉnh cho phù hợp với đặc điểm tình hình mới của công tác dạy và học.

1. ***Kế hoạch hành động***

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tiếp tục nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên | Tiếp tục cử giảng viên tham gia các khoa học hoàn thiện nâng cao trình độ chuyên môn để hướng tới đạt tiêu chí theo Chiến lược phát triển của Trường, có ít nhất 70% giảng viên đạt trình độ tiến sĩ và có khả năng giảng dạy bằng tiếng Anh.  Xây dựng và áp dụng các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện để cán bộ viên chức, giảng viên tham gia các khoá đào tạo, nâng cao năng lực về phương pháp giảng dạy, phương pháp NCKH, tiếng Anh…; các chính sách khuyến khích giảng viên tự nâng cao năng lực ở trình độ chuyên môn tiến sĩ để có thể tham gia giảng dạy các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh, chương trình tiên tiến, chất lượng cao đạt chuẩn quốc tế, các chương trình liên kết quốc tế cũng như tham gia các chương trình trao đổi giảng dạy, hội thảo, hội nghị trong nước và quốc tế…  Tuyển dụng giảng viên nước ngoài tham gia giảng dạy cơ hữu tại trường ĐH KTQD, tuyển chọn các giảng viên của ĐH KTQD đi tham gia học tập và trao đổi tại các trường ĐH danh tiếng trên thế giới.  Hoàn thiện và đưa vào áp dụng đề án vị trí việc làm  Hoàn thiện lại phiếu khảo sát lấy ý kiến người học về công tác giảng dạy, bổ sung các tiêu chí phù hợp với đặc điểm và tình hình mới | Trường  ĐHKTQD | 2020-2025 | ……. |
|  |  |  |  |  |  |

1. ***Tự đánh giá: Đạt (5/7)***

**Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.**

1. ***Mô tả***

Là trường ĐH định hướng nghiên cứu nên Nhà trường và Khoa KH&PT đặc biệt quan tâm đến nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên. Trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường có nêu rõ quyền của công chức, viên chức và người lao động: “được tạo điều kiện đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độchuyên môn, nghiệp vụ theo định **[Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường].**

Trong quá trình xây dựng kế hoạch nhiệm vụ, Khoa KH&PTcăn cứ vào nguyện vọng của giảng viên và nhiệm vụ được giao để đề xuất nhu cầu đào tạo - bồi dưỡng giảng viên của đơn vị mình. Trong các cuộc họp ở cấp Bộ môn và Khoa, các giảng viên trong Bộ môn/Khoa sẽ được khảo sát về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn trong từng học kỳ của mình. Nhu cầu này được xác định theo các chỉ tiêu chính như: phát triển cán bộ đạt chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư; phát triển giảng viên đạt chuẩn trình độ tiến sĩ thông qua cử đi đào tạo dài hạn trong và ngoài nước; giảng viên tham gia các khóa bối dưỡng ngắn hạn trong và ngoài nước **[Báo cáo tổng kết khoa].**

Từ kết quả khảo sát này, các bộ môn và Khoa sẽ tổng hợp và cân đối nhu cầu của từng cá nhân với nhu cầu của Khoa/Bộ môn để lên kế hoạch đào tạo cho từng năm. Kế hoạch đào tạo - bồi dưỡng và phát triển cán bộ, giảng viên của Trường bao gồm giảng viên cơ hữu, được ban hành kèm theo: Chiến lược phát triển của Trường ĐH KTQD đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035, Kế hoạch nhiệm vụ 05 năm , Kế hoạch nhiệm vụ theo năm học và theo năm tài chính; trong đó hạch toán và phân bổ một khoản kinh phí để triển khai các hoạt động. Nhìn nhận từ năng lực và nhu cầu thực tế của giảng viên, các hoạt động đào tạo bồi dưỡng để phát triển năng lực của giảng viên được Nhà trường quan tâm, chú trọng triển khai. Trường luôn khuyến khích các giảng viên phối hợp và liên kết với các giảng viên từ các trường đại học có uy tín ở nước ngoài để trao đổi, nâng cao trình độ nghiên cứu, giảng dạy và học tập, đặc biệt ở các quốc gia như Mỹ, Úc , Anh,....Trường đồng thời cử các giảng viên đi theo học các khóa đào tạo tại nước ngoài.... Trường hỗ trợ tìm kiếm các nguồn thông tin, các lớp, khóa đào tạo như: Các chương trinh Phòng Hợp tác quốc tế tìm và gửi thông tin đến từng email cá nhân của giảng viên. Các buổi tọa đàm, các đợt tập huấn,... cũng liên tục được tổ chức để đáp ứng nhu cầu phát triển của đội ngũ GV **[Thông báo tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức][Email thông báo của phòng HTQT cho các giảng viên].** Tuy nhiên, do nhu cầu học tập và bồi dưỡng của giảng viên lớn trong khi nguồn lực của trường còn hạn chế; một số giảng viên còn hạn chế về khả năng ngoại ngữ nên vẫn còn một bộ phận giảng viên chưa tiếp cận được với các cơ hội đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn ở nước ngoài. Một bộ phận giảng viên sau khi đi học về cũng ít chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm tiếp nhận được cho các giảng viên trong nước. Trong giai đoạn từ năm 2016 đến nay, theo nhu cầu và nguyện vọng của các giảng viên, Khoa đã tạo điều kiện để 01giảng viên đi học Thạc sĩ tại Úc (đã hoàn thành và trở về tiếp tục công tác, 01 giảng viên học Tiến sĩ tại Anh (cũng đã trở về nhưng đã được điều chuyển sang khoa viện khác trong trường để phù hợp hơn với chuyên ngành đào tạo), 01 giảng viên hiện đang học Tiến sĩ tại Đài Loan. Trong năm 2020, 07 giảng viên của Khoa cũng đã tham gia thi nâng ngạch từ giảng viên lên giảng viên chính, 01 giảng viên nâng ngạch từ giảng viên chính lên giảng viên cao cấp.

Bên cạnh đó, một hoạt động có tác động tích cực tới việc thỏa mãn nhu cầu học tập, nâng cao trình độ chuyên môn của giảng viên, nghiên cứu viên là các bài giảng với chuyên gia nước ngoài. Việc tổ chức các chuỗi bài giảng với chuyên gia nước ngoài cũng được thông báo và tổ chức tới các giảng viên có nhu cầu. Đáp ứng nhu cầu đào tạo, nâng cao năng lực của giảng viên, Nhà trường đồng thời có chính sách hỗ trợ giảng viên thông qua các hoạt động chuyên môn ở trong nước cũng như nước ngoài. **[Quy chế thu chi nội bộ]**. Trường hỗ trợ cho giảng viên NCKH có bài đăng tặp chí quốc tế, NCS được hỗ trợ học phí và được hỗ trợ về thời gian để hoàn thành luận án thông qua giảm giờ nghĩa vụ để giảng viên có thời gian tập trung vào nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu.

Kết quả thực hiện đáp ứng nhu cầu đào tạo và phát triển đội ngũ được Khoa, bộ môn đặc biệt quan tâm, đánh giá tổng kết rút kinh nghiệm cũng như phát huy điểm mạnh thông qua các báo cáo tổng hết hàng năm, các báo cáo thu hoạch của các cá nhân sau mỗi đợt đào tạo **[Báo cáo tổng kết khoa].**

1. ***Điểm mạnh***

Đã có các định cụ thể xác định nhu cầu đào tạo của đội ngũ giảng viên, nghiên cưu viên và lên kế hoạch cho phù hợp ở cấp độ bộ môn và Khoa.

Giảng viên Khoa càng ngày càng có nhiều cơ hội tham gia vào các chương trinh đào tạo và nâng cao trinh độ chuyên môn, đặc biệt cả việc học tập và đào tạo ở nước ngoài.

1. ***Điểm tồn tại***

Còn bộ phận giảng viên chưa thực sự tiếp cận được với các cơ hội đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn, đặc biệt là việc học tập ở nước ngoài.

Sau khi các giảng viên đi đào tạo ở nước ngoài về, chưa tích cực tổ chức các hoạt động sinh hoạt chuyên môn để trao đổi, phổ biến, chia sẻ kinh nghiệm với các giảng viên trong Khoa.

1. ***Kế hoạch hành động***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Tạo điều kiện cho đội ngũ giảng viên được tiếp cận với các cơ hội đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ | Các bộ môn và Khoa tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ của giảng viên, tích cực tổ chức các buổi giới thiệu cơ hội, phổ biến kinh nghiệm đến toàn bộ đội ngũ giảng viên.  Tổ chức các hoạt động trao đổi kinh nghiệm, phổ biến kiến thức từ các giảng viên, nghiên cứu viên có cơ hội đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn với các giảng viên khác trong Khoa. | Trường, Khoa | 2021-2025 | ……. |
|  |  |  |  |  |  |

Trong giai đoạn tới, trên cơ sở Kế hoạch nhiệm vụ gắn với Chiến lược phát triển của Nhà trường, Khoa KH&PTthực hiện:

1. ***Tự đánh giá: Đạt (5/7)***

**Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**

1. ***Mô tả***

Hàng năm, Khoa KH&PTvà các bộ môn thực hiện phân công nhiệm vụ giảng dạy và NCKH cho các giảng viên **[Phân giảng của bộ môn qua Email và trên HRM].** Nhà trường có quy định đánh giá, phân loại kết quả thực hiện công việc hàng năm của giảng viên. Kết quả đánh giá, phân loại kết quả thực hiện công việc của giảng viên là căn thực hiện bình xét thi đua – khen thưởng và ghi nhận những đóng góp nổi bật của giảng viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhằm kịp thời khuyến khích, tạo động lực thúc đẩy các hoạt động đào tạo, nghiên cứu… của đội ngũ giảng viên.

Công tác thi đua khen thưởng luôn được Nhà trường quan tâm đẩy mạnh nhằm động viên kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác theo giai đoạn, theo năm và theo những hoạt động nổi bật. Việc xét thi đua khen thưởng thường xuyên được thực hiện đúng quy định đến từng tập thể, cá nhân để đảm bảo động viên đúng người, đúng việc. Tiêu chí khen thưởng, các đợt khen thưởng đềuc được công khai thông báo bằng văn bản và đăng tải trên trang Cổng thông tin của Trường [Website trường].

Cuối mỗi học kỳ, Trường tổ chức đánh giá, phân loại giảng viên theo 4 mức: không hoàn thành nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Định kỳ hàng năm học, Trường tổ chức một hội đồng bình xét thi đua, khen thưởng để xét tặng các danh hiệu và giấy khen cho giảng viên để ghi nhận kịp thời những đóng góp quan trọng của giảng viên đối với Khoa/Viện, các đơn vị và Nhà trường. Các hoạt động có thành tích bậc cao như cấp Bộ, cấp Nhà nước… được Nhà trường đặc biệt biểu dương để tạo động lực, khuyến khích cho các cá nhân tích cực nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu. Các cá nhân có thành tích cao được tăng lương trước thời hạn hoặc được bổ nhiệm vào các vị trí phù hợp.

Nhà trường có quy định cụ thể về trách nhiệm giảng dạy và NCKH, về giờ chuẩn nghĩa vụ và thực hiện nghĩa vụ NCKH của giảng viên. Theo đó, Trường có chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với các công trình khoa học bằng tiếng nước ngoài đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, có chỉ số trích dẫn cao. Số lượng giảng viên được khen thưởng và số công trình ngày càng gia tăng **[Kết quả thi đua khen thưởng của nhà trường hàng năm]**

Kết quả đánh giá giảng viên hàng năm đều cho thấy: 100% giảng viên của Khoa đều đảm bảo đủ giờ chuẩn và vượt giờ; 100% giảng viên hoàn thành đủ và vượt giờ NCKH.

**Bảng 6.6.1. Số lượng giảng viên được khen thưởng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh hiệu thi đua** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** |
| 1 | Hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ | 100% giảng viên | 100% giảng viên | 100% giảng viên |
| 2 | Lao động tiên tiến | 17 giảng viên | 17 giảng viên | 16 giảng viên |
| 3 | Giấy khen hiệu trưởng | 6 giảng viên | 6 giảng viên | 6 giảng viên |
| 4 | Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở | 4 giảng viên | 4 giảng viên | 3 giảng viên |
| 5 | Bằng khen Bộ trưởng | 2 giảng viên | 3 giảng viên | 2 giảng viên  (Đề xuất) |
| 6 | Chiến sĩ thi đua cấp bộ | 2 giảng viên | 2 giảng viên | 2 giảng viên  (Đề xuất) |

Trong các năm học, giảng viên của Khoa luôn hoàn thành tốt và xuất sắc các nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và nhận được nhiều danh hiệu khen thưởng của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nhà trường. **[Các bằng khen, giấy khen hàng năm của Khoa]**

1. ***Điểm mạnh***

Đã có các quy định cụ thể để quản trị kết quả công việc của giảng viên. Các quy định này được triển khai và chấp hành tương đối tốt tại Khoa.

Việc triển khai quản trị kết quả công việc của giảng viên một cách phù hợp đã có tác động đến động lực làm việc của giảng viên và hỗ trợ cho công tác giảng dạy và NCKH của Khoa.

Giảng viên và các nghiên cứu viên hài lòng với quy trình và kết quả đánh giá.

1. ***Điểm tồn tại***

Quy định cho các hoạt động ngoài giảng dạy và NCKH còn chưa đầy đủ. Kết quả đánh giá chưa được phân tích triệt để và sử dụng trong việc cải tiến chất lượng công việc.

1. ***Kế hoạch hành động***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Xây dựng quy định đánh giá các hoạt động ngoài giảng dạy và NCKH | Tiếp tục hoàn thiện các quy định cho các hoạt động ngoài giảng dạy và NCKH của giảng viên | Trường. | 2021-2025 | ……. |
|  |  |  |  |  |  |

1. ***Tự đánh giá: Đạt (5/7)***

**Tiêu chuẩn 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

1. ***Mô tả***

Quy định về NCKH cũng như các loại hình, số lượng công trình NCKH được xây dựng và phổ biến rộng rãi tới toàn thể giảng viên trong Nhà trường, được đăng tải đầy đủ trên website phòng Quản lý Khoa học **[Quy trình kê khai NCKH] [Hướng dẫn nhiệm vụ và giờ NCKH] [Quy định số giờ và minh chứng].** Về cơ cản, các loại hình và định mức nhiệm vụ nghiên cứu của giảng viên Trường nói chung và của Khoa/Viện nói riêng được xác định theo Quy chế thu chi nội bộ của Trường; được quy đổi ra giờ chuẩn và tính theo năm tài chính (từ ngày 1/1 đến hết ngày 31/12 hàng năm **[Quy chế thu chi nội bộ].**

Kết quả thống kê tổng hợp giờ nghiên cứu hàng năm phục vụ cho công tác giám sát kết quả thực hiện nhiệm vụ NCKH của giảng viên, đồng thời là căn cứ đánh giá, xét thi đua – khen thưởng các năm học, Kết thúc mỗi năm học, căn cứ vào số lượng công trình NCKH và giờ tha gia NCKH, Trường tiến hành đánh giá hoạt động NCKH của GV, có đối chiếu so sánh với hoạt động của các năm trước **[Báo cáo tổng kết khoa], [Phần mềm quản lý khoa học].** Tuy nhiên, hiện nay phần mềm quản lý NCKH đang trong quá trình hoàn thiện nên việc cập nhật, tra cứu, truy xuất đôi khi còn bị trục trặc.

Khoa KH&PT là đơn vị có thành tích tốt về NCKH tại Trường. Giảng viên Khoa đã chủ trì và tham gia nhiều đề tài NCKH các cấp, có nhiều bài báo được công bố trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước, là tác giả của nhiều cuốn giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo… Nhiều giảng viên là những chuyên gia trong một số lĩnh vực, có uy tín và ảnh hưởng xã hội, tích cực cộng tác với các cơ quan Đảng, Chính phủ trong các dự án nghiên cứu, tư vấn chính sách, Các giảng viên của Khoa luôn hoàn thành vượt mức số lượng giờ NCKH theo quy định của Trường. Tổng số giờ NCKH của Khoa trung bình hàng năm khoảng 28.300 giờ, bình quân số giờ NCKH của mỗi giảng viên là 1.416 giờ (giờ định mức là 586 giờ) **[Báo cáo tổng kết khoa], [Lý lịch khoa học của giảng viên].**

**Bảng 6.7.1. Số giờ NCKH của Khoa hàng năm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Giờ NCKH** | **2016-2017** | **2017-2018** | **2018-2019** | **2019-2020** | **2020-2021** | **Trung bình** |
| 1 | Tổng số | 25.000 | 27.000 | 27.000 | 31.350 | 31.150 | 28.300 |
| 2 | Trung bình mỗi GV | 1.200 | 1.250 | 1.250 | 1.650 | 1.730 | 1.416 |

Cụ thể các hoạt động NCKH của Khoa gồm:

* Thực hiện các nghiên cứu về những vấn đề vĩ mô, phục vụ hoạch định chính sách, đường lối quản lý và phát triển kinh tế; giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tham vấn, tư vấn chính sách cho các bộ, ngành và địa phương
* Tổ chức các hội nghị, hội thảo Khoa học quốc gia và quốc tế, thông tin khoa học về các vấn đề kinh tế - xã hội.
* Hợp tác quốc tế trong lĩnh ực nghiên cứu khoa học và tư vấn.
* Tổ chức hoạt động NCKH cho sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Hiện Khoa đang Chủ trì 1 đề tài cấp nhà nước và tham gia Nghiên cứu 03 đề tài cấp Nhà nước, 05 đề tài cấp bộ và tương đương, 8 đề tài cấp cơ sở.

**Bảng 6.7.2. Số lượng các công trình NCKH của Khoa hàng năm**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** |  | **2016-2017** | **2017-2018** | **2018-2019** | **2019-2020** | **2020-2021** |
| 1 | Đề tài cấp nhà nước |  |  |  |  |  |
|  | *Chủ trì* | 1 | 1 | 1 |  | 1 |
|  | *Tham gia* | 3 | 3 | 4 | 3 |  |
| 2 | Đề tài cấp bộ và tương đương | 2 | 3 | 4 | 5 | 15 |
| 3 | Đề tài cấp cơ sở |  | 8 | 8 | 8 | 5 |
| 4 | Bài báo |  |  |  |  |  |
|  | *Trong nước* | 20 | 20 | 718 | 16 | 20 |
|  | *Quốc tế* | 3 | 1 | 6 | 12 | 5 |
| 5 | Giáo trình |  |  | 1 | 2 |  |
| 6 | Sách chuyên khảo |  |  | 1 |  | 1 |
| 7 | Sách tham khảo | 4 | 1 | 1 | 1 | 1 |

Thực hiện các đề tài, dự án với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương và các địa phương. Nhiều giảng viên tham gia tư vấn cho các tổ chức quốc tế như UN, WB, JICA.

Hoàn thiện chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình bài giảng, tài liệu tham khảo.

Hầu hết các GV đều tham gia các đề tài trong và ngoài trường, tham gia thực hiện các dự án, viết bài tham luận tại các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế, các đề tài phối hợp với các địa phương.

- NCKH sinh viên đạt được thành tựu lớn.

**Bảng 6.7.3. Giải thưởng sinh viên NCKH hàng năm của Khoa**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** |  | **2016-2017** | **2017-2018** | **2018-2019** | **2019-2020** | **2020-2021** |
| 1 | Cấp bộ |  |  |  |  |  |
|  | Giải nhất |  |  |  |  |  |
|  | Giải nhì |  |  | 1 |  |  |
|  | Giải ba |  |  |  | 1 |  |
| 2 | Cấp trường |  |  |  |  |  |
|  | Giải nhất | 2 | 1 | 1 |  |  |
|  | Giải nhì |  |  |  | 2 | 2 |
|  | Giải ba | 3 | 4 | 1 | 1 | 1 |
|  | Giải khuyến khích | 3 | 4 | 10 | 5 | 5 |

***2. Điểm mạnh***

Đã có các quy định cụ thể để thống kê, đánh giá và giám sát hoạt động NCKH của giảng viên.

Việc triển khai NCKH ở Khoa rất tích cực và đa dạng, luôn được Nhà trường đánh giá cao.

Giảng viên, nghiên cứu viên hài lòng với các quy định hiện tại

***3. Điểm tồn tại***

Việc giám sát hoạt động NCKH thông qua phần mềm tin học chưa hoàn thiện nên còn nhiều khó khăn trong việc truy cập, cập nhật và truy xuất thông tin.

Các kết quả giảm sát chưa được so sánh và sử dụng triệt để trong việc cải tiến chất lượng nghiên cứu đối với giảng viên, nghiên cứu viên

***4. Kế hoạch hành động***

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Đẩy mạnh công tác quản lý và giám sát hoạt động NCKH của giảng viên | Hoàn thiện lại phần mềm giám sát hoạt động NCKH, đảm bảo thuận lợi cho giảng viên trong việc kê khai, kiểm chứng và chiết xuất thông tin  Tăng cường việc quản trị công việc NCKH của giảng viên, nghiên cứu viên để kịp thời có những điều chỉnh phù hợp. | Phòng QLKH | 2021-2025 | ……. |

***5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)***

**TIÊU CHUẨN 7: ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN**

**Mở đầu**

Chương trình cử nhân ngành KTPT (KTPT), thuộc hệ thống chương trình đào tạo đại học khối ngành Kinh tế của trườngĐHKTQD, do Khoa Kế hoạch phát triển (KHPT) trực tiếp điều hành theo quyết định của Nhà trường **[Quyết định thành lập ngành KTPT].** Đội ngũ cán bộ nhân viên tham gia hỗ trợ trực tiếp cho sinh viên chương trình KTPT có 10 người bao gồm: 01 trợ lý, 01 văn thư và 8 cố vấn học tập được bổ nhiệm theo từng khóa học **Quyết định công nhận CVHT từng năm]**

Bên cạnh đội ngũ cơ hữu của Khoa, tham gia hỗ trợ công tác đào tạo ngành KTPT còn có các nhân viên làm việc ở các đơn vị chức năng khác trong trường, từ Phòng Quản lý đào tạo (QLĐT), Phòng Công tác Chính trị và Quản lý sinh viên (CTCT&QLSV), Phòng Truyền thông, đến bộ phận một cửa thuộc Phòng Tổng hợp, Trung tâm Thông tin tư liệu – Thư viện (TTTL-TV), Trung tâm ứng dụng công nghệ thông tin (TTUDCNTT), Phòng Quản lý Khoa học (QLKH) … theo Bộ quy định tổ chức và quản lý TrườngĐHKTQD (ĐHKTQD) **[cơ cấu tổ chức Trường].** Đội ngũ này là những cán bộ có kiến thức chuyên môn, có kỹ năng làm việc chuyên nghiệp và luôn được nhà trường hỗ trợ, tạo điều kiện bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhằm hoàn thành công việc được phân công đảm nhận **[Thống kê theo trình độ chuyên môn]**

Tại Khoa KHPT, đội ngũ cán bộ hỗ trợ đã và đang đóng một vai trò quan trọng, khẳng định được vị trí của mình trong các hoạt động của Trường và cho Khoa trong công tác đào tạo sinh viên ngành KTPT.

**Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng**

* 1. ***Mô tả***

*Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên thư viện, trung tâm UDCNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, cụ thể:*

Để hoàn thành sứ mệnh và tầm nhìn của trường ĐH KTQD thì công tác phát triển nhân lực luôn được nhà trường quan tâm. Bên cạnh công tác phát triển đội ngũ giảng viên thì công tác phát triển đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng cũng được chú trọng. Việc quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, nhân viên được dựa trên Quyết định phê duyệt Chiến lược phát triển Trường **[chiến lược phát triển trường]** trong Đề án vị trí việc làm **[Đề án vị trí việc làm]** trong đó, xác định rõ các các vị trí việc làm cụ thể và năng lực tương ứng. Nhà trường cũng xây dựng quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch **[Quy chế tuyển dụng, kí kết hợp đồng làm việc]**

*Trước hết, căn cứ vào chủ trương về phát triển đội ngũ nhân viên, nhà trường đã giao phòng Tổ chức cán bộ phối hợp cùng các đơn vị rà soát phân tích về nhu cầu tuyển dụng nhân sự của đơn vị trong trường*. Trên cơ sở tổng hợp các đề xuất tuyển dụng nhân sự từ đơn vị, phòng tổ chức cán bộ, đề xuất lãnh đạo trường tổ chức họp trao đổi để xác định chỉ tiêu cần tuyển, từ đó ban hành kế hoạch tuyển dụng chung của toàn trường **[kế hoạch tuyển dụng của trường]**

Để nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên, Trường có các chính sách, giải pháp nhằm thu hút, phát triển đội ngũ nhân viên vào các vị trí phù hợp với tính chất công việc **[Đề án vị trí việc làm**] Hiện nay, đội ngũ nhân viên hỗ trợ được Nhà trường bố trí ở các đơn vị theo chức năng nhiệm vụ, cụ thể như sau:

*Về đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ/phục vụ cho hoạt động tuyển sinh, đào tạo, quản lý, thủ tục và hỗ trợ sinh viên của ngành*: Hoạt động tuyển sinh, đào tạo của Chương trình được hỗ trợ trực tiếp bởi Phòng QLĐT, Phòng Truyền thông, và Phòng CTCT&QLSV Bộ phận một cửa thuộc Phòng Tổng hợp...

*Về đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ/phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học của Ngành*: Hoạt động nghiên cứu khoa học của Chương trình chủ yếu là hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên, hoạt động này được hỗ trợ chủ yếu bởi QLKH.

*Về đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ/phục vụ cho hoạt động phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên của Ngành*: Trường ĐHKTQD quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong việc đầu mối tổ chức và quản lý các hoạt động đối với sinh viên các chương trình đào tạo của Trường: Hoạt động Đảng, Đoàn sinh viên do Chi bộ Khối Sinh viên, Chi bộ các Khoa/Viện và Đoàn Thanh niên Trường thực hiện; hoạt động tình nguyện sinh viên, quản lý các câu lạc bộ sinh viên do Đoàn Thanh niên thực hiện...

*Về đội ngũ chuyên viên, nhân viên phục vụ đối với hệ thống công cụ hỗ trợ*: Trung tâm Thông tin tư liệu – Thư viện (Thư viện Phạm Văn Đồng), Trung tâm UDCNTT,... Đội ngũ nhân viên được tuyển chọn vào các vị trí công việc trên cơ sở năng lực, chuyên môn vững vàng, vị trí công việc phù hợp và các điều kiện tư vấn, giải đáp kịp thời, chính xác giúp người học hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập, nghiên cứu và rèn luyện. Phân tích sự phù hợp và khả năng của ứng viên tuyển chọn, nhu cầu của đơn vị, Trường đã có những tiêu chí tuyển chọn cụ thể như có sự khác biệt giữa vị trí chuyên viên và tương đương với nhân viên thừa hành phục vụ **[Đề án vị trí việc làm]**

*Thứ hai, trường còn có nhiều chính sách phát triển đội ngũ nhân viên sao cho phù hợp với nhu cầu đáp ứng công việc*. Trường đã mở các lớp bồi dưỡng nâng ngạch cho chuyên viên nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng quản lý, thực hiện công việc [**Thông báo đăng kí đi học]** tạo điều kiện cho chuyên viên học ngoại ngữ để nâng cao trình độ, khả năng sử dụng ngoại ngữ [**Danh sách công nhận học xong];** cho phép chuyên viên tham gia các khóa bồi dưỡng về đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục [**danh sách tham gia bồi dưỡng]**

*Hiện nay, số lượng nhân viên làm việc tại các đơn vị hỗ trợ đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng phục vụ cho hoạt động giảng dạy, NCKH của GV và sinh viên ngành KTPT.* Tính tới 31/12/2020, Trường có 393 nhân viên ở các đơn vị hỗ trợ đào tạo hỗ trợ và tư vấn cho người học về mọi mặt: học tập, NCKH, tư vấn việc làm, tư vấn chọn ngành nghề phù hợp với năng lực, giải quyết các thủ tục.... [**Danh sách nhân nhân viên]**

Bảng 7.1.1 Số lượng chuyên viên, nhân viên hỗ trợ   
(tính đến ngày 31/12/2020)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuyên viên, Nhân viên** | **Trình độ đào tạo** | | | | **Tổng**  **số** |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** | **Khác** |
| Nhân lực thư viện |  | 5 | 16 | 2 | 23 |
| Nhân lực công nghệ thông tin | 1 | 5 | 6 | 2 | 14 |
| Nhân lực hành chính Khoa |  | 14 | 33 | 2 | 49 |
| Chuyên viên và nhân viên hành chính khác | 12 | 118 | 109 | 69 | 308 |
| **Tổng số** | 15 | 141 | 166 | 71 | 393 |

*Nguồn: Phòng Tổ chức cán bộ*

Các nhân viên hỗ trợ thường xuyên có mặt trực kỹ thuật tại các phòng máy tính trong thời gian giảng dạy và học tập của GV, SV; túc trực và xử lý kịp thời các phát sinh trong thời gian thi trắc nghiệm trên máy tính tại giảng đường. Đội ngũ nhân viên cập nhật các kênh thông tin online như Facebook, email,…để giải đáp thắc mắc, tháo gỡ các khó khăn của GV, SV. Tất cả các chuyên viên, nhân viên là đầu mối giúp Khoa Kế hoạch và Phát triển, các giảng viên và sinh viên triển khai các hoạt động của Khoa và phối hợp với các đơn vị trong toàn Trường triển khai các hoạt động chung của Nhà trường hàng năm.

Để kiểm soát và nâng cao chất lượng của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, Nhà trường cũng tiếp nhận ý kiến từ các buổi đối thoại SV hằng năm và các kênh phản ánh trực tiếp lên BGH qua thư, email hoặc trao đổi. Nhà trường đã lập kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của người học nhằm làm cơ sở đánh giá năng lực của nhân viên. Kết quả khảo sát năm 2019 cho thấy đội ngũ nhân viên ở khối phòng ban nói chung cũng như nhân viên thư viện, kỹ thuật viên công nghệ thông tin được đánh giá có chất lượng phục vụ ở mức tốt chiếm tỷ lệ cao.[**Kết quả khảo sát năm 2019]**

Hiện nay, Khoa KH&PT có 2 cán bộ và 8 giảng viên kiêm nhiệm làm CVHT hỗ trợ công tác đào tạo sinh viên ngành KTPT. Ngoài việc thực hiện các công tác của Khoa, các cán bộ này còn hỗ trợ người học trong các hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học, là cầu nối SV với thủ tục ở các đơn vị chức năng để giải quyết các hoạt động khác... Tất cả đội ngũ hỗ trợ tại khoa đều đã tham gia các khóa đào tạo, tập huấn về quy định, kiến thức, kỹ năng, cũng như các quy trình vận hành hệ thống văn bản, phần mềm,….. nhằm hỗ trợ và tư vấn cho người học một cách nhanh nhất và hiệu quả nhất về mọi mặt: học tập, NCKH, tư vấn việc làm, tư vấn chọn ngành nghề phù hợp với năng lực. Những năm qua, sinh viên đều đánh giá cao sự hỗ trợ tích cực của đội ngũ nhân viên trong [**Kết quả đánh giá sinh viên về CVHT]**

* 1. ***Điểm mạnh***

Một là, Quy trình rõ ràng, kế hoạch, quy hoạch được thực hiện thường xuyên giúp đảm bảo có một đội ngũ cán bộ hỗ trợ đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để hỗ trợ người học một cách hiệu quả.

Hai là, đội ngũ cán bộ hỗ trợ người học được bố trí theo đơn vị chức năng một cách hợp lý, hoạt động hiệu quả, linh hoạt và không làm tăng định biên về đội ngũ cán bộ hành chính..

Ba là, đội ngũ cán bộ hỗ trợ luôn được đào tạo, trang bị tập huấn về nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu của người học trong CTĐT

Bốn là, đội ngũ hỗ trợ đều nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm với công việc và tích cực giải đáp thắc mắc, hỗ trợ người người học thông qua các kênh.

* 1. ***Điểm yếu***

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ người học vẫn còn một vài chưa đủ năng lực, nhanh nhạy cập nhật công nghệ nên đôi khi khó khăn trong việc cập nhật thông tin từ phía người học.

Trình độ tiếng Anh của đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ của Trường, Khoa/Viện cần được cải thiện, đặc biệt trong bối cảnh quốc tế hóa giáo dục đang được đẩy mạnh.

* 1. ***Kế hoạch hành động***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | - Nhà trường hỗ trợ cán bộ, chuyên viên của Khoa/Viện và các đơn vị cải thiện trình độ ngoại ngữ và các kỹ năng làm việc cho nhân viên, kỹ năng sử dụng các công cụ số hóa.  - Các cán bộ và nhân viên chủ động trong việc tìm hiểu và trau dồi năng lực về ngoai ngữ, tin học cho bản thân | Phòng tổ chức  Nhân viên và cán bộ | 2021-2025 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | - Nhà trường tăng cường, khuyến khích các hoạt động bồi dưỡng đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên | Phòng tổ chức và Khoa kHPT | 2021-2025 |  |

***5. Tự đánh giá 6/7***

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

* 1. ***Mô tả***

*Trường Đại học Kinh tế Quốc dân có quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên.*

Trường có quy trình tuyển dụng, tiêu chí tuyển dụng ban hành kèm theo Quyết định số 94/QĐ-ĐH KTQD ngày 03/3/2015 quy định Quy chế tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc, tập sự và bổ nhiệm vào ngạch viên chức của Trường [**quy chế tuyển dụng].** Việc thực hiện chặt chẽ Quy chế tuyển dụng đã giúp Trường có được đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo đảm bảo chất lượng, góp phần hoàn thành sứ mệnh và tầm nhìn của Trường.

*Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích/khảo sát – nhu cầu và ý kiến đóng góp của các bên liên quan*

Các tiêu chí tuyển dụng nhân viên được cụ thể trong Quy chế tuyển dụng, cụ thể: người đăng kí dự tuyển làm chuyên viên và tương đương cần đạt các yêu cầu sau: (i) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên; (ii) Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh chứng chỉ IELTS quốc tế hoặc tương đương đạt 4,5 điểm trở lên; (iii) Chứng chỉ tin học văn phòng; và (iv) Tuổi đời dự tuyển không quá 35 [**Quy chế tuyển dụng**].

Bên cạnh đó, căn cứ vào phân tích nhu cầu về vị trí, số lượng, trình độ, kinh nghiệm của các đơn vị đề xuất, Nhà trường xác định rõ các tiêu chí để tuyển dụng thông qua Hội đồng trường để ban hành kế hoạch tuyển dụng [**Kế hoạch tuyển dụng]**. Trường tiến hành khảo sát, lấy các ý kiến góp ý, phản hồi từ các bên liên quan, từ đó phân tích nhu cầu, tổng hợp ý kiến góp ý của các bên liên quan, tuân thủ đầy đủ quy trình, làm cơ sở để thực hiện bổ nhiệm. Các tiêu chí lựa chọn để bổ nhiệm được thực hiện dựa trên quy trình, quy chế bổ nhiệm, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm ở các vị trí

*Tất cả các tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển chọn nhân viên đều được Nhà trường công bố công khai trong thông báo về tuyển dụng viên chức hàng năm, trên website (http://www.neu.edu.vn) và các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài), niêm yết tại bảng thông tin của Trường một cách kịp thời và rõ ràng.*

Căn cứ vào Kế hoạch tuyển dụng, Nhà trường thông báo tuyển dụng trong đó xác dịnh rõ tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn đội ngũ nhân viên, được phổ biến công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường. Kế hoạch tuyển dụng, thông báo tuyển dụng được công khai nhằm đảm bảo tính chính xác và khách quan trong quá trình tuyển dụng **[Thông báo tuyển dụng]**

Hội đồng tuyển dụng được thành lập và hoạt động theo quy trình, quy chế chặt chẽ. Các ứng viên sẽ thi tuyển kiến thức chung về luật giáo dục, luật lao động,...và các kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Kết quả của các vòng xét hồ sơ, hội đồng thi, phỏng vấn được công bố rõ ràng, minh bạch trên website **[Thông báo kết quả tuyển dụng].** Sau khi trúng tuyển, chuyên viên có thời gian thử việc sau đó mới được ký hợp đồng chính thức **[Quy chế tuyển dụng]**

Việc điều chuyển nhân viên được thực hiện theo quy định, quy trình về bổ nhiệm, luân chuyển của trường. Việc điều chuyển này đảm bảo tuân thủ đúng các quy trình, quy định của trường. Thông tin về việc điều chuyển cũng được phổ biến công khai trong phạm vi trường và các đơn vị liên quan **[Quy chế tuyển dụng]**

Trường thực hiện đúng quy trình thủ tục, ra thông báo một cách rõ ràng, chính xác tới các đơn vị cá nhân liên quan. Cho đến thời điểm hiện nay Nhà trường không nhận được bất cứ ý kiến nào đánh giá về tiêu chí lựa chọn cũng như sự thiếu minh bạch trong việc tuyển dụng đội ngũ nhân viên.

Trong giai đoạn 2016-2020, Khoa KHPT vẫn duy trì 1 trợ lý và 1 văn thư, không có tuyển dụng hoặc điều chuyển nhân viên hỗ trợ công tác đào tạo.

* 1. ***Điểm mạnh***

Tiêu chí tuyển dụng và quy trình triển khai rõ ràng, minh bạch.

Những cá nhân được tuyển chọn, bổ nhiệm đáp ứng được vị trí, điều kiện, tiêu chuẩn và năng lực theo đúng quy trình bổ nhiệm và yêu cầu công việc của Nhà trường

* 1. ***Điểm yếu***

Thông tin về tuyển dụng mới chỉ đăng trên trang website của nhà trường mà chưa phổ biến rộng rãi tới nhiều kênh thông tin bên ngoài ho vậy hạn chế đối tượng tiếp cận.

Tiêu chí tuyển dụng mới đề cập đến kiến thức chuyên môn và một số các kỹ năng như: tin học, ngoại ngữ mà chưa có tiêu chí đánh giá toàn diện các ứng viên về: Kiến Thức, kỹ năng và thái độ.

* 1. ***Kế hoạch hành động***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | - Bổ sung thêm và cụ thể hóa các tiêu chí nhằm đánh giá toàn diện các ứng viên tuyển dụng cả về kiến thức, kỹ năng và thái độ.  - Đẩy mạnh công tác truyền thông để giúp các đơn vị tuyển chọn và bổ nhiệm được cán bộ theo đúng quy trình, đáp ứng năng lực. | Phòng tổ chức  Phòng tổ chức phối hợp với phòng truyền thông | 2021-2025 | ……. |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | - Tiếp tục duy trì quy trình tuyển dụng, quy trình bổ nhiệm và luân chuyển công khai, minh bạch | Phòng tổ chức | Giai đoạn 2021-2025 | ……. |

* 1. ***Tự đánh giá: 5/7***

Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

* 1. ***Mô tả***

*Trường có quy trình, phương pháp và công cụ để đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên*

Đối với nhân viên, từng vị trí đều có bản mô tả công việc để chỉ rõ nhiệm vụ mà nhân viên phải đảm nhận, phù hợp với chuyên môn và vị trí làm việc **[đề án vị trí việc làm].** Các yêu cầu về năng lực tổng hợp, năng lực giải quyết các vấn đề thực tế, các kỹ năng soạn thảo văn bản, lập kế hoạch, phối hợp thực hiện, kỹ năng giao tiếp là các tiêu chuẩn tối thiểu để lựa chọn khi tuyển dụng, xác định và đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên trong quá trình công tác **[Quy chế đánh giá phân loại đơn vị trực thuộc trường].** Các đơn vị quản lý, phục vụ đều được quy định chức năng và nhiệm vụ trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường cũng như Quyết định về chức năng nhiệm vụ của phòng, ban và được tóm tắt, công khai rộng rãi trên website **[Cơ cấu tổ chức trên website trường]**

Tiêu chí đánh giá thi đua hằng năm của Cán bộ hỗ trợ dựa trên các yêu cầu cụ thể như: Kết quả thực hiện công việc theo yêu cầu của vị trí việc làm; Việc thực hiện quy định về đạo đức nghề nghiệp; Tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân, tinh thần hợp tác với đồng nghiệp và việc thực hiện quy tắc ứng xử của viên chức; Có sáng kiến, giải pháp được Hội đồng sáng kiến công nhận.

Tiêu chí để xác định, đánh giá, xếp loại năng lực cán bộ quản lý, giảng viên và chuyên viên được dựa theo Phiếu chấm điểm đánh giá tháng cho người lao động thuộc Quy chế Đánh giá, phân loại đơn vị trực thuộc Trường [**Quy chế đánh giá, phân loại đơn vị trực thuộc Trường, VC, người lao động của TrườngĐHKTQD ]**và Đề án Vị trí việc làm của Nhà trường **[Đề án vị trí việc làm].**

*Có sự tham gia của các bên liên quan trong đánh giá về năng lực của đội ngũ nhân viên*

Trong các buổi đối thoại với sinh viên trong khoa diễn ra hằng năm, đội ngũ trợ lý và CVHT của Khoa luôn được đánh giá tốt bởi các sinh viên trong CTĐT KHPT cả về công tác hỗ trợ sinh viên và thái độ khi tiếp xúc sinh viên **[Biên bản hội nghị đối thoại sinh viên**]. Các CVHT của Khoa cũng được đánh giá tốt bởi Phòng KT&ĐBCLGD cũng như Phòng CTCT&QLSV **[Kết quả đánh giá CVHT].**

Ngoài ra, Trường khai thác thêm kênh thông tin sinh viên trên facebook, là một kênh lắng nghe ý kiến tham khảo về các góp ý, đánh giá của SV đối với đội ngũ nhân viên [**Góc thông tin NEU, Nhóm thông tin sinh viên NEU**]

Đội ngũ nhân viên của Nhà trường được đánh giá, nhận xét, phân loại hàng năm nhằm làm rõ những điểm mạnh, hạn chế và các giải pháp khắc phục cả về năng lực làm việc cũng như phẩm chất chính trị, tinh thần làm việc. Việc ra quyết định đánh giá cuối cùng của lãnh đạo đơn vị với năng lực của nhân viên không chỉ dựa trên báo cánh tự đánh giá cuối năm, báo cáo đánh giá hàng tháng theo hướng dẫn của công văn 1753, mà còn dựa vào kết quả khảo sát đánh giá của người học đối với chất lượng công tác thư viện, ký túc xá, giảng đường từ các báo cáo của nhà trường **[quyết định phân loại người lao động và VC]**

Riêng đối với Khoa KHPT cơ 1 trợ lý và 1 văn thư với năng lực cụ thể như sau:

+ Trình độ đào tạo: đội ngũ nhân viên của Khoa đều có trình độ đại học, thành thạo tin học văn phòng và tiếng anh trình độ B1 **[sơ yếu lý lịch].**

+ Kiến thức chuyên môn: đội ngũ nhân viên Khoa đều có chuyên môn đúng và phù hợp với vị trí việc làm đang đảm nhiệm **[sơ yếu lý lịch].**

+ Nghiệp vụ chuyên viên và khả năng thực hiện nhiệm vụ: các trợ lý của Khoa đã tham gia các lớp tập huấn do trường tổ chức, có kinh nghiệm công tác và có tác phong chuyên nghiệp trong việc thực hiện các nhiệm vụ **[sơ yếu lý lịch].**

Hằng tháng, hằng quý, các đơn vị có các báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao thông qua các buổi giao ban với Ban giám hiệu [**kết quả giao ban hàng tháng].** Cuối năm học Nhà trường tổ chức đợt đánh giá CBVC toàn trường, đánh giá năng lực và mức độ làm việc hiệu quả của các phòng ban chức năng và các đơn vị hỗ trợ **[KH đánh giá cán bộ CNVC]**. Quá trình bình xét thi đua diễn ra với rất nhiều vòng và có sự tham gia của đồng nghiệp (cấp đơn vị), các cấp lãnh đạo, công đoàn các bộ phận (đối với cấp trường) **[báo cáo tổng kết năm học]**

Hằng năm, các chuyên viên hành chính của Khoa đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ và xếp loại lao động tiên tiến **[Quyết định về việc phân loại lao động và thi đua khen thưởng hằng năm 2015-2019**].

* 1. ***Điểm mạnh***

Hoạt động đánh giá nhân viên được tổ chức triển khai một cách công bằng, dân chủ, công khai và đúng quy định của Trường.

Cơ chế theo dõi, đánh giá chặt chẽ Đội ngũ chuyên viên của Khoa/Viện có trình độ chuyên môn cao, thái độ tích cực trong hỗ trợ người học, đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo

Đội ngũ chuyên viên của Khoa KHPT có trình độ chuyên môn tốt, có trên 5 năm thâm niên công tác; nhiệt tình hỗ trợ người học, đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo.

Việc tổ chức đánh giá nhân viên được thực hiện định kỳ với các tiêu chí đánh giá cụ thể, rõ ràng, có tác dụng khuyến khích CBVC phát triển năng lực.

* 1. ***Điểm yếu***

Hệ thống đánh giá khen thưởng đều dựa vào các văn bản hướng dẫn của cấp trên, các chỉ tiêu khen thưởng đều có hạn mức. Do vậy, chưa thật sự khuyến thích đối với những cá nhân có nhiều đóng góp

Cơ chế khen thưởng chưa tính đến tính chất và điều kiện đặc thù của từng vị trí công việc.

* 1. ***Kế hoạch hành động***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | - Cơ chế khuyến khích đội ngũ nhân viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao nên tính đến tính chất và điều kiện đặc thù của từng vị trí công việc | Phòng tổ chức và phòng Tài chính kế toán | Giai đoạn 2021-2025 | ……. |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | - Xây dựng kế hoạch dài hạn bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, nhân viên tạo cơ hội phát triển cho đội ngũ này.  - Tiếp tục duy trì và phát huy tính chính xác và công bằng trong việc đánh giá phân loại đội ngũ nhân viên  - Hàng năm, Khoa nhìn nhận và đánh giá lại để có thể đóng góp xây dựng cho bộ tiêu chí đánh giá đội ngũ nhân viên của Trường | Phòng tổ chức và phòng Tài chính kế toán, Khoa Kế hoạch và Phát triển | Giai đoạn 2021-2025 | ……. |

* 1. ***Tự đánh giá: 5/7***

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

* 1. ***Mô tả***

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định dựa trên tầm nhìn, sứ mệnh và mục tiêu phát triển của trường. Chủ trương nhằm nâng cao trình độ năng lực, phát triển chuyên môn nghiệp vụ của nhân viên luôn được xác định và khuyến khích ở từng đơn vị trong trường. Để nâng cao công tác quản lý đào tạo - bồi dưỡng chuyên viên, nhân viên, TrườngĐHKTQD đã ban hành đầy đủ các quy định đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức, người lao động[**Quy định đào tạo bồi dưỡng VCNLĐ]** Quy chế cũng là căn cứ cho các chuyên viên, nhân viên xác định quyền hạn và trách nhiệm khi đề xuất nhu cầu về đào tạo - bồi dưỡng....

*Trường có thực hiện khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên trên cơ sở phân tích yêu cầu công việc, cụ thể:*

Nhà trường triển khai việc lấy ý kiến trong các cuộc họp, hội nghị của các đơn vị. Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, Nhà trường tổng hợp, xây dựng kế hoạch và cách thức tổ chức phù hợp **[Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn hằng năm].**

*Để nâng cao công tác quản lý đào tạo - bồi dưỡng chuyên viên, nhân viên, TrườngĐHKTQD đã ban hành kế hoạch triển khai đầy đủ đáp ứng nhu cầu của các đơn vị (kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hàng năm).* Trong quá trình xây dựng kế hoạch nhiệm vụ năm tài chính hay năm học của Trường, Khoa KHPT cũng như các đơn vị khác, Nhà trường sẽ xem xét để tích hợp đề xuất của các đơn vị vào kế hoạch tổng thể về đào tạo - bồi dưỡng của Trường.

*Hằng năm, Trường triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên, phân bổ nguồn ngân sách cho các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng* **[Đăng kí triển khai kế hoạch], [Quyết định giao kế hoạch cho các đơn vị].** Các đơn vị luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên được đi học tập, bồi dưỡng tập huấn nâng cao nghiệp vụ, trình độ ở trong và ngoài nước. Trường hỗ trợ về thời gian và kinh phí, được cụ thể hóa trong các kế hoạch, quyết định của từng lớp, khóa, đợt đào tạo. Các cá nhân được đào tạo, bồi dưỡng thực hiện chế độ báo cáo tới lãnh đạo đơn vị, Nhà trường về quá trình và kết quả học tập. Trên cơ sở đó, các đơn vị báo cáo và có những đề xuất phù hợp với công việc của đơn vị mình nhằm cải tiến các hoạt động của Nhà trường[**Quyết định cử chuyên viên tham dự học các lớp chuyên môn].**

Khoa KHPT luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho các nhân viên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn. Cụ thể, trợ lý của Khoa đã tham dự một số khóa đào tạo như “Lớp tập huấn sử dụng phần mềm office 365”. “Lớp tập huấn sử dụng e-office”, “Hướng dẫn sử dụng hệ thống LMS (Learning Management System)” và lớp “Bồi dưỡng chuyên viên”... [**Quyết định tham dự học các lớp tập huấn].**

* 1. ***Điểm mạnh***

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định rõ ràng và có các hoạt động cụ thể để đáp ứng nhu cầu.

Công tác đào tạo - bồi dưỡng của Trường được thực hiện theo kế hoạch dài hạn và ngắn hạn, xuất phát từ nhu cầu của cá nhân và vị trí việc làm của từng bộ phận.

Đội ngũ nhân viên toàn trường có cơ hội được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng làm việc.

* 1. ***Điểm yếu***

Chưa có kế hoạch bồi dưỡng và phát triển chuyên môn dài hạn cho đội ngũ cán bộ, nhân viên.

Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc của một số chuyên viên, cán bộ hành chính còn hạn chế, nhất là trong bối cảnh nhà Trường đang thực hiện nâng cao công tác ứng dụng các giải pháp công nghệ trong quản trị đại học

* 1. ***Kế hoạch hành động***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | - Tổ chức khảo sát nhu cầu của đội ngũ cán bộ hành chính từ đó tổ chức các khóa đào tạo dài hạn và ngắn hạn cho phù hợp với tính chất công việc nhằm từng bước nâng cao năng lực và hiệu quả làm việc của đội ngũ đội  ngũ nhân viên.  - Mở các lớp đào tạo ứng dụng CNTT cho chuyên viên, cán bộ hành chính để đáp ứng công việc trong bối cảnh công nghệ số  - Kế hoạch đào tạo - bồi dưỡng và phát triển đội ngũ được ban hành kèm theo Chiến lược phát triển của Trường ĐHKTQD đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035. Kế hoạch nhiệm vụ 05 năm, Kế hoạch nhiệm vụ theo năm học và theo năm tài chính; trong đó hạch toán và phân bổ một khoản kinh phí để triển khai các hoạt động. | Phòng Tổ chức, Khoa KHPT, Trung tâm CNTT | Giai đoạn 2021-2025 | ……. |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | - Tiếp tục khích lệ nhân viên bồi dưỡng phát huy nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng các hoạt động của Nhà trường. | Phòng Tổ chức, Khoa KHPT | Giai đoạn 2021-2025 | ……. |

* 1. ***Tự đánh giá: 5/7***

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

* 1. ***Mô tả***

*Trường đã xây dựng quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên* [**Đề án vị trí việc làm], [bảng phân công nhiệm vụ cho nhân viên]** *và có hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên* **[quy chế đánh giá phân loại viên chức của Trường], [Hướng dẫn công tác thi đua khen thưởng của ngành].**

Hệ thống các văn bản quản lý tổ chức theo đó được cụ thể hóa, trong quá trình thực hiện, công khai minh bạch các quy trình quản lý, thông qua các văn bản của các đơn vị chức năng. Mục đích của việc đánh giá, phân loại kết quả thực hiện công việc của CBVC làm căn cứ thực hiện xét thi đua - khen thưởng ghi nhận những đóng góp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhằm kịp thời khuyến khích, tạo động lực thúc đẩy nhân viên tích cực trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng cho tất cả các ngành đào tạo của Nhà trường nói chung và ngành KTPT nói riêng.

Để đảm bảo tính công khai, dân chủ trong hoạt động đánh giá, thi đua khen thưởng, các quy định về thi đua khen thưởng và đánh giá, phân loại viên chức trước khi ban hành được tổ chức lấy ý kiến góp ý của nhân viên **[Tổng hợp ý kiến đóng góp đối với quy định đánh giá xếp loại thi đua khen thưởng]; [Quy chế thu chi nội bộ].** Quy chế thi đua sẽ được quyết định sau khi tiếp thu ý kiến của cán bộ nhân viên và ban hành cùng kế hoạch đăng ký thi đua và được phổ biến từ đầu năm học, quá trình này được tiến hành công khai, rộng rãi [**Website của trường, phòng tổng hợp, thi đua khen thưởng.**

Đầu năm học, Nhà trường gửi thông báo đến toàn thể cán bộ, nhân viên về kế hoạch đăng ký thi đua bằng email **[Quy chế công tác thi đua khen thưởng].** Các đơn vị quản lý phục vụ dựa vào chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo và công việc khác có liên quan tiến hành đăng ký các mức thi đua và khối lượng hoàn thành theo mẫu đã quy định **[Kết quả tổng hợp đăng kí thi đua khen thưởng]**. Đối với khối phục vụ, hằng tháng, quý giao ban với Ban giám hiệu và có báo cáo kết quả thực hiện công việc. Kết quả này dùng để đánh giá mức độ hoàn thành công việc và xét lương bổ sung các quý **[Quyết định phân phối thu nhập tăng thêm].**

Việc đánh giá phân loại viên chức, người lao động ở trường ĐH KTQD được thực hiện theo Quy chế đánh giá, phân loại đơn vị trực thuộc Trường, viên chức, người lao động của Trường ĐH KTQD **[Quy chế đánh giá phân loại viên chức].** Cuối năm học, viên chức, người lao động được phân loại theo 4 mức sau: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ; và không hoàn thành nhiệm vụ. Kết quả đánh giá là căn cứ quan trọng để bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, nâng ngạch hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp, quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chính sách khác đối với viên chức, người lao động **[Quyết định khen thưởng], [Quyết định nâng lương trước thời hạn].** Việc đánh giá được xem xét theo các nội dung sau: Kết quả thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc; Thực hiện quy định về đạo đức nghề nghiệp; Tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân, tinh thần hợp tác với đồng nghiệp và việc thực hiện quy tắc ứng xử của viên chức. Viên chức, người lao động làm báo cáo tự đánh giá kết quả công tác và trình bày tại cuộc họp của đơn vị để mọi người tham dự cuộc họp góp ý kiến. Trưởng đơn vị cho điểm phân loại viên chức, người lao động của đơn vị trình Hiệu trưởng quyết định [**Quy chế đánh giá phân loại viên chức].**

Để kiểm soát và nâng cao chất lượng của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, Nhà trường cũng tiếp nhận ý kiến từ các buổi đối thoại SV hằng năm và các kênh phản ánh trực tiếp lên BGH qua thư, email hoặc trao đổi. Nhà trường đã lập kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của người học nhằm làm cơ sở đánh giá năng lực của nhân viên [**Biên bản đối thoại của Khoa về hđ của nv hỗ trợ]**.Kết quả khảo sát năm 2019 cho thấy đội ngũ nhân viên ở khối phòng ban nói chung cũng như nhân viên thư viện, kỹ thuật viên công nghệ thông tin được đánh giá có chất lượng phục vụ ở mức tốt chiếm tỷ lệ cao **[Báo cáo kết quả khảo sát về đội ngũ nhân viên, thư viện, CNTT]**

Trong giai đoạn 2016-2020 cả 2 nhân viên viên hành chính của Khoa luôn được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ và xếp loại lao động tiên tiến **[Biên bản bình xét thi đua của Khoa]; [Quyết định khen thưởng của trường trong 5 năm]**

*Ngoài việc được tham gia ý kiến và đảm bảo cơ hội giải trình trong các hoạt động xếp hạng, đánh giá kết quả công việc hàng tháng, cán bộ, nhân viên cũng được tham gia vào thảo luận và có ý kiến đóng góp trong tất cả các đánh giá thi đua khen thưởng hàng năm* tại Hội nghị cán bộ công nhân viên chức hàng năm của Trường **[Biên bản họp HN công nhân viên chức].** Ngoài ra, mỗi khi Trường thay đổi hoặc điều chỉnh quy trình đánh giá, giám sát kết quả công việc, Trường đều có tổ chức lấy ý kiến thảo luận của tất cả các cán bộ, nhân viên, giảng viên trong toàn Trường, nhằm đảm bảo tất cả nhân viên đều có cơ hội đóng góp ý kiến trong việc xây dựng các quy trình đánh giá và quản trị công việc của họ **[Biên bản Góp ý về đề án vị trí việc làm]**

Thông qua việc lấy ý kiến rộng rãi trước khi ban hành quy chế và việc đánh giá, bình chọn được tiến hành một cách khách quan, minh bạch nên tỉ lệ đồng thuận của cán bộ, chuyên viên đối với quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của cơ sở giáo dục và các cấp có thẩm quyền luôn rất cao, thường đạt 100%

*Tất cả các cán bộ, chuyên viên đều phải xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm căn cứ vào các nhiệm vụ nêu trong Đề án Vị trí việc làm và các công việc đặc thù khác*. Kế hoạch này đều xác định rõ khối lượng công việc, tiến độ, thời gian hoàn thành và những nguồn lực cần thiết của thực hiện công việc của mỗi cán bộ, nhân viên theo từng vị trí việc làm [**Bản mô tả vị trí công việc].** Đây là căn cứ quan trọng để đánh giá hiệu quả công việc, mức độ đóng góp trong hoạt động hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

*Với hệ thống đánh giá minh bạch, công khai, đội ngũ nhân viên của khoa KHPT nói riêng luôn hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng* và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền, không có bất kì đơn thư khiếu kiện nào.

* 1. ***Điểm mạnh***

Quy trình đánh giá, phân loại và thi đua khen thưởng được thực hiện công khai, dân chủ giúp Trường quản trị công việc theo kết quả, đồng thời đã khích lệ đội ngũ cán bộ thực hiện tốt công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Các nhân viên hành chính của Khoa hài lòng về việc đánh giá, phân loại và thi đua khen thưởng và không có bất kỳ một đơn thư khiếu nại nào

* 1. ***Điểm yếu***

Phần mềm quản lý quản trị kết quả công việc chưa được thiết lập giúp thuận lợi trong công tác chiết xuất dữ liệu phục vụ cho công tác đánh giá, quản lý hồ sơ nhân viên. Công tác lấy ý kiến về đội ngũ nhân viên chưa được thực hiện một cách hợp lý.

* 1. ***Kế hoạch hành động***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | - Phối hợp với TTUDCNTT tăng cường quản trị số hóa trong việc xây dựng phần mềm quản lý CB/GV, cập nhật thông tin xây dựng CSDL dùng chung trong toàn Trường | Phòng Tổ chức, trung tâm UDCNTT | Giai đoạn 2021-2025 | ……. |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | - Tăng cường hoạt động lấy ý kiến của người học và giảng viên về năng lực, nỗ lực và thái đội của đội ngũ nhân phục vụ  - Quy trình đánh giá, phân loại và thi đua khen thưởng được thực hiện công khai, dân chủ | Phòng Tổ chức, Phòng công tác chính trị và quản lý sinh viên, Trung tâm công nghệ thông tin, Phòng Khảo thí &ĐBCLGD | Giai đoạn 2021-2025 | ……. |

***5. Tự đánh giá: 5/7***

**Kết luận tiêu chuẩn 7**

***Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn***

Quy trình rõ ràng, kế hoạch, quy hoạch được thực hiện thường xuyên giúp đảm bảo có một đỗi ngũ cán bộ hỗ trợ đủ về số lượng, thành thạo về chuyên môn, hỗ trợ tích cực và hiệu quả cho người học. Nhà trường đang triển khai đề án vị trí việc làm giúp sử dụng một cách hiệu quả đội ngũ nhân viên hỗ trợ người học một cách hiệu quả.

Tiêu chí tuyển dụng và quy trình triển khai rõ ràng, minh bạch. Những cá nhân được tuyển chọn, bổ nhiệm đáp ứng được vị trí, điều kiện, tiêu chuẩn và năng lực theo đúng quy trình bổ nhiệm và yêu cầu công việc của Nhà trường.

Đội ngũ chuyên viên của Khoa có trình độ chuyên môn tốt, nhiệt tình hỗ trợ người học, đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo. Việc tổ chức đánh giá nhân viên được thực hiện định kỳ với các tiêu chí đánh giá cụ thể, rõ ràng, có tác dụng khuyến khích CBVC phát triển năng lực.

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định rõ ràng và có các hoạt động cụ thể để đáp ứng nhu cầu.

Công tác thi đua khen thưởng được thực hiện công khai, minh bạch tạo động lực cho đội ngũ nhân viên nỗ lực phấn đấu nâng cao năng lực, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao.

***Những tồn tại nổi bật của tiêu chuẩn***

Một số cán bộ hỗ trợ người học tại các phòng, ban vẫn còn hạn chế về chuyên môn, yếu về công nghệ thông tin nên đôi khi gặp khó khăn trong việc hỗ trợ người học, đặc biệt khi có những thay đổi trong trong quy chế hoặc quy trình.

Thông tin tuyển dụng mới chỉ công khai trên website của Trường nên hạn chế đối tượng tiếp cận được.

Một số nhân viên của các phòng/ban chức năng chưa nhiệt tình và thân thiện hỗ trợ người học trong việc giải quyết các thủ tục hành chính.

Khả năng sử dụng tin học là một rào cản đối với một số nhân viên đã cản trở nhóm đối tượng này tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

***Tóm tắt mức đạt của các tiêu chí trong tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn 7 có 05 tiêu chí, trong đó 04 tiêu chí đều đạt 5/7 điểm và 01 tiêu chí đạt 6***

## TIÊU CHUẨN 8. NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

**Mở đầu**

Với mục tiêu đào tạo cử nhân chương trình ngành KTPT đáp ứng được chuẩn đầu ta của chương trình, khoa KH&PT luôn chú trọng đến công tác tuyển sinh và giám sát sự tiến bộ của người học.

Về tuyển sinh, khoa KH&PT đã xây dựng một chính sách tuyển sinh rõ ràng, đầy đủ, chi tiết và được cập nhật hàng năm; Phương pháp xét tuyển được công bố công khai trên trang Website của Trường ĐHKTQD và được xây dựng phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành;

Về giám sát người học, khoa KH&PT th thực hiện giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học một cách thường xuyên; Người học sau khi đã được tuyển chọn cũng đã nhận được sự tư vấn và hỗ trợ kịp thời, thường xuyên và tận tình của cán bộ, giảng viên trong Khoa nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người học.

Đồng thời, cùng với nhà trường, khoa KH&PT xây dựng môi trường cảnh quan đẹp đẽ, an toàn, thuận tiện nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người học nhằm giúp người học đạt được mục tiêu học tập của mình và thoả mãn các mục tiêu mà Trường ĐH KTQD đã đặt ra.

***Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật***

**1. Mô tả:**

Chương trình KTPT được tuyển sinh theo Đề án tuyển sinh của Trường ĐHKTQD. Trong đề án tuyển sinh của nhà trường có các quy định rõ ràng về chính sách và quy định tuyển sinh. Đề án bao gồm các thông tin về sứ mệnh của Trường, quy mô đào tạo, và các thông tin tuyển sinh đại học, thông tin về thời gian tuyển sinh; các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo cũng như tình hình việc làm của người học **[Đề án tuyển sinh của Nhà trường các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021].** Chính sách và quy định tuyển sinh của Chương trình KTPT được áp dụng theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và trường ĐH KTQD và được cập nhật hàng năm; Trước 2015, ngành KTPT thuộc Khối ngành Kinh tế thực hiện tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, dựa trên kết quả của kỳ thi tuyển sinh Đại học và Cao đẳng. Từ 2016, ngành KTPT thuộc Khối ngành Kinh tế và từ năm 2018, ngành KTPT được đào tạo theo mã ngành cấp 4, thực hiện tuyển sinh theo quy định của ĐHKTQD với 03 phương thức gồm: Tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Xét tuyển kết hợp theo Đề án tuyển sinh của trường; Xét tuyển theo kết quả thi THPT Quốc gia và thi tốt nghiệp Trung học phổ thông.. **[Đề án tuyển sinh của Nhà trường các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021].**

Chính sách và quy định tuyển sinh của Khoa KH&PT và Trường ĐH KTQD đều được công bố rõ ràng và công khai hàng năm bao gồm: đối tượng, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên... trên trang thông tin điện tử của Trường www.neu.edu.vn (<https://tuyensinh.neu.edu.vn/>) và của khoa <https://khoakhpt.neu.edu.vn> (<https://khoakhpt.neu.edu.vn/vi/tuyen-sinh-2469>) và các phương tiện truyền thông khác (https://www.facebook.com/tvtsneu). Thông qua cuốn *“Thông tin tuyển sinh đại học hệ chính quy”* xuất bản hàng năm **[Cuốn thông tin tuyển sinh đại học hệ chính quy]** người dự tuyển sẽ có các thông tin về từng ngành/chương trình học như: chỉ tiêu, điểm trúng tuyển hàng năm, các học phần và cơ hội nghề nghiệp **[Giới thiệu ngành đào tạo của NEU 2018-2021].**

Ngoài ra, chương trình KTPT còn kết hợp với nhà trường tổ chức *“Ngày hội Tư vấn Tuyển sinh”* nhằm tư vấn trực tiếp đầy đủ, chính xác, rõ ràng cho cácbậc phụ huynh và học sinh phổ thông về Khoa và các chuyên ngành đào tạo của Khoa **[Tờ rơi tuyển sinh của khoa, hình ảnh về tư vấn tuyển sinh].**

Với chính sách tuyển sinh như trên, trong 5 năm qua, Chương trình KTPT đã có số lượng thí sinh được tuyển và số lượng SV theo học được thể hiện cụ thể tại Bảng 8.2.1 và Bảng 8.2.2.

***Bảng 8.1.2 Thống kê số người học đang học chương trình trong 5 năm học gần nhất***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Năm 1** | **Năm 2** | **Năm 3** | **Năm 4** | **Tổng** |
| 2017-2018 | 87 | 129 | 134 | 134 | 484 |
| 2018-2019 | 105 | 87 | 129 | 134 | 455 |
| 2019-2020 | 197 | 105 | 87 | 129 | 518 |
| 2020-2021 | 199 | 197 | 105 | 87 | 588 |
| 2021-2022 |  | 199 | 197 | 105 |  |

*(Nguồn:Phòng Quản lý Đào tạo )*

**Bảng 8.2.1 Thống kê số người học đang học chương trình trong 5 năm học gần nhất**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Năm 1** | **Năm 2** | **Năm 3** | **Năm 4** | **KTPT CLC** | **Tổng** |
| 2017-2018 | 87 | 129 | 134 | 134 | - | 481 |
| 2018-2019 | 105 | 87 | 129 | 134 | 30 | 485 |
| 2019-2020 | 197 | 105 | 87 | 129 | 30 | 548 |
| 2020-2021 | 199 | 197 | 105 | 87 | 45 | 690 |
| 2021-2022 | 240 | 199 | 197 | 105 | 56 | 741 |

*(Nguồn:Phòng Quản lý Đào tạo )*

Từ 2 bảng trên cho thấy: Số lượng nhu cầu người học chương trình KTPT (bao gồm cả sinh viên CLC) trong xã hội ngày càng tăng và số lượng sinh viên đào tạo Chương trình KTPT tại Khoa KH&PT cũng gia tăng.

Hàng năm, Khoa KH&PT tổ chức họp lấy ý kiến của các bên liên quan về chính sách tuyển sinh hàng năm của Trường nhằm hoàn thiện chính sách tuyển sinh/Đề án tuyển sinh của Trường. Kết quả khảo sát năm 2018 cho thấy đã có nhiều góp ý đáng giá cho chương trình trong hạt động tuyển sinh sau này **[Minh chứng khảo sát của khoa]**. Trong những năm qua, chương trình KTPT đã tuyển sinh lượng người học phù hợp với năng lực đào tạo của mình và cơ cấu tuyển sinh của Trường. Dự kiến năm 2022, nhu cầu tuyển sinh của ngành KTPT là 250 người học.

Nhà trường thường xuyên khảo sát và lấy ý kiến về tình hình việc làm của sinh viên ĐH KTQD sau khi ra trường nhằm đưa ra các dự kiến chính xác về nhu cầu, chỉ tiêu và ngành tuyển sinh đại học trong năm tiếp theo **[Kết quả khảo sát tình hình việc làm sinh viên tốt nghiệp của trường].** Sau khi tuyển sinh, nhà trường vẫn tiếp tục lấy ý kiến khảo sát của các đối tượng có liên quan về các thông tin liên quan đến tuyển sinh **[Khảo sát ý kiến các đối tượng về tuyển sinh],** đồng thời tổ chức các hội thảo, hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh của nhà trường **[Báo cáo công tác tuyển sinh],** để trong năm tiếp theo xây dựng được phương án tuyển sinh hiệu quả nhất.

**2. Điểm mạnh:**

Với các thông tin tuyển sinh rõ ràng, chính xác và liên tục được cập nhật, hàng năm ngành KTPT (Khoa KH&PT) luôn tuyển sinh được đúng chỉ tiêu mong muốn đào tạo và có nhiều sinh viên có lực học và năng lực xã hội tốt. Hiện nay, chất lượng đào tạo nguồn nhân lực của ngành KTPT (khoa KH&PT) được xã hội đánh giá cao, sinh viên chương trình KTPT được nhiều doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức quốc tế tuyển dụng. Một số doanh nghiệp, các viện nghiên cứu, các tổ chức phi chính phủ chủ động kết nối với Khoa để tuyển dụng sinh viên.

**3. Tồn tại:**

Hiện nay do nhu cầu học ngành KTPT trong xã hội cao, tuy nhiên khoa KH&PT cũng như ngành KTPT chưa chủ động tổ chức đến các trường phổ thông để cung cấp thông tin tuyển sinh cho các em và phụ huynh.

Chính sách tuyển sinh chưa có sự tham gia góp ý rộng rãi, thường xuyên của các bên liên quan, đặc biệt là từ phía đơn vị sử dụng lao động, phụ huynh và cựu sinh viên.

**4. Kế hoạch hành động:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Lấy ý kiến góp ý rộng rãi về chính sách tuyển sinh | Tổ chức khảo sát, phỏng vấn lấy ý kiến góp ý của đơn vị sử dụng lao động, phụ huynh, cựu sinh viên | Khoa KH&PT kết hợp với Phòng Quản lý đào tạo, Phòng CTCT&QLSV | năm học 2022 – 2023 | ……. |
| 2 | Cung cấp thông tin tuyển sinh cho các em học sinh và phụ huynh | Chủ động kết hợp với trường để đến các trường phổ thông cung cấp thông tin tuyển sinh cho các em và phụ huynh | Khoa KH&PT kết hợp với Phòng Quản lý đào tạo | năm học 2022 – 2023 | ……. |

**5. Tự đánh giá:** Đạt 5/7

***Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá***

**1. Mô tả:**

Các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh hàng năm được công bố rõ ràng, được ghi cụ thể trong Đề án tuyển sinh **[Đề án tuyển sinh của Nhà trường các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021],** và cuốn *“Thông tin tuyển sinh đại học hệ chính quy”* của Trường **[Cuốn thông tin tuyển sinh đại học hệ chính quy].** Chương trình KTPT áp dụng theo tiêu chí chung của Nhà trường đề ra trong Đề án tuyển sinh hàng năm và theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phương pháp tuyển chọn người học cũng được Nhà trường xác định rõ ràng và ghi rõ trong Đề án tuyển sinh **[Đề án tuyển sinh của Nhà trường các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021],** và cuốn *“Thông tin tuyển sinh đại học hệ chính quy”* của Trường **[Cuốn thông tin tuyển sinh đại học hệ chính quy].**

Năm học 2015 - 2016, tiêu chí và phương pháp tuyển sinh của Ngành KTPT được áp dụng theo hình thức cũ, thí sinh sau khi trúng tuyển vào Trường ĐHKTQD, có nguyện vọng học ngành KTPT sẽ đăng ký nguyện vọng. Sau đó Phòng Quản lý đào tạo tập hợp nhu cầu, tổ chức lựa chọn thí sinh trúng tuyển vào khoa theo tiêu chí tuyển sinh đã công bố.

Năm 2016, 2017, hình thức tuyển sinh của ngành KTPT (Khoa thực hiện theo chính sách tuyển sinh mới của ĐHKTQD, dựa trên kết quả của kỳ thi THPT quốc gia, phương thức tuyển sinh được xét tuyển theo mã ngành (ngành và chương trình đào tạo) gồm nhiều phương thức khác nhau: (1) Xét tuyển thẳng theo quy chế của tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và thông báo của Trường; (2) Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia; (3) Xét tuyển kết hợp. Từ năm 2018 đến nay, ngành KTPT được đào tạo theo mã ngành cấp IV, tuyển sinh theo mã ngành gồm nhiều phương thức khác nhau: (1) Xét tuyển thẳng theo quy chế của tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và thông báo của Trường; (2) Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia; (3) Xét tuyển kết hợp**.** Sau khi có kết quả xét tuyển thì hội đồng tuyển sinh của nhà trường sẽ thông báo điểm trúng tuyển các Chuyên ngành tại ĐHKTQD trên trang thông tin điện tử. **[Trang thông tin thông báo điểm chuẩn xét tuyển** **https://neu.edu.vn/vi/thong-bao-1424/truong-dai-hoc-kinh-te-quoc-dan-cong-bo-diem-trung-tuyen-dai-hoc-chinh-quy-nam-2021-va-lich-xac-nhan-nhap-hoc-nhap-hoc-1314],** đồng thời hướng dẫn thí sinh chuẩn bị nhập học **[Trang thông báo hướng dẫn: https://neu.edu.vn/vi/thong-bao-1424/thong-bao-ve-viec-tra-cuu-ket-qua-trung-tuyen-nhan-thong-bao-trung-tuyen-tai-lieu-huong-dan-xac-nhan-nhap-hoc-nhap-hoc-online],** .

Các dữ liệu và thống kê về kết quả tuyển sinh được Trường lưu trữ và quản lý cẩn thận để làm dữ liệu cho công tác tuyển sinh hàng năm trong tương lai. Thông tin kết quả tuyển sinh hàng năm này cũng được nên cụ thể và chi tiết tại Đề án tuyển sinh hàng năm của nhà trường **[Đề án tuyển sinh của Nhà trường các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021].**

***Bảng 8.2.1. Bảng kết quả tuyển sinh của Chương trình KTPT***

***trong những năm qua***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **NỘI DUNG** | | |
| **Chỉ tiêu** | **Số trúng tuyển** | **Điểm trúng tuyển** |
| 2018 | 230 | 207 | 22,3 |
| 2019 | 210 | 231 | 24,45 |
| 2020 | 210 | 245 | 26.75 |
| 2021 | 230 | 240 | 27.5 |

*(Nguồn: Đề án tuyển sinh - ĐH Kinh tế Quốc dân )*

Nhà trường luôn chủ động trong hoạt động rà soát và đánh giá hàng năm về tiêu chí, phương pháp tuyển sinh thông qua các cuộc họp giao ban và họp chuyên đề về tư vấn tuyển sinh, và các Hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh đại học chính quy của nhà Trường **[Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh].** Đồng thời, hàng năm nhà trường cũng tiến hành khảo sát sinh viên, các cán bộ quản lý giáo dục các khoá trong trường về công tác tuyển sinh và đào tạo của Trường, bao gồm các thông tin: cách tiếp cận thông tin của người học về Trường, về kỳ thi tuyển sinh, môn thi tuyển sinh của Trường, công tác tiếp đón, quyết định chọn trường của người học. **[Khảo sát về công tác tuyển sinh của trường].**

**2. Điểm mạnh:**

Với các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh phù hợp và được rà soát đánh giá liên tục Chương trình KTPT đã lựa chọn được nhiều sinh viên tốt. Nhờ chất lượng tuyển sinh đầu vào cao nên nguồn nhân lực KTPT thực sự đã có nhiều đóng góp cho xã hội trong nhiều năm qua.

**3. Tồn tại:**

Khoa KH&PT chưa tổ chức lấy ý kiến góp ý rộng rãi về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của các doanh nghiệp và người học.

**4. Kế hoạch hành động:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Giải quyết những tồn tại trong công tác tuyển chọn người học | Tổ chức khảo sát, phỏng vấn lấy ý kiến góp ý về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của đơn vị sử dụng lao động và người học. | Lãnh đạo Khoa sẽ phối hợp chặt chẽ với Phòng Quản lý Đào tạo | Năm học 2022 – 2023 | ……. |

**5. Tự đánh giá:** Đạt 5/7

***Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học***

**1. Mô tả:**

Khoa KH&PT và Trường ĐHKTQD có bộ phận, cán bộ chuyên trách được phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH, cảnh báo học vụ. Hệ thống giám sát này được ghi cụ thể trong Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại TrườngĐHKTQD **[QĐ 389 Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ];** trong đó có quy định trách nhiệm, chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận/cán bộ chuyên trách trong Trường. Hệ thống giám sát của nhà Trường và của khoa KH&PT có thể mô tả ở Bảng 8.3.1 dưới đây.

***Bảng 8.3.1: Bảng mô tả các bộ phận/cán bộ giám sát về học tập và rèn luyện của sinh viên***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nội dung giám sát** | | | | |
| **Học tập** | **Rèn luyện** | **Kết quả học tập** | **Khối lượng học tập** | **Cảnh báo học** |
| Cố vấn học tập/chủ nhiệm lớp | X | X | X | X | X |
| Ban chủ nhiệm Khoa | X | X | X | X | X |
| Đoàn Thanh niên |  | X |  |  |  |
| Hội Sinh viên |  | X |  |  |  |
| Phòng CTTC&QLSV |  | X |  |  |  |
| Phòng QLĐT | X |  | X | X | X |
| Phòng Thanh tra – Pháp chế |  |  | X | X | X |

*(Nguồn: Theo Quy định đào tạo)*

Các quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập được nhà trường công bố công khai, rõ ràng thông qua các văn bản như:

Chương trình đào tạo cũng thể hiện rõ ràng khối lượng học tập của người học **[Quyết định ban hành chương trình đào tạo K59, 61, 63],**. *Khoá 61 áp dụng Quyết định số 1246/QĐ-ĐHKTQD của Hiệu trưởng Trường ĐHKTQD ngày 18 tháng 6 năm 2019 người học sẽ phải học 128 tín chỉ****;*** Quy định về hệ thốngquản lý người học theo tín chỉ **[QĐ về hệ thống quản lý người học theo tín chỉ].** *Khoá 61 áp dụng Quyết định số 389/ QĐ - ĐHKTQD, ngày 08/3/2019 của Hiệu trưởng về quy định đào tạo đại học hệ chính quy* *theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế quốc dân*. Đồng thời, nhà trường cũng ban hành chuẩn đầu ra nhằm giúp người học và ngừoi hỗ trợ hình dung được các yêu cầu của người học khi ra trường nhằm giúp người học và người hỗ trợ hình dung được các yêu cầu của người học khi ra trường **[QĐ 101/QĐ-KTQD ngày 24 tháng 1 năm 2017, QĐ 632/QĐ-KTQD….].**

Bên cạnh đó, nhà trường ban hành nhiều qui định giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của sinh viên như: quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên hệ chính qui học theo tín chỉ **[QĐ 101/QĐ-ĐHKTQD về chuẩn đầu ra…];** qui định về thực tập và chuyên đề thực tập đối với sinh viên **[Quy định về chuyên đề thực tập].** Trường cũng thành lập Tổ công tác kiểm tra công tác thực hiện tổ chức thi kết thúc học phần **[Quyết định thành lập Tổ công tác thực hiện tổ chức thi kết thúc học phần]** đồng thời thông báo các qui trình tạm dừng học/ tiếp tục học/thôi học cho sinh viên/học viên các chương trình đặc thù **[Những điều sinh viên ĐHKTQD cần biết].** Nhằm tăng tính trung thực cũng như giám sát kết quả học tập, nghiên cứu khoa học, nhà trường quyết định triển khai thực hiện qui trình kiểm tra tính độc sáng đối với chuyên đề tốt nghiệp của sinh viên trước khi tốt nghiệp ra trường thông qua phần mềm turnitin **[QĐ số 994 về triển khai Turnitin]** .

Ngoài ra, quy trình của cả giai đoạn học đại học tại ĐH KTQD được cụ thể tại Bảng tiến trình đào tạo được phổ biến cho toàn thể SV của ngành KTPT và được đăng tải trên trang Website của Trường **[**https://daihocchinhquy.neu.edu.vn/),**].** Đề cương học phần của mỗi môn học đều có trên website của NEU [www.**neu.edu.vn**] (https://daihocchinhquy.neu.edu.vn/), thông qua các tài khoản cá nhân mà mỗi sinh viên được cấp người học có thể tiếp cận và sử dụng cho việc học tập của mình. Ngoài ra, trong quá trình học, người học sẽ được giáo viên cung cấp đề cương chi tiết học phần **[H8.08.03.12].**

Cơ sở dữ liệu theo dõi về sự tiến bộ của người học của ngành KTPT được cập nhật trên phần mềm Quản lý đào tạo của Trường **[Cơ sở dữ liệu theo dõi người học], (https://daihocchinhquy.neu.edu.vn/)**. Thông qua phần mềm này, không chỉ người học mà Ban chủ nhiệm khoa, giảng viên và cố vấn học tập đều có thể theo dõi được quá trình học tập của sinh viên. Định kỳ Khoa KH&PT thông qua các buổi họp giao ban giữa BCN Khoa; Lãnh đạo các Bộ môn; Cố vấn học tập; Trợ lý Đào tạo và đại diện SV các lớp học kịp thời nắm bắt được tiến độ học của người học để kịp thời nắm được sự tiến bộ của người học và đưa ra các điều chỉnh cần thiết.

Trong Khoa KH&PT

, cố vấn học tập kiêm giảng viên và trợ lý khoa là những người chuyên trách được phân công giám sát người học [Sổ tay cố vấn học tập, quy định về chức năng của cố vấn học tập]. Hàng năm, nhà Trường sẽ có Quyết định bổ nhiệm cố vấn học tập **[Quyết định bổ nhiệm cố vấn học tập các năm từ 2017- 2020];**

Phản hồi kết quả học tập và rèn luyện của người học được thường xuyên cập nhật thông qua phần mềm quản lý học tập của người học và thông qua Trợ lý khoa **[Thông báo về kết quả học tập và rèn luyện];**.

Để khuyến khích người học, Nhà trường và Khoa KH&PT thường xuyên có các suất học bổng có giá trị dành cho những người học xuất sắc trong học tập và rèn luyện **[Thông báo về học bổng cho sinh viên, Quyết định khen thưởng của Trường và Khoa]**; Nhà trường và Khoa cũng định kỳ xem xét cảnh báo học tập và xét thôi học đối với người học không đáp ứng các yêu cầu như quy định của Trường hàng năm **[Thông báo rà soát cảnh báo học tập];** Đồng thời gửi thông báo về việc cảnh báo học tập, xét thôi học thông qua điện thoại, email, địa chỉ nhà và trực tiếp đến phụ huynh của người học **[Thông báo về cảnh báo học tập, xét thôi học];**

Để đảm bảo tính minh bạch trong đánh giá kết quả học tập, người học cũng có quyền phản hồi lại kết quả bài thi và được nhận phúc đáp của Trường về việc xem xét kết quả bài thi đó **[Quy định về phúc tra bài thi, Thông báo lịch phúc tra bài thi và kết quả phúc tra];**.

Để có thể đáp ứng tốt nhất mong muốn của người học, hàng năm nhà Trường đều lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động cố vấn học tập về tư vấn kế hoạch học tập, tư vấn phát triển nghề nghiệp, về dịch vụ hỗ trợ…Kết quả ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động cố vấn học tập về tư vấn học tập năm 2017-2018 tương đối tốt **[Minh chứng về phản hồi của người học về CVHT];**. Và nhà trường cũng lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảngdạy của giảng viên, các ý kiến phản hồi sẽ được tổng hợp và gửi cho giảng viên và lãnh đạo bộ môn qua địa chỉ email cá nhân **[Minh chứng về phản hồi của người học về giảng viên]**.

***Bảng 8.3.1 Kết quả xếp loại tốt nghiệp của SV ngành KTPT trong 5 năm gần nhất***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khoá/ Năm học** | **Số sinh viên TN** | **Loại xuất sắc** | **Loại giỏi** | **Loại khá** | **Loại trung bình khá** | **Loại kém** | **Chưa TN** |
| **2017 (K55)** | **132** | **5** | **51** | **72** | **4** |  |  |
| **2018 (K56)** | **133** | **10** | **53** | **48** | **7** | **6** | **9** |
| **2019 (K57)** | **130** | **5** | **44** | **63** | **12** | **2** | **4** |
| **2020 (K58)** | **129** | **6** | **43** | **72** | **2** | **0** | **6** |
| **2021 (K59)** | **86** | **9** | **22** | **35** | **0** | **0** | **20** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

*(Nguồn: Khoa KH&PT – số liệu đến ngày 30/9/2021)*

**2. Điểm mạnh:**

Hệ thống kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện thường xuyên và dưới nhiều hình thức khác nhau giúp giảng viên, cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

Hệ thống cảnh báo học tập được thực hiện thường xuyên để giúp cho người học và nhà trường có biện pháp kịp thời đối với sinh viên chưa theo kịp lịch trình học tập.

**3. Tồn tại:**

- Do khối lượng công việc giảng dạy khá nhiều, 1 giảng viên đang được phân công phụ trách 2 lớp nên nắm bắt về kết quả học tập và rèn luyện của người học đôi khi chưa được sát sao.

**4. Kế hoạch hành động:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Nắm bắt kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên tốt hơn | - Tăng cường trao đổi hơn nữa với sinh viên, cán bộ lớp  - Giảm định mức giờ giảng đối với CVHT | CVHT, Trợ lý khoa, BCN khoa  - Phòng CTCT & QLSV, nhà trường | Từ năm học 2021-2022 | ……. |

**5. Tự đánh giá 8.3:** Đạt 6/7

***Tiêu chí: 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.***

**1. Mô tả:**

Đơn vị chịu trách nhiệm về hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, để cải thiện việc học tập của người học của ngành KTPT là Phòng Công tác chính trị và Quản lý sinh viên. Hoạt động này được quy định trong Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị chức năng (ban hành kèm theo Quyết định số 1082/QĐ-ĐHKTQD ngày 25/12/2018 **[Quyết định số 1082/QĐ-ĐHKTQD ngày 25/12/2018].**

Tư vấn trực tiếp cho các lớp sinh viên là các cố vấn học tập (đồng thời là các giảng viên trong chuyên ngành) thực hiện. Nhiệm vụ này được quy định trong quy định công tác cố vấn học tập tại trường ĐH KTQD Số 1195/QĐ- ĐH KTQD ngày 01/08/2019, điều 5 **[Quyết định Số 1195/QĐ- ĐH KTQD ngày 01/08/2019].**

Để hỗ trợ sinh viên trong tìm việc làm, Trường ĐH KTQD đã thành lập Trung tâm Tư vấn hướng nghiệp và việc làm, là đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho người học [**QĐ số 620/QĐ ĐHKTQD ngày 05/06/2019]**.

Kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của người học ngành KTPT được triển khai thông qua các việc tư vấn trực tiếp cho các lớp sinh viên do các cố vấn học tập (đồng thời là các giảng viên trong chuyên ngành) thực hiện. Hàng năm, từ đề nghị của khoa, nhà trường đều có Quyết định bổ nhiệm cố vấn học tập năm học, trong đó mỗi lớp trong ngành KTPT đều có một cố vấn học tập là giảng viên của khoa KH&PT **[Quyết định bổ nhiệm cố vấn học tập của trường các năm 2017-2021].** Các cố vấn học tập sẽ thực hiện trách nhiệm được phân công trong quy định công tác cố vấn học tập và báo cáo theo kế hoạch **[Quy định về nhiệm vụ của cố vấn học tập].**

Sinh viên nghiên cứu khoa học của ngành KTPT hàng năm đều có các công trình đoạt giải cấp trường và cấp Bộ, được ghi tên trong Quyết định về việc khen thưởng các đơn vị đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động nghiên cứu khoa học học sinh sinh viên hàng năm và Quyết định khen thưởng giảng viên hướng dẫn sinh viên đạt giải và Quyết định khen thưởng cho sinh viên đạt giải **[Quyết định khen thưởng nghiên cứu khoa học sinh viên từ năm 2017-2021]**.

Liên chi đoàn Khoa KH&PT hàng năm cũng triển khai các hoạt động như các cuộc thi: các buổi workshop và hỗ trợ khoa trong các hoạt động tổ chức ngoại khóa như các chương trình giao lưu, văn nghệ, thể thao… giúp các thành viên nâng cao kiến thức và kỹ năng nềm. Các hoạt động ngoại khóa nổi bật có thể kể đến bao gồm: các chương trình văn nghệ đầu khóa chào tân sinh viên, các buổi bonding kết nối sinh viên khóa mới với các khóa trên, giải bóng đá truyền thống của Khoa, tư vấn về ngoại ngữ - tin học cho sinh viên, …. **[Minh chứng ]**

Ngành KTPT có kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho người học (liên hệ thực tập thực tế; trao đổi, hợp tác với doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động; tăng cường kỹ năng mềm, ...). Hàng năm khoa KH&PT mời các doanh nghiệp về nói chuyện với sinh viên theo chuyên đề được thực hiện thường xuyên từ cấp học phần đến chương trình thực tập. Danh sách các cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp/tổ chức phối hợp/liên kết với CSGD trong việc hỗ trợ đào tạo, thực hành, thực tập và tuyển dụng lên đến hàng chục đơn vị **[Danh sách các doanh nghiệp phối hợp với khoa]**

Khảo sát người học ngành KTPT cho thấy NH tốt nghiệp được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ. Để có thể đáp ứng tốt nhất mong muốn của người học, hàng năm nhà Trường đều lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động cố vấn học tập về tư vấn kế hoạch học tập, tư vấn phát triển nghề nghiệp, về dịch vụ hỗ trợ… Kết quả của khảo sát được công bố trong hội nghị tổng kết công tác cố vấn học tập vào cuối năm học. Kết quả ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động cố vấn học tập các năm qua tương đối tốt đạt mức điểm trung bình là ….. điểm, tương đương với hơn 80% NH đánh giá là hài lòng và rất hài lòng **[Minh chứng khảo sát người học về hoạt động CVHT]**. Và nhà trường cũng lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên để đánh giá và cải tiến chất lượng giảng dạy của giảng viên **[Minh chứng về phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của Gv]**.

Theo Báo cáo khảo sát tình hình việc làm nhà Trường với sinh viên tốt nghiệp năm 2019 (CV số 2197/ĐHKTQD-CTCT&QLSV ngày 30/12/2019) có ….. sinh viên ngành KTPT trả lời khảo sát (trên tổng số …. SV tốt nghiệp) có …. sinh viên có việc làm (tỷ lệ …..%) **[Minh chứng khảo sát sinh viên tốt nghiệp];**.

**2. Điểm mạnh:**

Chương trình đào tạo ngành KTPT đã có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH. Việc thực hiện có hệ thống bao gồm việc phân chia trách nhiệm cho các bộ phận và các hoạt động triển khai thường xuyên, đa dạng được sinh viên đánh giá tích cực.

**3. Tồn tại:**

Dù công tác kết nối Doanh nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quốc tế đã được quan tâm, song số lượng còn chưa nhiều và chưa đa dạng.

**4. Kế hoạch hành động:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | tăng số lượng các doanh nghiệp có hợp tác với khoa | tăng cường kết nối nhiều hơn nữa với các Doanh nghiệp bên ngoài, công giới, | Khoa KH&PT | Từ năm 2022 | ……. |

**5. Tự đánh giá:** Đạt 5/7

***Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.***

**1. Mô tả:**

Khoa KH&PT có môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Hiện nay Khoa đang sử dụng tầng 8 tòa nhà A1 của Trường, có hệ thống phòng làm việc rộng rãi, thoáng mát với rất nhiều cây xanh tạo môi trường thoải mái, hiệu quả không gian làm việc, học tập và nghiên cứu **[Ảnh chụp khoa KH&PT];** Không gian này được bố trí khá thuận lợi để các trợ lý, giảng viên; Ban chấp hành liên chi đoàn, có thể họp và làm việc **[Sơ đồ bố trị phòng làm việc Khoa KH&PT]**.

***Bảng 8.5.1: Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo của khoa KH & PT***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Hạng mục** | **Diện tích sàn xây dựng(m2)** |
| 1 | Phòng làm việc của Trưởng khoa và phòng họp BCN Khoa | 41,82 |
| 2 | Phòng làm việc của Phó khoa | 23,62 |
| 3 | Phòng họp lớn | 56,76 |
| 4 | Văn phòng Khoa | 44,71 |
| 5 | Phòng làm việc của Bộ môn KTPT | 27,99 |
| 6 | Phòng làm việc của Bộ môn Kinh tế công cộng | 23,34 |
| 7 | Phòng làm việc của Giáo sư | 19,99 |
| 8 | Hành lang | 55,06 |
|  | **Tổng diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo** | **294,31** |

*(Nguồn: Phòng Quản trị Thiết bị)*

Ngoài ra, người học tại Khoa KH&PT còn được sử dụng hệ thống cơ sở vật chất rất đẹp và hiện đại của Trường. Hiện nay, tổng diện tích đất của Trường: 123.552,10 m2. Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường: 157.695,80 m2; tính trên 01 sinh viên đại học hệ chính quy: 57.695,80 m2 /24.468SV = 6,445 m2. Hệ thống 264 phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng với các trang thiết bị hiện đại theo chuẩn quốc tế cùng với 3.200 chỗ ở tại ký túc xá luôn đáp ứng tốt cho nhu cầu học tập, giảng dạy và NCKH của giảng viên và sinh viên của Trường và Khoa KH&PT**. [Thống kê cơ sở vật chất của trường].**

Khuôn viên của Trường đủ bóng mát và không gian để sinh viên thư giãn giữa những giờ học. Hệ thống cây xanh và chiếu sáng trong Trường được quan tâm để đảm bảo môi trường tốt nhất cho đào tạo, rèn luyện. Các tiện ích khác như sân bóng, hội trường tập văn nghệ, phòng đọc sách; thư viện, hiệu sách, Căngtin, quán Cafe… sinh viên đều có thể sử dụng để rèn luyện thể chất và tinh thần **[Ảnh chụp].**

Trung tâm Thông tin – Thư viện của Trường; Thư viện được chia ra các khu vực riêng biệt: phòng đọc báo, tạp chí; phòng đọc sách, luận văn/ kho mở; phòng Internet.

* Dữ liệu điện tử; … với nguồn tài liệu gồm hàng trăm ngàn cuốn sách và đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động như: chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn. Trang thiết bị tại thư viện rất nhiều, đa dạng phong phú, sẵn sàng cho việc hỗ trợ việc tra cứu học hành của người học hiệu quả nhất **[Ảnh chụp thư viện, Báo cáo thống kê trang thiết bị thư viện].**

Cảnh quan sư phạm của Khoa KH&PT luôn sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái cho tất cả mọi người. Nhà trường đã làm tốt công tác chăm sóc sức khoẻ cho người học. 100% CB-GV-NV và SV năm đầu đều được Nhà trường tổ chức mua bảo hiểm y tế và khám sức khoẻ hàng năm. Thông tin về hoạt động khám sức khoẻ định kỳ được cập nhật trên trang Website của Trạm y tế của Trường cho CBCNV **[Thông báo về lịch khám sức khoẻ cho CBCNV]** và cho người học **[Thông báo về lịch khám sức khoẻ cho sinh viên]**. Việc vệ sinh trường được diễn ra thường xuyên và định kỳ, hoặc để phòng trừ dịch bệnh **[Thông báo về lịch phun muỗi, côn trùng…]**.

Trường đồng thời thường xuyên có nhiều hoạt động tuyên truyền, tổ chức tập huấn và kiểm tra về các quy định về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự để đem lại cảm giác thoải mái nhất cho người học. Hệ thống phòng cháy chữa cháy được định kỳ kiểm tra **[Biên bản kiểm tra hệ thống PCCC]**. Nhà trường cũng đồng thời thành lập Ban chỉ đạo và Đội phòng cháy chữa cháy của Trường **[Quyết định thành lập BCĐ PCCC]**; Ban phòng chống thiên tai **[Quyết định thành lập Ban phòng chống thiên tai]**. Và thường xuyên có các công tác liên quan đến kiểm tra an toàn thực phẩm **[Hình ảnh về kiểm tra an toàn thực phẩm]**. Để đảm bảo an ninh, trật tự cho người học trong khuôn viên và tào nhà trung tâm đào tạo nhà trường tổ chức tập huấn trong an toàn lao động **[Thông báo, hình ảnh tập huấn về an toàn lao động]**; Tập huấn về ứng phó an toàn vệ sinh thực phẩm **[Thông báo, hình ảnh tập huấn về an toàn lao động]**,.

Nhà trường có quy định văn hóa công sở trong đó nhấn mạnh đến sự ứng xử thầy trò, quy định đối với trang phục và đeo thẻ SV và cán bộ nhằm tạo ra trật tự, kỷ cương và văn hoá lịch sự nơi học đường **[Quy định về văn hoá công sở trườngĐHKTQD].**

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức thực hiện khảo sát ý kiến đánh giá của người học và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của trường. **[Báo cáo khảo sát người học về môi trường tâm lý]**

Hàng năm, Đoàn thanh niên và Hội sinh viên của Trường, chi đoàn khoa KH&PT, Câu lạc bộ sinh viên khoa KH&PT thường tổ chức nhiều hoạt động xã hội và cộng đồng để nâng cao đời sống tinh thần và tâm lý cho sinh viên, giảng viên như tổ chức chúc mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam, Ngày Phụ nữ Việt Nam, ngày 8/3, ngày 20/11..., đặc biệt sinh viên còn được tham gia các cuộc thi âm nhạc, thi sinh viên thanh lịch, tham gia giải đấu bóng đá NEU Leage, giải bóng đá, bóng chuyền của Khoa, và các Trường đại học trên địa bàn Hà Nội nhằm nâng cao tinh thần gắn bó với đời sống thường nhật của sinh viên **[Thông báo tổ chức, hình ảnh minh chứng các hoạt động của sinh viên khoa].**

Ban Liên lạc cựu sinh viên Khoa KH&PT là một đơn vị hỗ trợ người học, tư vấn việc làm cho sinh viên của ngành KTPT. Ban liên lạc được thành lập theo Quyết định 1055./QĐ-ĐHKTQD ngày 26 tháng 6 năm 2016 của Hiệu trưởng trườngĐHKTQD **[Quyết định thành lập Ban liên lạc SV khoa KH&PT].**

***Bảng 8.5.1 Kết quả sự hài lòng về việc học tập tại Trường***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | **Trả lời của sinh viên** | **Hài lòng (%)** |
| **1** | Rất hài lòng | 17,6 |
| **2** | Hài lòng | 59,6 |
| **3** | Bình thường | 21,3 |
| **4** | Không hài lòng | 0,6 |
| **5** | Rất không hài lòng | 0 |
| **6** | Missing | 0,7 |

*(Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2019 - Phòng CTCT&QLSV )*

**2. Điểm mạnh:**

Khoa KH&PT luôn năng động và sáng tạo, linh hoạt nhằm tạo ra môi trường tâm lý xã hội tích cực trong học tập và giảng dạy.

**3. Tồn tại:**

Khoa KH&PT có rất nhiều người học xuất sắc, tuy nhiên quỹ học bổng huy động từ bên ngoài vẫn còn hạn chế để có thể trao nhiều hơn nữa cho sinh viên giỏi, sinh viên gặp khó khăn.

**4. Kế hoạch hành động:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Tăng nguồn học bổng hỗ trợ sinh viên | Tăng cường kết nối với doanh nghiệp và cựu sinh viên, và các hoạt động bên ngoài | Nhà trường, Khoa KH&PT | Từ năm 2022 | ……. |

**5. Tự đánh giá:** Đạt 6/7

**Kết luận Tiêu chuẩn 8**

Chính sách tuyển sinh, phương pháp tuyển chọn người học được công bố công khai, cập nhật thường xuyên và thực hiện đúng theo quy chế tuyển sinh củaĐHKTQD; Từ khi nhập học đến khi kết thúc quá trình học tập, người học luôn được tư vấn, hỗ trợ kịp thời để giải quyết những khó khăn gặp phải, một hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện đã đươc xây dựng và công bố công khai, khối lượng học tập được phân bổ đồng đều giữa các năm giúp người học không bị quá tải ở một một kỳ. Môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xung quanh Khoa đẹp để phát huy sự sáng tạo và sự thoải mái trong tâm trí của người học.

Tuy nhiên, bên cạnh các mặt mạnh, vẫn còn một số hạn chế nhỏ. Trong những năm học tới, Khoa KH&PT cần có những chiến lược phát huy hơn nữa thành tích đã đạt được trong tiêu chuẩn 8 và các giải pháp mang tính đồng bộ giải quyết những vấn đề còn tồn đọng, chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học được nâng cao, góp phần vào sự lớn mạnh của Khoa .

## TIÊU CHUẨN 9: CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ

***Mở đầu***

Chương trình KTPT được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động dạy, học, NCKH của sinh viên và giảng viên. Từ cuối năm 2018, Nhà Trung tâm đào tạo hoàn thiện và đưa vào sử dụng đã đảm bảo điều kiện làm việc và học tập ngày càng tốt hơn cho người học, giảng viên, viên chức và người lao động. Các giảng đường, cơ sở vật chất, không gian học tập của sinh viên ngày càng hiện đại, khang trang hơn. Hơn nữa, Thư viện của Trường được trang bị hiện đại, với nguồn học liệu phong phú, phòng đọc rộng thoáng có sự kết nối với các nguồn tư liệu đa dạng đáp ứng được nhu cầu của người học.

Khoa KH&PT được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị đảm bảo phục vụ tốt cho các hoạt động giảng dạy học tập và nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng viên và sinh viên tại Khoa.

***Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

***1.*** ***Mô tả***

Khoa KH&PT hiện nay đang có hệ thống phòng làm việc với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu theo chức năng, nhiệm vụ của mình. Khoa đang sử dụng 8 phòng làm việc và phòng họp tại tầng 8 tòa nhà A1 của Trường. Sơ đồ hệ thống phòng làm việc và các phòng chức năng của khoa KH&PT thể hiện sự bố trí hợp lý và hiệu quả không gian làm việc **[Sơ đồ bố trí khoa KH&PT].** Hệ thống phòng làm việc và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống điều hoà, chiếu sáng, thông gió, an toàn…) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT **[Ảnh chụp VP khoa]**.

***Bảng 9.1.1: Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo của khoa KH&PT***

| **TT** | **Hạng mục** | **Diện tích sàn xây dựng (m2)** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Phòng làm việc của Trưởng khoa | 41,82 |
| 2 | Phòng làm việc của Phó khoa | 23,62 |
| 3 | Phòng họp | 56,76 |
| 4 | Văn phòng Khoa | 44,71 |
| 5 | Phòng làm việc của Bộ môn KTPT | 27,99 |
| 6 | Phòng làm việc của Bộ môn Kinh tế công cộng | 23,34 |
| 7 | Phòng làm việc của Giáo sư | 19,99 |
| 8 | Hành lang | 55,06 |
|  | **Tổng diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo** | **294,31** |

Các phòng làm việc được trang bị máy tính, máy in, tủ đựng tài liệu và các trang thiết bị đảm bảo về điều kiện ánh sáng, nhiệt độ phù hợp để cán bộ, giảng viên và người học có thể làm việc và có danh mục theo dõi đầy đủ **[Thống kê danh mục trang thiết bị của khoa].**

Người học Chương trình KTPT còn được sử dụng hệ thống cơ sở vật chất hiện đại của Trường. Hiện, tổng diện tích đất của Trường là: 123.552,10 m2. Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường: 157.695,80 m2; tính trên 01 sinh viên đại học hệ chính quy\*: 157.695,80 m2 /24.468SV = 6,445 m2. Các thông tin chi tiết về cơ sở vật chất của trường được công bố công khai trên Website tại **Đề án tuyển sinh** năm 2019 của Trường **[Đề án tuyển sinh năm 2019].**

***Bảng 9.1.2: Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Hạng mục** | **Diện tích sàn xây dựng (m2)** |
| 1 | Hội trường, giảng đường, phòng học các loại | 70.153,30 |
| 2 | Thư viện, trung tâm học liệu | 10.440 |
| 3 | Phòng thí nghiệm, phòng thực hành, nhà tập đa năng, xưởng thực tập | 5.972,34 |
| 4 | Phòng làm việc của các Khoa, Viện, Trung tâm đào tạo (bao gồm cả phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu) | 71.130,16 |
|  | **Tổng diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo** | **157.695,80** |
|  | *(Nguồn: Đề án tuyển sinh năm 2019)* | |

**- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: diện tích sàn xây dựng: 24.024 m2 tương ứng với 448 phòng và 3.200 chỗ ở.

- Các giảng đường, phòng học phục vụ sinh viên ngành KTPT có sức chứa từ 56 đến 98 sinh viên, bao gồm phòng học lý thuyết và phòng máy tính, được trang bị các thiết bị hiện đại, mạng không dây, màn chiếu, máy chiếu, bảng, máy điều hòa,... và cách bố trí phù hợp với quy mô của lớp học; có sổ theo dõi tình trạng hoạt động, sử dụng các trang thiết bị và phòng học **[Thống kê cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng đường]; [Sổ theo dõi tình trạng hoạt động trang thiết bị].**

Ngoài ra, Trường còn có nhiều phòng hội thảo với sức chứa từ 100 đến 300 người, 2 hội trường (sức chứa 500 và 1000 chỗ ngồi) để tổ chức các cuộc họp, tọa đàm và hội thảo **[Hình ảnh các phòng hội thảo],** một hệ thống Wifi tốc độ cao đã được tích hợp phủ sóng toàn khuôn viên Trường **[Thông báo, hợp đồng, quyết định về hệ thống Wifi].**

***Bảng 9.1.3: Hệ thống các phòng học phục vụ đào tạo***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại phòng** | **Số lượng** |
| 1 | Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ | 20 |
| 2 | Phòng học từ 100 - 200 chỗ | 26 |
| 3 | Phòng học từ 50 - 100 chỗ | 193 |
| 4 | Số phòng học dưới 50 chỗ | 25 |
|  | **Tổng số** | **264** |

*(Nguồn: Đề án tuyển sinh năm 2019)*

Toàn bộ hệ thống cơ sở vật chất này thể hiện chi tiết ở Sơ đồ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng\* **[Sơ đồ hệ thống phòng làm việc].** Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng với các trang thiết bị hiện đại theo chuẩn quốc tế nhằm hỗ trợ tốt nhất cho nhu cầu học tập, giảng dạy và NCKH của giảng viên và sinh viên của Trường và Khoa KH&PT với danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị **[Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị Khoa KH&PT].**

***Bảng 9.1.3: Trang thiết bị của Khoa KH&PT***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Máy tính để bàn | | | Phần mềm bản quyền diệt virus, office 365 | Máy fotocopy | Máy chiếu | Điện thoại bàn | Máy tính xách tay | Máy in |
| V. Phòng | Cấp cho giáo sư | Phục vụ công tác chuyên môn |
| 5 | 1 | 3 | 9 | 2 | 3 | 6 | 2 | 6 |

*Nguồn: Biên bản bàn giao của Phòng QTTB*

Hàng năm, nếu có nhu cầu về trang thiết bị phục vụ giảng dạy và nghiên cứu, Khoa KH&PT sẽ lập kế hoạch về nhu cầu trang thiết bị cần bổ sung phục vụ giảng dạy và NCKH gửi phòng Quản trị Thiết bị. Phòng Quản trị Thiết bị lập kế hoạch, dự toán trang thiết bị trên cơ sở đề nghị của các đơn vị gửi về và lập dự toán.

Việc mua mới các thiết bị và các tài sản khác cũng được tuân thủ theo quy trình của Trường ban hành. Nhà Trường luôn có dự trù nguồn kinh phí cho việc mua sắm trang thiết bị hàng năm **[Dự trù kinh phí mua sắm trang thiết bị]**. *(Minh chứng tại phòng QTTB và TCKT).*

***2. Điểm mạnh***

Số lượng phòng làm việc, phòng học, phòng hội thảo, phòng chức năng hiện có với các trang thiết bị đầu tư mới đã đáp ứng tốt, có hiệu quả hơn cho công tác đào tạo, NCKH,... của Nhà trường nói chung và ngành KTPT nói riêng.

***3. Điểm tồn tại***

Trang thiết bị đôi khi còn hỏng, hoạt động chưa ổn định.

Việc bố trí lịch học của các lớp đôi khi chưa phù hợp với quy mô các lớp.

***4. Kế hoạch hành động***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Đảm bảo trang thiết bị phục vụ giảng dạy | Tổ chức thực hiện và kiểm soát phòng học và trang thiết bị | Phòng Quản lý đào tạo, Phòng QTTB | Từ năm 2022 | ……. |
| 2 | Bố trí phòng học phù hợp với quy mô lớp học | Rà soát bố trí phòng học | Phòng Quản lý đào tạo, Phòng QTTB | Từ năm 2022 | ……. |

***5. Tự đánh giá*: *Đạt* 6/7**

***Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

***1. Mô tả***

Để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, lãnh đạo nhà trường và Khoa KH&PT đã rất chú trọng việc cung cấp sách báo, tài liệu phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu, phát huy tính tích cực chủ động và sáng tạo trong học tập của sinh viên ngành KTPT.

Cùng với sự phát triển của NEU, năm 2017, Thư viện được chuyển sang tòa nhà hiện đại, khang trang nằm trong chuỗi tòa nhà đào tạo A1 và A2, và được đổi tên thành “Thư viện Phạm Văn Đồng” với diện tích 10.000 m2 trong đó diện tích phòng đọc là 6.500 m2 với 20 phòng đọc nhóm cùng các không gian đọc sách tiện ích và 1.000 chỗ ngồi với trang thiết bị hiện đại, chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn sẵn sàng cho việc hỗ trợ việc tra cứu học hành của người học hiệu quả nhất. Sơ đồ bố trí Thư viện\* được chia ra các khu vực riêng biệt: phòng đọc báo, tạp chí; phòng đọc sách, luận văn/ kho mở; phòng Internet - Dữ liệu điện tử;… được trang bị các thiết bị hỗ trợ hiện đại nhất có khả năng lưu trữ, khai thác, phát triển các dịch vụ học thuật và cung cấp thông tin tư liệu đầy đủ, chính xác, hiệu quả phục vụ cho việc giảng dạy, học tập và NCKH **[Sơ đồ thư viện].**

Để phục vụ người sử dụng một cách có hiệu quả, Thư viện đã xây dựng nội quy thư viện, hướng dẫn sử dụng và nội quy sử dụng phòng đọc. Nội quy hiện đang áp dụng trong thư viện được ban hành ngày 12 tháng 10 năm 2017, gồm 21 điều chia làm 4 nội dung lớn: quy định chung, phòng đọc, mượn sách, bảo quản tài liệu, tài sản, khen thưởng, kỷ luật. Hướng dẫn sử dụng thư viện cũng được xây dựng rất chi tiết bao gồm hướng dẫn chung và hướng dẫn truy cập trực tuyến. Nội quy sử dụng phòng đọc nhóm cũng đã được Giám đốc thư viện ban hành và chỉ rõ đối tượng, quy định về phòng đọc cho cán bộ, giảng viên, học viên, nghiên cứu sinh và sinh viên, trách nhiệm, quyền lợi bạn đọc. Thời gian mở cửa của phòng đọc từ 7h30 đến 21h30 từ thứ 2 đến thứ 6, ngày thứ 7 mở theo giờ hành chính Người đọc khi sử dụng thư viện phải tuân thủ đầy đủ các nội quy của thư viện, nội quy này được thông báo rộng rãi đến người học thông qua thông báo tại thư viện và trên trang Website của thư viện\* **[Nội quy thư viện], [Nội quy phòng đọc], [Hướng dẫn sử dụng thư viện] [http://lic.neu.edu.vn/Pages.aspx?id=11#];** Bên cạnh đó Thư viện cũng thường xuyên có những buổi hướng dẫn đào tạo và tập huấn cho giảng viên, nghiên cứu viên và sinh viên để tối ưu hóa nguồn tài liệu sẵn có của Thư viện **[Thông báo lịch tập huấn, hình ảnh chụp các buổi tập huấn sử dụng thư viện].**

Các hoạt động Thư viện đa dạng, bao gồm công tác thông tin, công tác bạn đọc, công tác tham khảo và các sinh hoạt chuyên đề. Các hoạt động này đã hỗ trợ tích cực cho tập thể CB-GV-NV, SV, Học viên Cao học và NCS đang học tập, nghiên cứu, làm việc tại Trường **[Quy định về chức năng nhiệm vụ của thư viện]**.

Nguồn tài liệu của thư rất lớn bao trùm cả hệ thống thư viện truyền thống (với tài liệu in) và Thư viện hiện đại (CSDL điện tử được mua từ các NXB nước ngoài) [http://lic.neu.edu.vn/Category.aspx?lv=3&catid=1], gồm hàng trăm ngàn cuốn sách và các dữ liệu liên kết quốc tế đang được quản lý bằng phần mềm tích hợp hiện đại (Libol 6.0), xử lý hoàn toàn online trên nền Web thực sự là nguồn tài nguyên vô giá đối với người học **[Thống kê danh mục dữ liệu thư viện].**

***Bảng 9.2.1:* Mô tả học liệu phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học của TrườngĐHKTQD**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Phân loại dữ liệu** | **Mô tả** | **Phần mềm quản lý** | **Tổng đầu sách** | **Tổng ấn phẩm** |
| 1 | Sách in | Giáo trình, bài giảng, công trình nghiên cứu khoa học, luận văn, luận, án | Libol6.0 | 50.302 | 146.107 |
| 2 | Báo, tạp chí in | Báo, tạp chí Trường mua được lưu từ 2010-2014 mỗi đầu một bản và từ 2015-2017 thì đầy đủ số bản | Libol6.0 | 38 | 7.274 |
| 3 | Sách\_E- book | Danh mục sách điện tử Trường mua của NXB IG PUBLISHING, dữ liệu được cập nhật, bổ sung hàng năm | Website cấp 2 - Thư viện | 1.701 | 1.701 |
| 4 | Tạp chí\_E- book | Danh mục tạp chí điện tử của Trường mua của NXB EMERALD | Website cấp 2 - Thư viện | 237 | 203 |
| 5 | Học liệu E-book của cơ sở dữ liệu ProQuest Central | Cơ sở dữ liệu Trường mua của ProQuest Central với 148 chủ đề bao trùm toàn bộ các ngành/chuyên ngành đào tạo, các lĩnh vực NCKH của Trường | Website cấp2 - Thư viện | 26.897 | 26.897 |
| 6 | Học liệu nội sinh E-book | Ấn phẩm luận văn, luận án đã được Thư viện số hóa và đưa vào mục tài liệu nội sinh. | Phần mềm Dspace |  | 4.471 |
|  |  | **Tổng cộng** |  | **79.175** | **186.653** |

Để đáp ứng yêu cầu phát triển, hàng năm Thư viện đều gửi công văn cho các Khoa, trong đó có Khoa KH&PT, về việc xác định danh mục tài liệu bổ sung cho từng môn học, từng chuyên ngành đào tạo, đề nghị Thư viện mua và cập nhật **[Thông báo đề xuất bổ sung tài liệu]**. Trên cơ sở tổng hợp đề xuất và khả năng cung ứng, hàng năm Thư viện đã đề xuất kinh phí mua thêm và Nhà trường không ngừng đầu tư kinh phí cho Thư viện để trang bị thêm các đầu sách mới và giáo trình, tài liệu tham khảo nhằm phục vụ bạn đọc ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập, nghiên cứu của GV và SV. **[Kinh phí bổ sung trang bị tài liệu hàng năm]**. *(Minh chứng tại Thư viện và Phòng Tài chính Kế toán).*

Người học đang học tập ngành KTPT hiện nay được thụ hưởng nguồn tư liệu sách, giáo trình, tài liệu vô cùng phong phú, đa dạng từ Trung tâm Thông tin – Thư viện của Trường.

Ngoài ra, giảng viên khoa KH&PT luôn chủ động xây dựng tủ sách tại văn phòng Khoa và 2 ộ môn KTPT và Kinh tế công cộng gồm các sách, giáo trình tài liệu trong và ngoài nước phục vụ cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học của các giảng viên **[ảnh chụp tủ sách bộ môn].**

Để luôn duy trì hệ hệ thống học liệu trực tuyến và hệ thống thông tin qua website được thông suốt, thuận lợi cho việc tìm kiếm của sinh viên, phụ huynh sinh viên và công giới, việc thực hiện bảo trì phần mềm cổng thông tin cũng được thực hiện định kỳ **[Biên bản bảo trì].** Giảng viên và sinh viên được sử dụng hệ thống tiện ích trực tuyến, thư điện tử và học liệu trực tuyến thông qua phần mềm office **[Hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử, học liệu trực tuyến]** Thư viện còn trang bị hệ thống các Phần mềm lưu trữ các giáo trình tài liệu.

Thư viện quản lý hoạt động của mình thông qua hệ thống theo dõi việc sử dụng tài liệu của thư viện (phần mềm Libol 6.0), cung cấp đầy đủ các đầu sách đảm bảo theo danh mục Đề cương chi tiết môn học/học phần\* **[Danh mục đề cương chi tiết các học phần, đường link của thư viện]** và đầy đủ giáo trình, tài liệu, sách tham khảo (bản cứng/bản mềm) được phân loại theo nhóm ngành và và loại tài liệu phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu **[Phân loại danh mục tài liệu của thư viện].** Để thuận lợi cho người học ngành KTPT, hệ thống quản lý Thư viện đã phân loại tài liệu tham khảo ngành KTPT riêng biệt, tạo sự thuận lợi và hiệu quả cho người học **[Phân loại danh mục tài liệu của thư viện].** Ngoài ra hàng năm Thư viện luôn cập nhật danh mục\* theo đề xuất của các Khoa và Phòng ban chuyên môn **[Đề xuất của Khoa về danh mục tài liệu]**.

Mục lục truy cập online được phát triển trên nền Website và được mở 24/24 giờ (http://lic.neu.edu.vn/).

TrườngĐHKTQD có dữ liệu theo dõi về hoạt động của Thư viện và các nguồn học liệu để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, Trung tâm Thông tin-Thư viện của NEU đã được trang bị phần mềm quản lý để phục vụ công tác mượn trả, tra cứu tài liệu qua hệ thống máy tính nối mạng phù hợp với xu thế ứng dụng của công nghệ di động và nhu cầu mạnh mẽ trong việc khai thác tài liệu điện tử trên các thiết bị di động **[Dữ liệu theo dõi hoạt động của thư viện]**.

Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và khắc phục những tồn tại, Nhà trường tiến hành lấy ý kiến phản hồi đánh giá mức độ hài lòng của người học và các bên liên quan về Thư viện và các nguồn học liệu phục vụ đào tạo và nghiên cứu để ngày càng được nâng cao chất lượng học liệu và chất lượng dịch vụ. Kết quả khảo sát về chất lượng dịch vụ và chất lượng học liệu được đa số đánh giá cao **[Báo cáo kết quả khảo sát về chất lượng dịch vụ thư viện]**. *(Minh chứng tại Thư viện)*

***2. Điểm mạnh***

Nguồn tài liệu Trung tâm Thông tin-Thư viện của NEU phong phú về thể loại, đầy đủ về số lượng, đa dạng về loại hình, đáp ứng tốt nhu cầu tham khảo tài liệu của GV, SV toàn Trường nói chung và của Khoa KH&PT nói riêng. Nguồn học liệu cũng như cơ sở dữ liệu trực tuyến được cập nhật liên tục.

Cơ sở vật chất của Thư viện đáp ứng tốt nhu cầu của bạn đọc với hệ phòng phục vụ rộng rãi, mát mẻ, đủ chỗ ngồi, hệ thống tra cứu, đường truyền có sự ổn định.

Thư viện đã có các quy định hướng dẫn người đọc rõ ràng, đầy đủ, nhân viên có sự hướng dẫn hiệu quả nhiệt tình

***3. Điểm tồn tại***

Việc lấy ý kiến phản hồi từ bạn đọc về thư viện còn chưa được tiến hành với quy mô rộng. Công tác liên kết, mở rộng quan hệ hợp tác với các cơ quan Thông tin - Thư viện, các tổ chức quốc tế, các NXB chưa được phát triển mạnh.

Diện tích phòng tự học vào mùa thi còn hạn chế. Bên cạnh đó do kinh phí thiếu nên việc truy cập và mua các sách lý thuyết Ngoại văn còn tương đối ít.

Thư viện không mở vào ngày chủ nhật cũng hạn chế việc tiếp cận tư liệu vào cuối tuần của sinh viên.

***4. Kế hoạch hành động***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Đáp ứng nhu cầu của người học | Khảo sát ý kiến của sinh viên, giảng viên và cán bộ thư viện | Thư viện Phạm Văn Đồng | Từ 2022 | ……. |
| 2 | Cập nhật sách | Tăng cường những đầu sách nước ngoài | Thư viện Phạm Văn Đồng, Khoa KH&PT | Từ 2022 | ……. |
| 3 | Đáp ứng nhu cầu tra cứu tài liệu của người học | Mở cửa chủ nhật (có thể ½ ngày, trong mùa thi), tăng cường số hoá các tài liệu cứng | Thư viện Phạm Văn Đồng, Viện CNTT | Từ 2022 |  |

***5. Tự đánh giá: Đạt* 6/7**

***Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

***1. Mô tả***

Với việc mở rộng quy mô đào tạo hàng năm, nhà trường luôn trú trọng tới việc đầu tư trang thiết bị thực hành để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu\*. Nhà trường có đủ phòng học máy tính đáp ứng nhu cầu của công tác đào tạo và NCKH cho ngành KTPT. Hệ thống phòng học được thiết kế và bố trí hợp lí **[Sơ đồ hệ thống phòng học].** Nhà trường cho phép cán bộ và sinh viên Khoa KH&PT nói chung và ngành KTPT nói riêng được khai thác mọi học liệu và hệ thống thư viện của trường.

Với các phòng chức năng được thiết kế phù hợp, tạo điều kiện tốt nhất cho người học và được trang bị đầy đủ máy móc cần thiết, đảm bảo được thực hành đầy đủ và nắm được kỹ năng giải quyết công việc khi triển khai thực tế **[Sơ đồ các phòng chức năng].**

***Bảng 9.3.1 Thống kê danh mục trang thiết bị của phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ đào tạo và NCKH***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên** | **Danh mục trang thiết bị chính** |
| 1 | Phòng thực hành | x Tên thiết bị 1: Máy tính Giáo viên |
| x Tên thiết bị 2: Máy tính học viên |
| x Tên thiết bị 3: Máy chiếu |
| x Tên thiết bị 4: Thiết bị âm thanh |
| x Phần mềm: Theo chương trình đào tạo |
| 2 | Phòng thực hành Khoa du lịch khách sạn | x Tên thiết bị 1: Điều hoà |
| x Tên thiết bị 2: Tủ lạnh |
| x Tên thiết bị 3: các thiết bị phòng buồng |

*Nguồn: Đề án tuyển sinh năm 2019*

Các trang thiết bị của các phòng thí nghiệm, thực hành của Nhà trường luôn được cập nhật và duy tu, bảo dưỡng để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu **[Danh mục, ảnh chụp các phòng máy]**. Các phòng thực hành máy tính hiện tại đều có tài liệu hướng dẫn, quy định cụ thể **[Tài liệu hướng dẫn sử dụng phòng máy].** Có báo cáo tổng hợp về việc sử dụng trang thiết bị (tần suất sử dụng, thời gian hoạt động, số giờ vận hành…) **[Báo cáo sử dụng trang thiết bị phòng máy]**. Các phòng thí nghiệm, thực hành được phân công nhân viên phụ trách cụ thể và có hồ sơ quản lý theo dõi bàn giao tài sản trang thiết bị đầy đủ **[Phân công phụ trách phòng máy và sổ quản lý, theo dõi bàn giao tài sản, trang thiết bị]**.

Trường có hệ thống văn bản về quản lý tài sản, thống kê và tổng hợp về việc mua sắm, quản lý, sử dụng, bảo quản, kiểm tra và nâng cấp các trang thiết bị và các thiết bị máy móc được bảo trì, sửa chữa định kỳ **[Báo cáo bảo trì trang thiết bị]** Bên cạnh đó, để đáp ứng nhu cầu phát triển quy mô đào tạo hàng năm cũng như yêu cầu tiếp cận với sự thay đổi của công nghệ và trang thiết bị mới, hàng năm luôn được cập nhật các trang thiết bị mới **[Danh mục, kinh phí đầu tư, thống kê trang thiết bị hàng năm]** *(Minh chứng tại Phòng QTTB và Phòng TCKT)*

Hằng năm, để nắm bắt được nhu cầu cũng như tăng cường chất lượng dịch vụ, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị **[Báo cáo kết quả khảo sát về mức độ đáp ứng của phòng thí nghiệm, phòng máy…].**

***2. Điểm mạnh***

Nhà trường có đủ các trang thiết bị máy tính với sự đầu tư các trang thiết bị hiện đại theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế phục vụ cho dạy, học và NCKH, thường xuyên cập nhật, đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo theo quy mô và yêu cầu đào tạo của các chuyên ngành hiện tại.

***3. Điểm tồn tại***

Kế hoạch triển khai bảo dưỡng, thay thế các trang thiết bị phòng học, CSVC phục vụ dạy và học còn chậm đã ảnh hưởng ít nhiều đến công tác đào tạo.

***4. Kế hoạch hành động***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Bảo dưỡng và thay thế kịp thời các thiết bị phòng máy tính | Xây dựng kế hoạch duy tu bão dưỡng định kỳ các thiết bị; Tìm kiếm nguồn vốn để đầu tư trang thiết bị. | Phòng Quản trị Thiết bị, Viện CNTT và Kinh tế số | Năm 2022 | ……. |

***5. Tự đánh giá*: *Đạt* 6/7**

***Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

***1.*** ***Mô tả***

Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm và các hệ mạng truyền thông, phòng họp trực tuyến, trang thông tin điện tử…) của Trường và của Khoa KH&PTđược trang bị đầy đủ, phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường hiện có 10 phòng máy phục vụ dạy và học cho SV. Số máy tính còn lại cung cấp cho các đơn vị chức năng và các Khoa/Viện phục vụ cho NCKH và quản lý. Hiện nay, số lượng máy tính của toàn trường là 467 máy, phục vụ cho giảng dạy và nghiên cứu khoa học; công tác quản lý điều hành. Các giảng đường, các phòng học 100% đã được lắp máy tính nối mạng và máy chiếu **[Hình ảnh chụp giảng đường, thống kê thiết bị phòng học].** 100% giảng viên khoa Kế hoạch phát triển có máy tính xách tay riêng phục vụ giảng dạy và nghiên cứu.

Nhà trường đã có các phòng họp trực tuyến để hỗ trợ công tác quản lý và đào tạo.

Hàng năm, phòng Quản trị thiết bị lập kế hoạch về công tác trang bị CSVC, trang thiết bị trên cơ sở đề nghị của các đơn vị gửi về. Đầu mỗi năm học, Khoa/Viện tổng hợp, lập kế hoạch về nhu cầu trang thiết bị cần bổ sung thay thế phục vụ giảng dạy và NCKH gửi phòng Quản trị trang bị **[Kế hoạch bổ sung trang thiết bị dạy học]**. Việc mua mới các thiết bị CNTT và sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản cũng được tuân thủ theo quy trình của Trường ban hành. Các thiết bị CNTT được xây dựng và triển khai theo đề án tăng cường trang thiết bị của trường, tất cả đều có hồ sơ cung cấp lắp đặt hạ tầng và thường xuyên bảo trì, sửa chữa, thay thế. Các thiết bị cũ, lạc hậu được Nhà trường thanh lý đúng theo quy định và được định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa **[Biên bản kiểm tra, bảo dưỡng tài sản, Thông báo thanh lý tài sản]**.

Sự đáp ứng các yêu cầu về công nghệ thông tin nhằm giúp giảng viên và người học dễ dàng truy cập vào các trang học thuật khi làm việc và học tập tại trường, năm 2015 Nhà trường đã nâng cấp và phủ sóng wifi toàn trường tạo thuận lợi cho việc tìm kiếm tài liệu trên mạng của giảng viên và SV **[Thông báo về hệ thống wifi] ]**[https://neu.edu.vn/vi/thong-bao-1424/thong-bao-v-v-cau-hinh-nang-cap-he-thong-wifi-cua-truong].

Mỗi giảng viên, cán bộ quản lý và sinh viên của Khoa KH&PT đều được cấp acount điện tử với tên miền của trường *(.neu.edu.vn)* miễn phí để tra cứu thông tin, lấy số liệu, bài viết, giáo trình để phục vụ cho quá trình dạy học và NCKH **[quy định về việc sử dụng mail của giảng viên, sinh viên].** Sinh viên có thể sử dụng Account của mình để tra cứu các dữ liệu trực tuyến tại Trường, đặc biệt là sử dụng nguồn dữ liệu phong phú tại Trung tâm thư viện điện tử của Trường **[H9.09.04.04].** Nhà trường cũng đã có thông báo hướng dẫn việc tra cứu dữ liệu trực tuyến trên trang Website **[Hướng dẫn sử dụng cơ sở dữ liệu điện tử** **http://lic.neu.edu.vn/Detail.aspx?id=891].** Bên cạnh đó sinh viên còn sử dụng email với tên miền của trường để tham gia đăng ký học trực tuyến, chương trình Blended Learning đang được triển khai rộng rãi với mọi sinh viên tạiĐHKTQD (LMS/Moodle) **[Quyết định số 1607/KH-KTQD về xây dựng đề án phát triển hệ thống quản lý học tập (LMS) trên nền tảng phần mềm Moodle].**

Để xây dựng đội ngũ trực tiếp thực hiện việc quản trị và làm chủ công nghệ những hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin hiện đại *(trung tâm dữ liệu – datacenter, hệ thống hạ tầng công nghê thông tin, hệ thống phần mềm quản trị tổng thể, hệ thống thư viện điện tử dùng chung, các hệ thống thông minh trong trường đại học).* Đồng thời, liên tục cập nhật công nghệ mới để phổ biến, tập huấn và đưa vào áp dụng trong nhà trường nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, đào tạo và nghiên cứu khoa học, Nhà trường đã thành lập Trung tâm Ứng dụng Công nghệ Thông tin vào tháng 1/2019 theo Quyết định số: 22/QĐ-ĐHKTQD ngày 11 tháng 01 năm 2019 để quản lý toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin của Trường **[quyết định số 22/QĐ-ĐHKTQD ngày 11 tháng 1 năm 2019]**[ https://cait.neu.edu.vn/vi/gioi-thieu/gioi-thieu-chung-1753].

Đến nay, nhờ sự đồng bộ ứng dụng sử dụng các phần mềm tin học hoá trong toàn Trường, Khoa KH&PT cũng đang sử dụng các gói phần mềm đang triển khai như: Đánh giá rèn luyện SV; Khảo sát ý kiến các bên liên quan; Kiểm soát công tác giảng dạy; Quản lý Thư viện; Quản lý Nhân sự; phần mềm thi trắc nghiệm trên máy; … Cổng thông tin nội bộ, ứng dụng e-learning LMS và ứng dụng đọc sách Mobile NEUReader… đã mang lại hiệu quả và thuận lợi trong công tác quản lý, giảng dạy, học tập, NCKH.

Từ năm 2019, trường đã triển khai học tập online dựa trên nền tảng Blended learning với sự hỗ trợ của phần mềm LMS cho toàn bộ sinh viên của trường. Để triển khai hình thức học này, trường đã tổ chức tập huấn cho giảng viên và có các văn bản hướng dẫn cho giảng viên và sinh viên **[Quyết định 1607/KH-KTQD về xây dựng đề án phát triển hệ thống quản lý học tập (LMS) trên nền tảng phần mềm Moodle].**

Khoa KH&PT trong thời gian qua cũng đã tích cực đã triển khai học tập online dựa trên nền tảng Blended learning với sự hỗ trợ của phần mềm LMS cho sinh viên và tập huấn cho giảng viên về việc giảng dạy trên LMS **[https://lms.neu.edu.vn/course/index.php?categoryid=200]**

Với nền tảng cơ sở hạ tầng CNTT được trang bị khá đồng bộ trong thời gian qua đã giúp Nhà trường triển khai cổng thông tin có hiệu quả hơn, 100% các đơn vị chức năng và đào tạo trong trường đều có Web cấp 2 nhằm cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời cho các bên liên quan. Khoa KH&PT cũng xây dựng trang Website *(https://khoakhpt.neu.edu.vn)* với các thông tin liên tục cập nhật để cung cấp các thông tin của Khoa nhanh nhất cho người học **[Ảnh giao diện trang web của khoa].**

Để đảm bảo hệ thống máy tính, phần cứng và phần mềm được vận hành một cách tốt nhất, Trung tâm Ứng dụng công nghệ và thông tin có quy định và công khai bằng văn bản phân công người phụ trách hỗ trợ các đơn vị, trong đó có Khoa KH&PT, có ghi sổ sách theo dõi việc vận hành và bảo trì máy tính, phần cứng, phần mềm và các hệ thống mạng, phòng họp trực tuyến, trang thông tin điện tử để đảm bảo cho hệ thống công nghệ thông tin sử dụng được liên tục, thông suốt **[Quyết định phân công cán bộ CNTT phục trách các đơn vị] [Sổ theo dõi vận hành, bảo trì máy tính…].** *(Minh chứng tại Trung tâm UDCNTT)*

Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của SV và giảng viên về chất lượng cũng như mức độ đáp ứng của các thiết bị tin học mỗi năm học. Qua khảo sát cho thấy các ý kiến các bên liên quan đều khá hài lòng về hệ thống thông tin phục vụ dạy và học, NCKH và công tác quản lý của Nhà trường **[Báo cáo kết quả khảo sát về hệ thống thông tin phục vụ người học]**. *(Minh chứng tại Trung tâm UDCNTT)*

***2. Điểm mạnh***

Hệ thống CNTT của Trường gồm mạng lưới máy chủ, máy trạm, hệ thống dự phòng, bảo mật và bộ máy quản trị mạng được Nhà trường chú trọng đầu tư, rà soát, cải tiến, hiện đang hoạt động tốt, hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động đào tạo, NCKH và quản lý. Hệ thống CNTT này được minh chứng thông qua việc phản ứng kịp thời trong tình huống dịch bệnh Covid-19, 100% số lớp của Khoa KH&PT cũng như của ĐH KTQD đã triển khai hình thức Blended Learning với phần mềm LMS.

***3. Điểm tồn tại***

Việc triển khai phần mềm tổng thể còn chậm làm giảm hiệu quả các công tác liên quan công tác quản lý đào tạo, NCKH. Các phòng học thông minh chưa được triển khai rộng. Hệ thống phòng họp trực tuyến còn thiếu.

***4. Kế hoạch hành động***

* + Mục tiêu: Xây dựng thêm phòng họp trực tuyến, mở rộng mô hình phòng học thông minh, đẩy nhanh ứng dụng phần mềm tổng hể vào công tác quản lý đào tạo và NCKH.
  + Nội dung: Xây dựng kế hoạch và bố trí ngân sách; Tổ chức thực hiện và kiểm soát
  + Đơn vị thực hiện: Phòng Quản trị Thiết bị, Viện CNTT và Kinh tế số
  + Thời gian thực hiện: Năm 2021

***5. Tự đánh giá: Đạt* 6/7**

***Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.***

***1. Mô tả***

Với mục tiêu đặt người học là trung tâm của quá trình đào tạo, Khoa KH&PT và nhà Trường luôn xây dựng và hoạt động trên chính sách bảo vệ an toàn, sức khoẻ và vệ sinh môi trường cho người học.

TrườngĐHKTQD luôn tuân thủ các tiêu chuẩn trong Quyết định số 17/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/5/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức và hoạt động của Trạm Y Tế trong trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp **[Quy đinh về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ Trạm Y tế].**

*Môi trường sinh thái và môi trường học tập:* nhằm tạo môi trường làm việc và học tập thoải mái cho CB-GV-NV và SV nhất là trong mùa nắng nóng, Nhà trường đầu tư hệ thống máy lạnh phủ toàn bộ khu hành chính (tòa nhà A1) và khu học tập (tòa nhà A2 và các giảng đường B, C, D). Bên cạnh đó, Trường đã triển khai trồng cây xanh trước và xung quanh các giảng đường, xây dựng hồ cá nhà tạo môi trường xanh mát **[Hình ảnh chụp cây xanh, hồ cá…]**. Tuy nhiên, khuôn viên trước cổng Trần Đại Nghĩa còn có nhiều xe đường dài, xe taxi đỗ gây mất cảnh quan nhà trường.

*Về công tác y tế học đường:* SV NEU được Nhà trường quan tâm chăm sóc sức khoẻ theo đúng quy định về Y tế học đường. Trường có cơ sở khám chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo Quyết định số 17/2007/QĐ-BGDĐT về tổ chức và hoạt động của Trạm Y Tế trong trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và các văn bản liên quan. Nhà trường đã làm tốt công tác chăm sóc sức khoẻ cho người học. 100% CB-GV-NV và SV năm đầu đều được Nhà trường tổ chức mua bảo hiểm y tế **[Quyết định triển khai bảo hiểm GV] [Thông báo đăng ký mua bảo hiểm với SV]**

*Về công tác đảm bảo an toàn cho SV, HS:* Trường Đại học Kinh tế Quốc đã ban hành Quy định hoạt động an toàn của Kí túc xá sinh viên phù hợp với Thông tư Số 27/2011/TT-BGDĐT ngày 27/6/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế công tác học sinh, sinh viên nội trú tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân **[Quy định an toàn Kí túc xá].** Để đảm bảo an ninh, trật tự cho người học trong khuôn viên và tào nhà trung tâm đào tạo, Nhà trường đã hợp đồng với một Công ty cung ứng Dịch vụ PSA, đảm trách công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tài sản và con người trong Trường. **[Hợp đồng với PSA về bảo đảm an ninh trật tự]**.

Trường đã thành lập Ban Phòng chống cháy nổ nhằm phòng ngừa, ứng phó với các tình huống cháy nổ có thể xảy ra, đồng thời thường xuyên tuyên truyền các nội quy, quy định về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự để mọi người biết và thực hiện **[Quyết định thành lập Ban PCCC]**. Việc thực hiện đảm bảo an toàn trong phòng chống cháy nổ để đảm bảo an toàn trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học luôn được ý thức, các hoạt động tập huấn thường xuyên cũng như các hoạt động tuyên truyền tới toàn thể sinh viên các cán bộ toàn trường **[Thông báo diễn tập PCCC].**

*Vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm*: Hiện nay, trong khuôn viên Trường có hệ thống Nhà hàng Ministop (tầng 1 của Tòa nhà A2), căn tin và Nhà ăn dành cho CB-GV-NV (*tầng 17 tòa nhà A1*). Tất cả các nơi này đều thực hiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Cục vệ sinh an toàn thực phẩm. Có quy định không hút thuốc trong các khu vực giảng đường và tòa nhà làm việc **[Quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm]; [Quy định về an toàn, phòng chống cháy nổ…]**.

*Đối với những đối tượng có nhu cầu chăm sóc đặc biệt* (khuyết tật tay chân, thuận tay trái, câm, điếc, …), trong những năm học gần đây Nhà trường cũng có tiếp nhận các SV bị khuyết tật, để hỗ trợ cho các SV này Nhà trường đã bố trí các đường đi riêng lên sản của các tòa nhà, thang máy, bố trí nơi đậu xe thuận tiện. Đối với những trường hợp cần giúp đỡ đặc biệt, Phòng Công tác Chính trị và Quản lý sinh viên thường thông tin rất kịp thời để các GV-CB-NV của nhà trường có thể hỗ trợ giúp đỡ các SV này **[Hình ảnh chụp các toà nhà, thang máy]; [Chính sách hỗ trợ sinh viên khuyết tật]**.

Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến khảo sát phản hồi của người học và các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn (đặc biệt là người khuyết tật\*). Các đối tượng được khảo sát đề đánh giá cao và hài lòng với chất lượng dịch vụ được cung cấp **[H9.09.05.11]**. *(Minh chứng tại Trạm y tế)*

***2. Điểm mạnh***

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khoẻ, y tế học đường, an toàn được Nhà trường xác định và triển khai hiệu quả, tạo môi trường học tập và làm việc tốt cho toàn thể GV-CB-NV và SV của Trường. Thiết kế các tòa nhà của ĐH KTQD đều đảm bảo người khuyết tật vận động đều có thể tiếp cận.

***3. Điểm tồn tại***

Hiện tại, khuôn viên phía trước cổng trường còn khá lộn xộn do bên ngoài cổng trường xe đường dài, xe taxi đỗ gây mất cảnh quan.

Số lượng thuốc cứu thương tại các giảng đường còn ít và chưa đa dạng.

***4. Kế hoạch hành động***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Đầu tư thêm phòng họp trực tuyến, mở rộng mô hình phòng học thông minh, đẩy nhanh ứng dụng phần mềm tổng hể vào công tác quản lý đào tạo và NCKH. | Xây dựng kế hoạch và bố trí ngân sách; Tổ chức thực hiện và kiểm soát | Phòng Quản trị Thiết bị, Viện CNTT và Kinh tế số | Năm 2022 | ……. |

***5. Tự đánh giá: Đạt* 6/7**

***Kết luận về tiêu chuẩn 9***

Với CSVC được tích lũy, đầu tư, đổi mới nhanh trong thời gian qua, Nhà trường đã đáp ứng đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng với các trang thiết bị hiện đại theo chuẩn quốc tế để hỗ trợ tốt cho nhu cầu học tập, giảng dạy và NCKH của GV và SV ngành KTPT.

Nguồn tài liệu Trung tâm Thông tin - Thư viện của Nhà trường phong phú về thể loại, đầy đủ về số lượng, đa dạng về loại hình, đáp ứng tốt nhu cầu tham khảo tài liệu của GV, SV toàn Trường nói chung và của ngành KTPT nói riêng. Nguồn học liệu cũng như cơ sở dữ liệu trực tuyến được cập nhật liên tục. Chương trình cũng dành một phần kinh phí cho mua sắm và đổi mới giáo trình giảng dạy.

Nhà trường có đủ các phòng thí nghiệm, thực hành với sự đầu tư các trang thiết bị hiện đại theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế phục vụ cho dạy, học và NCKH, thường xuyên cập nhật, đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo theo quy mô và yêu cầu đào tạo của các chuyên ngành hiện tại.

Hệ thống CNTT của Trường gồm mạng lưới máy chủ, máy trạm, hệ thống dự phòng, bảo mật và bộ máy quản trị mạng được Nhà trường chú trọng đầu tư, rà soát, cải tiến, hiện đang hoạt động tốt, hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động đào tạo, NCKH và quản lý.

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khoẻ, y tế học đường, an toàn được Nhà trường xác định và triển khai hiệu quả, tạo môi trường học tập và làm việc tốt cho toàn thể GV-CB-NV và SV của Trường.

Tuy nhiên, việc bố trí lịch học của các lớp đôi khi chưa phù hợp với quy mô các lớp. Việc thư viện không mở cửa chủ nhật cũng gây khó khăn cho việc tra cứu và học tập của sinh viên, giảng viên. Kế hoạch triển khai bảo dưỡng, thay thế các trang thiết bị phòng học, CSVC phục vụ dạy và học còn chậm đã ảnh hưởng ít nhiều đến công tác đào tạo. Không gian cây xanh xung quanh tòa nhà trung tâm đào tạo còn khiêm tốn, số lượng thuốc tại các giảng đường còn ít và chưa đa dạng.

## TIÊU CHUẨN 10: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Với vị thế là một đơn vị tiên phong và lâu đời đào tạo các chuyên gia Kế hoạch và lĩnh vực Phát triển một cách có hệ thống và chuyên nghiệp, Khoa KH&PT – TrườngĐHKTQD luôn chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo. Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu SV, nhà tuyển dụng) để thiết kế và phát triển CTDH đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

**Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học**

### 1. Mô tả

Khoa KH&PT *có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế chương trình dạy học và phản hồi từ các bên liên quan* (gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên, người học, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và người học đã tốt nghiệp).

Để phục vụ cho việc thiết kế và xây dựng CTDH, TrườngĐHKTQD đã xây dựng được hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các bên liên quan (gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, NCV, nhân viên, NH, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và NH đã tốt nghiệp). Nhà trường quy định rõ trách nhiệm tổ chức nghiên cứu, xác định nhu cầu đào tạo thuộc chức năng nhiệm vụ của phòng Quản lý Đào tạo và tiến hành khảo sát đối với đơn vị sử dụng lao động. Nhà trường cũng đã xây dựng được hệ thống thông tin phản hồi từ đội ngũ chuyên gia, giảng viên, các thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên nhà trường [Minh chứng…]. Chuyên ngành KTPT đã được đào tạo khá lâu trên thế giới, theo đó, Khoa KH&PT đã tham khảo các CTDH, các đề cương học phần được giảng dạy hiện có trên thế giới (bao gồm mục tiêu, chuẩn đầu ra học phần, nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và phân bổ thời gian của học phần) [Minh chứng….]. Khoa cũng đã tham khảo ý kiến của các chuyên gia giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực đào tạo chuyên ngành KTPT và Kế hoạch từ các trường đại học trong nước, cũng như các cán bộ quản lý của Nhà trường. Nhằm xây dựng CTDH hướng tới đáp ứng tốt nhất nhu cầu nguồn nhân lực KH&PT của xã hội, Khoa KH&PT cũng đã nghiên cứu, thu thập các ý kiến đóng góp của các bên công giới như cựu sinh viên chuyên ngành KTPT và chuyên ngành Kế hoạch, đại diện các tổ chức xã hội – nghề nghiệp [Minh chứng].

*Những thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thu thập, xử lý và sử dụng để phát triển CTDH*, bao gồm xác định mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra đối với ngành học và mỗi học phần; nội dung đào tạo và chuẩn đầu ra của các học phần. Những kết quả nghiên cứu và thông tin thu thập được đều được đưa ra thảo luận trong các cuộc họp của Khoa, tập huấn cho tất cả các cán bộ giảng viên của Khoa hiểu và nắm được đầy đủ. Nội dung này được ghi chép lại trong biên bản họp [Minh chứng], và được sử dụng trong thiết kế, xây dựng CTDH theo đúng QĐ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy áp dụng cho khoá 59, 61, 63 của Trường ĐH.KTQD [Minh chứng], và kế hoạch rà soát cập nhật CTĐT trình độ đại học [Minh chứng]

Việc phát triển CTDH cũng dựa trên kết quả khảo sát phản hồi của người học về phương pháp giảng dạy và học tập cuối mỗi kỳ học theo đúng triết lý người học là trung tâm của trường ĐH KTQD [Minh chứng]. Bên cạnh đó, kết thúc mỗi kỳ và năm học, Khoa đều tiến hành họp toàn Khoa và tổng kết nhằm đánh giá và đưa ra những đề xuất điều chỉnh CTDH, các học phần hoặc phương pháp giảng dạy học phần cho cập nhật, khoa học và hấp dẫn hơn với người học, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của công giới, đồng thời đáp ứng chuẩn đầu ra đã công bố của ngành đào tạo, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và chức năng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển Nhà trường [Minh chứng].

Ngoài ra, Khoa KH&PT chủ động xây dựng mạng lưới liên kết cựu sinh viên rất chặt chẽ [H…: trang thông tin FB Cựu SV Khoa], từ đó có thêm nguồn thu thập thông tin phản hồi của cựu sinh viên rất hiệu quả. Từ các ý kiến trao đổi của cựu SV được đăng công khai trên website của Khoa [Minh chứng đăng trên web khoa về những biên bản trao đổi với cựu sinh viên đăng trên web khoa], cũng như các cuộc phỏng vấn được tổ chức giữa giảng viên – Khoa – cựu sinh viên, Khoa đã lồng ghép tổng hợp ý kiến đánh giá phản hồi của các bên liên quan vào định hướng hoạt động khoa học, bao gồm cập nhật bài giảng, xác định những giải pháp đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, đồng thời khuyến khích sự tham gia của chính thành viên của mạng lưới này vào hoạt động giảng dạy và học tập tại trường cũng như thực tập tại DN [Minh chứng]

### 2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa đã xây dựng được hệ thống thu thập thông tin phản hồi trong đó có đầy đủ các bên liên quan của chương trình bằng nhiều hình thức và kênh đa dạng. Thông tin phản hồi được thu thập thường xuyên và định kỳ, xử lý và sử dụng để xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo.

### 3. Điểm tồn tại

Trường chưa có hệ thống văn bản qui định và hướng dẫn cụ thể cho các đơn vị triển khai thực hiện công tác lấy ý kiến của các bên liên quan trong quá trình thiết kế và phát triển CTDH, việc nghiên cứu và thu thập ý kiến đóng góp trong thiết kế chương trình do đơn vị tự xây dựng và triển khai, không mang tính hệ thống dẫn đến kém hiệu quả.

### 4. Kế hoạch hành động

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Xây dựng hệ thống văn bản qui định và hướng dẫn cụ thể cho các đơn vị triển khai thực hiện công tác lấy ý kiến của các bên liên quan trong quá trình thiết kế và phát triển CTDH | Kiến nghị với Trường xây dựng hệ thống văn bản hướng dẫn cụ thể để thực hiện thống nhất giữa các đơn vị trong toàn trường | Khoa phối hợp với Trường | 2021-2022 | ……. |
| 2 | Hệ thống hóa việc nghiên cứu và thu thập ý kiến đóng góp trong thiết kế chương trình. | Khoa tiến hành xây dựng mạng lưới nhà tuyển dụng liên kết để có hợp tác chặt chẽ hơn trong quá trình thiết kế và phát triển CTĐT, lập các bản ghi nhớ với các doanh nghiệp về việc phản hồi đối với chất lượng đào tạo của chương trình.  Việc tham khảo ý kiến của các bên liên quan cần được thực hiện đầy đủ, thực chất và có hệ thống; cần thiết lập mối quan hệ chặt chẽ hơn giữa Nhà trường với các doanh nghiệp, cựu người học và các đối tượng liên quan khác trong việc lấy ý kiến phản hồi nhằm xây dựng, phát triển và hoàn thiện CTĐT gắn với nhu cầu xã hội.  Tổ chức Hội nghị trao đổi giữa khoa với nhà tuyển dụng, chuyên gia và cựu sinh viên để có những cải tiến trong công tác tổ chức đào tạo. | Khoa KH&PT | 2021-2022 |  |

### 5. Tự đánh giá tiêu chí 10.1: Đạt (mức 5/7)

**Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến**

### 1. Mô tả

Khoa KH&PT *đã thực hiện quy trình thiết kế và phát triển CTDH*. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thực hiện tuân thủ theo các quy định của Bộ GDĐT trong Thông tư số 07/2015/TTBGDĐT và theo Quy trình xây dựng đề án mở ngành/CTĐT mới của Trường ĐH.KTQD nhằm đảm bảo các hoạt động và phương pháp giảng dạy - học tập giúp SV đạt CĐR khi tốt nghiệp [Minh chứng]. Quy trình này được hướng dẫn bằng văn bản về trình tự và các bước tiến hành, chức năng nhiệm vụ của các phòng ban. Việc điều chỉnh ĐCCT và CTĐT có sự tham gia của GV ở cấp bộ môn, khoa sau đó được thông qua Hội đồng KH&ĐT Trường. “Kế hoạch rà soát đánh giá hệ thống môn học, học phần ĐHCQ và hệ thống giáo trình, học liệu của ĐH KTQD” [Minh chứng]. Theo đó, công tác rà soát CTDH (bao gồm rà soát các học phần và đề cương chi tiết toàn bộ các học phần) được thực hiện định kỳ 2 năm/lần. Trong quá trình rà soát, nếu cần bổ sung các môn học mới thì sẽ được thực hiện theo quy trình hướng dẫn. [Minh chứng].

*Công tác rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH* luôn được Nhà trường và Khoa quan tâm. Căn cứ vào chuẩn đầu ra ban hành trong các giai đoạn của CTDH trình độ đại học, Khoa tiến hành đánh giá việc thực hiện chuẩn đầu ra trong việc biên soạn đề cương các học phần, giáo trình đáp ứng chuẩn đầu ra. Theo yêu cầu thực hiện theo lộ trình định kỳ của Nhà trường, Khoa KH&PT đã tiến hành xây dựng hoạt động giảng dạy, tài liệu, học liệu trong CTDH chi tiết cho từng học phần, thể hiện cụ thể ở các biên bản rà soát CTDH và hệ thống đề cương học phần, biên bản họp thảo luận rà soát đề cương chi tiết học phần [Minh chứng].

*Quy trình thiết kế và phát triển CTDH* luôn được cải tiến. Căn cứ vào kết quả của việc rà soát và chuẩn đầu ra ban hành trong các giai đoạn của CTĐT, Khoa kết hợp với phòng QL Đào tạo để cập nhật sửa đổi biên soạn đề cương các học phần, bài giảng và giáo trình nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra. Tới nay, Trường ban hành văn bản hướng dẫn rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết, Bộ môn phụ trách xây dựng đề cương, Hội đồng Khoa học đào tạo Khoa, Trường họp để thông qua [Minh chứng]. Ngoài ra, cuối mỗi học kỳ, Trường tiến hành khảo sát người học về chương trình và phương pháp giảng dạy trong kỳ, căn cứ vào kết quả khảo sát, các bộ môn quản lý chuyên môn sẽ họp và đưa ra các giải pháp nhằm cải tiến chất lượng phù hợp về điều chỉnh CTDH, hoạt động dạy học, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu người học [Minh chứng].

### 2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường, có sự tham gia của các chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và sinh viên. CTĐT được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

***3. Điểm tồn tại***

Việc cải tiến CTĐT, CTDH chưa được tiến hành một cách độc lập.

### 4. Kế hoạch hành động

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Tiến hành độc lập cải tiến CTĐT, CTDH | Định kỳ, khoa KH&PT tiến hành rà soát, điều chỉnh việc phân bổ hợp lý thời lượng lý thuyết/thực hành ở các học phần trong CTĐT.  Từ năm 2021, Khoa đề nghị Nhà trường ban hành văn bản về quy trình thống nhất trong thiết kế và phát triển CTDH, trong đó không chỉ đề cao vai trò của người học mà còn liên kết chặt chẽ với các bên liên quan khác như các chuyên gia, giảng viên và đơn vị sử dụng lao động. | Khoa KH&PT | Thực hiện từ năm 2021 |  |
| 2 | Tiếp tục cải tiến việc thiết kế và thiết kế CTDH phù hợp với điều kiện thực tế và tăng cường hơn nữa sự tham gia của công giới. | Hàng năm, cập nhật các vấn đề thực tiễn và lấy ý kiến của công giới về việc thiết kế và cải tiến CTDH của Khoa. | Khoa KH&PT | Thời gian thực hiện 2021 và thường niên |  |

### 5. Tự đánh giá tiêu chí 10.2: Đạt (mức 5/7)

**Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra**

### 1. Mô tả

Nhà trường có *quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học, việc đánh giá kết quả hoạt động của người học, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong chương trình đào tạo để đảm bảo sự tương thích với chuẩn đầu ra*. Quy định đào tạo đại học hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ tại TrườngĐHKTQD nêu rõ việc rà soát và đánh giá quá trình dạy học, điểm đánh giá, điểm kiểm tra/thảo luận/tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần được đưa vào các đề cương học phần theo quy định, đảm bảo các chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo [Minh chứng]. Theo đó, có đầy đủ hướng dẫn về quy trình làm việc, các bước triển khai công việc, các đơn vị và đầu mối chịu trách nhiệm cho từng bước triển khai, các sản phẩm cần thực hiện. [Minh chứng]. Quy trình thực hiện cũng như kết quả rà soát và đánh giá sẽ được sử dụng để cập nhật cho chương trình dạy học, bao gồm thay đổi/cập nhật nội dung dạy học, cách thức và phương pháp đánh giá kết quả học tập, tỷ trọng các điểm đánh giá…được đưa vào các đề cương học phần, nhằm đảm bảo các chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Theo đó, quá trình dạy học các học phần trong CTĐT chuyên ngành KTPT và Kế hoạch có sự phối hợp của GV và SV ở nhiều mức độ đánh giá, thời điểm, đảm bảo tính thường xuyên và tương thích với từng giai đoạn của kiến thức trong đề cương môn học.

Trường ĐH KTQD và Khoa KH&PT *định kỳ có triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong chương trình đào tạo để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra*. Thực hiện theo các quy định của nhà trường, Khoa KH&PT tổ chức việc rà soát đề cương chi tiết học phần, trong đó có rà soát về phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập sao cho tương thích với mục tiêu của học phần cũng như với chuẩn đầu ra. [Minh chứng] Hàng kỳ, hoạt động giảng dạy của GV được khảo sát (trên đối tượng sinh viên – người học) để lấy ý kiến đánh giá, với các tiêu chí đánh giá được xây dựng dựa trên các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Trong đó, có bao gồm các tiêu chí về phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học [Minh chứng]. Kết quả khảo sát được gửi tới giảng viên, và lãnh đạo Bộ môn để cá nhân giảng viên và lãnh đạo bộ môn có những điều chỉnh kịp thời cho phù hợp. Đồng thời, kết quả đánh giá của sinh viên về hoạt động giảng dạy và NCKH của GV còn được sử dụng trong đánh giá mức độ hoàn thành cuối mỗi năm học, bình chọn danh hiệu lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cơ sở… tại đơn vị và Hội đồng thi đua khen thưởng của Trường [Minh chứng]. Do đó, các giảng viên luôn nỗ lực để cải tiến phương pháp giảng dạy để tăng cường khả năng tiếp nhận kiến thức của người học, phù hợp với chuẩn đầu ra và yêu cầu thực tế. Sau mỗi kỳ học, các Bộ môn cũng như toàn bộ Khoa đều có tổng kết các hoạt động của kỳ, trong đó có hoạt động rà soát và đánh giá quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học, xem xét sự phù hợp với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Qua đó, GV đã đề cập trao đổi chia sẻ kinh nghiệm về phương pháp giảng dạy, nhằm phát huy những mặt mạnh và hạn chế điểm yếu trong các hoạt động học tập cũng như tiến trình học tập của sinh viên, và đề xuất có những cải tiến để triển khai áp dụng cho phù hợp [Minh chứng].

Ngoài ra, Trường còn thực hiện công tác lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về công tác cố vấn học tập, nhằm thăm dò ý kiến đánh giá, nhu cầu của sinh viên cũng như điều chỉnh những hoạt động hỗ trợ học tập mang tính kết nối giữa GV và SV để quá trình dạy và học đem lại hiệu quả tốt hơn. Thông qua mạng lưới các cố vấn học tập, Khoa KH&PT cũng kịp thời hiểu được những vướng mắc, khó khăn của sinh viên trong quá trình học. Đây cũng là những kênh thông tin hữu hiệu giúp Khoa kịp thời nắm bắt về tình hình chung của sinh viên cũng như công tác đào tạo, thi cử, kiểm tra, đánh giá [Minh chứng]

### 2. Điểm mạnh

Hướng dẫn về đánh giá hoạt động giảng dạy của GV khi kết thúc môn học được quy định rõ ràng. Việc rà soát và đánh giá quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học thông qua khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học được thực hiện thường xuyên, định kỳ, một cách hệ thống trên quy mô toàn Trường. Dữ liệu khảo sát được thu thập, phân tích, đánh giá, báo cáo, thông báo cho các bên liên quan và lưu trữ khá hệ thống phục vụ công tác cải tiến chất lượng.

### 3. Điểm tồn tại

Việc rà soát và đánh giá quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học chưa chú trọng đến các chuẩn đầu ra về kỹ năng mềm của người học. Chưa thường xuyên thực hiện quy trình lấy ý kiến phản hồi cụ thể của giảng viên, người học và các bên liên quan về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học của CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

### 4. Kế hoạch hành động

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Thường xuyên thực hiện quy trình lấy ý kiến phản hồi của giảng viên – người học và các bên liên quan về quá trình dạy và học cũng như đánh giá kết quả học tập của người học sao cho tương thích với chuẩn đầu ra (có chú trọng đến các kỹ năng mềm của người học) | Việc tổ chức đánh giá chất lượng giảng dạy, đánh giá môn học và đánh giá chất lượng đào tạo sẽ được Khoa tiến hành chuyên nghiệp hơn có chú trọng hơn đến ý kiến phản hồi của các bên liên quan khác (công giới, quản lý, chuyên gia giáo dục…). Bên cạnh đó, sẽ tăng cường công tác thống kê, phân tích, thẩm định, báo cáo, lưu trữ dữ liệu khảo sát phục vụ công tác quản lý và xây dựng chính sách chất lượng. | Khoa KH&PT | Thực hiện từ năm 2021 |  |
| 2 | Duy trì và cải tiến các quy định rõ ràng về đánh giá hoạt động giảng dạy của GV và người học, Tăng cường chuẩn hóa các dữ liệu được thu thập và cung cấp kịp thời cho việc đánh giá | Tiếp tục ban hành các quy định Hướng dẫn về đánh giá hoạt động giảng dạy của GV khi kết thúc môn học công khai và rõ ràng.  Thường xuyên, định kỳ rà soát và đánh giá quá trình dạy và học, thông qua khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học trên quy mô toàn Trường.  Xây dựng hệ thống thông tin và lưu trữ dữ liệu online để các đơn vị có thể được truy cập dễ dàng hơn. | TrườngĐHKTQD | Thực hiện từ 2021 |  |

### 5. Tự đánh giá tiêu chí 10.3: Đạt (mức 5/7)

**Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học**

***1. Mô tả***

NCKH là một trong hai nhiệm vụ chính của giảng viên TrườngĐHKTQD nói chung, giảng viên Khoa KH&PT. Các GV Khoa KH&PT luôn tích cực tham gia thực hiện các đề tài NCKH theo các lĩnh vực chuyên môn của mình. Trong 5 năm gần đây, các GV của Khoa KH&PT đã làm chủ trì 01 đề tài cấp Nhà nước; 15 đề tài cấp Bộ và tương đương, ?? đề tài cấp cơ sở. Ngoài ra, các GV của Khoa còn tích cực tham gia tư vấn chính sách, chiến lược, quy hoạch và kế hoạch cho các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương. Trong thời gian từ 2017 – 2021, cán bộ giảng viên của Khoa KH&PT đã công bố được ?? bài báo khoa học, trong đó có ?? bài báo tạp chí quốc tế có uy tín, ?? bài báo tạp chí trong nước và ?? bài báo hội thảo khoa học quốc tế và quốc gia. 100% các bài viết đều gắn chặt với nội dung giảng dạy của chuyên ngành KTPT và chuyên ngành Kế hoạch. [Minh chứng về tổng hợp bài báo KH]

Nhiều sản phẩm NCKH của tập thể giảng viên Khoa KH&PT *được chuyển tải thành nội dung giảng dạy trong CTDH.* Những thay đổi lớn của bối cảnh kinh tế, xã hội trên phạm vi quốc tế và trong nước đã được quan tâm nghiên cứu như: Phát triển bền vững; đổi mới trong công tác Kế hoạch hóa; Mối quan hệ đa chiều giữa tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, … Tiếp đó, nhiều kết quả nghiên cứu được chuyển thành nội dung giảng dạy trong các môn học như: KTPT, Phát triển bền vững, Kế hoạch hóa Phát triển, Dự báo Phát triển Kinh tế xã hội, Kinh tế học thể chế, Kinh tế và chính sách phát triển vùng [Minh chứng về ứng dụng cho các môn học], trong đó môn học Phát triển bền vững được tiên phong trong CTĐT ngành KTPT.

Ngoài ra, Khoa KH&PT cũng tích cực triển khai NCKH sinh viên, số lượng và chất lượng các sản phẩm NCKH của sinh viên ngày càng tăng về số lượng và chất lượng [Minh chứng về kết quả NCKH sinh viên cấp Khoa và Trường]. Sự tham gia của sinh viên vào phong trào NCKH giúp nâng cao năng lực tư duy độc lập, tư duy phản biện, tư duy hệ thống, kỹ năng làm việc nhóm, tạo điều kiện cho sinh viên của Khoa sau này tốt nghiệp có thể vững vàng và thích ứng với yêu cầu của công việc.

### 2. Điểm mạnh

Hoạt động NCKH của Khoa KH&PT luôn được thúc đẩy nhờ ý thức của giảng viên và kết quả nghiên cứu của giảng viên và sinh viên. Trong nhiều năm, sinh viên Khoa KH&PT đều đạt giải cao trong các cuộc thi NCKH sinh viên. Đội ngũ cán bộ giảng viên của Khoa luôn tâm huyết và sẵn sàng hỗ trợ sinh viên tham gia NCKH qua đó, đã khơi dậy và duy trì ngọn lửa đam mêm NCKH của sinh viên.

Khoa KH&PT luôn duy trì môi trường nghiên cứu khoa học có giá trị không chỉ cho giảng dạy, học tập mà còn hướng đến cả các vấn đề thực tiễn mang tính ứng dụng cao. Các hoạt động NCKH được tổ chức định kỳ, thường xuyên có sự kết hợp giữa nghiên cứu thực tiễn với nghiên cứu phục vụ đào tạo, giảng dạy có sự tham gia của toàn bộ giảng viên, nghiên cứu sinh, cao học viên, sinh viên với số lượng sản phẩm lớn, đa dạng trong cách tiếp cận cũng như phương pháp. Các chủ đề mới, theo sự thay đổi của môi trường, bắt kịp với những thay đổi của thực tế được thảo luận trong các nghiên cứu và chuyển hóa thành nội dung dạy học.

***3. Điểm tồn tại***

Số lượng giảng viên tham gia viết các bài báo trên tạp chí nước ngoài còn ít.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tăng cường số lượng và chất lượng các bài báo trên tạp chí nước ngoài có uy tín | Khuyến khích và tạo động lực để giảng viên tham gia viết các bài báo trên tạp chí nước ngoài có chất lượng, bài báo đăng trên tạp chí có chỉ số ISI, SCI và Scopus. Khuyến khích giảng viên tham gia các hội thảo quốc tế bằng tiếng Anh trong và ngoài nước. | Khoa KH&PT | Thực hiện từ 2021 |  |
| 2 | Duy trì và nâng cao các kết quả nghiên cứu khoa học của Khoa. | Khoa dự định thành lập các nhóm nghiên cứu theo từng lĩnh vực thuộc ngành đào tạo, gắn nghiên cứu khoa học vào thực tiễn và hình thành các nhóm tư vấn phát triển doanh nghiệp trong khu vực. | Khoa KH&PT | Thực hiện từ 2021 |  |

### 5. Tự đánh giá tiêu chí 10.4: Đạt (mức 5/7)

**Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến**

### 1. Mô tả

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân *có văn bản quy định việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ* của thư viện, trung tâm công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, bao gồm khu nhà nội trú, trung tâm dịch vụ, trung tâm tư vấn hướng nghiệp và việc làm cho sinh viên…, phục vụ cho giảng dạy và học tập không chỉ của giảng viên và sinh viên chuyên ngành KTPT và Kế hoạch mà cho toàn trường. Nhà trường yêu cầu hàng năm các đơn vị cần lấy ý kiến đánh giá của người học về tất cả các nhóm vấn đề, trong đó có vấn đề về cơ sở vật chất phục vụ quá trình đào tạo (giảng đường, khu nội trú, hệ thống công nghệ thông tin, y tế, an ninh trật tự) và nhiều nhóm vấn đề khác. Kế hoạch này được tổ chức hàng năm, với ban chỉ đạo là toàn bộ Ban giám hiệu, Ban tổ chức bao gồm trưởng và/hoặc phó các phòng ban chức năng trực tiếp tham gia [Minh chứng].

Theo quy định của Trường, Khoa KH&PT *thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ* của thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác thông qua nhiều hình thức đa dạng. Thông tin phản hồi, đánh giá của người học được thu thập qua nhiều kênh khác nhau như: website cấp 2 của Khoa, mạng xã hội Facebook, kênh thông tin cá nhân của lãnh đạo khoa, các giảng viên và cố vấn học tập. Các thông tin phản hồi được tổng hợp và gửi về Trường thông qua báo cáo tổng kết của Khoa cũng như báo cáo của Đoàn Thanh niên. Hàng năm, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (giao cho Phòng Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, Đoàn Trường) có kế hoạch (bằng văn bản) tổ chức hoạt động đối thoại giữa lãnh đạo Trường và sinh viên về hoạt động đào tạo nói chung và các dịch vụ hỗ trợ đào tạo nói riêng [Minh chứng về kế hoạch đối thoại]. Khoa KH&PT cũng định kỳ tổ chức hoạt động này ở phạm vi cấp Khoa. Đối thoại giữa giảng viên Khoa với sinh viên được thông báo rộng rãi trên kênh thông tin chính thức của Khoa cũng như các kênh thông tin (Đoàn Thanh niên) và các kênh được sinh viên sử dụng thường xuyên (mạng xã hội Facebook), kết quả thu được được tổng hợp thành báo cáo đánh giá về mức độ đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu cho SV của các dịch vụ hỗ trợ nói chung [Minh chứng về biên bản họp đối thoại]. Các chương trình gặp gỡ, đối thoại luôn có sự tham gia của đầy đủ sinh viên và giảng viên. Các vấn đề kiến nghị của sinh viên liên quan đến chất lượng dịch vụ hỗ trợ chủ yếu xoay quanh chất lượng của thư viện và số đầu sách chuyên ngành; chất lượng của khu ở nội trú của sinh viên (về an toàn, về nước sạch) còn các dịch vụ hỗ trợ khác thì hiện tại đang được sinh viên đánh giá tốt/hài lòng do có cơ sở vật chất tốt, mới đưa vào sử dụng và sự quan tâm đầu tư của Nhà trường. [Minh chứng về biên bản đối thoại].

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (giao cho các đơn vị trực thuộc) *có thực hiện cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ* của thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Việc thực hiện được báo cáo hàng năm trong Đại hội viên chức và người lao động Trường [Minh chứng về báo cáo tổng kết tại đại hội hàng năm]. Những cải thiện liên quan đến ký túc xá, nhà gửi xe, tòa nhà trung tâm được thông báo nhanh chóng, trực tiếp trên kênh thông tin thân thiện với SV (mạng xã hội Facebook). Ngoài ra, sự cải tiến của chất lượng dịch vụ hỗ trợ được phản hồi qua đội ngũ cố vấn học tập của Trường ĐH KTQD nói chung và Khoa KH&PT nói riêng, đội ngũ này đã luôn cập nhật tâm tư nguyện vọng của các em SV một cách trực tiếp và phản ánh ngay lập tức với các phòng ban chức năng của Nhà trường để có sự điều chỉnh kịp thời về mọi mặt hoạt động phục vụ SV [Minh chứng].

### 2. Điểm mạnh

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến định kỳ. Việc đánh giá và cải tiến chất lượng dịch vụ và tiện ích được thực hiện hàng năm theo một quy trình thống nhất của nhà trường. Các kênh phản hồi thông tin đa dạng; có nhiều chương trình hỗ trợ thiết thực dành cho sinh viên.

### 3. Điểm tồn tại

Các phản hồi của người học về dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa được tổng hợp một cách đầy đủ, do Do được tổ chức lồng ghép trong hoạt động đối thoại chính thức (tổ chức hàng năm) nên các ý kiến đánh giá của sinh viên có thể bị phân tán.

### 4. Kế hoạch hành động

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Hoàn thiện hệ thống thu thập thông tin phản hồi của người học về dịch vụ hỗ trợ một cách toàn diện và đầy đủ. | Khoa KH&PT sẽ đề xuất với Nhà trường thực hiện các hoạt động đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ trên quy mô toàn trường một cách độc lập, tách khỏi các hoạt động đối thoại; qua đó người học có thể chủ động đưa ra ý kiến đánh giá mang tính tập trung, chính xác và đầy đủ về mọi khía cạnh cần có. | Nhà trường và Khoa KH&PT | Thực hiện từ năm 2021 |  |
| 2 | Nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích | Đề xuất Nhà Trường xây dựng các đề án để tiến hành đánh giá thường xuyên và làm căn cứ từ đó nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích.  Đa dạng hóa các kênh thông tin thu thập về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ để có thông tin một cách đầy đủ. | TrườngĐHKTQD | Thực hiện từ năm 2021 |  |

### 5. Tự đánh giá tiêu chí 10.5: Đạt (mức 5/7)

**Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.**

### 1. Mô tả

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan *có tính hệ thống*, với đầy đủ các đối tượng và được tiến hành một cách định kỳ, trên nhiều phương diện khác nhau. Trong đó, Phòng Quản lý đào tạo kết hợp với Phòng công tác Chính trị và Quản lý sinh viên của Trường thực hiện lấy ý kiến khảo sát của các bên liên quan (gồm các nhà khoa học, người sử dụng lao động, GV và sinh viên…) về CTDH, cấu trúc chương trình, thời lượng, CĐR, đề cương học phần, khả năng đáp ứng nhu cầu xã hội…[Minh chứng về hệ thống ý kiến phản hồi của Trường]. Hàng kỳ, Phòng Khảo thí và ĐBCLGD thực hiện khảo sát về ý kiến của người học về hoạt động giảng dạy của GV, khảo sát ý kiến của người học về hoạt động cố vấn học tập. [Minh chứng về hoạt động khảo sát của Phòng]. Hàng năm, Nhà trường còn có kế hoạch tổ chức đối thoại trực tiếp với các SV với sự tham gia của toàn bộ Ban giám hiệu và lãnh đạo các đơn vị chức năng, từ đó thu được nhiều thông tin phản hồi về nhiều vấn đề khác nhau [Minh chứng về kế hoạch lấy ý kiến và kết quả/báo cáo hoạt động đối thoại]. Ngoài ra, Nhà trường cũng như Khoa KH&PT còn tích cực sử dụng mạng xã hội Facebook như một kênh để thu nhận thông tin phản hồi của người học, qua các trang Thông tin học tập NEU, Cố vấn học tập NEU, Khoa KH&PT – ĐHKTQD… [Minh chứng về FB của Trường và Khoa].

Bên cạnh đó, Khoa KH&PT chủ động xây dựng ban liên lạc cựu SV và mạng lưới cựu SV Khoa KH&PT [Minh chứng về thành lập Ban LL cựu SV; FB về Cựu SV]. Khoa đã tổ chức các hoạt động gặp gỡ giao lưu với cựu SV, nhà tuyển dụng lao động, các nhà quản lý…, qua đó thu lại được thông tin phản hồi về năng lực nghiên cứu và khả năng ứng dụng kiến thức đã học vào công việc của sinh viên, cũng như tìm hiểu về nhu cầu tuyển dụng đối với chuẩn đầu ra của chuyên ngành KTPT và chuyên ngành Kế hoạch [Minh chứng về các buổi giao lưu].

Khoa KH&PT *có thực hiện việc đánh giá* cơ chế phản hồi của các bên liên quan. Khoa KH&PT đã có những buổi thảo luận về cơ chế phản hồi của các bên liên quan, bao gồm đánh giá về các vấn đề như kênh thông tin phản hồi, sự thuận lợi và dễ tiếp cận của các kênh phản hồi, sự linh hoạt và thuận lợi của thời gian phản hồi và các vấn đề khác. Theo đó, nếu như trước đây việc phản hồi về chất lượng đào tạo chỉ có phương thức trực tiếp hoặc qua điện thoại hay đơn thư góp ý thì hiện tại, Khoa đã tạo thêm nhiều phương thức phản hồi khác, bao gồm các kênh mạng xã hội Facebook (trang “Khoa KH&PT”, trang “Cựu sinh viên Khoa KH&PT”…) và các hoạt động sinh hoạt của Liên chi đoàn [Minh chứng về FB của Khoa, Cựu sinh viên, FB của Ban cán sự Khoa KHPT của Liên Chi Đoàn]. Với các đối tượng khác có liên quan như các doanh nghiệp hay nhà tuyển dụng nhân sự ngành, Khoa đánh giá việc giữ kết nối và liên lạc thường xuyên với cựu sinh viên để từ đó làm cầu nối đến các doanh nghiệp, là một kênh lấy ý kiến phản hồi hiệu quả, sát sao và thường xuyên.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan *được cải tiến*. Để quá trình thu thập thông tin phản hồi liên tục được cải tiến, trường ĐH KTQD đã liên tục cập nhật các phương thức phản hồi phù hợp và tiện lợi cho các bên liên quan, đồng thời giúp thu thập được các thông tin hữu ích và kịp thời. Trong năm 2019, trường đã bắt đầu đưa vào triển khai hoạt động giảng dạy và học tập trực tuyến trên hệ thống quản lý học tập LMS, với phương thức học trực tuyến, sinh viên và giảng viên sẽ có khả năng trao đổi trực tiếp một cách thuận lợi, nhanh chóng và khoa học vào bất cứ khoảng thời gian nào và bất cứ khoảng cách địa lý nào [Minh chứng về thành lập LMS và ảnh chụp hệ thống LMS]. Ngoài ra, với sự phát triển của các ứng dụng dựa trên nền tảng Internet, Trường ĐH KTQD cũng chủ động sử dụng các kênh thông tin trực tuyến khác nhau để trao đổi, cập nhật và thu thập thông tin phản hồi của mạng lưới cựu sinh viên [Minh chứng về các kênh].

### 2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan nhằm nâng cao chất lượng đào tạo được thực hiện một cách có hệ thống. Bên cạnh đó, cơ chế phản hồi được đánh giá, cải tiến định kỳ là cơ sở để nâng cao chất lượng hoạt động dạy học và phát triển chương trình dạy học đáp ứng nhu cầu xã hội.

***3. Điểm tồn tại***

Mặc dù có nhiều nỗ lực trong việc xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan, tuy nhiên thông tin phản hồi thu thập được chưa được đồng đều về chất lượng và sự kịp thời. Việc thu thập thông tin phản hồi từ công giới còn chưa được thực hiện một cách định kỳ chính thức mà thường là mang tính thời điểm, kết hợp với các sự kiện phù hợp của Khoa.

### 4. Kế hoạch hành động

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Nâng cao chất lượng của thông tin được thu thập phản hồi từ các bên liên quan. | Trường ĐH KTQD và Khoa KH&PT tiếp tục nỗ lực duy trì kết nối xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với các bên để hoạt động thu thập thông tin phản hồi sẽ kịp thời và có chất lượng hơn. Đồng thời, trường KTQD sẽ triển khai xây dựng các đề án chuyên biệt về việc cải tiến cơ chế thu thập thông tin phản hồi một cách có hệ thống phục cho hoạt động giảng dạy hiệu quả hơn, từ đó cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng nhu cầu của xã hội tốt hơn. | TrườngĐHKTQD và Khoa KH&PT | Thực hiện từ 2021 |  |
| 2 | Duy trì và cải tiến cơ chế phản hồi của các bên liên quan nhằm nâng cao chất lượng đào tạo được thực hiện một cách có hệ thống | Thường xuyên đánh giá và cải tiến cơ chế phản hồi của các bên liên quan. | TrườngĐHKTQD và Khoa KH&PT | Thực hiện từ 2021 |  |

### 5. Tự đánh giá tiêu chí 10.6: Đạt (mức 5/7)

**Kết luận về tiêu chuẩn 10**

Khoa KH&PT đã thực hiện thường xuyên và định kỳ nhiều công việc để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo. Cụ thể, việc thiết kế CTDH được tuân thủ theo đúng quy trình: (i) xây dựng chương trình trên cơ sở so sánh/đối chiếu với chương trình của các trường đại học có thế mạnh về lĩnh vực đào tạo của Khoa; (ii) lấy thông tin phản hồi từ nhà tuyển dụng, cựu SV và SV làm cơ sở để chỉnh sửa chương trình cho phù hợp với điều kiện thực tế; (iii) thường xuyên ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học của các cán bộ giảng viên trong Khoa vào nội dung của các học phần trong CTDH. Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ cho CTĐT nhìn chung đã đáp ứng được nhu cầu của người học, đảm bảo cho việc học tập của SV đạt chất lượng tốt. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến thường xuyên, nhằm tạo thuận lợi cho việc thu nhận thông tin phản hồi của các bên liên quan, từ đó có thể sử dụng để cải tiến chất lượng đào tạo.

Một số tồn tại cần khắc phục trong lộ trình cải tiến chất lượng đào tạo trong thời gian tới như: (i) văn bản hoá và công bố chính thức các quy định và hướng dẫn cụ thể về công tác lấy ý kiến/thông tin phản hồi của các bên liên quan trong quá trình thiết kế và phát triển CTDH; (ii) tìm kiếm các biện pháp để cải tiến cơ chế thu nhận thông tin phản hồi, sao cho các thông tin thu được có chất lượng đồng đều hơn và hữu dụng hơn trong việc cải tiến CTĐT.

**Đánh giá tiêu chuẩn 10: Đạt (mức 6/7)**

**TIÊU CHUẨN 11. KẾT QUẢ ĐẦU RA**

***Mở đầu***

Kết quả đầu ra trở thành thước đo quan trọng của mọi hoạt động và hoạt động giáo dục & đào tạo cũng không ngoại lệ. Một CTĐT có chất lượng sẽ góp phần quan trọng để đảm bảo kết quả đầu ra tốt. Việc theo dõi, quản lý và đối sánh kết quả đầu ra sẽ giúp điều chỉnh các hoạt động quản lý, dạy và học nhằm cải tiến chất lượng. Kết quả đầu ra của CTĐT được đánh giá thông qua các tiêu chí về tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học; tỷ lệ tốt nghiệp trung bình; tỷ lệ có việc làm; loại hình và số lượng nghiên cứu khoa học; sự hài lòng của các bên liên quan. Phần dưới đây sẽ trình bày những đánh giá các tiêu chí thuộc tiêu chuẩn.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

***1. Mô tả***

Trường Đại học Kinh tế Quóc dân, phòng Quản lý đào tạo là nơi quản lý toàn bộ cơ sở dữ liệu của người học trong suốt quá trình học. Phòng QLKH thực hiện nhiệm vụ của mình, luôn xác lập cơ ơở dữ liệu thống kê, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và danh sách sinh viên thôi học, sinh viên tốt nghiệp được cập nhật hàng năm. Hằng năm, tỷ lệ SV Khoa KH&PT tốt nghiệp và thôi học được theo dõi chi tiết. Cụ thể thông tin về số lượng và tỷ lệ % sinh viên bảo lưu và sinh viên chuyển trường của 7 khóa gần đây được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Bảng 11.1.1 Tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học trong 7 năm gần đây

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Khóa** | **Số lượng Sinh viên** | **Sinh viên**  **bảo lưu** | | **Sinh viên**  **chuyển trường** | | **Sinh viên**  **tốt nghiệp** | |
| ***Số SV*** | ***Tỷ lệ %*** | ***Số SV*** | ***Tỷ lệ %*** | ***Số SV*** | ***Tỷ lệ %*** |
| 2013-2017 | 55 | 263 | 0 | 0% | 1 | 0,38% | 253 | 96,19 |
| 2014-2018 | 56 | 250 | 0 | 0% | 1 | 0,40% | 249 | 99,6 |
| 2015-2019 | 57 | 255 | 0 | 0% | 1 | 0,39% | 254 | 99,6 |
| 2016-2020 | 58 | 252 | 2 | 0,79% | 0 | 0,00% | 250 | 99,21 |
| 2017-2021 | 59 | 187 | 0 | 0,55% | 1 | 0,53% | 186 | 99,47 |
| 2018-2022 | 60 | 183 | 1 | 0% | 1 | 0,55% |  |  |
| 2019-2023 | 61 | 196 | 2 | 1,02% | 2 | 1,02% |  |  |
| 2020-2024 | 62 | 199 | 2 | 1% | 0 | 0,00% |  |  |

Qua bảng số liệu về tỷ lệ SV tốt nghiệp trong 7 năm gần đây, có thể thấy số SV được tuyển vào CTĐT có xu hưởng giảm trong giai đoạn 2013-2018. Số lượng sinh viên giảm từ 263 (năm 2013) xuống 183 (năm 2018) tương đương với mức giảm 30,4%. Tuy nhiên 2 năm gần đây có sự tăng trở lại là 196 (năm 2019) – tăng 7,1% so với 2018 và 199 (năm 2020) – tăng 1,5% so với năm 2019. Ngoài ra trong giai đoạn 2018-2021 Khoa còn có 1 lớp SV Chất lượng cao ngành KTPT với số lượng năm 2018 là 30 SV, 2019 là là 30 SV, 2020 45 là SV và 2021 là 50 SV. Nhìn chung biến động số lượng SV tham gia vào CTDT là không nhiều với độ lệch chuẩn là 32,39 SV.

Để quản lý SV, Khoa ngoài Ban chủ nhiệm còn có Trợ lý và các cố vấn học tập với 01 cố vấn học tập/lớp. Thông qua đó, có thể theo dõi tiến độ học tập và đánh giá ý thức kỷ luật của sinh viên. Các buổi họp đánh giá với Cán bộ lớp diễn ra định kỳ, có chất lượng, là cầu nối thông tin hữu ích giữa nhà trường, Khoa và SV. Ngoài ra, Khoa luôn tập trung đẩy mạnh các hoạt động liên kết, trao đổi thông tin giữa đại diện nhà trường, Khoa KH&PT với các SV cũng như các phụ huynh.

Khoa luôn tập trung đẩy mạnh các hoạt động liên kết, trao đổi thông tin, định hướng việc làm giữa đại diện nhà trường, Khoa KH&PT với các SV cũng như các phụ huynh. Những nội dung cập nhật, đổi mới có hiệu qua từ các đơn vị khác được BCN và các thành viên trong Khoa phân tích, ứng dụng.

Tỷ lệ SV thôi học và chuyển trường của khoa KH&PT triển hằng năm chiếm tỷ lệ rất nhỏ (so với tổng số SV của khóa học). Các thầy cô trong Khoa luôn theo dõi sát sao và có ý kiến với những trường hợp thôi học để tìm hiểu nguyên nhân và cùng tìm cách tháo gỡ những vướng mắc cho các SV. Thông tin các sinh viên này được tổng hợp, cập nhận thường xuyên và thông báo tới gia đình các SV.

***2. Điểm mạnh***

Khoa KH&PT đã triển khai thường xuyên và định kỳ các buổi làm việc giữa CVHT với SV để thông báo kế hoạch và thực trạng các vấn đề SV gặp phải ở từng lớp.

Các Cố vấn học tập, trợ lý Khoa luôn cập nhật tình hình SV thông qua những buổi sinh hoạt lớp, qua đó có những báo cáo kịp thời lên Ban Chủ nhiệm Khoa để có những hướng giải quyết phù hợp khi có tình hình phát sinh.

Ngoài các buổi tiếp xúc trực tiếp, các kênh liên lạc qua ứng dụng, mạng internet cũng phát huy hiệu quả, là cầu nối trao đổi thông tin quan trọng cho các SV.

Các cảnh báo kịp thời đôi với sinh viên chậm tín độ học tập phát huy hiệu quả.

***3. Điểm tồn tại***

Các hoạt động trao đổi thông tin giữa Khoa với SV và Khoa với các Nhà trường đôi khi còn bị động. Thông tin của cố vấn hoc tập và trợ lý khoa chưa cụ thể khiến SV gặp khó khăn trong việc nắm bắt thông tin và hướng giải quyết.

Thông tin từ phía nhà trường cập nhật, thay đổi liên tục khiến CVHT và Trợ lý khoa nhiều khi còn gặp lúng túng.

Phân công trách nhiệm giữa Ban Chủ nhiệm, CVHT và Trợ lý khoa chưa rõ ràng, còn chồng chéo dẫn tới hiệu quả công việc chưa phát huy tối đa.

Nhiều kênh thông tin hữu dụng để giám sát tiến độ học tập, điểm rèn luyện của SV như web hrm.neu.edu.vn của Trường chưa được sử dụng phổ biến và cập nhật thường xuyên.

Các phương pháp, quy trình tổ chức quản lý SV hiệu quả từ các đơn vị khác chưa được Khoa cập nhật, ứng dụng.

***4. Kế hoạch hành động***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,  người thực hiện** | **Thời gian  thực hiện/ hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Tăng cường tìm hiểu nguyên nhân và thực trạng học tập của sinh viên | Chủ động tìm hiểu lý do học chậm/bảo lưu/thôi học của SV để có những tư vấn, hỗ trợ phù hợp.  Tổ chức các buổi định hướng tốt hơn cho SV khi nhập học.  Giám sát thường xuyên tình hình học tập của SV qua nhiều kênh thông tin.  Tham khảo từ điểm yếu/mạnh từ các đơn vị, trường khác. | BCN khoa, CVHT, Trợ lý khoa | Học kỳ II năm học 2021-2022 |  |
| 2 | Tăng cường liên kết giữa quá trình học tập của sinh viên các công tác hỗ trợ đào tạo | Tiếp tục đảm bảo việc báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của SV, qua đó nhắc nhở SV hoàn thành các điều kiện chuẩn đầu ra, đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn.  Tổ chức các buổi gặp mặt, đánh giá định kỳ giữa CVHT và Trợ lý khoa với Cán bộ lớp và SV để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng và tạo kết nối giữa SV và Khoa KH&PT | CVHT,  Trợ lý Khoa | Năm học 2021-2022 |  |

***5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7***

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

***1. Mô tả***

Thời gian của một khóa đào tạo là thời gian cần thiết cho những SV của Khoa KH&PT bình thường hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Thời gian đào tạo và nghiên cứu trong trường đại học kéo dài trung bình 4 năm, do nhà trường áp dụng quy chế học tín chỉ nên có những sinh viên có thể ra trường trong thời gian 3,5 năm hoặc sớm hơn tuỳ vào năng lực học tập của sinh viên. Trong 5 năm học gần đây, số lượng SV tốt nghiệp sớm tăng đáng kể.

Bảng 11.2.1 thống kê tỷ lệ phần trăm SV của Khoa Kế hoạch & Phát triển hoàn thành CTĐT qua từng niên khóa từ 2013-2017 đến 2017-2021

Bảng 11.2.1 Tỷ lệ % người học hoàn thành CTĐT

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Năm học*** | ***Số lượng SV toàn khóa*** | ***Số lượng SV hoàn thành  dưới 4 năm*** | | **Tỷ lệ tốt nghiệp trên 4 năm** | **Thời gian tốt nghiệp Trung bình (năm)** |
| ***Số lượng*** | ***Tỷ lệ %*** | **%** |
| 2013-2017 | 263 | 33 | 12,55 | 17,11 | 4,13 |
| 2014-2018 | 250 | 31 | 12,4 | 33,6 | 4,27 |
| 2015-2019 | 255 | 14 | 5,49 | 21,96 | 4,19 |
| 2016-2020 | 252 | 13 | 5,16 | 5,16 | 4,03 |
| 2017-2021 | 187 | 16 | 3,21 | 21,39 | 4,17 |

Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên trong giai đoạn nhập học từ 2013-2017 (tốt nghiệp trong giai đoạn 2017-2021) có sự biến thiên nhỏ trong khoảng từ 4,03 năm tới 4,27 năm và duy trì ở mức tương đối thấp với thời gian trung bình để sinh viên tốt nghiệp là 4,158 năm.

Số lượng giảng viên tham gia hướng dẫn thực tập và chuyên đề tốt nghiệp cho SV hằng năm được Khoa bố trí đầy đủ, mỗi giảng viên được phân hướng dẫn khoảng 11 sinh viên, thấp hơn so với mức tối đa là 15 SV, điều này đã giúp SV có thể sớm hoàn thành chuyên đề tốt nghiệp.

Bảng 11.2.2 So sánh thời gian tốt nghiệp trung bình với một số CTĐT

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Niên khóa | Khoa KH&PT | Thời gian tốt nghiệp trung bình | | |
| Khoa Kinh tế học  (NEU) | Ngành Kinh tế (ĐHTL) | Ngành Kế toán (ĐHTL) |
| 2011-2015 |  | 4,10 | 4,1 | 4,1 |
| 2012-2016 |  | 4,24 | 4,0 | 4,1 |
| 2013-2017 | 4,13 | 4,27 | 4,0 | 4,0 |
| 2014-2018 | 4,27 | 4,28 | 4,1 | - |
| 2015-2019 | 4,19 | 4,17 | - | - |

*Ghi chú: NEU: ĐH Kinh tế Quốc dân; ĐHTL: Đại học Thủy lợi*

Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành KTPT của Khoa KH&PT là 4,158 năm trong giai đoạn nhập học 2013-2017.

So với Khoa Kinh tế học thì kết quả này là tương đương nhưng cao hơn so với ngành Kinh tế và ngành Kế toán của ĐHTL.

Kết quả có sự cải thiện quả từng năm do: Sinh viên nắm rõ hơn các điều kiện, chuẩn tốt nghiệp. Các vướng mắc trong nợ môn, học chậm được giải quyết nhanh hơn….

***2. Điểm mạnh***

Khoa KH&PT cũng tiến hành giải đáp thắc mắc của sinh viên sắp tốt nghiệp và hướng dẫn các nơi thực tập cho sinh viên nhằm rút ngắn thời gian tìm kiếm nơi thực tập

Khoa tích cực hộ trợ sinh viên hoàn thành CTĐT

Tìm hiểu, nắm bắt thông tin các SV đang bảo lưu, chậm tiến độ để hỗ trợ

Phối hợp với các đơn vị khác trong trường để hộ trợ sinh viên

***3. Điểm tồn tại***

Sinh viên chưa nắm rõ điều kiện đầu ra và quy trình các học phần

Các học phần thay thế, nợ môn còn khiến sinh viên gặp nhiều khó khăn khi hoàn thành

Các thông tin nhà trường cập nhật khiến Trợ lý và CVHT còn chưa theo kip

***4. Kế hoạch hành động***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,  người thực hiện** | **Thời gian  thực hiện/ hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 11 | Tăng cương trao đổi liên lạc | Hoàn thành các điều kiện chuẩn đầu ra, phổ biến cho sinh viên để đảm bảo tiến độ tốt nghiệp  Tạo các kênh trao đổi, liên lạc với sinh viên và các đơn vị chức năng trong trường để quá trình hỗ trợ hiệu quả hơn. | BCN Khoa Kế hoạch phát triển, Phòng QLĐT, Phòng CTCT&QLSV | Năm học 2021-2022 |  |
| 22 | Tăng cường kết nối giữa học tập của sinh viên và đơn vị chức năng trong Trường | Theo dõi tiến độ học tập của sinh viên  Tăng cường sự kết nối với Phòng chức năng để nắm thông tin và gửi thông báo cảnh báo tới các SV bị chậm tiến trình, nợ môn, chưa hoàn thành chương trình học | BCN khoa, Trợ lý khoa, Cố vấn học tập | Năm học 2021-2022 |  |

***5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7***

***Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

**1. Mô tả**

Trong thực tiễn, kết quả học tập và đào tạo đối với người học bậc đại học có thể được thể hiện qua tỷ lệ có việc làm của sinh viên. Trong quá trình học, ngoài được trang bị kiến thức lý thuyết, sinh viên ngành KTPT thường xuyên có cơ hội áp dụng các kiến thức kỹ năng vào thực tế cuộc sống. Điều này tạo ra ưu thế cạnh tranh lớn của sinh viên ngành KTPT so với sinh viên cùng chuyên ngành ở các cơ sở đào tạo khác sau khi tốt nghiệp. Phòng CTCT&QLSV của Trường ĐHKTQD chịu trách nhiệm đưa ra quy trình thống kê, lưu trữ danh sách người học tốt nghiệp có việc làm, vị trí việc làm, mức thu nhập bình quân, đơn vị công tác trong thời gian đánh giá và quản lý số liệu về tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp hàng năm của từng ngành học trong Trường, trong đó có ngành KTPT. Kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp được thực hiện bởi Phòng CTCT&QLSV phản ánh thực trạng tỷ lệ đi làm của sinh viên. [Phiếu khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp trong vòng 12 tháng năm 2020]---> [Báo cáo khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp (K55 – K59)]

Nhà trường đã thành lập Trung tâm Tư vấn hướng nghiệp và việc làm trực thuộc Phòng Công tác Chính trị và Quản lý sinh viên với chức năng thực hiện các hoạt động giới thiệu việc làm, hướng nghiệp cho sinh viên và theo dõi phản hồi của sinh viên sau khi tốt nghiệp [ Phiếu khảo sát tình hình việc làm của sv tốt nghiệp trong vòng 12 tháng năm 2020].-- > [Quyết định thành lập Trung tâm hướng nghiệp]

Từ khóa 55 tới khóa 59 thì KTPT vẫn thuộc ngành Kinh tế. Vì vậy, trong báo cáo khảo sát việc làm của cựu sinh viên do Phòng CTCT&QLSV thực hiện không nêu trực tiếp sinh viên của Khoa Kế hoạch và Phát triển. Trong khảo sát năm 2021, Ngành Kinh tế có 36,82% sinh viên của Khoa Kế hoạch và Phát triển. Báo cáo tỷ lệ SV có việc làm theo khảo sát hàng năm của Phòng CTCT&QLSV cho thấy tỷ lệ SV ngành KTPT có việc làm trong vòng 6-12 tháng sau khi tốt nghiệp đạt khoảng 95% và có xu hướng tăng lên trong giai đoạn khảo sát 2017-2019 từ 94,39% lên 96,17% trước khi giảm xuống mức 93,85% (2020) và 88,99% (2021) do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid\_19. Mặt khác, phần lớn sinh viên tốt nghiệp có mức thu nhập bình quân/tháng trong khoảng từ 5-15 triệu đồngcụ thể như sau:

**Bảng 11.3.1. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên ngành KTPT trong vòng 12 tháng sau khi tốt nghiệp (giai đoạn 2015-2020)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Năm học | Số sinh viên tốt nghiệp | Khảo sát việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên | | | | |
| SL | Tỷ lệ có VL | Thời gian tìm việc TB (Tuần) | Tỷ lệ Đáp ứng CM | Thu nhập bình quân (Triệu đồng/tháng) |
| 1 | 2015-2016 | N/A | N/A | N/A | Có việc làm khi ra trường | Đạt yêu cầu | N/A |
| 2 | 2016-2017 | 853 | 285 | 94,39% | N/A |
| 3 | 2017-2018 | 998 | 742 | 95,15% | 81,54% có thu nhập trong khoảng từ 5-15 triệu đồng/tháng |
| 4 | 2018-2019 | 931 | 652 | 96,17% | 83% có thu nhập trong khoảng từ 5-15 triệu đồng/tháng |
| 5 | 2019-2020 | 962 | 634 | 93,85% | 80,44% có thu nhập trong khoảng từ 5-15 triệu đồng/tháng |
|  | 2020-2021 | 678 | 554 | 88,99% | 75% có thu nhập trong khoảng từ 5-15 triệu đồng/tháng |

*(Nguồn: Phòng CTCT&QLSV)*

Khoa KH&PT cũng thiết lập nhóm trên nền tảng Facebook dành riêng cho sinh viên KTPT là một kênh kết nối cựu sinh viên với Khoa KH&PT [Facebook Cựu sinh viên Khoa Kế hoạch và Phát triển]. Đây cũng là một phương thức để Khoa có thể lấy ý kiến nhằm đối sánh, phân tích thực trạng, nguyên nhân và đề xuất các giải pháp khắc phục. Ngoài ra, Khoa đã có một hệ thống kết nối với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực Kế hoạch và lĩnh vực Phát triển, cựu sinh viên, giới thiệu sinh viên của ngành tới tham gia thực tập, mở ra cơ hội cho sinh viên tiếp cận với cơ hội việc làm [Mục Sinh viên - cựu SV trên Website Khoa KH&PT][Danh sách các tổ chức, cá nhân Khoa có kết nối]

Bên cạnh đó, hàng năm, Khoa/Nhà trường có tổ chức đối sánh tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm giữa các CTĐT trong Trường với cùng hình thức đào tạo. Tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường của Ngành KTPT ở mức tương đương so với mặt bằng chung các ngành đào tạo khác trong Trường (tính từ K55 – K59) (bảng 11.3.2)[Báo cáo khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp (K55 – K59)]

**Bảng 11.3.2. Đối sánh tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm của ngành KTPT với các ngành đào tạo khác trong Trường**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngành đào tạo** | **Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số sinh viên tốt nghiệp (%) theo các năm** | | | | |
| **2017 (K55)** | **2018 (K56)** | **2019 (K57)** | **2020**  **(K58)** | **2021**  **(K59)** |
| **KTPT (Kinh tế)** | **94,39** | **95,15** | **96,17** | **93,85** | **88,99** |
| Marketing | 92,75 | 96,23 | 97,50 | 98,82 | 94,16 |
| Bất động sản | 95,16 | 100,00 | 92,31 | 98,11 | 92,65 |
| HTTT Quản lý | 100,00 | 100,00 | 93,22 | 95 | 87,76 |
| Kế toán | 98,34 | 96,38 | 97,93 | 95,48 | 92,35 |
| KH máy tính | 100,00 | 100,00 | 100,00 | 100 | 97,73 |
| Kinh tế tài nguyên | 100,00 | 95,65 | 95,56 | 95,35 | 92,11 |
| Luật | 90,48 | 95,10 | 95,00 | 90,36 | 87,06 |
| Ngôn ngữ Anh | 100,00 | 97,56 | 98,55 | 98,65 | 86,67 |
| Quản trị DVDL&LH | 93,10 | 97,65 | 96,43 | 94,51 | 93,06 |
| Quản trị KD | 95,31 | 90,16 | 96,94 | 95,79 | 92,36 |
| Quản trị KS | 97,94 | 97,45 | 98,55 | 93,22 | 92,86 |
| Quản trị nhân lực | 89,47 | 98,92 | 96,34 | 97,73 | 94,59 |
| TC - Ngân hàng | 94,32 | 92,22 | 93,52 | 92,94 | 86,25 |
| Thống kê KT | 97,96 | 98,70 | 94,59 | 97,4 | 89,55 |
| Toán ƯD trong KT | 96,77 | 100,00 | 100,00 | 98,18 | 89,71 |
| **Tổng** | **95,43** | **95,82** | **95,97** | **95,17** | **90,15** |

*(Nguồn: Phòng CTCT&QLSV)*

Bảng 11.3.2 cho thấy, so với 15 ngành đào tạo khác trong trường, ngành KTPT có tỷ lệ SV tìm được việc làm sau 6-12 tháng tốt nghiệp là tương đương với mức trung bình. Khi so sánh với tỷ lệ tìm được việc làm của SV ngành Kinh tế tại các trường đào tạo ngành này tại New York (Hoa Kỳ) được công bố bởi Ngân hàng dự trữ liên bang tại New York, tỷ lệ SV có việc làm sau 6-12 tháng tốt nghiệp của ngành KTPT là gần tương đương (95,24% so với 96%) [ Tỷ lệ có việc làm của sinh viên ngành Kinh tế tại New York].

Thông qua việc theo dõi, giám sát tỷ lệ việc làm và lấy ý kiến góp ý của người học sau khi tốt nghiệp cũng như nhà tuyển dụng, Khoa phối hợp với Trung tâm Tư vấn hướng nghiệp và việc làm của Nhà trường tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, có những giải pháp hỗ trợ SV mới tốt nghiệp trong quá trình tìm việc làm. Với hiệu quả về đầu ra của CTĐT, nhiều cơ quan và doanh nghiệp đã hỗ trợ học bổng cho SV dưới nhiều hình thức. Khoa KH&PT đã tiến hành thảo luận với một số cựu sinh viên là nhà tuyển dụng để nắm được tình hình đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng. Kết quả cho thấy các nhà tuyển dụng ở các Bộ ngành, doanh nghiệp đều có những phản hồi tốt về cựu SV của Khoa KH&PT [ ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO][Ảnh chụp tọa đàm với nhà tuyển dụng là cựu sinh viên]. Qua thảo luận với các nhà tuyển dụng về yêu cầu công việc trong bối cảnh mới và đòi hỏi của nhà tuyển dụng về khả năng cập nhật những tri thức mới, Khoa KH&PT đã tổ chức nhiều hoạt động nhằm hỗ trợ cho SV như tư vấn việc làm, tổ chức các buổi hội thảo, toạ đàm, sinh hoạt khoa học chuyên môn để người học có thể tiếp cận kiến thức mới [Ảnh giao lưu với cựu SV][“TỌA ĐÀM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGÀNH KTPT TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ”]. Để tăng cường hoạt động kết nối với doanh nghiệp và thị trường lao động, tạo cơ hội cho SV kết nối với doanh nghiệp và cựu SV, Trường ĐHKTQD đã thành lập Ban vận động mạng lưới cựu SV [Quyết định thành lập Ban vận động mạng lưới cựu sinh viên của TrườngĐHKTQD] và mạng lưới SV [Quyết định về việc thành lập mạng lưới cứu học viên, sinh viên của Trường ĐHKTQD]; thành lập Trung tâm Tư vấn hướng nghiệp và việc làm NEU [Trung tâm Tư vấn hướng nghiệp và việc làm ]. Với sự chuẩn bị và đề xuất của Khoa KH&PT, Trường ĐHKTQD đã ra quyết định thành lập mạng lưới cựu SV của Khoa KH&PT [Quyết định về việc thành lập Ban liên lạc cựu sinh viên Khoa Kế hoạch và Phát triển]. Điều này đã giúp cho SV tốt nghiệp của Trường ĐHKTQD nói chung và ngành KTPT nói riêng có thêm nhiều cơ hội tiếp cận việc làm phù hợp nhờ tiếp cận tốt hơn tới thông tin thị trường lao động và yêu cầu tuyển dụng.

Năm 2020, Khoa đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi và đề xuất của cựu sinh viên về những cơ hội và thách thức trong tìm kiếm việc làm và phát triển nghề nghiệp của bản thân cựu sinh viên sau khi tốt nghiệp [**BÁO CÁO KẾT QUẢ TỌA ĐÀM PHỎNG VẤN SÂU CỰU SINH VIÊN]. Kết quả này giúp cho quá trình nắm bắt thực trạng và xu thế việc làm của cựu sinh viên được cập nhật. ~~Kết quả cho thấy~~**

**2. Điểm mạnh**

Đa số SV tốt nghiệp ngành KTPT đều nhanh chóng có việc làm phù hợp với ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp bởi sự cập nhật của CTĐT cũng như định hướng và hỗ trợ về thông tin việc làm, kết nối với nhà tuyển dụng đã giúp SV có cơ hội được trải nghiệm thực hành và tiếp cận các nguồn thông tin, tri thức dồi dào và chất lượng hơn. Khoa KH&PT nói riêng và Nhà trường nói chung tiến hành khảo sát đối với các khóa SV tốt nghiệp về tình trạng việc làm để thu thập thông tin đầy đủ về tình trạng việc làm sau khi tốt nghiệp nhằm phục vụ công tác giám sát và đối sánh, hướng tới cải tiến chất lượng. Mặt khác, Khoa KH&PT thường xuyên hợp tác với các bên có liên quan nhằm tăng cường kết nối SV với thị trường lao động.

**3. Điểm tồn tại**

Hạn chế trong đối sánh và phân tích về việc làm của SV tốt nghiệp. Việc phân tích tỷ lệ có việc làm giữa các năm chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục và chưa cập nhật cụ thể là việc tổ chức thực hiện đối sánh tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm giữa các chương trình đào tạo trong Nhà trường, trong nước và quốc tế chưa được thực hiện một cách bài bản và đầy đủ, đặc biệt là thiếu thông tin cập nhật về đối sánh quốc tế. Mặt khác, việc phân tích xu hướng việc làm cụ thể cho ngành đào tạo cũng chưa được thực hiện đầy đủ, mới chỉ dừng lại ở những tham vấn ý kiến với một số nhà tuyển dụng.

**4. Kế hoạch hành động**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Tăng cường rà soát và đánh giá, phối hợp các đơn vị trong Trường về xu hướng việc làm của sinh viên CTĐT | * Khoa KH&PT phối hợp với Phòng CTCT&QLSV định kỳ rà soát, đánh giá theo các tiêu chí kết quả của công tác hỗ trợ SV tìm hiểu doanh nghiệp tiềm năng, hoàn thiện hồ sơ tìm việc; Tổ chức hội chợ việc làm và bổ sung kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu từ các nhà tuyển dụng và xã hội * Khoa KH&PT phối hợp cùng các đơn vị khác trong Trường ĐHKTQD để khảo sát và phân tích đầy đủ, cập nhật và mang tính dự báo tốt hơn nữa các thông tin việc làm và xu hướng việc làm cho ngành đào, tạo cụ thể là ngành KTPT | Khoa KH&PT, Phòng CTCT&QLSV, Trung tâm Tư vấn hướng nghiệp và việc làm | 2021-2022 | ……. |
| 2 | Tăng cường hỗ trợ sinh viên tìm việc làm sau tốt nghiệp | Khoa KH&PT cùng Liên chi đoàn của Khoa tiếp tục lập kế hoạch tổng thể hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm trong thời gian sau khi tốt nghiệp và ngay khi đang theo học, đặt trọng tâm vào SV năm thứ ba và năm cuối; | Khoa KH&PT | 2021-2022 | ……. |

**5. Tự đánh giá: Đạt 5/7**

***Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

1. **Mô tả**

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường ĐHKTQD được xác lập tại Quy chế hoạt động khoa học và công nghệ của Trường [Quyết định về Quy chế hoạt động Khoa học và Công nghệ của trường ĐHKTQD năm 2011]. Các hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên đa dạng dưới nhiều loại hình khác nhau, bao gồm: (1) Tham gia câu lạc bộ “Sinh viên nghiên cứu khoa học”, (2) Tham gia các buổi tọa đàm chia sẻ của chuyên gia, diễn giả, giảng viên về phương pháp nghiên cứu khoa học, đề án, chuyên đề, luận văn tốt nghiệp, trao đổi kinh nghiệm học tập, (3) Tham gia các cuộc thi và gửi công trình xét chọn Giải thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học” các cấp hằng năm và các giải thưởng nghiên cứu khoa học khác dành cho sinh viên, (4) Tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ các cấp.

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường ĐHKTQD được giám sát trong quá trình thực hiện. Phòng Quản lý Khoa học chịu trách nhiệm quản lý các hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Hằng năm, kế hoạch nghiên cứu khoa học của sinh viên được công bố làm cơ sở để triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên một cách chủ động [ Kế hoạch Tổ chức triển khai hoạt động “Nghiên cứu khoa học sinh viên” năm học 2017, 2018, 2019, 2020, 2021]. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được tiến hành theo quy trình với các công việc được xác định cụ thể và chi tiết ở mỗi bước và được phản ánh trong hệ thống biểu mẫu được thiết kế và công bố trên website của Phòng Quản lý khoa học [Website phòng QLKH\_ <https://khoahoc.neu.edu.vn/vi/van-ban-nckh-sv>]. Theo quy trình đó, Phòng Quản lý khoa học thông báo kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên hằng năm trên cổng thông tin điện tử của Trường. Khoa KH&PT gửi kế hoạch nghiên cứu khoa học sinh viên của ngành KTPT về Phòng Quản lý Khoa học và tổ chức phát động phong trào nghiên cứu khoa học sinh viên, sau đó triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban chủ nhiệm Khoa, sự tham gia của cố vấn học tập và các giảng viên trong Khoa. Các công trình nghiên cứu khoa học sinh viên được đánh giá ở từng cấp một cách khách quan. Hằng năm, hội nghị khoa học sinh viên được tổ chức để báo cáo kết quả nghiên cứu ở cấp Khoa trước khi dự thi ở cấp Trường [Biên bản NCKH SV năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021]. Sinh viên của Trường đạt thành tích cao trong các cuộc thi nghiên cứu khoa học cấp Bộ. Để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên, hằng năm Trường đều có các quyết định khen thưởng sinh viên có thành tích trong hoạt động này [Quyết định về việc khen thưởng sinh viên/ nhóm sinh viên có công trình NCKH đạt giải thưởng "Sinh viên nghiên cứu khoa học" cấp trường, các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021]

Thu, chi tài chính cho hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên tại Trường ĐH KTQD được xác lập. Theo quy định tại Điều 3, Hướng dẫn về triển khai hoạt động cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học trường ĐH KTQD [Thông báo hướng dẫn triển khai SVNCKH]. Hằng năm, Nhà trường đảm bảo khoản chi cho hoạt động NCKH của sinh viên bằng 3% so với tổng chi phí cho hoạt động đào tạo của Trường được thể hiện trong báo cáo thu chi nội bộ được trình bày tại hội nghị cán bộ công chức của trường [Quyết định về việc ban hành Quy chế thu chi nội bộ Trường ĐHKTQD][THÔNG TƯ của BGD&ĐT năm 2012 Ban hành Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học].

Số lượng SV ngành KTPT tham gia NCKH giai đoạn 2016 - 2021 được thể hiện trong bảng 11.4.1.[**Danh mục công trình gửi dự thi** **Giải thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học” cấp trường năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021**]. Hàng năm, Khoa vẫn thu hút được một số lượng các nhóm và số lượng SV tham gia NCKH tương đối nhiều so với quy mô SV của Khoa. Nếu chỉ tính riêng sự tham gia của SV trong đợt xét giải thưởng ‘SV NCKH' thì tỷ lệ trung bình của SV Khoa KH&PT tham gia hoạt động này là 15,64% cho giai đoạn 2016-2021 (Bảng 11.4.1). Đáng chú ý, những năm gần đây sinh viên ngành KTPT đã có bước tiến lớn trong nghiên cứu khoa học thể hiện ở số bài báo khoa học được công bố tăng từ 0 (năm học 2016-2018) lên 05 (năm học 2020-2021).

**Bảng 11.4.1. Số lượng sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học ngành KTPT (2016-2021)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Năm học** | | | | |
| **2016-2017** | **2017-2018** | **2018-2019** | **2019- 2020** | **2020- 2021** |
| 11 | Số nhóm NCKH sinh viên | 08 | 09 | 12 | 11 | 08 |
| 22 | Số lượng sinh viên NCKH | 32 | 34 | 40 | 40 | 30 |
| 33 | Tổng số sinh viên | 252 | 187 | 183 | 196 | 199 |
| 44 | Tỷ lệ sinh viên NCKH (%) | 12,68 | 8,18 | 21,86 | 20,4 | 15,08 |
| 55 | Số giải thưởng NCKH sáng tạo | 8 | 9 | 13 | 9 | 8 |
| 66 | Số bài báo khoa học công bố |  |  | 3 | 3 | 5 |

*(Nguồn: Báo cáo nghiên cứu khoa học sinh viên khoa KH&PT qua các năm)*

Khoa KH&PT luôn quan tâm, tập trung triển khai thực hiện và và bám sát kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên của Trường. Lãnh đạo Khoa và Bộ môn đã chỉ đạo, đôn đốc công tác nghiên cứu khoa học sinh viên, triển khai phát động phong trào nghiên cứu khoa học sinh viên, phối hợp với Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, cố vấn học tập và Liên chi đoàn của Khoa để tuyên truyền, phổ biến tới sinh viên toàn Khoa nói chung và sinh viên ngành KTPT nói riêng tham gia nghiên cứu. Các thông tin và kế hoạch triển khai nghiên cứu khoa học sinh viên được đăng tải rộng rãi trên website của Khoa [Mục NCKH sinh viên trên Website của Khoa KH&PT] cũng như qua kênh cố vấn học tập tới các lớp. Đồng thời có kế hoạch cụ thể với công tác hướng dẫn nghiên cứu khoa học đối với các giảng viên nhằm hướng dẫn và hỗ trợ sinh viên hoàn thành các đề tài nghiên cứu theo nhóm hoặc cá nhân. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu được báo cáo, Hội đồng xét giải thưởng cấp Khoa sẽ xét chọn các công trình dự thi sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Trường [Biên bản NCKH SV năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021 ].

Ngoài việc tham gia NCKH theo hoạt động hằng năm của Khoa và Trường, SV Khoa KH&PT cũng tham gia NCKH trong các đề tài nghiên cứu của giảng viên [Thuyết minh đề tài cơ sở của giảng viên Khoa KH&PT].

Từ kết quả, thành tích và các vấn đề của hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên qua các năm, Trường và Khoa KH&PTđã đưa ra các đề xuất NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của người học [Biên bản NCKH SV năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021]. Cụ thể, Khoa KH&PTđã đề xuất Nhà trường hướng nghiên cứu khoa học sinh viên kết hợp với các đề tài tư vấn; định hướng nghiên cứu khoa học sinh viên tập trung vào các hướng nghiên cứu mới như khởi nghiệp, phát triển bền vững, quản trị tiên liệu.

1. **Điểm mạnh**

Trường và Khoa đã có kế hoạch phát triển hoạt động NCKH SV trong đó xác lập được các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH SV. Khoa có Chương trình triển khai và Chương trình tổng kết hoạt động NCKH SV hằng năm. Khoa có đội ngũ giảng viên giàu chuyên môn, nhiệt tình, có kinh nghiệm trong hoạt động hướng dẫn SV NCKH. Trường và Khoa đã có hệ thống theo dõi, giám sát chặt chẽ loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH SV, thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học giữa các CTĐT trong Trường. Ngoài ra, đội ngũ giảng viên của Khoa cũng tạo cơ hội cho các SV tham gia đề tài do giảng viên làm chủ nhiệm đề tài nhằm nâng cao năng lực NCKH của SV.

1. **Điểm tồn tại**

Trường và Khoa chưa thực hiện thường xuyên việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của SV giữa các CTĐT trong Trường cũng như giữa CTĐT ngành KTPT ở Trường ĐHKTQD với các trường đại học khác có đào tạo ngành KTPT hoặc ngành đào tạo tương đồng. Các thông tin đối sánh về NCKH của SV ngành đào tạo tương đồng ở nước ngoài không được cập nhật, phân tích.

1. **Kế hoạch hành động**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Cập nhật các thông tin về NCKH của CTĐT | Trường và Khoa sẽ thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của SV hằng năm giữa các CTĐT trong Trường và giữa CTĐT KTPT ở Trường ĐHKTQD và các CTĐT KTPT ở các cơ sở giáo dục đại học khác, đặc biệt là việc cập nhật thông tin đối sánh với quốc tế | Khoa KH&PT, Phòng CTCT&QLSV, Trung tâm Tư vấn hướng nghiệp và việc làm | 2021-2022 | ……. |
| 2 | Đẩy mạnh hoạt động NCKH SV | Từ năm học 2021 -2022 trở đi, Trường và Khoa tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động NCKH SV, duy trì vị thế dẫn đầu của Trường trong hoạt động NCKH SV khối trường Kinh tế và Kinh doanh, nâng cao chất lượng của các công trình nghiên cứu, gắn với các vấn đề thực tiễn. | Trường ĐHKTQD (Phòng QLKH); Khoa KH&PT | 2021-2022 | ……. |

1. **Tự đánh giá:** **đạt** 5/7

***Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

1. **Mô tả**

Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập. Hằng năm, Nhà trường đã tiến hành triển khai các hoạt động khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên đang học, cựu sinh viên, giảng viên, công nhân viên và nhà tuyển dụng. Cụ thể, Trường đã ban hành các quy định về quy trình/ phương pháp, công cụ và tiêu chí đo lường sự hài lòng của sinh viên [ Quy định về công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên trường đại học KTQD]. Đồng thời, các quy định về quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí đo lường sự hài lòng của người học đối với giảng viên cũng được thể hiện trong kế hoạch về lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên [Các kế hoạch về việc Lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên các học kỳ][Các thông báo về việc Lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên các học kỳ].

Theo quy trình này, hằng năm Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục triển khai hoạt động khảo sát lấy ý kiến đánh giá từ phía người học theo hình thức khảo sát trực tuyến trên cổng thông tin điện tử của Trường. Phiếu khảo sát bao gồm các tiêu chí lấy ý kiến theo các nhóm tiêu chí: Kỹ năng giảng dạy (gồm 5 tiêu chí), Tác phong sư phạm (có 6 tiêu chí) và đánh giá Tổng thể với tổng số 12 mục hỏi, sử dụng thang đo Likert 5 mức độ, từ mức 1: hoàn toàn không đồng ý tới mức 5: hoàn toàn đồng ý. Ngoài ra, phiếu khảo sát cũng bao hàm câu hỏi về các cơ sở vật chất, giáo trình học liệu. [[Phiếu lấy ý kiến về công tác giảng dạy của giảng viên trường ĐHKTQD Kì 1 năm học 2019-2020].

Cùng với hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ người học của Nhà trường, khoa KH&PTcũng đã triển khai lấy ý kiến của cựu sinh viên, giảng viên và nhà tuyển dụng thông qua tọa đàm. Các tọa đàm với các bên có liên quan gồm cựu sinh viên, giảng viên và nhà tuyển dụng đã được triển khai [Giấy mời Tọa đàm 2018-2019], [Biên bản họp lấy ý kiến 2018-2019]. Ngoài ra, Khoa cũng tiến hành khảo sát sự hài lòng của nhà tuyển dụng đối với sinh viên Ngành KTPT dựa trên 4 nhóm tiêu chí: Đánh giá kiến thức của sinh viên tốt nghiệp (6 tiêu chí); Đánh giá kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp (2 tiêu chí); đánh giá mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của sinh viên tốt nghiệp 4 tiêu chí); mức độ hài lòng chung (1 tiêu chí) [Phiếu khảo sát sự hài lòng của nhà tuyển dụng].

Mức độ hài lòng của các bên liên quan cũng được giám sát thường xuyên. Hằng năm, Nhà trường lập kế hoạch lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên [ Kế hoạch về việc lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên các học kỳ của năm học 2017, 2018, 2019, 2020, 2021]. Nhà trường cũng thông báo cho giảng viên và SV về kế hoạch lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên [ Các thông báo về việc Lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên các học kỳ]. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên hệ chính quy năm học 2015- 2016 với 11.712 phiếu cho thấy **85,7%** số người học hài lòng với giảng viên nói chung với các ngành đào tạo của Trường. Tuy nhiên, vẫn còn 4,2% số người học trả lời không hài lòng với giảng viên. Sự hài lòng của SV về cơ sở vật chất kỹ thuật của Trường cũng tăng hơn nhiều so với năm học trước. Năm học 2016-2017, số lượng phiếu thu được chỉ có 3.022 phiếu và số lượt giảng viên được đánh giá: 367 giảng viên thuộc 48 bộ môn, kết quả tổng thể cho thấy rằng 81,8% tổng số ý kiến đánh giá hài lòng, 5,2% ý kiến chưa hài lòng và 13% tạm chấp nhận với giảng viên học phần. Kết quả của báo cáo này năm 2017-2018 với số lượt đánh giá thu được 81.173 lượt tăng 26 lần so với năm 2016-2017 và số lượt giảng viên được đánh giá: 595 giảng viên thuộc 58 bộ môn [Báo cáo kết quả công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên hệ chính quy năm học 2016-2017; 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020]. Kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên hệ chính quy năm học 2019 - 2020 cho thấy tất cả các bộ môn được SV đánh giá cao. Tuy nhiên, vẫn còn một vài trường hợp mặc dù được đánh giá cao nhưng thấp hơn giá trị trung bình chung. Theo đánh giá của sinh viên về kết quả đánh giá Bộ môn KTPT đứng thứ 9/61 bộ môn [Báo cáo kết quả công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảngdạy của giảng viên hệ chính quy năm học 2019-2020].

Ngoài ra, Trường đã tổ chức đối thoại hàng năm giữa lãnh đạo Trường và sự tham gia của lãnh đạo Khoa với SV hệ chính quy các khóa trong toàn trường để lắng nghe, thu nhận các ý kiến phản hồi của SV về hoạt động đào tạo và các vấn đề khác liên quan [Kế hoạch Tổ chức Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường và sinh viên năm 2017, 2018, 2019, 2020]. Khoa KH&PT cũng tiến hành đối thoại giữa Ban chủ nhiệm Khoa với sinh viên nhằm tiếp thu ý kiến phản hồi của sinh viên về các hoạt động có liên quan tới sinh viên [BÁO CÁO TỔNG HỢP PHỤC VỤ ĐỐI THOẠI GIỮA LÃNH ĐẠO TRƯỜNG VỚI SINH VIÊN các năm 2017, 2018, 2019, 2020] và là cơ sở cho đối thoại cấp trường.

Báo cáo đo lường sự hài lòng của sinh viên đối với dịch vụ giáo dục của Trường ĐH KTQD năm 2020 cho thấy sự hài lòng của người học được đánh giá theo 5 nhóm tiêu chí gồm: (i) Tiếp cận dịch vụ giáo dục với 4 tiêu chí, (ii) Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học với 5 tiêu chí, (iii) Môi trường đào tạo với 5 tiêu chí (iv) Hoạt động đào tạo với 4 tiêu chí (v) Sự phát triển của bản thân với 6 tiêu chí. [Báo cáo kết quả đo lường sự hài lòng của sinh viên đối với dịch vụ giáo dục công năm 2020]. Kết quả đo lường mức độ hài lòng của người học theo 5 nhóm tiêu chí tính theo điểm bình quân trên thang đo Likert 5 mức thể hiện trong bảng 11.8. Với câu hỏi đánh giá chung về sự đáp ứng mong đợi của người học, theo ý kiến phản hồi của sinh viên, Nhà trường đã đáp ứng hơn 61,7% kỳ vọng của sinh viên trước khi đi học [Báo cáo kết quả đo lường sự hài lòng của sinh viên đối với dịch vụ giáo dục công năm 2020].

**Bảng 11.8 Sự hài lòng của người học đối với dịch vụ đào tạo tại Trường ĐH KTQD năm 2020**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nhóm tiêu chí** | **Điểm trung bình** |
| 1 | Tiếp cận dịch vụ giáo dục | 3,7 |
| 2 | Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học | 3,6 |
| 3 | Môi trường đào tạo | 3,84 |
| 4 | Hoạt động đào tạo | 3,73 |
| 5 | Sự phát triển bản thân | 3,73 |

*(Nguồn: Báo cáo đo lường sự hài lòng của người học đối với dịch vụ đào tạo tại Trường*ĐHKTQD *năm 2020)*

Đồng thời việc khảo sát cựu sinh viên cũng được Trường và Khoa KH&PTtiến hành. Cụ thể, kết quả khảo sát cựu sinh viên ngành KH&PT từ 2017- 2021 được thể hiện trong bảng 11.5.1 dưới đây .

**Bảng 11.5.1. Kết quả khảo sát sinh viên đã tốt nghiệp ngành KTPT, 2017- 2021**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khóa/  Năm tốt nghiệp | Số sinh viên tốt nghiệp | | Số sinh viên phản hồi | | Tình hình việc làm | | | | | Tỷ lệ SV có việc làm (%) |
| Có việc làm | | | Tiếp tục học | Chưa có việc |
| Tổng số | Nữ | Tổng số | Nữ | Đúng ngành đào tạo | Liên quan đến ngành đào tạo | Không liên quan |
| K55/2017 | 853 | 637 | 285 | N/A | 248 | N/A | N/A | 21 | 16 | 94,39 |
| K56/2018 | 998 | 727 | 742 | 549 | 106 | 226 | 347 | 27 | 36 | 95,15 |
| K57/2019 | 931 | 703 | 652 | 508 | 97 | 158 | 347 | 25 | 25 | 96,17 |
| K58/2020 | 962 | 652 | 634 | 440 | 87 | 121 | 370 | 17 | 39 | 93,85 |
| K59/2021 | 678 | 499 | 554 | 423 | 80 | 194 | 211 | 8 | 61 | 88,99 |

*(Nguồn: Tập hợp từ báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát sinh viên qua các năm)*

Như vậy, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp tăng qua các năm. Ngành KTPT thuộc nhóm ngành có tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm ở mức trung bình của TrườngĐHKTQD.Khoa KH&PT đã tiến hành khảo sát cựu sinh viên ngành KTPT về những vấn đề mà cựu sinh viên đối mặt khi tham gia thị trường lao động [**BIÊN BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN TẠI TỌA ĐÀM** CÁC NĂM 2018, 2019][Báo cáo kết quả tọa đàm phỏng vấn sâu cựu sinh viên]. Kết quả khảo sát cho thấy, sinh viên tốt nghiệp ngành KTPT có lợi thế trong tìm kiếm việc làm so với các ngành khác với nền tảng tư duy tổng hợp kết hợp với những kỹ năng phân tích và tư duy tốt, dễ dàng thích ứng với các điều kiện thay đổi của thị trường và ở các môi trường khác nhau. Tuy nhiên, cựu sinh viên ngành KTPT cũng cần bổ sung thêm những kỹ năng thực tế theo nhu cầu tại doanh nghiệp.

Hàng năm, Trường tổ chức hội nghị viên chức và người lao động từ cấp đơn vị cơ sở tới cấp Trường, qua đó tiếp nhận các ý kiến phản hồi của giảng viên, cán bộ quản lý về các hoạt động đào tạo của Nhà trường và của Khoa [Tài liệu Hội nghị đại biểu viên chức, người lao động giai đoạn 2016-2020].

Đánh giá của giảng viên về Chương trình đào tạo ngành KTPT được tiếp cận trên ba phương diện: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, mô tả chương trình đào tạo và cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo. Ý kiến của giảng viên được thể sau [**BIÊN BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN TẠI TỌA ĐÀM** CÁC NĂM 2018, 2019]. Khoa nên làm việc với các khoa khác dạy các môn cho ngành để thống nhất trong cách tiếp cận, đảm bảo các môn học đều thực hiện tốt phân nhiệm của mình và hướng tới thực hiện mục tiêu đào tại, góp phần đạt chuẩn đầu ra

- Khoa nên đề xuất với trường trong việc thống nhất cách đánh giá, học phần, đặc biệt là cách thi cuối kỳ cho phù hợp đặc thù của từng môn

- Khoa nên đề xuất với trường cho việc tập huấn giáo viên trong xây dựng CTĐT

Khoa KH&PT đã tiến hành tham vấn ý kiến nhà tuyển dụng. Theo kết quả nhận được, các nhà tuyển dụng đánh giá cao chất lượng đào tạo tại ngành KTPT của Trường, đồng thời đề xuất ý kiến về việc cập nhật các kiến thức và kỹ năng mới trong thời đại số và công nghiệp 4.0 nên được trang bị cho sinh viên [ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO][Phiếu khảo sát sự hài lòng của nhà tuyển dụng].

**Bảng 11. - Kết quả khảo sát đánh giá của nhà tuyển dụng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Tiêu chí** | **Tỷ lệ nhà tuyển dụng đồng ý và hoàn toàn đồng ý (%)** | **Điểm đánh giá trung bình** |
|  | Đánh giá kiến thức của sinh viên tốt nghiệp ngành KTPT – Khoa KH&PTđang làm việc tại doanh nghiệp | | |
| 1 | Sinh viên tốt nghiệp đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức liên quan tới lý thuyết | 89 | 4,15 |
| 2 | Sinh viên tốt nghiệp có khả năng vận dụng lý thuyết về lĩnh vực phát triển hoặc lập kế hoạch tại doanh nghiệp | 90 | 4,37 |
| 3 | Sinh viên tốt nghiệp có khả năng vận dụng lý thuyết vào tổ chức hoạt động tại doanh nghiệp | 86 | 4,09 |
| 4 | Sinh viên tốt nghiệp có khả năng vận dụng lý thuyết vào kiểm tra, giám sát hoạt động tại doanh nghiệp | 93 | 4,45 |
| 5 | Sinh viên tốt nghiệp có khả năng phân tích, đánh giá ở cấp độ từ vĩ mô tới thị trường, ngành và doanh nghiệp | 95 | 4,6 |
| 6 | Sinh viên tốt nghiệp có khả năng vận dụng tốt các công cụ trong lĩnh vực phát triển trong hoạt động tại doanh nghiệp | 88 | 4,36 |
|  | Đánh giá kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế (Chuyên ngành KTPT) đang làm việc tại doanh nghiệp/tổ chức | | |
| 7 | Sinh viên tốt nghiệp có khả năng sử dụng các phần mềm thông dụng trong quản trị kinh doanh và phân tích dữ liệu | 85 | 4,16 |
| 8 | Sinh viên tốt nghiệp có khả năng nghiên cứu, phân tích tổng hợp | 94 | 4,72 |
|  | Đánh giá mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế (Chuyên ngành KTPT) đang làm việc tại doanh nghiệp/tổ chức | | |
| 9 | Sinh viên tốt nghiệp có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tôn trọng và chấp hành kỷ luật, tự giác trong công việc | 97 | 4,74 |
| 1 | Sinh viên tốt nghiệp có năng lực dẫn dắt trong lĩnh vực chuyên môn | 92 | 4,49 |
| 1 | Sinh viên tốt nghiệp có khả năng thích nghi với môi trường làm việc | 84 | 4,01 |
| 1 | Sinh viên tốt nghiệp có năng lực tổ chức, điều phối, phát huy năng lực của nhóm làm việc | 86 | 4,21 |
| Mức độ hài lòng chung | | | |
| 1 | Doanh nghiệp hài lòng với việc tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp ngành sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế (Chuyên ngành KTPT) đang làm việc tại doanh nghiệp/tổ chức | 93 | 4,39 |

Kết quả khảo sát nhà tuyển dụng cho thấy các nhà tuyển dụng đánh giá cao các kiến thức được trang bị và khả năng sử dụng các công cụ phân tích và hỗ trợ, khả năng làm việc nhóm và giao tiếp, các nhà tuyển dụng đánh giá cao chất lượng đào tạo tại ngành KTPT của Trường. Các nhà tuyển dụng đánh giá tương đối cao khả năng thích ứng của sinh viên tốt nghiệp Ngành KTPT, Trường ĐHKTQD. Tuy nhiên, các nhà tuyển dụng đề xuất ý kiến về việc cập nhật các kiến thức và kỹ năng mới trong thời đại số nên được trang bị cho sinh viên. Nhìn chung, nhà tuyển dụng, hài lòng với chất lượng đào tạo cử nhân KTPT.

Theo đánh giá chung, cựu sinh viên của ngành KTPT năng động, sáng tạo và có tư duy tốt, bao quát. Khi được giao những nhiệm vụ mới, cựu sinh viên ngành KTPT luôn chủ động học hỏi, tìm hiểu và xử lý vấn đề mới một cách hiệu quả.

Theo Ông Cao Viết Sinh, nguyên thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, “... Cử nhân KTPT có chuyên môn thích hợp làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước, nơi đòi hỏi việc ra quyết định có căn cứ, mang tính tổng hợp và liên ngành. Cơ quan bộ luôn ưu tiên tuyển dụng những sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành này”. [ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO].

Trên cơ sở phân tích kết quả phản hồi của các bên liên quan trong quá trình đào tạo, các biện pháp đầu tư nâng cao chất lượng đào tạo, cải thiện chất lượng dịch vụ hỗ trợ đào tạo của Trường đã được ban hành và thực hiện.

1. **Điểm mạnh**

Nhà trường và Khoa đã có bộ phận đảm nhiệm hoạt động khảo sát sự hài lòng từ sinh viên, giảng viên, cán bộ quản lý và người sử dụng lao động. Các hoạt động này đã được quy trình hóa với các công cụ và phương pháp thích hợp cùng với các công cụ giám sát khách quan việc khảo sát, thu thập thông tin phản hồi.

Nhà trường và Khoa đã tổ chức khai thác thông tin về sự hài lòng của sinh viên, giảng viên, cán bộ quản lý và người sử dụng lao động

1. **Điểm tồn tại**

Chưa có hệ thống thường xuyên thu thập thông tin về phản hồi của các bên liên quan và chưa được số hóa để tạo thuận lợi cho việc tổ chức xử lý, khai thác và sử dụng cũng như thực hiện việc đối sánh, làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo và phục vụ cho các mục đích chung của Trường và Khoa.

1. **Kế hoạch hành động**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Hoàn thiện phương pháp khảo sát | Từ năm học 2021 - 2022, Nhà trường và Khoa tiến hành hoàn thiện phương thức khảo sát, thu thập thông tin phản hồi bằng việc đưa vào vận hành phần mềm khảo sát trực tuyến để cập nhật thường xuyên những phản hồi từ các bên liên quan, đặc biệt là các phản hồi từ phía nhà tuyển dụng. | Khoa KH&PT, Phòng CTCT&QLSV, Trung tâm Tư vấn hướng nghiệp và việc làm | 2021-2022 | ……. |
| 2 | Tăng cường thu thập và đánh giá thông tin về sự hài lòng của các bên | Từ năm học 2021 – 2022, Trường và Khoa tiếp tục duy trì các hoạt động thu thập thông tin phản hồi, khảo sát đánh giá sự hài lòng của SV, giảng viên, cán bộ quản lý và người sử dụng lao động, khai thác tốt hơn các thông tin nhằm duy trì và nâng cao sự hài lòng của các đối tượng liên quan. | …Trường ĐHKTQD (Phòng QLKH, phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục); Khoa KH&PT | 2021-2022 | ……. |

1. **Tự đánh giá**: **Đạt 5/7**

***Kết luận về tiêu chuẩn 11***

Kết quả đầu ra của chương trình đào tạo ngành KTPT được được đánh giá khá cao. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đạt mức cao. Tỷ lệ sinh viên thôi học rất thấp trong đó phần nhiều xuất phát từ những lý do khách quan và những lý do từ chính bản thân sinh viên. Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên hợp lý. Tỷ lệ sinh viên có việc làm cao, có rất nhiều sinh viên có việc làm ngay từ khi còn chưa tốt nghiệp. Số lượng sinh viên tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học và các cuộc thi khá cao. Các bên liên quan khá hài lòng với chất lượng của chương trình đào tạo. Tất các tiêu chí trên đều đạt mức 5,6 của thang đánh giá. Mặc dù vậy, vẫn còn một số tồn tại cần được khắc

# PHẦN III: KẾT LUẬN

## 1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT

(1). Mục tiêu của CTĐT ngành KTPT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐH.KTQD, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học. Tính rõ ràng của mục tiêu thể hiện ở 6 thành tố: (i) phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; (ii) khối kiến thức cơ bản mà sinh viên được trang bị; (iii) kiến thức chuyên sâu về quản lý hoạt động phát triển ở các cấp và tổ chức, đơn vị; (iv) thực hành tốt kỹ năng nghề nghiệp cần thiết theo nhu cầu thị trường lao động; (v) khả năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ và các kỹ năng mềm cần thiết; (vi) hướng đến mục tiêu quốc tế hoá và hội nhập sâu vào nền kinh tế toàn cầu. Mục tiêu CTĐT ngành KTPT thống nhất và hướng đến đạt được Sứ mạng và Tầm nhìn của Trường về cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao; trở thành trường có uy tín được xếp hạng cao trong nước và quốc tế. Mục tiêu của Chương trình cũng phù hợp với Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học và các văn bản hướng dẫn của nhà nước thể hiện ở bảng đối sánh 1.1 và 1.2

Mục tiêu của Chương trình không ngừng được hoàn thiện. Mục tiêu CTĐT ngành KTPT đã trải qua nhiều lần điều chỉnh sau khi tiếp thu ý kiến phản hồi từ phía giáo viên, sinh viên, cựu sinh viên và người quản lý chương trình đào tạo tại các buổi toạ đàm.

Mục tiêu Chương trình đã khẳng định tính ưu việt của Chương trình là khả năng giải quyết vấn đề một cách tổng hợp dựa trên một tư duy mở, linh hoạt thích ứng với sự biến động của bối cảnh toàn cầu. Ngoài ra, mục tiêu đã thể hiện được tính hiện đại, hội nhập quốc tế khi đặt nhiệm vụ đào tạo trong định hướng phát triển bền vững và bao trùm

CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, đảm bảo những yêu cầu cơ bản của Luật Giáo dục cũng như yêu cầu Bậc 6 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam. CĐR của Chương trình có sự khớp nối rõ ràng với mục tiêu CTĐT, rõ ràng về khả năng đo lường và đánh giá được. Vì vậy, CĐR của CTĐT ngành KTPT đáp ứng đầy đủ các yêu cầu phát triển toàn diện người học, giúp người học thích nghi tốt với các môi trường làm việc đa dạng, đa văn hoá, có áp lực cao và hướng đến hội nhập quốc tế sau khi hoàn thành chương trình học. CĐR của CTĐT ngành KTPT cũng thể hiện được tính tiên phong của đơn vị đào tạo, tầm nhìn, vị thế của cơ sở đào tạo. CĐR của CTĐT cũng phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai. Theo đó, CĐR của ngành KTPT được xây dựng dựa trên sự tham gia của các bên liên quan (giảng viên, người sử dụng lao động, cựu sinh viên...).

(2) Các thông tin trong Bản mô tả CTĐT ngành KTPT được công bố rõ ràng, đầy đủ và tường minh để các bên liên quan đánh giá được chất lượng đào tạo ngành KTPT của Trường ĐH KTQD; giúp học sinh hiểu được sự phù hợp của ngành đào tạo với sở thích và nguyện vọng của bản thân, và đối sánh được chương trình của Trường và các cơ sở đào tạo khác, từ đó có lựa chọn chính xác về cơ sở đào tạo mà sinh viên muốn theo học; giúp sinh viên đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học. Bản mô tả chương trình đào tạo được công bố công khai và dễ tiếp cận. Bản mô tả CTĐT ngành KTPT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo, nghiên cứu trong nước và trên thế giới về lĩnh vực phát triển. Quá trình bổ sung, điều chỉnh của Khoa dựa trên nhiều nguồn ý kiến đóng góp, xây dựng của hội đồng khoa, cựu sinh viên, giảng viên, các đơn vị tuyển dụng, các nhà khoa học. Việc lấy ý kiến của nhà tuyển dụng, của cựu sinh viên để bổ sung, điều chỉnh và cập nhật bản mô tả CTĐT đã được thực hiện theo đúng quy định về thời gian và các thông tin cần thiết phục vụ chỉnh sửa, bổ sung CTĐT và ĐCHP.

ĐCHP được chuẩn hóa theo quy định của Bộ GD&ĐT và Trường ĐH KTQD. ĐCHP phần bám sát CĐR của CTĐT và CĐR của các học phần như đã được phân nhiệm. Theo CTĐT, hầu hết các ĐCHP đều có hệ thống học liệu bằng tiếng Việt để sinh viên có thể khảo cứu dễ dàng, bên cạnh đó có tham khảo các sách chuyên ngành bằng tiếng Anh để đảm bảo tính cập nhật.

(3) CTDH ngành KTPT được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT ngành KTPT; có mục tiêu cụ thể, rõ ràng logic, có tính hệ thống, có cấu trúc hợp lý, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Đề cương từng học phần đều thể hiện sự gắn kết giữa phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học với chuẩn đầu ra. Cấu trúc chương trình dạy học chú trọng cả bề rộng lẫn chiều sâu; các học phần luôn được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung theo hướng tích hợp, cập nhật xu hướng đào tạo của các trường đại học uy tín trên thế giới, do đó trợ giúp sinh viên tốt hơn trong việc đạt được kết quả đầu ra.

(4) Mục tiêu giáo dục của Trường được văn bản hóa, được nhà trường tuyên bố rõ ràng và được phổ biến rộng rãi tới tất cả các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau. Các hoạt động giảng dạy và học tập của CTĐT được xây dựng đa dạng, linh hoạt để đạt CĐR của học phần và CTĐT. Các hoạt động dạy học có sự kết hợp giữa mô hình giảng dạy trực tiếp và mô hình giảng dạy trực tuyến có sử dụng phần mềm LMS và MS Teams. Các hoạt động dạy và học trong CTĐT ngành KTPT đã tạo điều kiện cho NH rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

(5) Nhà trường có các quy định rõ ràng về hình thức, kế hoạch, tiêu chí đánh giá kết quả học tập theo các CĐR của CTĐT và của từng học phần. Tất cả quy định này đều được phổ biến và công khai đến sinh viên. Quy trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên được xây dựng bám sát theo các yêu cầu về CĐR đối với kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của chương trình đào tạo. Các phương pháp đánh giá được thiết kế phù hợp để có khả năng đo lường được mức độ đạt các CĐR. Quy trình đánh giá kết quả học tập của người học rõ ràng và được công khai tới tất cả người học. Các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập người học của Khoa đảm bảo đa dạng, nghiêm túc, theo đúng quy trình, đảm bảo sự khách quan, chính xác, công bằng. KQHT của người học được thông báo kịp thời, đúng quy định và được lưu trữ đầy đủ dưới nhiều hình thức khác nhau đảm bảo chính xác, an toàn và hạn chế được sai sót trong quá trình cung cấp KQHT. Các quy định, quy trình giải quyết khiếu nại kết quả học tập đầy đủ rõ ràng và thông tin rộng rãi, công khai cho người học. Người học dễ dàng phản ánh các khiếu nại về kết quả học tập, nhất là khi có bộ phận một cửa, hơn nữa số NH khiếu nại về kết quả học tập ít và các khiếu nại được giải quyết kịp thời, thoả đáng.

(6) Đã có các quy định cụ thể, rõ ràng: về đánh giá nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng cũng như khả năng đáp ứng hiện tại của Khoa; quy định cụ thể trong giám sát và đo lường tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên; quy định cụ thể xác định tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn giảng viên; quy định xác định năng lực đội ngũ giảng viên; quản trị kết quả công việc của giảng viên. Đội ngũ giảng viên của Khoa có năng lực cao, đáp ứng tối khối lượng công việc giảng dạy, NCKH và hỗ trợ cộng đồng. Giảng viên Khoa càng ngày càng có nhiều cơ hội tham gia vào các chương trinh đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn, đặc biệt cả việc học tập và đào tạo ở nước ngoài. Giảng viên Khoa cũng luôn hoàn thành rất tốt nhiệm vụ.

(7) Về đội ngũ: Quy trình rõ ràng, kế hoạch, quy hoạch được thực hiện thường xuyên giúp đảm bảo có một đội ngũ cán bộ hỗ trợ đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để hỗ trợ người học một cách hiệu quả. Đội ngũ cán bộ hỗ trợ người học được bố trí theo đơn vị chức năng một cách hợp lý, hoạt động hiệu quả, linh hoạt và không làm tăng định biên về đội ngũ cán bộ hành chính..Đội ngũ hỗ trợ đều nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm với công việc và tích cực giải đáp thắc mắc, hỗ trợ người người học thông qua các kênh

Hoạt động đánh giá nhân viên được tổ chức triển khai một cách công bằng, dân chủ, công khai và đúng quy định của Trường. Cơ chế theo dõi, đánh giá chặt chẽ Đội ngũ chuyên viên của Khoa/Viện có trình độ chuyên môn cao, thái độ tích cực trong hỗ trợ người học, đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo. Đội ngũ chuyên viên của Khoa KH&PT có trình độ chuyên môn tốt, có trên 5 năm thâm niên công tác; nhiệt tình hỗ trợ người học, đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo. Việc tổ chức đánh giá nhân viên được thực hiện định kỳ với các tiêu chí đánh giá cụ thể, rõ ràng, có tác dụng khuyến khích CBVC phát triển năng lực.

(8) Với các thông tin tuyển sinh rõ ràng, chính xác và liên tục cập nhật ngành KTPT (Khoa KH&PT) hàng năm luôn tuyển sinh được đúng chỉ tiêu mong muốn đào tạo và có nhiều sinh viên có lực học và năng lực xã hội tốt. Hiện nay, chất lượng đào tạo nguồn nhân lực của ngành KTPT (khoa KH&PT) được xã hội đánh giá cao nên các sinh viên chương trình KTPT được nhiều doanh nghiệp tuyển dụng. Một số doanh nghiệp chủ động kết nối với Khoa để tuyển dụng sinh viên.

Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp giảng viên, cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học

(9) Số lượng phòng làm việc, phòng học, phòng hội thảo, phòng chức năng hiện có với các trang thiết bị đầu tư mới, hệ thống máy móc đã đáp ứng tốt cho công tác đào tạo, NCKH,... của Nhà trường nói chung và ngành KTPT nói riêng

Nguồn tài liệu Trung tâm Thông tin-Thư viện của NEU phong phú về thể loại, đầy đủ về số lượng, đa dạng về loại hình, đáp ứng tốt nhu cầu tham khảo tài liệu của GV, SV toàn Trường nói chung và của Khoa KH&PT nói riêng. Nguồn học liệu cũng như cơ sở dữ liệu trực tuyến được cập nhật liên tục. Cơ sở vật chất của Thư viện đáp ứng tốt nhu cầu của bạn đọc với hệ phòng phục vụ rộng rãi, mát mẻ, đủ chỗ ngồi, hệ thống tra cứu, đường truyền có sự ổn định. Thư viện đã có các quy định hướng dẫn người đọc rõ ràng, đầy đủ, nhân viên có sự hướng dẫn hiệu quả nhiệt tình

(10). Nhà trường và Khoa đã xây dựng được hệ thống thu thập thông tin phản hồi trong đó có đầy đủ các bên liên quan của chương trình bằng nhiều hình thức và kênh đa dạng. Thông tin phản hồi được thu thập thường xuyên và định kỳ, xử lý và sử dụng để xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo.

Hướng dẫn về đánh giá hoạt động giảng dạy của GV khi kết thúc môn học được quy định rõ ràng. Việc rà soát và đánh giá quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học thông qua khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học được thực hiện thường xuyên, định kỳ, một cách hệ thống trên quy mô toàn Trường. Dữ liệu khảo sát được thu thập, phân tích, đánh giá, báo cáo, thông báo cho các bên liên quan và lưu trữ khá hệ thống phục vụ công tác cải tiến chất lượng.

(11) Khoa KH&PT đã triển khai thường xuyên và định kỳ các buổi làm việc giữa CVHT với SV để thông báo kế hoạch và thực trạng các vấn đề SV gặp phải ở từng lớp. Các Cố vấn học tập, trợ lý Khoa luôn cập nhật tình hình SV thông qua những buổi sinh hoạt lớp, qua đó có những báo cáo kịp thời lên Ban Chủ nhiệm Khoa để có những hướng giải quyết phù hợp khi có tình hình phát sinh. Nhiều kênh liên lạc được sử dụng và phát huy hiệu quả.

Khoa KH&PT cũng tiến hành giải đáp thắc mắc của sinh viên sắp tốt nghiệp và hướng dẫn các nơi thực tập cho sinh viên nhằm rút ngắn thời gian tìm kiếm nơi thực tập, tìm hiểu, nắm bắt thông tin các SV đang bảo lưu, chậm tiến độ để hỗ trợ.

## 2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đền cần cải tiến chất lượng của CTĐT ở cơ sở giáo dục

(1) Mục tiêu của CTĐT chưa làm rõ được kỳ vọng đạt tới sự vượt trội về chất lượng đào tạo, chưa làm rõ yêu cầu cập nhật kỹ năng cần thiết về KTPT trong bối cảnh CMCN 4.0, cũng như tính chất đa ngành, liên ngành của KTPT hiện đại.

CĐR của CTĐT ngành KTPT chưa sử dụng thống nhất thang đo về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm mà hiện vẫn đang sử dụng các thang đo với các mức độ khác nhau. CĐR của CTĐT ngành KTPT cũng chưa tách bạch rõ những năng lực chuyên biệt dành cho người học mong muốn làm việc trong các bộ phận khác nhau của các cơ quan, doanh nghiệp hay năng lực dành cho những người muốn tự khởi nghiệp hoặc điều hành các tổ chức phát triển của riêng mình.

(2) Bản mô tả CTĐT còn thiếu một số thông tin như kết quả học tập dự kiến, chứng nhận kiểm định GDĐT. Một số DCHP hiện còn sử dụng tài liệu, giáo trình bằng tiếng Anh hoặc của các cơ sở đào tạo khác và các tài liệu này hoặc chỉ có tư liệu cá nhân của thầy/cô giảng dạy, tủ sách của Bộ môn mà chưa có dữ liệu trên Thư viện;

(3) Một số học phần của CTDH chưa thực sự hấp dẫn sinh viên, dẫn tới tình trạng một số sinh viên chưa tập trung cho việc học tập. Việc xác định mức độ năng lực người học cần đạt ở các mục tiêu chi tiết học phần (CĐR của học phần – CLOs) chưa thật gắn chặt với tiến trình đào tạo để đảm bảo trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng từ nông đến sâu. Một số học phần ở năm đầu còn mang tính lý thuyết khiến sinh viên chưa thực sự cảm thấy hấp dẫn với chương trình học. Việc lấy ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp và các đơn vị sử dụng lao động giúp cho việc điều chỉnh CTDH ngành KTPT được thực hiện chưa liên tục và đều đặn. Do đó, tính cập nhật của CTDH ngành KTPT còn một số hạn chế trong việc đáp ứng nhu cầu thực tế về nguồn nhân lực.

(4) Các kênh truyền thông của Khoa còn hạn chế, chưa khai thác tốt mạng lưới cựu sinh viên trong việc truyền thông triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Trường, của Khoa và góp ý cho CTĐT ngành KTPT. Việc kết hợp các phương pháp dạy học nhằm khuyến khích SV tự học, tự nghiên cứu cũng như NCKH còn hạn chế,

(5) Việc thiết kế phương pháp đánh giá cho một số học phần chưa đánh giá được các CĐR một cách toàn diện. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH khác nhau với các học phần nên khó khăn cho sinh viên trong việc nắm bắt và thực hiện. Đồng thời, các kênh quảng bá các nội dung này còn hạn chế, Website được thiết kế chưa thân thiện với người dùng, do đó số lượng truy cập vào website của NH để xem và tìm hiểu các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học còn hạn chế. Khoa mới chỉ phân tích kết quả thi các học phần do Khoa phụ trách. Ngoài ra, công tác phân tích kết quả thi đánh giá SV còn chậm nên việc điều chỉnh phương pháp dạy-học, kiểm tra đánh giá còn chậm. Sinh viên chưa được lấy ý kiến, hoặc có kênh chính thức để phản hồi về việc công bố kết quả học tập, và mức độ hài lòng của người học về cách thức, thời gian công bố kết quả học tập một cách thường xuyên.

(6) Cơ chế tuyển dụng còn thiếu linh hoạt, chưa có các cơ chế đặc biệt nhằm tạo điều kiện thu hút nhân tài cho các trường hợp như giảng viên thỉnh giảng, giảng viên người nước ngoài hay các chuyên gia tham gia hỗ trợ giảng dạy theo các chuyên đề. Đề án vị trí việc làm mới chỉ đang được thử nghiệm và chưa đi vào hoạt động chính thức. Khả năng đưa ra các điều kiện cạnh tranh, hấp dẫn để thu hút các giảng viên, chuyên gia xuất sắc còn nhiều hạn chế. Còn bộ phận giảng viên chưa thực sự tiếp cận được với các cơ hội đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn, đặc biệt là việc học tập ở nước ngoài.

Các quy định cụ thể chưa được cập nhật đầy đủ cho phù hợp với Chiến lược phát triển và Kế hoạch riêng của Khoa, Bộ môn trong từng vị trí tuyển dụng. Các tiêu chí đánh giá ít được điều chỉnh và cập nhật phù hợp với những sự thay đổi trong Chiến lược phát triển và các kế hoạch dài hạn của Khoa và của Trường ĐH KTQD.

Quy định cho các hoạt động ngoài giảng dạy và NCKH còn chưa đầy đủ. Kết quả đánh giá chưa được phân tích triệt để và sử dụng trong việc cải tiến chất lượng công việc. Việc giám sát hoạt động NCKH thông qua phần mềm tin học chưa hoàn thiện nên còn nhiều khó khăn trong việc truy cập, cập nhật và truy xuất thông tin. Các kết quả giảm sát chưa được so sánh và sử dụng triệt để trong việc cải tiến chất lượng nghiên cứu đối với giảng viên, nghiên cứu viên

(7) Đội ngũ cán bộ hỗ trợ người học vẫn còn một vài chưa đủ năng lực, nhanh nhạy cập nhật công nghệ nên đôi khi khó khăn trong việc cập nhật thông tin từ phía người học. Trình độ tiếng Anh của đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ của Trường, Khoa/Viện cần được cải thiện, đặc biệt trong bối cảnh quốc tế hóa giáo dục đang được đẩy mạnh.

Hệ thống đánh giá khen thưởng đều dựa vào các văn bản hướng dẫn của cấp trên, các chỉ tiêu khen thưởng đều có hạn mức. Do vậy, chưa thật sự khuyến thích đối với những cá nhân có nhiều đóng góp, chưa tính đến tính chất và điều kiện đặc thù của từng vị trí công việc, chưa định lượng nên chưa ghi nhận

(8) Hiện nay do nhu cầu học ngành KTPT trong xã hội cao, tuy nhiên khoa KH&PT cũng như chương trình KTPT chưa tổ chức về từng trường phổ thông để cung cấp thông tin tuyển sinh cho các em và phụ huynh. Chính sách tuyển sinh chưa có sự tham gia góp ý rộng rãi, thường xuyên của các bên liên quan, đặc biệt là từ phía đơn vị sử dụng lao động, phụ huynh, cựu sinh viên.

(9) Trang thiết bị đôi khi còn hỏng, hoạt động chưa ổn định. Việc bố trí lịch học của các lớp đôi khi chưa phù hợp với quy mô các lớp.

Việc lấy ý kiến phản hồi từ bạn đọc về thư viện còn chưa được tiến hành với quy mô rộng. Công tác liên kết, mở rộng quan hệ hợp tác với các cơ quan Thông tin - Thư viện, các tổ chức quốc tế, các NXB chưa được phát triển mạnh. Lịch mở cửa của thư viện chưa đáp ứng được nhu cầu người đọc

(10) Trường chưa có hệ thống văn bản qui định và hướng dẫn cụ thể cho các đơn vị triển khai thực hiện công tác lấy ý kiến của các bên liên quan trong quá trình thiết kế và phát triển CTDH, việc nghiên cứu và thu thập ý kiến đóng góp trong thiết kế chương trình do đơn vị tự xây dựng và triển khai, không mang tính hệ thống dẫn đến kém hiệu quả.

Việc rà soát và đánh giá quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học chưa chú trọng đến các chuẩn đầu ra về kỹ năng mềm của người học. Chưa thường xuyên thực hiện quy trình lấy ý kiến phản hồi cụ thể của giảng viên, người học và các bên liên quan về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học của CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

(11) Các hoạt động trao đổi thông tin giữa Khoa với SV và Khoa với các Nhà trường đôi khi còn bị động. Thông tin của cố vấn hoc tập và trợ lý khoa chưa cụ thể khiến SV gặp khó khăn trong việc nắm bắt thông tin và hướng giải quyết. Thông tin từ phía nhà trường cập nhật, thay đổi liên tục khiến CVHT và Trợ lý khoa nhiều khi còn gặp lúng túng.

## 3. Kế hoạch cải tiến chất lượng đào tạo và CTĐT

Trên cơ sở nhận dạng các điểm tồn tại, Khoa KH&PT và Trường ĐH.KTQD đã xác định và lập kế hoạch để cải thiện vấn đề, cải tiến chất lượng và CTĐT, có thể tóm tắt như sau:

(1) Về CĐR: Tiếp tục điều chỉnh mục tiêu CTĐT theo hướng quốc tế hoá mạnh mẽ hơn. Mục tiêu này sẽ được thực hiện thông qua việc Khoa tiếp tục rà soát Mục tiêu CTĐT một cách toàn diện trên cơ sở tham vấn rộng rãi hơn với các đơn vị sử dụng lao động, trong đó tăng thêm đại diện của các tổ chức quốc tế tại Việt Nam và/hoặc các tổ chức trong nước có nhiều mối quan hệ với tổ chức quốc tế để có thể nắm bắt kịp thời xu hướng thay đổi quốc tế trong lĩnh vực KTPT. Đảm bảo CĐR Cử nhân đại học ngành KTPT có sự góp ý rộng rãi nhất của các đơn vị đang sử dụng sinh viên tốt nghiệp của ngành, các bên liên quan khác trước bằng cách hình thức đa dạng, phong phú hơn

(2).Về CTĐT: Thống nhất thang đo và các mức độ đạt được giữa các nhóm kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Tiếp tục rà soát để đảm bảo tính khớp nối và phù hợp cao nhất giữa mục tiêu CTĐT và các CĐR, cũng như làm rõ thêm những CĐR chuyên biệt trong bối cảnh mới. Khoa KH&PT tiến hành rà soát, bổ sung thông tin về Kết quả học tập dự kiến vào Bản mô tả CTĐT sẽ được cập nhật phục vụ cho khóa đào tạo cử nhân KTPT tuyển sinh năm 2021. Bên cạnh đó, Khoa vẫn tiếp tục tham vấn các bên liên quan để đảm bảo xây dựng CTĐT bắt kịp với sự thay đổi của các kiến thức trong lĩnh vực phát triển trên thế giới, đáp ứng CĐR mà thị trường lao động cần ở các cán bộ làm công tác liên quan đến lĩnh vực phát triển, của cả các cơ quan quản lý, các loại hình kinh tế trong nước và các tổ chức quốc tế.

Khoa KH&PT sẽ tiếp tục hoàn thiện Bản Mô tả CTĐT bằng cách bổ sung kết quả học tập kỳ vọng; triển khai hoạt động viết giáo trình các học phần hiện đang chưa có giáo trình của trường, cập nhận tài liệu (bằng cả bản in và bản mềm) trên Thư viện nhà trường; đề nghị cho phép đăng tải hệ thống ĐCHPtổng quát trên các trang web và có hệ thống chỉ dẫn tìm kiếm thông tin rõ ràng hơn.

(3). Khoa sẽ tiến hành rà soát, điều chỉnh mô tả các học phần do Khoa phụ trách, trong đó tập trung cập nhật về nội dung dạy học, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá các học phần gắn với thực hiện CĐR nhằm đảm bảo tích hợp kiến thức, nâng cao kỹ năng cho sinh viên. Ngoài ra, Khoa đẩy mạnh hơn nữa quan hệ hợp tác với các cơ quan và doanh nghiệp trong đào tạo, sắp xếp kế hoạch mời cơ quan thực tế và doanh nghiệp về chia sẻ với sinh viên nhằm nâng cao kỹ năng thực hành nghề nghiệp cho sinh viên ngành KTPT.

Khoa KH&PT cũng sẽ đẩy mạnh việc tham khảo các chương trình đào tạo tiên tiến trên thế giới và huy động sự tham gia của các bên liên quan, nhất là cựu sinh viên và tổ chức và doanh nghiệp, nhằm mở rộng các nội dung gắn với công nghệ số và môi trường kinh doanh trong CMCN 4.0, cập nhật nội dung, phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá đối với các học phần thuộc Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp để theo sát những thay đổi trong yêu cầu từ thị trường lao động.

Đồng thời Khoa KH&PT sẽ phối hợp với các khoa viện khác có liên quan rà soát lại toàn bộ hệ thống đề cương, đối chiếu CĐR của học phần (CLOs) theo các nhóm CĐR của CTĐT, đảm bảo các CLOs phân bổ hợp lý theo các mục tiêu của CTĐT, cũng như các kết quả người học đạt được phù hợp với trình độ năng lực cần thiết theo CĐR của CTĐT. Điều chỉnh, cập nhật nội dung, phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá của ĐCCT các học phần sao cho logic với tiến trình đào tạo, đảm bảo trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng từ nông đến sâu, hướng đến đạt được CĐR của CTĐT ở mức tốt hơn.

Khoa tích cực đề xuất với Nhà trường đẩy mạnh việc thiết lập cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa các khoa/viện trong Trường để đảm bảo tính kế thừa, tích hợp và cập nhật các đề cương chi tiết học phần theo các nội dung trong CTDH của ngành KTPT. Khoa sẽ phối hợp chặt chẽ với Phòng công tác chính trị và quản lý sinh viên triển khai việc lấy ý kiến của người học, cựu sinh viên và các đơn vị sử dụng lao động qua 2 đợt vào tháng 12/2021 và tháng 6/2022 để làm căn cứ cho việc rà soát và cập nhật CTĐT trong lần rà soát định kỳ tiếp theo.

(4) Khoa sẽ tích cực tham gia các hoạt động truyền thông của Nhà trường. Khoa cũng sẽ xây dựng kế hoạch thu thập thông tin, ý kiến góp ý trên diện rộng của các bên liên quan theo nhiều hình thức. Đồng thời, Khoa sẽ tổ chức những buổi sinh hoạt khoa học trực tuyến, mời giảng viên của Trung tâm ứng dụng công nghệ thông tin hoặc các giảng viên được SV đánh giá cao trong giảng dạy đến chia sẻ các phương pháp, cách thức tổ chức lớp học phù hợp với điều kiện học tập trực tuyến. Khoa cũng sẽ xây dựng kế hoạch đầy đủ và chi tiết thực hiện hằng kỳ về khảo sát, đánh giá các hoạt động dạy và học phù hợp để đạt CĐR, bao gồm các tiêu chí về khảo sát đánh giá, thời gian thực hiện, đối tượng được khảo sát đánh giá, cách thức tổng hợp dữ liệu khảo sát, các khuyến nghị.

(5) Khoa sẽ tổ chức xây dựng Ma trận đề thi các môn cơ sở ngành dựa trên Ma trận CĐR của CTĐT. Tăng cường các kênh quảng bá nội dung về các quy định đánh giá kết quả học tập của NH, thường xuyên cập nhật trên website cấp II của Khoa để đăng tải các nội dung liên quan đến học tập, trong đó có các hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập trong tiến trình học. Khoa sẽ đề xuất với các bên liên quan của Trường trong việc thiết kế các trang web thân thiện với người học, trang LMS Thiết kế định dạng/format LMS tiêu chuẩn dùng chung của BM trong đó nội dung về đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế thân thiện với người sử dụng để từ đó khuyến khích giảng viên và người học tăng sự tương tác. Thể chế hóa việc sử dụng các tính năng của TEAMS và LMS trong việc đánh giá kết quả học tập.

(6) Đề đáp ứng yêu cầu đủ về số lượng, không ngừng nâng cao về chất lượng phục vụ cho mở rộng quy mô đào tạo của chương trình, từ năm học 2020-2021, Khoa sẽ xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên trong đó chủ trọng vào việc hỗ trợ và tạo điều kiện cho các giảng viên hoàn thành chương trình học Nghiên cứu sinh, đảm bảo 100% giảng viên của Khoa có trình độ Tiến sỹ. Ký kết hợp đồng để thu hút sự tham gia của các giảng viên nước ngoài, giảng viên thỉnh giảng, các chuyên gia là những nhà khoa học hàng đầu trong các lĩnh vực nghiên cứu.Phối hợp với các tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp trong việc chuyển giao kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm

Để đáp ứng yêu cầu đủ về số lượng, không ngừng nâng cao về chất lượng phục vụ cho mở rộng quy mô đào tạo của chương trình, từ năm học 2020-2021 cần đẩy mạnh triển khai đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên theo đề án vị trí việc làm. Đẩy mạnh đưa đề án vị trí việc làm vào triển khai thực hiện đồng bộ làm cơ sở cho việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển giảng viên phù hợp.

(7) Đề xuất nhà trường tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên trong công tác hỗ trợ người học thông qua việc tăng cường, khuyến khích các hoạt động bồi dưỡng đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên.

(8) Khoa phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo, Phòng CTCT&QLSV lấy ý kiến góp ý rộng rãi về chính sách tuyển sinh

(9) Đề xuất với nhà trường trong việc sử dụng hiệu quả phòng học và đáp ứng tốt hơn nhu cầu sử dụng thư viện thông qua khảo sát ý kiến của sinh viên, giảng viên và cán bộ thư viện; Tăng cường những đầu sách nước ngoài, đặc biệt là các sách mới xuất bản với các trình độ từ sơ cấp đến nâng cao, tăng cường quảng bá, giới thiệu và hướng dẫn chi tiết cụ thể để người đọc dễ dàng tiếp cận.

(10) Khoa tiến hành xây dựng mạng lưới nhà tuyển dụng liên kết để có hợp tác chặt chẽ hơn trong quá trình thiết kế và phát triển CTĐT, lập các bản ghi nhớ với các doanh nghiệp về việc phản hồi đối với chất lượng đào tạo của chương trình. Thường xuyên tổ chức Hội nghị trao đổi giữa khoa với nhà tuyển dụng, chuyên gia và cựu sinh viên để có những cải tiến trong công tác tổ chức đào tạo.

Việc tổ chức đánh giá chất lượng giảng dạy, đánh giá môn học và đánh giá chất lượng đào tạo sẽ được Khoa tiến hành chuyên nghiệp hơn. Tăng cường công tác thống kê, phân tích, thẩm định, báo cáo, lưu trữ dữ liệu khảo sát phục vụ công tác quản lý và xây dựng chính sách chất lượng.

(11) Chủ động tìm hiểu lý do học chậm/bảo lưu/thôi học của SV để có những tư vấn, hỗ trợ phù hợp. Tổ chức các buổi định hướng tốt hơn cho SV khi nhập học. Giám sát thường xuyên tình hình học tập của SV qua nhiều kênh thông tin. Tham khảo từ điểm yếu/mạnh từ các đơn vị, trường khác.

Đề xuất với trường hoàn thành các điều kiện chuẩn đầu ra, phổ biến cho sinh viên để đảm bảo tiến độ tốt nghiệp. Tạo các kênh trao đổi, liên lạc với sinh viên và các đơn vị chức năng trong trường để quá trình hỗ trợ hiệu quả hơn

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ   
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KTPT**

Tên cơ sở giáo dục: **TrườngĐHKTQD Mã**: **KHA**

Tên CTĐT: **KTPT Mã CTĐT**: **7340105**

| Tiêu chuẩn,  tiêu chí | Thang đánh giá | | | | | | | Tổng hợp  theo tiêu chuẩn | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chưa đạt | | | Đạt | | | | Mức trung bình | Số tiêu chí đạt | Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%) |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 1*** |  |  |  |  |  | **6** |  | **6** | **3** | **100%** |
| Tiêu chí 1.1 |  |  |  |  |  | 6 |  |
| Tiêu chí 1.2 |  |  |  |  |  | 6 |  |
| Tiêu chí 1.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 2*** |  |  |  |  |  | **6** |  | **6** | **3** | **100%** |
| Tiêu chí 2.1 |  |  |  |  |  | 6 |  |
| Tiêu chí 2.2 |  |  |  |  |  | 6 |  |
| Tiêu chí 2.3 |  |  |  |  |  | 6 |  |
| ***Tiêu chuẩn 3*** |  |  |  |  | **5** |  |  | **5** | **3** | **100%** |
| Tiêu chí 3.1 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 3.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 3.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 4*** |  |  |  |  | **5** |  |  | **5** | **3** | **100%** |
| Tiêu chí 4.1 |  |  |  | 4 |  |  |  |
| Tiêu chí 4.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 4.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 5*** |  |  |  |  | **5** |  |  | **5** | **5** | **100%** |
| Tiêu chí 5.1 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 5.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 5.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 5.4 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 5.5 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 6*** |  |  |  |  | **5** |  |  | **5** | **7** | **100%** |
| Tiêu chí 6.1 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 6.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 6.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 6.4 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 6.5 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 6.6 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 6.7 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 7*** |  |  |  |  | **5** |  |  |  | **5** | **100%** |
| Tiêu chí 7.1 |  |  |  |  |  | 6 |  |
| Tiêu chí 7.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 7.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 7.4 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 7.5 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 8*** |  |  |  |  | **5** |  |  |  | **5** | **100%** |
| Tiêu chí 8.1 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 8.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 8.3 |  |  |  |  |  | 6 |  |
| Tiêu chí 8.4 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 8.5 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 9*** |  |  |  |  |  | **6** |  | **6** | **5** | **100%** |
| Tiêu chí 9.1 |  |  |  |  |  | 6 |  |
| Tiêu chí 9.2 |  |  |  |  |  | 6 |  |
| Tiêu chí 9.3 |  |  |  |  |  | 6 |  |
| Tiêu chí 9.4 |  |  |  |  |  | 6 |  |
| Tiêu chí 9.5 |  |  |  |  |  | 6 |  |
| ***Tiêu chuẩn 10*** |  |  |  |  | **5** |  |  | **5** | **6** | **100%** |
| Tiêu chí 10.1 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 10.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 10.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 10.4 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 10.5 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 10.6 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 11*** |  |  |  |  | **5** |  |  | **5** | **5** | **100%** |
| Tiêu chí 11.1 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 11.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 11.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 11.4 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 11.5 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Đánh giá chung CTĐT | | | | | | | |  | 50 | 100% |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2021*  **HIỆU TRƯỞNG**  **PGS.TS. Phạm Hồng Chương** |